Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 5 [Pañcaka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN "NĂM" (Pañcaka-Nipāta)

ii • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. NHỮNG NĂNG LỰC CỦA HỌC NHÂN ..... 1 1 (1) Một Cách Ngắn Gọn 1

2 (2) Một Cách Chi Tiết 2

3 (3) Khổ 3

4 (4) Cứ Như Bị Đưa Thẳng Xuống Đó 4

5 (5) Sự Tu Tập 4

6 (6) Dính Vào..... 5

7 (7) Dục Lạc..... 6

8 (8) Bị Rớt Khỏi (1) 7

9 (9) Bị Rớt Khỏi (2) 7

10 (10) Vô Lễ 8

NHÓM 2. NHỮNG NĂNG LỰC ..... 8 11 (1) Chưa Từng Nghe Trước Đây 8

12 (2) Đỉnh (1) 9

13 (3) Một Cách Ngắn Gọn 9

14 (4) Một Cách Chi Tiết 10

15 (5) Được Nhìn Thấy..... 11

16 (6) Đỉnh (2) 12

17 (7) Phúc Lợi (1) 12

18 (8) Phúc Lợi (2) 13

19 (9) Phúc Lợi (3) 13

20 (10) Phúc Lợi (4) 13

NHÓM 3. VỚI NĂM CHI PHẦN ..... 14 21 (1) Vô Lễ (1) 14

22 (2) Vô Lễ (2) 15

23 (3) Những Ô Nhiễm 15

24 (4) Thiếu Giới Hạnh 18

25 (5) Được Trợ Giúp 19

26 (6) Sự Giải Thoát 20

27 (7) Định Tâm 22

28 (8) Với Năm Chi Phần 23

29 (9) Đi Thiền 27

30 (10) Ngài Nāgita 27

NHÓM 4. SUMANĀ ..... 29 31 (1) Công Chúa Sumanā 30

32 (2) Công Chúa Cundī 32

33 (3) Uggaha 35

34 (4) Tướng Quân Sīha..... 37

35 (5) Những Lợi Ích Của Sự Bố Thí..... 39

36 (6) Hợp Lúc 39

37 (7) Thức-ăn 40

38 (8) Niềm-tin 41

39 (9) Con Trai 42

40 (10) Những Cây Sa-La 42

NHÓM 5. VUA MUṆḌA ..... 43 41 (1) Sử Dụng 43

42 (2) Người Tốt 45

43 (3) Người Tốt 46

44 (4) Người Bố Thí Những Thứ Đáng Thích 48

45 (5) Những Dòng Phước Đức 50

46 (6) Những Thành Tựu 52

47 (7) Sự Giàu Có 52

48 (8) Những Tình Cảnh 53

49 (9) Kosala..... 56

50 (10) Ngài Nārada 57

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 61 NHÓM 1. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI ..... 61 51 (1) Những Trở Ngại 61

52 (2) Một Đống 62

53 (3) Những Yếu Tố 62

54 (4) Những Thời 63

55 (5) Mẹ Và Con 65

56 (6) Vị Thầy Hướng Dẫn 67

57 (7) Những Chủ Đề 69

58 (8) Thanh Niên Licchavi 73

59 (9) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (1) 75

60 (10) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (2) 76

NHÓM 2. NHỮNG NHẬN THỨC 76

61 (1) Những Nhận Thức (1) 76

62 (2) Những Nhận Thức (2) 76

63 (3) Tăng Trưởng (1)..... 77

64 (4) Tăng Trưởng (2)..... 77

65 (5) Đàm Đạo 78

66 (6) Sống Chung 78

67 (7) Những Cơ Sở Thần Thông (1) 79

68 (8) Những Cơ Sở Thần Thông (2) 79

69 (9) Sự Không Còn Mê Thích 80

70 (10) Sự Tiêu Diệt Những Ô Nhiễm 80

NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA TƯƠNG LAI ..... 81 71 (1) Sự Giải Thoát Của Tâm (1) 81

72 (2) Sự Giải Thoát Của Tâm (2) 82

73 (3) Người An Trú Trong Giáo Pháp (1) 83

74 (4) Người An Trú Trong Giáo Pháp (2) 85

75 (5) Những Chiến Binh (1) 86

76 (6) Những Chiến Binh (2) 91

77 (7) Những Hiểm Họa Tương Lai (1) 95

78 (8) Những Hiểm Họa Tương Lai (2) 97

79 (9) Những Hiểm Họa Tương Lai (3) 100

80 (10) Những Hiểm Họa Tương Lai (4) 102

NHÓM 4. NHỮNG TRƯỞNG LÃO ..... 104 81 (1) Kích Tham … 104

82 (2) Không Có Tham … 104

ix

83 (3) Người Mưu Mô … 105

84 (4) Không Có Niềm-tin … 106

85 (5) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng..... 106

86 (6) Những Trí-Biết Mang Tính Phân Tích 107

87 (7) Có Giới Hạnh 107

88 (8) Một Trưởng Lão 108

89 (9) Một Học Nhân (1) 110

90 (10) Học Nhân (2) 110

NHÓM 5. KAKUDHA ..... 113 91 (1) Những Thành Tựu (1) 113

92 (2) Những Thành Tựu (2) 113

93 (3) Những Tuyên Bố 113

94 (4) An Trú Thư Thái 113

95 (5) Sự Bất Lay Chuyển 114

96 (6) Những Điều Người Tu Đã Học Được 114

97 (7) Sự Đàm Đạo 115

98 (8) Người Sống Tu Trong Rừng 115

99 (9) Sư Tử 116

100 (10) Kakudha 116

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba] ..... 121 NHÓM 1. AN TRÚ THƯ THÁI ..... 121 101 (1) Sự Ngại Ngần 121

102 (2) Bị Nghi Ngờ 121

103 (3) Kẻ Trộm 122

104 (4) Tinh Tế 124

105 (5) Thư Thái 126

106 (6) Ānanda 126

107 (7) Giới Hạnh 128

108 (8) Người Vô Học Nhân 129

109 (9) Ở Nhà Trong Bốn Phương 129

110 (10) Trong Rừng Núi 130

NHÓM 2. ANDHAKAVINDA ..... 130 111 (1) Khách Của Các Gia Đình 130

112 (2) Một Tỳ Kheo Hầu Cận 131

113 (3) Sự Định Tâm 132

114 (4) Andhakavinda 132

115 (5) Keo Kiệt 133

116 (6) Khen 134

117 (7) Ghen Tỵ 134

118 (8) Cách Nhìn 135

119 (9) Lời Nói 136

120 (10) Nỗ Lực 136

NHÓM 3. BỆNH ..... 136 121 (1) Bệnh 136

122 (2) Sự Thiết Lập Chánh Niệm 137

123 (3) Một Người Chăm Sóc (1) 137

124 (4) Một Người Chăm Sóc (2) 138

125 (5) Sức Sống (1) 139

126 (6) Sức Sống (2) 139

127 (7) Sống Tách Riêng 140

128 (8) Hạnh Phúc Của Tu Sĩ..... 140

129 (9) Những Vết Thương 141

130 (10) Những Thành Tựu 141

NHÓM 4. VUA ..... 142 131 (1) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (1) 142

132 (2) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (2) 143

133 (3) Vị Vua 143

134 (4) Dù Ở Phương Nào 144

135 (5) Khao khát (1) 146

136 (6) Khao khát (2) 148

137 (7) Ít Ngủ 149

138 (8) Người Tiêu Tốn Thức Ăn 149

139 (9) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng 150

140 (10) Người Lắng Nghe 153

NHÓM 5. TIKAṆḌAKĪ ..... 156 141 (1) Cho Rồi Khinh 156

142 (2) Người Vi Phạm 157

143 (3) Sārandada 158

144 (4) Tikaṇḍakī 159

145 (5) Địa Ngục 161

146 (6) Bạn 162

147 (7) Một Người Xấu 162

148 (8) Một Người Tốt 163

149 (9) Được Giải Thoát Tạm Thời (1) 164

150 (10) Được Giải Thoát Tạm Thời (2) 164

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư] ..... 167 NHÓM 1. THIỆN PHÁP ..... 167 151 (1) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (1) 167

152 (2) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (2) 167

153 (3) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (3) 168

154 (4) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (1) 169

155 (5) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (2) 170

156 (6) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (3) 171

157 (7) Nói Chuyện Không Đúng Người 174

158 (8) Sự Ngại Ngần 177

159 (9) Udāyī 177

160 (10) Khó Xua Tan 178

NHÓM 2. SỰ BỰC TỨC ..... 178 161 (1) Loại Bỏ Sự Bực tức (1) 179

162 (2) Loại Bỏ Sự Bực Tức (2) 179

163 (3) Những Sự Thảo Luận 182

164 (4) Lối Sống 183

165 (5) Hỏi Những Câu Hỏi 183

166 (6) Sự Chấm Dứt 183

167 (7) Quở Trách 187

168 (8) Giới Hạnh 191

xiii

169 (9) Hiểu Nhanh 192

170 (10) Với Bhaddaji 192

NHÓM 3. ĐỆ TỬ TẠI GIA ..... 194 171 (1) Sự Ngại Ngần 194

172 (2) Sự Tự Tin 194

173 (3) Địa Ngục 195

174 (4) Những Sự Thù Hận 195

175 (5) Caṇḍāla 197

176 (6) Hoan Hỷ 198

177 (7) Buôn Bán 199

178 (8) Vua Chúa 199

179 (9) Người Tại gia 201

180 (10) Gavesī 206

NHÓM 4. NHỮNG NGƯỜI SỐNG TRONG RỪNG ..... 210 181 (1) Những Người Sống Trong Rừng 210

182 (2)190 (10) Những Người Mặc y-phục Làm Từ Giẻ Rách... 211

NHÓM 5. CHÓ ..... 211 191 (1) Những Con Chó 211

192 (2) Bà-la-môn Doṇa 213

193 (3) Bà-la-môn Saṅgārava 219

194 (4) Bà-la-môn Kāraṇapālī 223

195 (5) Bà-la-môn Piṅgiyānī 225

196 (6) Những Giấc Mộng..... 227

xiv • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

197 (7) Mưa 228

198 (8) Lời Nói 229

199 (9) Những Gia Đình 229

200 (10) Sự Thoát Khỏi 230

[Năm Mươi Kinh Thứ Năm] ..... 233 NHÓM 1. KIMBILA ..... 233 201 (1) Kimbila 233

202 (2) Lắng Nghe Giáo Pháp..... 234

203 (3) Thuần Chủng 234

204 (4) Các Năng Lực 234

205 (5) Sự Cần Cỗi 235

206 (6) Những Trói Buộc 236

207 (7) Cháo Gạo 237

208 (8) Đánh Răng 238

209 (9) Giọng Điệu 238

210 (10) Với Một Cái Tâm Mờ Rối 238

NHÓM 2. NGƯỜI SỈ NHỤC..... 239 211 (1) Người Sỉ Nhục 239

212 (2) Những Tranh Cãi 239

213 (3) Giới Hạnh 240

214 (4) Nói Nhiều 241

215 (5) Sự Không Nhẫn Nhịn (1) 241

216 (6) Sự Không Nhẫn Nhịn (2) 242

217 (7) Không Khích Lệ Niềm Tin (1) 242

218 (8) Không Khích Lệ Niềm-tin (2) 243

219 (9) Lửa 243

220 (10) Madhurā 244

NHÓM 3. DU HÀNH DÀI NGÀY ..... 244 221 (1) Du Hành Dài Ngày (1) 244

222 (2) Du Hành Dài Ngày (2) 244

223 (3) Ở Một Chỗ Quá Lâu..... 245

224 (4) Keo Kiệt 246

225 (5) Người Ghé Đến Những Gia Đình (1) 246

226 (6) Người Ghé Đến Những Gia Đình (2) 246

227 (7) Sự Giàu Có 247

228 (8) Một Bữa Ăn 247

229 (9) Rắn (1) 248

230 (10) Rắn (2) 248

NHÓM 4. NGƯỜI LƯU TRÚ ..... 249 231 (1) Không Được Kính Trọng 249

232 (2) Làm Vui Lòng 249

233 (3) Làm Đẹp 250

234 (4) Rất Hữu Ích 251

235 (5) Bi Mẫn 251

236 (6) Người Đáng Chê Trách (1) 252

237 (7) Người Đáng Chê Trách (2) 252

238 (8) Người Đáng Chê Trách (3) 253

239 (9) Keo Kiệt (1) 254

240 (10) Keo Kiệt (2) 254

NHÓM 5. HÀNH VI SAI TRÁI ..... 255 241 (1) Hành Vi Sai Trái (1) 255

242 (2) Hành Vi Thân Sai Trái (1) 255

243 (3) Hành Vi Miệng Sai Trái (2)..... 256

244 (4) Hành Vi Tâm Sai Trái (3) 256

245 (5) Hành Vi Sai Trái (2) 256

246 (6) Hành Vi Sai Trái (3) 257

247 (7) Hành Vi Miệng Sai Trái (2)..... 257

248 (8) Hành Vi Tâm Sai Trái (2) 257

249 (9) Một Nghĩa Địa 258

250 (10) Niềm Tin Vào Một Người 259

[Năm Mươi Kinh Thứ Sáu] ..... 261 NHÓM 1. ĐẠI THỌ GIỚI ..... 261 251 (1) Người Có Thể Cấp Đại Thọ Giới 261

252 (2) Sự Nương Dựa 261

253 (3) Sa-Di 261

254 (4) Sự Keo Kiệt 262

255 (5) Dẹp Bỏ Tính Keo Kiệt 262

256 (6) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (1) 262

257 (7)263 (13) Tầng Thiền Định Thứ Hai … 263

264 (14) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2) 264

265 (15)271 (21) Tầng Thiền Định Thứ Hai … (2) 264

[Các Kinh Thêm Vào Phần Thứ Sáu Này] 265

NHÓM 1. NHÓM ‘NHỮNG KINH TƯƠNG ĐỒNG’ TÓM LƯỢC & LẶP LẠI ..... 265 272 (1) Người Phân Những Phần Ăn..... 265

273 (2)284 (13) Người Phân Những Chỗ Ở … 267

285 (14) Người Giám Sát Những Sa-Di 270

NHÓM 2. NHÓM ‘NHỮNG GIỚI-LUẬT TU HÀNH’ TÓM LƯỢC & LẶP LẠI ..... 272 286 (1) Một Tỳ Kheo 272

287 (2)290 (5) Một Tỳ Kheo Ni … 273

291 (6)292 (7) Một Đệ Tử Tại Gia Nam và Nữ … 273

293 (8) Một Ājīvaka..... 274

294 (9)302 (17) Một Ni-Kiền-Tử … 274

NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 275 303 (1) 275

304 (2) 275

305 (3) 275

306 (4) 275

307 (5) 276

308 (6)316 (14) 276

317 (15)1152 (850) 276

BẢNG VIẾT TẮT ..... 279 CHÚ THÍCH 284

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. NHỮNG NĂNG LỰC CỦA HỌC NHÂN

1 (1) Một Cách Ngắn Gọn Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này của bậc học-nhân.974 Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin; năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức; năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức; năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng-lực của bậc học-nhân. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có được (1) năng

lực niềm-tin, là một năng lực của bậc học- nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (2) biết xấu-hổ về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (4) nỗ-lực, là một năng lực của bậc học-nhân; và chúng ta sẽ có được năng lực (5) trí-tuệ, là một năng lực của bậc học-nhân.' Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy." [Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với

lời dạy của đức Thế Tôn.]975

2 (2) Một Cách Chi Tiết Ở Sāvatthī. "Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này của bậc học-nhân. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin; năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức; năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức; năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin (tín lực)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ['Đức Thế Tôn là một A-la-hán [đã tu- thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.'] Đây được gọi là năng lực niềm-tin. (2) "Và cái gì là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức (về lương tâm)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có cảm nhận xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó biết xấu hổ với hành-động, lời-nói, và tâm-ý [hành vi thân, hành vi lời- nói, hành vi tâm] sai trái; người đó xấu hổ khi tích tạo những phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức. (3) "Và cái gì là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức (về lương tâm)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện biết sợ hãi việc làm sai trái; sợ hãi với hành động, lời nói, và tâm ý sai trái; người đó sợ hãi khi tích tạo những phẩm chất xấu ác bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức.976 (4) "Và cái gì là năng lực nỗ-lực (tinh tấn lực)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự chuyên-cần tu (tinh cần), không lơ là bổn-phận tu dưỡng những

phẩm chất thiện lành. Đây được gọi là năng lực nỗ-lực. (5) "Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được loại trí-tuệ nhận thấy được sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.977 Đây được gọi là năng lực trí-tuệ. "Đây là năm năng-lực của bậc học-nhân. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ có được (1) năng lực niềm-tin, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (2) biết xấu-hổ về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (4) nỗ-lực, là một năng lực của bậc học-nhân; và chúng ta sẽ có được

năng lực (5) trí-tuệ, là một năng lực của bậc học-nhân.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

3 (3) Khổ “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất (tệ) này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ ngay trong kiếp này—với sự sầu khổ, sự thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi xấu có thể là (nơi-đến) của người đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin; không biết xấu-hổ về mặt đạo đức; bất-chấp về mặt đạo đức; lười-nhát, và không trí-tuệ. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo sống trong sự khổ ngay trong kiếp này—với sự sầu khổ, sự thống khổ, và sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi xấu có thể là (nơi-đến) của người đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất (tốt), một Tỳ kheo sống một cách an lạc ngay trong kiếp này—không sự sầu khổ, không sự thống khổ, và không sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi tốt có thể là (nơi-đến) của người đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin; biết xấu-hổ về mặt đạo đức; biết sợ-hãi về mặt đạo đức; có sự nỗ-lực, và có trí-tuệ. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo sống một

cách an lạc ngay trong kiếp này—không sự sầu khổ, không sự thống khổ, và không sốt não—và khi thân tan rã, sau khi chết, một cõi tốt có thể là (nơi-đến) của người đó.”

4 (4) Cứ Như Bị Đưa Thẳng Xuống Đó “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không có niềm-tin; không biết xấu-hổ về mặt đạo đức; bất-chấp về mặt đạo đức; lười-nhát, và không trí-tuệ. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được niềm-tin; có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; có sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức; có sự nỗ-lực, và có trí-tuệ. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

5 (5) Sự Tu Tập “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào từ bỏ sự tu-tập và quay lại đời sống thấp tục (bỏ tu hoàn tục), thì có năm cơ sở có lý để bị (người ta) chỉ trích và phê phán ngay trong kiếp này. Năm đó là gì? (1) ‘Anh/chị không có niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện. (2) Anh/chị không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (3) Anh/chị không có sự sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (4) Anh/chị không có sự nỗ-lực để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (5) Anh/chị không có trí-tuệ để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện.’ Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào từ bỏ sự tu tập và quay lại đời sống thấp tục, thì xảy ra năm sự chỉ trích có lý và cơ sở như vậy để bị chỉ trích và phê phán ngay trong kiếp này.

•5

“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào sống đời sống tâm linh toàn vẹn và trong sạch, thì cho dù có bị khổ đau và ưu buồn, nước mắt chảy dài, cũng có được năm cơ sở

có lý để được (người ta) khen ngợi ngay trong kiếp này. Năm đó là gì? (1) 'Thầy/ni có được niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện. (2) Thầy/ni có được cảm-nhận biết xấu- hổ về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (3) Thầy/ni có được sự sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (4) Thầy/ni có được sự nỗ-lực để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện. (5) Thầy/ni có được trí-tuệ để có [sự tu tập] những phẩm chất thiện.' Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào sống đời sống tâm linh toàn vẹn và trong sạch, thì cho dù có bị khổ đau và ưu buồn, nước mắt chảy dài, cũng có được năm cơ sở có lý để được khen ngợi ngay trong kiếp này."

6 (6) Dính Vào (1) "Này các Tỳ kheo, nếu niềm-tin được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào (đường, trạng thái, điều) bất thiện. Nhưng nếu niềm-tin biến mất và sự thiếu niềm- tin ám muội một người, thì có sự dính vào bất thiện. (2) "Nếu cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức biến mất và sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức ám muội một người, thì có sự dính vào bất thiện. (3) "Nếu sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức biến mất và sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức ám muội, thì có sự dính vào bất thiện. (4) "Nếu sự nỗ-lực (tinh tấn) được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu sự nỗ-lực biến mất và sự lười-biếng ám muội một người, thì có dính

vào bất thiện. (5) "Nếu trí-tuệ được thiết lập chắc chắn trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì không có sự dính vào bất thiện. Nhưng nếu trí-tuệ biến mất và sự thiếu trí-tuệ ám muội một người, thì có sự dính vào bất thiện."

7 (7) Dục Lạc "Này các Tỳ kheo, hầu hết chúng sinh bị mê dính trong dục-lạc [những khoái-lạc giác quan]. Khi một người họ tộc bỏ lưỡi liềm và cây đập lúa (tức bỏ làm ăn) để rời bỏ gia đình đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì người đó được mô tả là một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin. Vì lý do gì? Những dục-lạc, dù là loại này hay loại nọ, đều có thể có được bởi người trẻ. Dục-lạc hạng thường, hay trung, hay cao, tất cả chúng cũng chỉ là dục-lạc mà thôi. "Ví dụ có một đứa bé, đang nằm ngửa, bỏ cây que hay hòn sỏi vô miệng lúc cô giữ trẻ (vú nuôi) đang lơ tâm xao lãng. Khi thấy vậy, cô giữ trẻ lập tức chú tâm đến nó và cố lấy thứ đó ra khỏi miệng. Nếu cô không lấy kịp thứ đó ra khỏi miệng, cô sẽ ẳm đứa bé lên, tay giữ đầu, tay phải móc họng đứa bé, cô sẽ cố móc lấy thứ đó ra ngay cả khi phải làm chảy máu họng. Vì lý do gì? Làm vậy (móc họng, chảy máu) sẽ đau đớn cho đứa bé—ta không chối cãi điều này—nhưng cô ấy phải làm vậy vì sự tốt lành và ích lợi, vì lòng bi mẫn dành cho đứa bé. Tuy nhiên, khi đứa trẻ lớn lên và có đủ nhận biết thì cô giữ trẻ sẽ không còn lo lắng trông nom nó nữa, [cô nghĩ]: 'Đứa trẻ giờ có thể tự lo cho bản thân. Nó sẽ không lơ tâm làm vậy nữa.' "Cũng giống như vậy, chừng nào một Tỳ kheo vẫn chưa thành tựu (1) về niềm-tin trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; (2) về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức trong [sự tu

tập] những phẩm chất thiện; (3) về sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; (4) về sự nỗ-lực trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện; và (5) về trí-tuệ trong

•7

[sự tu tập] những phẩm chất thiện, thì ta vẫn còn trông nom người đó. Nhưng khi Tỳ kheo đó đã thành tựu (1) về niềm-tin … (2) về cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức … (3) về sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức … (4) về sự nỗ-lực trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện … (5) về trí-tuệ trong [sự tu tập] những phẩm chất thiện, thì ta không còn lo lắng về người đó nữa, [ta nghĩ]: 'Tỳ kheo đó giờ có thể tự lo cho bản thân. Thầy ấy không lơ-tâm phóng dật nữa.'"978

8 (8) Bị Rớt Khỏi (1) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? … (năm phẩm chất ngược lại với năm năng-lực của bậc học-nhân; người dịch giản lược) … Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? … (năm năng-lực của bậc học-nhân) … Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành."

9 (9) Bị Rớt Khỏi (2) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? … (năm phẩm chất ngược lại với năm năng-lực của bậc học-nhân) … Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? … (năm năng-lực của bậc học-nhân) … Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà

được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành."

10 (10) Vô Lễ "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính không có khả năng thành tựu sự tăng trưởng, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Năm đó là gì? … (năm phẩm chất ngược lại với năm năng-lực của bậc học-nhân) … Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo vô lễ và bất kính bị rớt khỏi và không được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng có khả năng thành tựu sự tăng trưởng, sự tiến bộ, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới luật này. Năm đó là gì? … (năm năng- lực của bậc học-nhân) … Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo lễ độ và biết kính trọng không bị rớt khỏi mà được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành."

NHÓM 2. NHỮNG NĂNG LỰC

11 (1) Chưa Từng Nghe Trước Đây “Này các Tỳ kheo, ta tuyên bố đã chứng ngộ kết-cuộc (chung cuộc, sự hoàn thành) và sự hoàn-thiện của trí-biết trực tiếp đối với những điều chưa từng được nghe trước đây.979 “Có năm năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời Brahma (= bánh xe Giáo Pháp).980 Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ (cũng giống tên ‘năm

•9

năng-lực của bậc học-nhân’ đã nói ở nhóm kinh kế trên). Đây là năm năng- lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của trời Brahma.”

12 (2) Đỉnh (1) “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực của bậc học-nhân. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ- hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng- lực của bậc học-nhân. Trong số năm năng-lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia. Giống như phần đỉnh là phần cầm đầu (chính yếu) của một ngôi nhà mái nhọn, đó là phần giữ chắc tất cả những phần mái kia, hợp nhất chúng lại (ở đỉnh). Cũng giống như vậy, trong số năm năng-lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ chắc tất cả các năng lực kia, hợp nhất chúng lại. “Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có được (1) năng lực niềm-tin, là một năng lực của bậc học- nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (2) biết xấu-hổ về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức, là một năng lực của bậc học-nhân; chúng ta sẽ có được năng lực (4) nỗ-lực, là một năng lực của bậc học-nhân; và chúng ta sẽ có được năng lực (5) trí-tuệ, là một năng lực của bậc học-nhân.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

13 (3) Một Cách Ngắn Gọn “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và

10 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

năng lực trí-tuệ; (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực). Đây là năm năng-lực (ngũ lực).”981

14 (4) Một Cách Chi Tiết “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng-lực. (1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác- ngộ của Như Lai như vầy: … [giống đoạn (1) kinh 5:02 ở trên] … Đây được gọi là năng lực niềm-tin. (2) “Và cái gì là năng lực nỗ-lực? Ở đây một đệ tử thánh thiện phát khởi sự nỗ-lực … [giống đoạn (4) kinh 5:02 ở trên] … Đây được gọi là năng lực nỗ-lực. (3) “Và cái

gì là năng lực chánh-niệm? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã làm hay đã nói từ lâu. Đây được gọi là năng lực chánh-niệm. (4) “Và cái gì là năng lực định-tâm? Ở đây, một Tỳ kheo: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm

sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ “Đây được gọi là năng lực định-tâm. (5) “Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí … [giống đoạn (5) kinh 5:02 ở trên] … Đây được gọi là năng lực trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm năng-lực.”

15 (5) Được Nhìn Thấy “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng-lực “Và, này các Tỳ kheo, (1) năng lực niềm-tin được nhìn thấy ở đâu? Năng lực niềm-tin được nhìn thấy trong bốn yếu-tố Nhập-lưu (tứ chi dự- lưu)982 (2) Và năng lực nỗ-lực được nhìn thấy ở đâu? Năng lực nỗ-lực được nhìn thấy trong bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần). (3) Và năng lực chánh-niệm được nhìn thấy ở đâu? Năng lực chánh-niệm được nhìn thấy trong bốn-nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (4) Và năng lực định-tâm được nhìn thấy ở đâu? Năng lực định-tâm được nhìn thấy trong bốn tầng thiền định (tứ thiền sắc giới; jhāna). (5) Và năng lực trí-tuệ được nhìn thấy ở đâu? Năng lực trí-tuệ được nhìn thấy trong bốn sự-thật thánh thiện (tứ diệu đế).

“Này các Tỳ kheo, đây là năm năng-lực.”

16 (6) Đỉnh (2) “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực của bậc học-nhân. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ- hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực, và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng- lực của bậc học-nhân. Trong số năm năng-lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ vững tất cả các năng lực kia, là năng lực hợp nhất các năng lực kia. Giống như phần đỉnh là phần cầm đầu (chính yếu) của một ngôi nhà mái nhọn, đó là phần giữ chắc tất cả những phần

mái kia, hợp nhất chúng lại (ở đỉnh). Cũng giống như vậy, trong số năm năng-lực đó, năng lực trí-tuệ là bậc nhất: là năng lực giữ chắc tất cả các năng lực kia, hợp nhất chúng lại. (Kinh này giống đoạn đầu của kinh 5:12 nhưng nói về ngũ-lực thuộc '37 phần bồ-đề' được nói kể từ kinh 5:13)

17 (7) Phúc Lợi (1) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, không vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình thành tựu về sự định-tâm (thiền định), nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về sự định-tâm; (3) người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình thành tựu về sự giải-thoát, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình thành tựu về trí-biết (minh, sự- biết) và tầm-nhìn (quan kiến, sự-thấy) của sự giải-thoát, nhưng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải- thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, không vì phúc lợi của người khác."

• 13

18 (8) Phúc Lợi (2) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của người khác, không vì phúc lợi của mình. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình không thành tựu về giới-hạnh, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình không thành tựu về sự định-tâm, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về sự định-tâm; (3) người đó tự mình không thành tựu về trí-tuệ, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình không thành tựu về sự giải-thoát, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về sự giải- thoát; (5) người đó tự mình không thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, nhưng khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm- nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của người khác, không vì phúc lợi của mình."

19 (9) Phúc Lợi (3) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành không vì phúc lợi của mình, cũng không vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình không thành tựu về giới-hạnh, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình không thành tựu về sự định-tâm, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về sự định-tâm; (3) người đó tự mình không thành tựu về trí-tuệ, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình không thành tựu về sự giải-thoát, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình không thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, cũng không khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải- thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành không vì phúc lợi của mình, cũng không vì phúc lợi của người khác."

20 (10) Phúc Lợi (4)

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, và vì phúc lợi của người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về giới-hạnh; (2) người đó tự mình thành tựu về sự định-tâm, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về sự định-tâm; (3) người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về trí-tuệ; (4) người đó tự mình thành tựu về sự giải-thoát, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về sự giải-thoát; (5) người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, và cũng khuyến khích người khác thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình, và cũng vì phúc lợi của người khác.”

NHÓM 3. VỚI NĂM CHI PHẦN

21 (1) Vô Lễ (1) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo (1) là vô lễ và bất kính, và sự hành-xử của người đó là không tương hợp với những Tỳ kheo đồng đạo, thì không thể nào người đó hoàn thiện chi phần ‘hành-vi hợp quy’ (đúng theo những điều giới luật của Tăng Đoàn). (2) Không hoàn thiện chi phần ‘hành-vi hợp quy’, thì không thể nào người đó hoàn thiện chi phần ‘học- nhân’. (3) Không hoàn thiện chi phần ‘học-nhân’, thì không thể nào người đó hoàn thiện chi phần ‘giới-hạnh’. (4) Không hoàn thiện chi phần ‘giới- hạnh’, thì không thể nào người đó hoàn thiện chi phần ‘chánh-kiến’. (5) Không hoàn thiện chi phần ‘chánh-kiến’, thì không thể nào người đó hoàn thiện chi phần chánh-định.983 “Nhưng, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo (1) là lễ độ và biết kính trọng, và sự hành-xử của người đó là tương hợp với những Tỳ kheo đồng đạo, thì người đó có thể hoàn thiện chi phần ‘hành-vi hợp quy’ (đúng theo những điều giới luật của Tăng Đoàn). (2) Sau khi đã hoàn thiện chi phần

• 15

‘hành-vi hợp quy’, thì người đó có thể hoàn thiện chi phần ‘học-nhân’. (3) Sau khi đã hoàn thiện chi phần ‘học-nhân’, thì người đó có thể hoàn thiện chi phần ‘giới-hạnh’. (4) Sau khi đã hoàn thiện chi phần ‘giới-hạnh’, thì người đó có thể hoàn thiện chi phần ‘chánh-kiến’. (5) Sau khi đã hoàn thiện chi phần ‘chánh-kiến’, thì người đó có thể hoàn thiện chi phần chánh-định.”

22 (2) Vô Lễ (2) [Giống kinh kế trên, chỉ khác là các chữ chi phần ‘giới-hạnh’, chi phần ‘chánh-kiến’, (5) chi phần ‘chánh-định’ lần lượt được thay bằng: đống (uẩn) ‘giới-hạnh’, đống ‘chánh-định’, và đống ‘trí-tuệ’.]

23 (3) Những Ô Nhiễm (I) “Này các Tỳ kheo,984 có năm thứ ô nhiễm của vàng, do bị hư nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy (cứng giòn, không tinh dẻo), và không thích hợp để sử dụng. Năm đó là gì? Sắt … đồng … thiết … chì … bạc là một thứ hư nhiễm của vàng. Đây là năm thứ hư nhiễm của vàng, do bị dơ nhiễm như vậy nên vàng là không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không ánh kim, mà dễ bị bể gãy và không thích hợp để sử dụng (chế tác).985 “Nhưng khi vàng không có năm thứ ô-nhiễm này thì vàng đã được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và ánh kim, đã dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người

ta dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý họ—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miệng bằng vàng—thì họ đều có thể làm được. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm thứ làm ô nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là

gì? Tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Đây là năm sự ô-nhiễm (chướng ngại) của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm là không dễ uốn nắn (cứng lỳ), không dễ điều khiển, không phát sáng, mà dễ bị bể gãy (bị hư, bại), và không đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. “Nhưng khi tâm không có năm thứ ô-nhiễm này thì tâm là dễ uốn nắn (nhu nhuyến), dễ điều khiển, phát sáng, không dễ bị bể gãy (khó hư, khó bại), và có thể đạt-định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.986

(1) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (biến hóa thông): biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, thì người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

(2) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước: ‘Cầu cho tôi hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si;

một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng] là bao la, và tâm không bao la là không bao la; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa

được giải thoát', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(4) "Nếu người đó ước: 'Cầu cho tôi có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh); đó là: người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh ; nhiều đại kiếp thế giới than-hoại, nhiều đại kiếp thế giới tiến-hóa, nhiều đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa; như vầy (trong một kiếp nào đó): ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức-ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; sau khi qua đời từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia ... rồi ở chỗ kia ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức-ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; sau khi qua đời từ chỗ kia, ta đã được tái sinh vào ở đây.' Như vậy đó, người đó đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.'—Cầu cho tôi có thể nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(5) "Nếu người đó ước: 'Cầu cho tôi: với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh

trả giá đúng theo nghiệp của mình như vầy: 'Những chúng sinh này dính vào hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói, và tâm; là người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia có hành-vi đúng đắn bằng thân, lời-nói và tâm; là những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.'— Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, cầu cho tôi có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp."

(6) "Nếu người đó ước: 'Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó', thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp."

24 (4) Thiếu Giới Hạnh (I) “Này các Tỳ kheo, (1) một người thất đức, đối với người thiếu hụt về giới-hạnh, là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi không có chánh-định, người thiếu chánh-định là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự-biết và sự-thấy, người thiếu sự-biết và sự-thấy như vậy là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tỉnh-

ngộ và sự chán-bỏ là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự- thấy (trí biết và tầm nhìn) của sự giải-thoát. “Ví dụ có một cây mà thiếu hụt cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) một người thất đức, người thiếu hụt về giới-hạnh là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định … là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự- biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là … là (4) thiếu nguyên- nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ … là (5) thiếu nguyên- nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát.987 (II) “Này các Tỳ kheo, (1) một người đức hạnh, đối với người có được giới-hạnh là (2) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi có sự chánh-định, người có được sự chánh-định là (3) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng thực như chúng là. Khi có sự-biết và sự-thấy, người có được về sự-biết và sự-thấy như vậy là (4) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người có được sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát. “Ví dụ có một cây có đầy đủ cành và lá, thì chồi, vỏ, phần gỗ mềm, và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) một người là đức hạnh, đối với người có được giới-hạnh là (2) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định … là (3) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là … là (4) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ … là (5) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy của sự giải-thoát.”

25 (5) Được Trợ Giúp “Này các Tỳ kheo, khi chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu tố, thì nó có sự giải-thoát của tâm là kết quả của nó, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích-lợi của nó; nó có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của nó, sự

giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích-lợi của nó.988 Năm đó là gì? Ở đây, chánh-kiến được trợ giúp bởi giới-hạnh, sự học-hiểu, sự thảo-luận, sự tĩnh-lặng, và sự minh-sát (thiền quán). Khi chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu tố này, thì nó có sự giải-thoát của tâm là kết quả của nó, sự giải- thoát của tâm là kết quả và ích-lợi của nó; nó có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của nó, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích-lợi của nó.”

26 (6) Sự Giải Thoát “Này các Tỳ kheo, có năm cơ-sở của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó,989 nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa

được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa được phá hủy sẽ được phá hủy, và người đó sẽ đạt được 'sự an-toàn khỏi sự trói-buộc' chưa đạt được trước đó. Năm đó là gì? (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một vị Sư [thầy, sư huynh, đạo hữu] ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo. Cho dù vị Sư ở vị trí người thầy chỉ dạy Giáo Pháp theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó.990 Khi có cảm-hứng thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan-hỷ thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh-lặng trong thân thì cảm nhận sự sướng (thân lạc). Người cảm nhận sự sướng thì tâm đạt-định.991 Đây là cơ- sở thứ nhất của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó, nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt sẽ được tiêu diệt, và người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó. (2) "Thêm nữa, cho dù (i) không có vị Sư [thầy, sư huynh, đạo hữu] nào ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo, (ii) nhưng một Tỳ kheo tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỳ kheo đó chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết theo cách nào

• 21

cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm-hứng thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan-hỷ thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh-lặng trong thân thì cảm nhận sự sướng (thân lạc). Người cảm nhận sự sướng thì tâm đạt-định. Đây là cơ-sở thứ hai của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó … người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó. (3) "Thêm nữa, (i) cho dù không có vị Sư [thầy, sư huynh, đạo hữu], và (ii) cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, (iii) nhưng một Tỳ kheo tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết, sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỳ kheo đó tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm-hứng thì sự hoan- hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan-hỷ thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh-lặng trong thân thì cảm nhận sự sướng (thân lạc). Người cảm nhận sự sướng thì tâm đạt-định. Đây là cơ-sở thứ ba của sự giải- thoát, mà nhờ phương tiện đó … người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó. (4) "Thêm nữa, cho dù (i) không có vị Sư [thầy, sư huynh, đạo hữu], và (ii) cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, và (iii) cũng không tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, (iv) nhưng người đó ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó. Cho dù Tỳ kheo đó ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm-hứng thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan-hỷ thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh-lặng trong thân thì cảm nhận sự sướng (thân lạc). Người cảm

nhận sự sướng thì tâm đạt-định. Đây là cơ-sở thứ tư của sự

giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó … người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó. (5) “Thêm nữa, cho dù (i) không có vị Sư [thầy, sư huynh, đạo hữu], và (ii) cũng không tự mình ở vị trí một người thầy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết cho những người khác sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, và (iii) cũng không tụng đọc Giáo Pháp đó một cách chi tiết sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, và (iv) người đó cũng không ngẫm nghĩ, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp sau khi mình đã nghe và học hiểu nó, (v) nhưng Tỳ kheo đó đã nắm bắt được một đối-tượng thiền định, chú-tâm vào nó một cách khéo léo, duy-trì nó một cách khéo léo, và thâm-nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ. Cho dù Tỳ kheo đó đã nắm bắt được một đối-tượng thiền định, đã chú-tâm vào nó một cách khéo léo, đã duy-trì nó một cách khéo léo, và đã thâm-nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ theo cách nào, thì Tỳ kheo đó cũng trải nghiệm niềm cảm-hứng về ý nghĩa và về Giáo Pháp đó. Khi có cảm-hứng thì sự hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh. Người có tâm hoan-hỷ thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh-lặng trong thân thì cảm nhận sự sướng (thân lạc). Người cảm nhận sự sướng thì tâm đạt-định. Đây là cơ-sở thứ năm của sự giải-thoát, mà nhờ phương tiện đó … người đó sẽ đạt được sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc chưa đạt được trước đó. “Này các Tỳ kheo, đây là năm cơ-sở của sự giải-thoát, nhờ phương tiện đó, nếu một Tỳ kheo sống chú tâm, nhiệt thành và kiên định, thì cái tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa được phá hủy sẽ được phá hủy, và người đó sẽ đạt được ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa đạt được trước đó.”

27 (7) Định Tâm “Này các Tỳ kheo, Bhikkhus, khi tỉnh thức và có chánh-niệm, hãy tu tập sự định-tâm là vô lượng.992 Khi các thầy, tỉnh-thức (cảnh giác) và có chánh-niệm, tu tập sự định-tâm là vô lượng, thì năm loại sự-biết khởi sinh

là của chính mình. Năm đó là gì? (1) Sự-biết khởi sinh là của chính mình, như vầy: ‘Sự định-tâm này hiện tại là sướng (lạc) và trong tương lai có kết quả sướng.’ (2) Sự-biết khởi sinh là của chính mình, như vầy: ‘Sự định- tâm này là thánh thiện và thuộc tâm linh.’ (3) Sự-biết khởi sinh là của chính mình, như vầy: ‘Sự định-tâm này là không được thực hành bởi người thấp kém.’ (4) Sự-biết khởi sinh là của chính mình, như vầy: ‘Sự định-tâm này là bình-an và siêu-phàm, đạt được nhờ sự làm tĩnh-lặng hòn toàn, và đạt tới sự hợp-nhất (nhất điểm); chứ không phải do được chế ngự và duy trì bằng cách trấn áp mạnh [những ô-nhiễm] mà có.’993 (5) Sự-biết khởi sinh là của chính mình, như vầy: ‘Ta chứng nhập sự định-tâm này994 một cách có chánh-niệm và ta thoát ra khỏi nó một cách có chánh-niệm.’ Này các Tỳ kheo, khi tỉnh-thức và liên tục có chánh-niệm, hãy tu tập sự định-tâm là vô lượng. Khi các thầy tỉnh thức và có chánh-niệm, đang tu tập sự định-tâm là vô lượng, thì năm loại sự-biết khởi sinh là của chính mình.”

28 (8) Với Năm Chi Phần “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu tập sự chánh-định thánh thiện gồm có năm phần.995 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ

nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập sự chánh-định thánh thiện gồm có năm phần? (1) “Ở đây: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ).’ Người đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toàn thân mà không được thấm đẫm bởi sự hoan-hỷ và sự sướng được sinh ra từ sự

tách-ly đó. (i) “Giống như một người hầu tắm [hay người học việc của người đó] đổ dồn bột tẩy vô một bồn tắm bằng kim loại, và tưới nước từ từ vô nó, và nhào nặn nó tới khi nước ướt thấm cục bột tẩy mà ông đã nhào nặn, rồi thấm nước nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột tẩy không bị chảy rỉ nước ra. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toàn thân mà không được thấm đẫm bởi sự hoan- hỷ và sự sướng được sinh ra từ sự tách-ly đó. Đây là phần tu-tập thứ nhất của sự định-tâm gồm có năm phần. (2) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi- xét’. Người đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toàn thân mà không được thấm đẫm bởi sự hoan-hỷ và sự sướng được sinh ra từ sự định-tâm đó. (ii) “Giống như có một cái hồ có nước được phun lên từ bên dưới, không có nước chảy vào từ phía đông, tây, nam, hay bắc, và cái hồ không bao giờ được cấp nước thêm bởi nước mưa, cho nên dòng nước mát phun lên từ bên dưới làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm cả hồ, đến nỗi không có chỗ nào của toàn hồ nước không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó tạo nên sự hoan-hỷ (hỷ) và sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm đó; nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không còn chỗ nào của toàn thân mà không được thấm đẫm bởi sự hoan-hỷ và sự sướng được sinh ra từ sự định-tâm đó. Đây là phần tu-tập thứ hai của sự định-tâm gồm có năm phần. (3) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an

trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh- phúc (tâm lạc).’ Người đó tạo nên sự hạnh-phúc (lạc) không-còn yếu tố hoan-hỷ (hỷ); nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi

niềm hạnh-phúc không-có yếu tố hoan-hỷ. (iii) “Giống như trong một cái hồ có sen xanh dương hay sen đỏ hay sen trắng; một cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước, có thể sinh trưởng khi đang chìm trong nước chứ không cần phải lên khỏi mặt nước, và nước mát sẽ làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm chúng từ thân tới rễ, đến nỗi không có phần nào của những cây sen không được thấm đẫm bởi nước. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó Người đó tạo nên sự hạnh-phúc (lạc) không-còn yếu tố hoan-hỷ (hỷ); nó làm ướt đẫm, làm ngập ướt, lắp đầy, và làm thấm đẫm thân này, đến nỗi không có phần nào của toàn thân không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc không- có yếu tố hoan-hỷ. Đây là phần tu-tập thứ ba của sự định-tâm gồm có năm phần. (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm trong và sáng, nến nỗi không có phần nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi cái tâm trong và sáng. (vi) “Giống như một người ngồi được phủ trùm từ đầu đến gót bằng tấm vải trắng, đến nỗi không còn phần nào của toàn thân này không được bao trùm bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, vị Tỳ kheo đó ngồi bao trùm thân này bằng một cái tâm trong và sáng, đến nỗi không còn phần nào của toàn thân này không được bao trùm bởi cái tâm trong và sáng. Đây là phần

tu-tập thứ tư của sự định-tâm gồm có năm phần. (5) “Lại nữa: Một Tỳ kheo nắm bắt một đối-tượng để quán xét,996 chú tâm vào nó một cách khéo léo, duy trì nó một cách khéo léo, và thâm nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ. (v) “Giống như một người nhìn xuống một người khác—như kiểu một người đứng nhìn xuống một người đang ngồi, hay người ngồi nhìn xuống người đang nằm. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nắm bắt một đối-tượng để thiền quán, chú tâm vào nó một cách khéo léo, duy trì nó một cách khéo léo, và thâm nhập nó một cách khéo léo bằng trí-tuệ. Đây là phần tu-tập thứ năm của sự định-tâm gồm có năm phần. “Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định gồmc ó năm phần đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.997 “Ví dụ có một cái bình đựng đầy nước được đặt lên trên bệ, nước đầy đến tận miệng bình đến nỗi con quạ có thể uống được từ bình nước. Nếu một người mạnh khỏe đến lắc cái bình theo đủ hướng, liệu có khả năng nước tràn ra không?” “Có, thưa thế tôn.” “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định thánh thiện gồm có năm phần đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó. “Ví dụ trên đất bằng có một ao nước có bốn bờ kè, chứa đầy nước đến mép bờ kè đến nỗi con quạ có thể đậu bờ kè uống nước ở đó. Một người mạnh khỏe đến phá bể một bờ kè, liệu có khả năng nước tràn ra không?” “Có, thưa thế tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định thánh thiện gồm có năm phần đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó. “Ví dụ trên đất bằng ở ngã tư đường có chiếc xe ngựa với con ngựa thuần chủng và roi cương sẵn sàng; là một người luyện ngựa giỏi, người đánh xe ngựa có thể ngồi lên xe, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi thúc ngựa, thì người đó khả năng lái xe ngựa đi đâu hay về đâu tùy theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi sự chánh-định thánh thiện gồm có năm phần đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy là người đó có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

(1) “Nếu người đó ước: … [tiếp tục các đoạn (1)(6) giống như trong kinh 5:23 ở trên về 06 loại trí-biết được chứng ngộ.] …”

29 (9) Đi Thiền “Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của việc đi-thiền (thiền hành). Năm đó là gì? Người có tu tập được khả năng đi-bộ đường dài (các chuyến đi, du hành); người tu tập được khả năng chuyên-cần tu (tinh cần); người tu tập được khỏe-mạnh; những gì đã ăn, uống, dùng, hay nếm được tiêu hóa tốt; và sự định-tâm chứng được thông qua sự đi-thiền là được lâu.998 Đây là năm ích lợi của việc đi-thiền.”

30 (10) Ngài Nāgita Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Icchānaṅgala của những bà-la-môn người Kosala. Ở

đó đức Thế Tôn trú trong khu rừng rậm ở vùng Icchānaṅgala. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala nghe tin: [“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-Ca, vừa mới đến làng Icchānaṅgala, và giờ đang trú ở khu rừng rậm ở Ic- chānaṅgala. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện], đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh, chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.”] Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán đó.” Rồi, khi đêm đã qua, những gia chủ bà-la-môn của làng Icchānaṅgala mang nhiều thứ thức-ăn khác nhau và đi đến khu rừng rậm vùng Ic- chānaṅgala. Họ đứng ở bên ngoài cửa rừng và gây ra những tiếng ồn ào huyên náo. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Nāgita là người hầu cận của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Nāgita: “Này Nāgita, ai đang làm

những tiếng ồn ào huyên náo vậy? Ai nghe cứ tưởng như một đám ngư dân đang hò hét lúc vây bắt một đàn cá.” “Thưa Thế Tôn, đó là những gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala, họ mang đến nhiều thứ thức-ăn khác nhau. Họ đang đứng ngoài cửa rừng [và muốn cúng dường chúng] cho Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỳ kheo.” “Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ, niềm chân phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm chân phúc của sự bình-an, niềm chân phúc của sự giác-ngộ khi họ muốn có; ta thì dễ dàng

• 29

có được, không khó khăn hay rắc rối gì. Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của ‘lợi, vinh, danh’.” “Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đồng ý! Mong bậc Phúc Lành đồng ý! Giờ là lúc đức Thế Tôn hãy đồng ý. Vì dù đức Thế Tôn có đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Giống như khi trời mưa lớn và nước đều chảy dồn xuống dốc. Tương tự vậy, dù đức Thế Tôn đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Vì lý do gì? Vì đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn.” “Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ … Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của ‘lợi, vinh, danh’. (1) “Này Nāgita, thứ gì được ăn, uống, dùng, và nếm rồi cũng biến thành phân và nước tiểu mà thôi: đó là kết quả của nó. (2) Khi những thứ mình yêu quý thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não): đây là kết quả của nó. (3) Với ai tận tình tu tập thiền về “dấu hiệu (tướng) đáng-chê” [không hấp dẫn, xấu xí, đáng ghê tởm], thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với “dấu-hiệu (tướng) đẹp”: đây là kết quả của nó. (4) Với ai sống quán sát tính vô-thường trong sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (sáu giác-quan), thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với sự tiếp-xúc: đây là kết quả của nó. (5) Với ai sống quán sát sự sinh-diệt trong năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), thì sẽ thiết lập được sự chán-chê đối với sự dính-chấp (phá thủ): đây là kết quả của nó.”999

NHÓM 4.

30 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

SUMANĀ

31 (1) Công Chúa Sumanā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có công chúa Sumanā,1000 được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Sumanā thưa với đức Thế Tôn: “Ở đây, thưa Thế Tôn, có thể nào có hai đệ tử của đức Thế Tôn ngang bằng nhau về niềm-tin, giới-hạnh, và trí-tuệ, nhưng một người thì rộng lòng bố-thí, người kia thì không. Khi thân tan rã, sau khi chết, họ đều được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Sau khi họ thành những thiên thần ở đó, đâu là sự phân biệt hay khác biệt giữa hai vị đó?” “Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói.

“Người rộng lòng bố-thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: (i) về tuổi thọ cõi trời, (ii) về sắc đẹp cõi trời, (iii) về hạnh phúc cõi trời, (iv) về vinh quang cõi trời, và (v) về uy quyền cõi trời. Người rộng lòng bố-thí, sau khi trở thành thiên thần, sẽ siêu xuất hơn người kia về năm điều đó.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể nào nếu hai vị đó qua đời ở cõi trời đó và trở lại làm người, đâu là sự phân biệt và sự khác biệt giữa hai vị đó?” “Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói. “Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố-thí sẽ hơn hẳn người kia về năm sự: (i) về tuổi thọ cõi người, (ii) về sắc đẹp cõi người, (iii) về hạnh phúc cõi người, (iv) về vinh quang cõi người, và (v) về uy quyền cõi người. Khi họ cùng trở thành người trở lại, người rộng lòng bố-thí sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, nếu rồi cả hai cũng xuất gia đi tu thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?” “Có thể có vậy, này Sumanā”, đức Thế Tôn nói. “Người rộng lòng

bố-thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn người kia về năm sự. 1001 (1) Người đó thường dùng y-phục được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không được cúng dường riêng cho mình. (2) Người đó thường ăn thức-ăn được cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn loại thức-ăn không được cúng dường riêng cho mình. (3) Người đó thường dùng chỗ-ở được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng chỗ ở không được cúng dường riêng cho mình. (4) Người đó thường dùng thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh được cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng loại không được cúng dường riêng cho mình. (5) Những người đồng tu của người đó, là những người sống tu chung với người đó, thường đối xử với người đó theo những cách dễ-chịu trong hành-động, lời-nói, và tâm-ý, hiếm khi theo những cách khó-chịu. Họ thường tặng người đó những thứ nào đáng- thích, hiếm khi có thứ khó-thích. Người rộng lòng bố-thí, sau khi xuất gia, sẽ hơn hẳn người kia về năm điều như vậy.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể nào nếu cả hai đều chứng đắc A-la-hán thì vẫn có sự phân biệt và khác biệt giữa hai vị đó hay không?” “Trong trường hợp này, này Sumanā, ta tuyên bố là không có gì phân biệt hay khác biệt giữa sự giải-thoát [của người này] và sự giải-thoát [của người kia].” “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức-ăn và làm những việc công-đức, vì những việc đó sẽ hữu-ích cho mình khi mình trở thành thiên thần, thành người, hay khi xuất gia tu hành.” “Đúng vậy, này Sumanā! Đúng vậy, này Sumanā! Đúng thật, người ta có lý do tốt để cúng dường thức-ăn và làm những việc công-đức, vì những việc đó sẽ hữu-ích cho mình khi mình trở thành thiên thần, thành người, hay khi xuất gia tu hành.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vầy: “Giống như mặt trăng không ô uế,

Đi qua bầu trời không,
Với ánh sáng chiếu sáng khắp nơi
(Sáng) hơn cả tất cả những vì sao trong thế gian.
Người thành tựu về giới-hạnh cũng giống vậy,

Người được phú cho niềm-tin cũng vậy,
Chiếu sáng khắp nơi bằng sự bố-thí,
Cho tất cả người cùng khổ.
“Giống như bầu mây mưa trăm đỉnh,
Làm sấm sét, bao vòng bằng những tia chớp,
Trút xuống trái đất,
Làm ngập đồng bằng và vùng trũng.
Vị đệ tử của đức Thế Tôn cũng giống như vậy,
Là người trí hiền thành tựu về tầm-nhìn,
Hơn hẳn người keo kiệt về năm sự:
Tuổi thọ và sự vinh quang,
Sắc đẹp và sự hạnh phúc,1002
Có được sự giàu có.
Sau khi chết được hưởng phước trên cõi trời.”

32 (2) Công Chúa Cundī 1003 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) chỗ tìm thức-ăn của bầy sóc. Lúc đó có công chúa Cundī,1004 được hộ tống bởi năm trăm xe ngựa và năm trăm người nữ hầu, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Công chúa Cundī thưa với đức Thế Tôn: “Thưa đức Thế Tôn, anh trai của con là hoàng tử Cunda. Anh ấy nói như vầy: ‘Khi nào một người nam hay nữ đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, Tăng, và kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được

• 33

tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ.’ Con muốn hỏi đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, loại sư thầy nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ? Loại Giáo Pháp nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ? Loại Tăng Đoàn nào người ta nên có niềm-tin vào đó, để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, không phải một nơi-đến xấu dữ?” (1) “Này Cundī, dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc-thân hoặc không có sắc-thân, có nhận-thức hoặc không có nhận-thức, cho tới loại vừa không có nhận-thức vừa có nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm-tin vào Phật là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (2) “Này Cundī, dù những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi thứ. Những ai có niềm-tin vào Bát Thánh Đạo là

có niềm-tin vào đạo bậc nhất, và đối với ai có niềm- tin vào đạo bậc nhất thì kết quả là bậc nhất.1005 (3) “Này Cundī, dù những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi) hay không còn điều-kiện (vô vi) có cao siêu tới mức nào, sự chán-bỏ được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả sự đó, đó là, sự nghiền nát sự tự-cao, sự loại bỏ sự thèm-khát, sự bứng gốc sự ràng-buộc, sự kết-thúc vòng luân- hồi, sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp, trong sự chán-bỏ,1006 là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm-tin vào chỗ bậc nhất thì kết quả là bậc nhất. (4) “Này Cundī, dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn các đệ tử của Như Lai được tuyên bố là bậc

nhất trong tất cả; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn của Như Lai là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Những ai có niềm- tin vào Tăng Đoàn là có niềm-tin vào chỗ bậc nhất, và đối với ai có niềm- tin vào chỗ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất.” (5) “Này Cundī, dù có giới-hạnh nào có cao siêu tới mức nào, giới- hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả, đó là khi nó không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết ố, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính-chấp, dẫn tới đạt-định. Những ai hoàn thiện giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh là hoàn thiện thứ bậc nhất, và đối với ai hoàn thiện thứ bậc nhất, thì đạo quả sẽ là bậc nhất.” Đối với những ai có niềm-tin đối với chỗ bậc nhất,1007 Biết Giáo Pháp bậc nhất, Tin tưởng vào Đức Phật—bậc bậc nhất— Là bậc vô-thượng, bậc đáng cúng-dường; Đối với những ai có niềm-tin vào Giáo Pháp, Ở trong sự bình-an của sự chán-bỏ, Đối với ai có niềm-tin vào Tăng đoàn bậc nhất Là phước-điền tốt nhất ở trên đời; Đối với ai tặng quà cho chỗ bậc nhất, Thì loại bậc nhất của phước-đức sẽ gia tăng: Loại bậc nhất của tuổi thọ, sắc đẹp và huy hoàng, Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh. Người có trí cúng dường cho chỗ bậc nhất, Đạt định dựa trên Giáo Pháp bậc nhất, Sau khi này tái sinh thành tiên hay thành người, Sẽ vui-mừng, sau khi đã đạt được sự (phước quả) bậc nhất.

• 35

33 (3) Uggaha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bhaddiya trong Rừng Jātiyā. Lúc đó có Uggaha, là con trai của Meṇḍaka, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn cùng với ba vị Tỳ kheo khác1008 đồng ý nhận bữa cơm ngày mai của con (cúng dường).” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, ông Uggaha, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải, và đi về. Rồi, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của ông Uggaha, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi, ông Uggaha, con trai của Meṇḍaka, đã tự tay mình phục vụ đức Thế Tôn với những món ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và đã dẹp bình bát của mình, ông Uggaha mới ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế

Tôn, những cô con gái của con sẽ đi đến ở bên các gia đình phía chồng. Mong đức Thế Tôn khởi xướng và chỉ dạy chúng theo cách để dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng." Rồi đức Thế Tôn đã nói với các cô gái: (1) "Vậy thì, này các cô gái, các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Đối với người chồng nào mà cha mẹ chúng ta đã gả cho chúng ta——họ làm vậy vì mong muốn điều tốt đẹp cho cô ta, để tìm kiếm phúc lợi cho cô ta, đặt sự bi mẫn lên cô ấy, làm vì sự bi mẫn dành cho cô ấy— thì chúng ta sẽ thức dậy trước chồng và đi nghỉ sau chồng, đảm đương những việc cần được làm, hòa nhã trong hành-vi và khả ái trong lời-nói của chúng ta.' Các con nên tu tập bản thân như vậy. (2) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người mà chồng chúng ta kính

trọng—như cha mẹ chồng, các tu sĩ và bà-la-môn—và khi họ đến nhà chúng ta sẽ mời chỗ ngồi và nước uống.' Các con nên tu tập bản thân như vậy. (3) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ khéo léo và chú ý đến những công việc trong nhà của chồng, dù đó là việc đan thêu hay may vá; chúng ta sẽ có nhận định đúng đắn về những công việc để chúng ta làm và thu xếp một cách phù hợp.' Các con nên tu tập bản thân như vậy. (4) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ để ý đến những người giúp việc của nhà chồng—từ người hầu, người đưa tin, hay người làm công—để coi việc nào họ đã làm xong hay chưa làm; chúng ta sẽ tìm hiểu tình trạng sức khỏe của họ khi họ bị bệnh; và sẽ phân phát những phần thức-ăn đúng mức cho họ.' Các con nên tu tập bản thân như vậy. (5) "Và các con nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ phòng hộ và bảo vệ những thu nhập mà chồng mang về—dù đó là tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—và chúng ta sẽ không tiêu phá, gian cắp, phá hoại, hay tiêu xài lãng phí những thu nhập đó của chồng.' Các con nên tu tập bản thân như vậy. "Này các cô gái, khi một người phụ nữ có được năm phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái (đẹp, đáng thích)."1009 Vợ thì không coi thường chồng, Là người đã liên tục nuôi nấng mình, Là người luôn nhiệt tình và hăng hái Mang về cho vợ mọi thứ cô cần có. Một người vợ tốt cũng không mắng chửi chồng, Bằng những lời lẽ do sự ghen tỵ mà ra;1010 Người vợ khôn ngoan thì thể hiện sự kính trọng Đối với những người mà chồng mình kính trọng.

Vợ thức dậy sớm, làm việc siêng năng,
Quản lý việc nội trợ trong nhà;
Vợ đối xử với chồng bằng những cách khả ái,
Và bảo vệ của cải chồng làm ra.
Người phụ nữ hoàn thành những bổn phận như vậy,
Theo ý chí và ước muốn của chồng,
Thì sẽ được tái sinh trong số những thiên thần
Được gọi là "những vị tiên khả ái".

34 (4) Tướng Quân Sīha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có tướng quân Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:1011 “Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra một kết-quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền) 1012 của việc bố-thí?” “Được, này ông Sīha”, đức Thế Tôn nói. (1) “Này ông Sīha, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Đây là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí. (2) “Lại nữa, những người tốt được nhờ vào người bố-thí, người rộng lòng bố-thí. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố- thí. (3) “Lại nữa, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, tạo được danh tiếng tốt. Đây cũng là một kết quả có thể nhìn thấy trực tiếp của sự bố-thí. (4) “Lại nữa, ở hội chúng đoàn thể nào mà một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ (sa-môn)—thì người đó sẽ đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh.1013 Đây cũng là một kết quả có thể nhìn

thấy trực tiếp của sự bố-thí. (5) “Lại nữa, khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là một kết-quả thuộc kiếp sau của sự bố-thí.”1014 Sau khi điều này được nói ra, tướng Sīha đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Con cũng biết về bốn điều đó. Vì con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và con là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và nhiều người tốt nhờ vào con. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và con đã tạo được danh tiếng tốt là một người thí chủ, người tài trợ, và người ủng hộ Tăng Đoàn. Con là một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi, và dù là hội chúng nào mà con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—con đều đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về bốn kết-quả được nhìn thấy trực tiếp này của sự bố-thí mà đức Thế Tôn đã mới nói ra. Vì con cũng biết về bốn điều đó. Nhưng (điều thứ năm) về kết-quả kiếp sau của sự bố-thí, con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn.” “Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố-thí, người rộng lòng cho-đi được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.” Do bố-thí, người đó đáng mến, và nhiều người tốt được nhờ, Người đó đạt được tiếng tốt và danh tiếng gia tăng. Người rộng lòng thì bình-tĩnh và tự-tin Khi bước vào mấy chỗ hội chúng. Vậy đó, muốn tìm hạnh phúc người trí cho-đi. Và sau khi tẩy sạch ô-nhiễm của tính keo-kiệt. Họ được an trú trong ba cõi trời,

• 39

Họ vui sướng sống đại thọ ở đó,
Cùng với những thiên thần.
Sau khi tận dụng cơ hội làm những việc thiện,

Sau khi chết từ đây,
Họ tự sáng tỏ,
Và dạo chơi trong vườn lạc viên Nandana,1015
Ở đó họ vui chơi, hưởng lạc
Được chu cấp với năm thứ dục-lạc cõi trời.
Sau khi thực hiện lời dạy của bậc Ổn Định đã hết ràng buộc,
Vị đệ tử của bậc Phúc Lành được hưởng phúc trên cõi trời.
35 (5) Những Lợi Ích Của Sự Bố Thí "Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của việc bố-thí. Năm đó là gì? (1) Người bố-thí là dễ thương và dễ mến đối với nhiều người. (2) Những người tốt nhờ được người đó. (3) Người đó tạo được danh tiếng tốt. (4) Người đó không thất thiếu về bổn phận của người tại gia. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi của việc bố-thí." Do bố-thí, một người là đáng mến, Là người làm theo nghĩa vụ của điều thiện; Những Tỳ kheo thiện tâm tự chủ, Luôn nhờ được vào người bố-thí. Và họ chỉ dạy lại Giáo Pháp, Để xua tan tất cả sự khổ, Sau khi ngộ được trạng thái vô-nhiễm, Người đó kiếp này chứng luôn Niết-bàn.

36 (6) Hợp Lúc "Này các Tỳ kheo, có năm món quà hợp lúc. Năm đó là gì? (1) Tặng

quà cho khách đến thăm. (2) Tặng quà cho người chuẩn bị lên đường đi xa. (3) Tặng quà cho người bệnh. (4) Tặng quà trong thời gian nạn đói. (5) Tặng những trái quả và nông sản lúc mới thu hoạch cho những người đứchạnh. Đây là năm món quà hợp lúc." Vào lúc thích hợp, những người có trí, Người từ thiện, và người rộng lòng, Cúng tặng món quà hợp lúc cho những bậc thánh, Những bậc ổn định và chánh trực; Cúng dường với cái tâm trong sáng, Thì sự cúng dường đó là lớn lao.

37 (7) Thức-ăn "Này các Tỳ kheo, Một thí chủ cho tặng thức-ăn là cho tặng người nhận năm thứ. Năm đó là gì? Người đó cho tặng tuổi-thọ, sắc-đẹp, hạnh- phúc, sức-mạnh, và sự sáng-suốt.1016 (1) Bằng sự cho tặng tuổi-thọ, người đó sẽ được phú cho tuổi-thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) Bằng sự cho tặng sắc-đẹp, người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (3) Bằng sự cho tặng hạnh-phúc, người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (4) Bằng sự cho tặng sức-mạnh, người đó sẽ được phú cho sức-mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. (5) Bằng cách cho tặng sự sáng-suốt, người đó sẽ được phú cho sự sáng-suốt, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một thí chủ cho tặng thức-ăn là cho tặng năm thứ như vậy." Người có trí là người biết cho tặng: Tuổi thọ, sức mạnh, sắc đẹp, và sự sáng suốt. Người thông minh là người cho tặng sự hạnh phúc, Và sẽ nhận lại sự hạnh phúc. Sau khi đã cho tặng tuổi thọ, Sức mạnh, sắc đẹp, sự hạnh phúc, và sự sáng suốt, Người đó sống thọ và uy tín,

Ở nơi người đó sẽ tái sinh trong đó.

38 (8) Niềm-tin “Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi đưa đến cho người học tộc có niềm-tin. Năm đó là gì? (1) Khi những người tốt trong thế gian thể hiện lòng bi-mẫn, trước tiên họ thể hiện lòng bi-mẫn tới người có niềm-tin,1017 sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (2) Khi họ gặp gỡ ai, trước tiên họ gặp gỡ những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (3) Khi họ nhận đồ cúng dường, trước tiên họ nhận từ những người có niềm-tin, sau đó mới từ người không có niềm-tin. (4) Khi họ chỉ dạy Giáo Pháp, trước tiên họ chỉ dạy Giáo Pháp cho những người có niềm-tin, sau đó mới tới những người không có niềm-tin. (5) Khi thân tan rã, sau khi chết, người có niềm-tin được tái sinh trong một nơi- đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích lợi đưa đến cho một người hộ tộc có được niềm-tin. “Giống trên chỗ đất bằng ở ngã tư đường, có một cây đa đề [banyan] lớn là nơi trú nhờ của chim chóc xung quanh. Cũng giống như vậy, người họ tộc được phú cho niềm-tin trở thành chỗ nương nhờ của nhiều người như: các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và nữ.” Một cây lớn với thân to lớn, Đầy đủ cành, lá, quả, Rễ vững chắc, trái quả đang xum xuê, Là chỗ nương dựa của nhiều chim chóc. Sau khi bay qua bầu trời, Chim ghé nhờ cơ sở thích thú này: Những con cần bóng mát thì hưởng thụ bóng mát; Những con cần trái quả thì hưởng thụ trái quả. Cũng giống vậy, khi một người có giới-hạnh, Được phú cho niềm-tin, Có tư cách khiêm tốn, nhún nhường,

Hiền từ, mở lòng, mềm mại,
Thì những người là ruộng phước trong thế gian—
Đã hết tham và sân,
Đã hết si, không còn ô-nhiễm—
Sẽ nương nhờ vào người đó.
Và họ chỉ dạy lại Giáo Pháp,
Để xua tan tất cả sự khổ,
Sau khi ngộ được trạng thái vô-nhiễm,
Người đó kiếp này chứng luôn Niết-bàn.

39 (9) Con Trai “Này các Tỳ kheo, sau khi xem xét về năm triển vọng, cha mẹ mong muốn một con trai được sinh ra trong gia đình. Năm đó là gì? (1) ‘Sau khi được chúng ta nuôi dưỡng, con trai sẽ nuôi dưỡng chúng ta. (2) Hoặc nó sẽ làm công việc cho chúng ta. (3) Dòng dõi gia đình sẽ được mở rộng. (4) Nó sẽ coi quản của thừa kế. (5) Hoặc chuyện khác, khi chúng ta qua đời, nó sẽ thay mặt chúng ta thực hiện việc bố thí cúng dường.’ Sau khi xem xét về năm triển vọng này, cha mẹ mong muốn con trai được sinh ra trong gia đình.”

40 (10) Những Cây Sa-La 1018 “Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya (Hy mã lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sa-la to lớn lớn lên theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về vỏ cây; (3) chúng lớn lên về chồi; (4) chúng lớn lên về gỗ mềm; (5) chúng lớn lên về gỗ lõi. Dựa trên núi Himalaya, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo năm cách như

vậy. “Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình 1019 được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng

• 43

thành (chín chắn) theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2) họ trưởng thành về giới-hạnh; (3) họ trưởng thành về sự họchiểu; (4) họ trưởng thành về sự (tâm) bố-thí; và (5) họ trưởng thành về trítuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo năm cách như vậy.” Giống như khi những cây lớn lên, Nhờ dựa vào núi đá, Trong bao la rừng hoang, Có thể trở thành những đại vương thụ của rừng. Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình, Có được niềm-tin và giới-hạnh, Thì vợ, con, thân quyến đều nhờ dựa theo ông để trưởng thành; Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy. Những người nhìn thấy giới-hạnh của ông, Tâm rộng lòng bố-thí, Và những việc thiện của ông, Họ sẽ làm theo gương ông ấy. Ở đây (đời này) sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp, Theo con-đường (đạo) dẫn tới nơi-đến tốt lành, Những người thích vui sướng [dục lạc], Được hưởng lạc trong cõi tiên.

NHÓM 5. VUA MUṆḌA

41 (1) Sử Dụng Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới

nói với ông: “Này gia chủ, có năm sự sử dụng tài sản như vầy. Năm đó là gì?1020 “Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm năm việc xứng đáng. Năm đó là gì? (1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (i) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (ii) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iii) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là sự sử dụng thứ nhất đối với tài sản. (2) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là sự sử dụng thứ hai đối với tài sản. (3) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là sự sử dụng thứ ba đối với tài sản. (4) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng lễ: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là sự sử dụng thứ tư đối với tài sản (5) “Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh

thiện thiết lập một sự cúng dường cao thượng là cúng dường thức ăn—đó là một sự cúng dường thuộc cõi trời (phạm trú thí), dẫn tới an lạc, đưa đến (tái sinh) cõi trời—cho những tu sĩ và những bà-la-môn là

• 45

những người đã kiềm chế khỏi sự say-sưa (phù hoa) và sự lơ-tâm phóng dật, những người đã sống an-định trong sự nhẫn-nhịn và hiền-từ, là những người thuần-hóa hóa bản thân mình, làm tĩnh-lặng bản thân mình, và tu- tập bản thân để đạt tới Niết-bàn. Đây là sự sử dụng thứ năm đối với tài sản “Này gia chủ, đây là năm sự sử dụng tài sản. Này gia chủ, nếu tài sản của một đệ tử (tại gia) thánh thiện được dùng hết sau khi người đó đã sử dụng nó theo năm cách này, người đó nghĩ: ‘Tôi đã sử dụng tài sản theo năm cách này và tài sản của tôi đã dùng hết.’ Như vậy người đó không có sự tiếc-nuối. Nhưng nếu tài sản của một đệ tử (tại gia) thánh thiện gia tăng sau khi người đó đã sử dụng nó theo năm cách này, người đó nghĩ: ‘Tôi đã sử dụng tài sản theo năm cách này và tài sản của tôi đã gia tăng.’ Như vậy theo cách nào người đó cũng không có sự hối-tiếc.” “Tôi đã hưởng thụ sự tài sản, Đã nuôi nấng những người thân, Và đã vượt qua những nghịch cảnh. Tôi đã làm sự cúng dường cao thượng, Và đã thực hiện năm sự dâng cúng. Tôi đã phục vụ những Tỳ kheo đức hạnh, Là những vị tự chủ sống độc thân. “Tôi đã thành tựu mọi mục đích, Mà một người trí, đang sống tại gia Có thể muốn làm khi mong cầu sự giàu có. Những việc tôi đã làm tôi không hề hối tiếc.” Tưởng niệm điều này, một người sinh tử Giữ mình ổn định trong Giáo Pháp thánh thiện. Người ta khen ngợi người đó ở đây trong kiếp này. Và sau khi chết người đó hưởng phước trên cõi trời.

42 (2) Người Tốt “Này các Tỳ kheo, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình,

46 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó, (2) của vợ và con cái của người đó, (3) của những nô bộc, người làm, và người hầu cận của người đó, (4) của bạn bè và đồng nghiệp của người đó, và (5) của những tu sĩ và bà-la-môn. “Giống như đám mây (làm) mưa lớn sẽ tưới tốt những mùa màng, nó xuất hiện vì sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Cũng giống như vậy, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó … (5) của những tu sĩ và bà-la-môn.” Những thiên thần phò hộ người được phòng hộ bởi Giáo Pháp,1021 Người đã biết quản lý tài sản vì phúc lợi của nhiều người. Tiếng tốt không bỏ người kiên định trong Giáo Pháp, Người có học-hiểu và có giới-hạnh và có sự giữ-giới. Ai mà xứng đáng để chê trách người đó Là bậc đứng vững trong Giáo Pháp Đã thành tựu về giới-hạnh Là một bậc thuyết giảng về sự-thật Có được ‘cảm nhận biết xấu-hổ’ [tinh khiết] như đồng tiền làm từ vàng tinh? Những thiên thần còn khen ngợi bậc ấy; Trời Brahmā cũng ngợi khen bậc ấy.

43 (3) Người Tốt Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông: “Này gia chủ, có năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Tuổi-thọ là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được

• 47

trong thế gian. (2) Sắc-đẹp … (3) Hạnh-phúc … (4) Danh-tiếng … (5) (Sự tái sinh trong) những cõi-trời là điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian.1022 “Này gia chủ, đây là năm điều thường được ước, được mong, và được muốn nhưng khó đạt được trong thế gian, ta nói vậy, không đạt được bằng những sự cầu nguyện hay ước nguyện. Nếu năm điều này thường được ước, được mong, và được muốn có thể đạt được bằng sự cầu nguyện hay ước nguyện, vậy thì ở đây có ai thiếu (khả năng đó) đâu? (ai cũng cầu được ước có, thì đâu cần phải nỗ lực tu hành chuyển nghiệp để làm gì) (1) “Này gia chủ, người đệ tử thánh mong muốn tuổi-thọ thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó.1023 Một đệ tử thánh thiện mong muốn tuổi-thọ thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến tuổi-thọ.1024 Vì khi người đó tu tập con- đường đưa dẫn tới tuổi-thọ, nó sẽ dẫn tới đạt được tuổi-thọ, và người đó sẽ đạt được tuổi-thọ dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (2) “Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn sắc-đẹp … (3) … mong muốn hạnh-phúc … (4) … mong muốn danh-tiếng thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được nó. Một đệ tử thánh thiện mong muốn sắc-đẹp … danh-tiếng thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến sắc-đẹp … danh-tiếng. Vì khi người đó tu tập con-đường đưa dẫn tới sắc-đẹp … danh-tiếng, nó sẽ dẫn tới đạt được sắc-đẹp … danh-tiếng, và người đó sẽ đạt được sắc-đẹp … danh-tiếng (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. (5) “Này gia chủ, người đệ tử thánh thiện mong muốn (tái sinh trong) những cõi-trời thì không phải cầu nguyện, hay chỉ thích thú nó, hay [chỉ ngồi đó] khao khát nó là có được chúng. Một đệ tử thánh thiện mong muốn những cõi-trời thì nên tu tập theo con-đường đưa dẫn đến cõi-trời. Vì khi người đó tu tập con-đường đưa dẫn tới cõi-trời, nó sẽ dẫn tới đạt được những cõi-trời, và người đó sẽ đạt được những cõi-trời.”1025 Đối với người ước được tuổi thọ, sắc đẹp, danh tiếng,1026

48 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

Sự khen ngợi, sự (tái sinh trong) cõi trời, những gia đình cao quý,
Và những khoái lạc cao sang
Lần lượt tiếp nối nhau,
Thì bậc trí hiền đề cao sự chuyên-chú,
Trong sự làm những việc công-đức.
Nhờ sự chuyên-chú, người trí bảo đảm được
Cả hai sự tốt lành:
Sự tốt lành trong kiếp này,
Và sự tốt lành trong kiếp sau.

Bằng cách đạt được sự tốt lành,1027 bậc ổn-định
Được gọi là một bậc của trí-tuệ.
44 (4) Người Bố Thí Những Thứ Đáng Thích Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở thành Vesālī, tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Ugga ở Vesālī đã ra gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích [thứ tốt, ngon, có giá trị] sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, cháo con nấu từ hoa sa-la là đáng thích.1028 Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi-mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi-mẫn. "Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, phần 'món ăn' nấu với táo tàu1029 ... phần rau cọng xào1030 ... phần cơm nấu từ gạo nương không có những hạt đen, ăn kèm mấy loại nước sốt và gia vị là ngon. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi-mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi-mẫn.

• 49

"Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, vải làm từ lụa Kāsi là êm ái. Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn. "Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe và học được: 'Người bố thí thứ đáng thích sẽ đạt được thứ đáng thích.' Thưa Thế Tôn, trường kỷ của con được trải bằng thảm, có chăn mền, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu, là êm ái. Mặc dù con biết những thứ (cao sang) này không được dùng bởi đức Thế Tôn, tấm ván gỗ đàn hương này của con trị giá bạc ngàn.1031 Mong đức Thế Tôn nhận từ con, vì lòng bi mẫn." Đức Thế Tôn đã nhận, vì lòng bi mẫn. Rồi đức Thế Tôn nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī như vầy: "Người bố thí thứ tốt thì sẽ nhận được thứ tốt, Khi người đó hết lòng cúng dường cho những bậc chánh trực, Vải vóc, chỗ nằm, thức ăn, thức uống, Và những thứ nhu yếu khác. "Sau khi đã biết những A-la-hán như ruộng phước, Là chỗ cho-đi và cúng-dường, chứ không giữ lại,1032 Người thiện cho đi thứ khó cho đi: Người bố thí thứ đáng thích thì sẽ nhận được thứ đáng thích." Rồi, sau khi đã nói lời cảm ơn với gia chủ Ugga ở Vesālī, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Rồi, vào một thời sau đó, gia chủ Ugga ở Vesālī đã qua đời. Sau khi chết, gia chủ Ugga ở Vesālī đã tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm.1033 Rồi, trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, thiên thần trẻ Ugga, với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị

thiên thần:

“Này tiên Ugga, ta hy vọng điều đó đúng như tiên đã mong ước.”
“Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn, đúng như con đã mong ước.”
Rồi đức Thế Tôn đã đọc cho vi tiên trẻ Ugga những dòng kệ sau đây:
“Người cho tặng những thứ đáng thích
Thì đạt được những thứ đáng thích;
Người cho những quý nhất
Thì đạt được những thứ quý nhất;
Người cho những thứ hay nhất
Thì đạt được những thứ hay nhất;
Người cho những thứ tốt nhất
Thì đạt được trạng thái tốt nhất.
“Người cho thứ tốt nhất
Người cho thứ quý nhất
Người cho thứ hay nhất,
Thì sống trường thọ và danh tiếng,
Cho dù tái sinh ở cõi nào.”1034
45 (5) Những Dòng Phước Đức 1035 “Này các Tỳ kheo, có năm dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. Năm đó là gì? “(1) Khi có một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô lượng trong khi đang sử dụng y-phục [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo được một dòng chảy của phước đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một dưỡng chất của hạnh phúc … dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (2) Khi có một Tỳ kheo chứng nhập và an

trú trong sự định-tâm vô lượng trong khi đang sử dụng thức-ăn … (3) chỗ trú-ở … (4) … chỗ-nằm và ghế-ngồi … (5) thuốc-thang và chu cấp cho người bệnh [đã được cúng dường cho mình], thì người [cúng dường; thí chủ] tích tạo được một dòng chảy của phước đức vô lượng, là một dòng chảy của thiện lành, một dưỡng chất của hạnh phúc … dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. “Đây là năm dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được năm dòng chảy của phước-đức, là năm dòng chảy của điều thiện, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước-đức của người đó, là dòng chảy của điều thiện, dưỡng chất của hạnh phúc của người đó là nhiều bao nhiêu vầy hay bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng. “Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều

ngàn thùng nước',1036 hay 'nhiều trăm ngàn thùng nước' như vầy hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng. Cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được năm dòng chảy phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức khổng lồ, vô lường, vô lượng." "Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quần chúng, Đều chảy xuống dốc, Cuối cùng ra tới biển, Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên, Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu; "Giống vậy, những dòng chảy ùa (phước đức) tới người có trí— Là người biết bố thí thức ăn, thức uống, y phục,

[Chúng ùa tới] người bố thí giường chiếu, chỗ ngồi, và chăn mền Như những dòng sông mang nước ùa ra biển cả."

46 (6) Những Thành Tựu "Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự học-hiểu, thành tựu về sự bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là năm sự thành tựu."

47 (7) Sự Giàu Có "Này các Tỳ kheo, có năm sự giàu có này. Năm đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về sự học-hiểu, sự giàu có về sự bố-thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là năm sự giàu có. (1) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giàu có về niềm-tin? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây được gọi là sự giàu có về niềm-tin. (2) "Và cái gì là sự giàu có về giới-hạnh? Ở đây, một đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự giàu có về giới-hạnh. (3) "Và cái gì là sự giàu có về sự học-hiểu? Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã học hiểu nhiều, ghi nhớ những điều đã học, và tích lũy những điều đã học. Những giáo lý đó là tốt lành từ ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng tuyên bố (cho thấy)

đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã bằng tâm điều tra tìm hiểu, và đã thâm nhập một cách khéo léo bằng (chánh)-kiến.1037 Đây được gọi là sự giàu có về sự học-hiểu. (4) "Và cái gì là sự giàu có về sự bố-thí? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ- thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây được gọi là sự giàu có về sự bố- thí. (5) "Và cái gì là sự giàu có về trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí; người đó có được (loại) trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và sự diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn

chấm-dứt khổ. Đây được gọi là sự giàu có về trí-tuệ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự giàu có.”

Khi người có niềm-tin vào Như Lai,1038
(Niềm-tin) bất lay chuyển và được thiết lập thiện khéo,
Và những giới-hạnh là tốt thiện
Được những bậc thánh nhân yêu quý và khen ngợi;
Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn
Và cách-nhìn của người đó đã được chánh trực,
Thì người ta nói rằng người đó là không nghèo nàn,
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.
Bởi vậy một người thông minh,
Ghi nhớ lời dạy của Đức Phật,
Nên chú ý đến niềm-tin và giới-hạnh,
Đến sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.
48 (8) Những Tình Cảnh

54 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

“Này các Tỳ kheo, có năm tình cảnh không thể có được (đạt được) bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian. Năm đó là gì? (1) ‘Cầu mong thứ phải già mà không bị già!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (2) ‘Cầu mong thứ phải bệnh mà không bị bệnh!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (3) ‘Cầu mong thứ phải chết mà không bị chết!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (4) ‘Cầu mong thứ phải tàn hoại mà không tàn hoại!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (5) ‘Cầu mong thứ phải mất mà không bị mất!’: đây là một tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn … hay bất kỳ ai trong thế gian. (I) (1) “Này các Tỳ kheo, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bị già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó không biết suy xét như vầy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải bị già thì sẽ già. Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải bị già cũng sẽ già. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải già mà già đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.’ Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó. (2) “Lại nữa, đối với người phàm phu không được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh … (3) thứ phải chết thì sẽ chết … (4) thứ phải tàn hoại thì sẽ tàn hoại … (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy ra, người đó không biết suy xét như vầy: ‘Đâu phải

chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ

• 55

mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.’ Do không biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó cứ buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí. Đây được gọi là một người phàm phu không được chỉ dạy bị trúng mũi tên độc ưu-sầu, nó cứ làm đau đớn người đó.

(II) (1) “Này các Tỳ kheo, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải già thì sẽ già. Khi hiện thực này xảy ra, người đó biết suy xét như vầy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.’ Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó không buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, hay bị quẩn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhổ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đớn người phàm phu không được chỉ dạy. Hết ưu-sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn.1039

(2) “Lại nữa, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, thứ gì phải bệnh thì sẽ bệnh … (3) thứ phải chết thì sẽ chết … (4) thứ phải tàn hoại thì sẽ tàn hoại … (5) thứ phải mất thì sẽ mất. Khi hiện thực này xảy ra, người đó biết suy xét như vầy: ‘Đâu phải chỉ đối với ta thứ phải mất thì sẽ mất … Đối với tất cả mọi chúng sinh đến và đi, mất đi và tái sinh, thứ phải mất cũng sẽ mất. Nếu ta có buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, và bị quẩn trí mỗi khi có thứ phải bị mất mà mất đi, (thì cũng chẳng thay đổi

được gì cái hiện thực đó), ta chỉ càng khản cổ khô họng ăn hết ngon và mặt mày nhăn nhúm thành xấu xí mà thôi. Rồi ta không làm gì ra việc gì, kẻ thù ta càng thêm vui sướng, và bạn bè ta càng thêm buồn lòng.’ Do biết suy xét như vậy, nên mỗi khi có thứ phải già mà già đi, người đó không buồn, sầu, than khóc, đấm ngực, hay bị quẩn trí. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy đã nhổ mũi tên độc ưu-sầu, mũi tên độc chỉ làm đau đớn người phàm phu không được chỉ dạy. Hết ưu-sầu, hết mũi tên độc, vị đệ tử thánh thiện chứng ngộ Niết-bàn. “Này các Tỳ kheo, đây là năm tình huống không thể có được bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian.” “Không phải bằng sự buồn sầu và than khóc, Làm vậy chỉ có được sự tốt tối thiểu mà thôi.1040 Khi biết một người ưu-sầu và buồn bã như vậy Những kẻ thù của người đó càng vui mừng. “Khi một người

có trí không rung rẩy trước những nghịch cảnh, Biết cách quyết định điều gì là tốt, Thì kẻ thù của người đó càng buồn rầu Sau khi nhìn thấy sắc mặt người đó trước sau không đổi. “Hễ khi nào một người có thể đạt được sự tốt cho mình, Dù bằng cách nào—bằng sự tán tụng, thần chú, châm ngôn, Đồ cúng, hay truyền thống—1041 thì người đó Cứ cố gắng làm theo cách như vậy. “Nhưng nếu một người hiểu: ‘Sự tốt này không thể đạt được bởi ta hay bất cứ ai’, Thì người đó nên chấp nhận tình cảnh mà không ưu-sầu, Chỉ cần nghĩ rằng: ‘Nghiệp này mạnh; giờ tôi biết làm gì?’”

49 (9) Kosala Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu

• 57

Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tư- nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất-la) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. [Bấy giờ, ngay lúc đó hoàng hậu Mallikā vừa mới chết.]1042 Có người đến gặp nhà vua và tâu nhỏ vào tai nhà vua rằng: “Thưa đại vương, hoàng hậu Mallikā mới chết rồi.” Khi điều này được nói ra, nhà vua vô cùng đau đớn và buồn bã, và vua ngồi đó với hai vai chùn xuống, mặt úp xuống, nhăn nhúm đau khổ, và không nói nên lời. Rồi đức Thế Tôn, sau khi biết được tình cảnh của nhà vua, mới nói với nhà vua: “Này đại vương, có năm tình huống không thể có được (đạt được) bởi một tu sĩ hay bà-la-môn, bởi một thiên thần, hay Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất kỳ ai trong thế gian.” [Phần còn lại giống như kinh 5:48 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

50 (10) Ngài Nārada Trong một lần có Ngài Nārada đang sống ở Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành) trong khu Vườn Gà. Bấy giờ, ngay lúc đó, có hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, vừa mới chết. Vì cái chết của hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xức dầu, không ăn uống hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sầu nghĩ quẩn bên xác của hoàng hậu Bhaddā. Rồi nhà vua đã ra lệnh cho quan ngân khố là Piyaka: “Này thiện thần Piyaka, hãy đặt xác của hoàng hậu trong một thùng sắt chứa đầy dầu và đóng kín nó trong một thùng sắt khác để chúng ta có thể nhìn thấy xác hoàng hậu được lâu hơn.” “Dạ, thưa đại vương”, quan ngân khố Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua …] Rồi ý nghĩ này xảy đến với vị quan ngân khố Piyaka: “Hoàng hậu Bhaddā của Vua Muṇḍa, rất được ông yêu quý, đã chết. Vì cái chết của

hoàng hậu, nhà vua không buồn tắm rửa, không xức dầu, không ăn uống hay làm việc gì nữa. Suốt ngày và đêm, nhà vua chỉ lo nghĩ sầu nghĩ quẩn bên xác của hoàng hậu. Liệu có sa-môn hay bà-la-môn nào để Vua Muṇḍa có thể đến thăm, để mà, sau khi nghe Giáo Pháp của vị ấy, nhà vua mới dẹp bỏ được mũi tên ưu-sầu này?” Rồi ý nghĩ này xảy đến với Piyaka: “Ngài Nārada hiện đang sống ở Pāṭaliputta, trong khu Vườn Gà. Hiện tin đồn tốt lành về Ngài Nārada đã được lan truyền như vầy: ‘Vị ấy là có trí, giỏi giang, thông minh, học hiểu nhiều, là người thuyết giảng hay khéo, có tài hùng biện, chín chắn, và là một A-la-hán.’ Giả sử Vua Muṇḍa đến thăm Ngài Nārada: có lẽ nếu nghe Giáo Pháp của Ngài Nārada, nhà vua có thể dẹp bỏ được mũi tên ưu-sầu này.” [Rồi vị

quan đã trình bày lại ý nghĩ đó cho nhà vua …] … [Nhà vua nói:] “Được, này thiện thần Piyaka, hãy thông báo cho Ngài Nārada. Và làm sao một người như ta nghĩ đến chuyện cứ đường đột đến gặp một sa- môn hay bà-la-môn đang sống trong địa phận của vị ấy mà không thông báo trước cho vị ấy?” “Dạ, thưa đại vương”, Piyaka đáp lại. [Rồi vị quan đã đến gặp thầy Nārada và báo lại toàn bộ tình huống cho thầy ấy biết … và thầy Nārada nói:] “Vậy mời Vua Muṇḍa cứ tùy tiện mà đến.” [Rồi Piyaka kính lễ chào thầy Nārada, và về bẩm báo lại cho nhà vua như vậy … Và nhà vua nói:] “Vậy thì, thiện thần Piyaka, hãy cho chuẩn bị những cỗ xe ngựa tốt nhất!” “Dạ, thưa đại vương”, Piyaka đáp lại. [Rồi ông làm theo yêu cầu của nhà vua … và quay lại báo cho nhà vua đã chuẩn bị xong …] Rồi Vua Muṇḍa đã lên một cỗ xe đẹp, cùng với những xe khác, với toàn bộ uy nghi vương triều, lên đường tiến đến khu Vườn Gà để gặp thầy

• 59

Nārada … Nhà vua đến gặp và kính lễ thầy Nārada, và ngồi xuống một bên. Thầy Nārada mới nói với nhà vua: [Toàn bộ phần nội dung của kinh 5:48 ở trên, gồm cả phần thi kệ.]

Sau khi những lời này được nói ra, Vua Muṇḍa đã hỏi thầy Nārada: “Thưa Thầy, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?” “Này đại vương, bài thuyết giảng Giáo Pháp này được đặt tên là ‘sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu’.”1043 “Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu! Chắc vậy rồi, thưa Thầy, đó chính là sự nhổ bỏ mũi tên ưu-sầu! Sau khi nghe bài thuyết giảng Giáo Pháp này, tôi đã dẹp bỏ mũi tên ưu-sầu.” Rồi Vua Muṇḍa mới nói với quan ngân khố Piyaka: “Vậy là, này thiện thần Piyaka, hãy cho thiêu xác của hoàng hậu Bhaddā đi, và xây một đồi đất (lăng mộ, như bảo tháp) để tưởng niệm về hoàng hậu. Từ bữa nay ta sẽ tắm rửa lại, và xức dầu, và ăn uống đầy đủ các bữa, và làm những công việc của ta.”

60 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

• 61

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI

51 (1) Những Trở Ngại Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có năm sự trở ngại, là những chướng-ngại (triền cái), những sự cản trở của tâm, những trạng thái làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (1) Tham-dục là một sự trở ngại, là một chướng-ngại, một sự cản trở của tâm, một trạng thái làm suy yếu trí-tuệ. (2) Sự ác-ý … (3) Sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm thụy miên) … (4) Sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá) … (5) Sự nghi-ngờ là một sự trở ngại, là một chướng- ngại, một sự cản trở của tâm, một trạng thái làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm sự trở ngại, là những chướng-ngại … làm suy yếu trí-tuệ. (I) “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm sự trở ngại đó, là những chướng-ngại … làm suy yếu trí-tuệ, thì không thể nào một Tỳ

kheo, với trí-tuệ thiếu lực và yếu ớt, có thể biết được sự tốt của mình, sự tốt của người khác, hay sự tốt của cả mình và người, hay có thể chứng ngộ được sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh. “Ví dụ có con sông chảy từ trên núi, chảy đi xa, với dòng chảy xiết, cuốn theo mọi thứ trôi nổi. Rồi đến một chỗ hai bên bờ người ta đào những kênh thủy lợi.1044 Trong trường hợp này, dòng chảy thẳng giữa sông sẽ bị phân tán, lan tràn, và bị chia hướng, cho nên dòng sông không

còn chảy xa đến đâu, không còn chảy xiết, không còn cuốn đi nhiều thứ trôi nổi. Cũng giống như vậy, nếu không dẹp bỏ năm sự trở ngại, là những chướng-ngại … thì không thể nào một Tỳ kheo … có thể chứng ngộ đượ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh. (II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ năm sự trở ngại đó, là những chướng-ngại … làm suy yếu trí-tuệ, thì có thể rằng một Tỳ kheo, với trí-tuệ mạnh mẽ, có thể biết được sự tốt của mình, sự tốt của người khác, và sự tốt của cả mình và người, và có thể chứng ngộ được sự khác- biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh. “Ví dụ có con sông chảy từ trên núi, chảy đi xa, với dòng chảy xiết, cuốn theo mọi thứ trôi nổi. Rồi người ta đóng chặn tất cả những kênh thủy lợi ở hai bên bờ sông. Trong trường hợp này, dòng chảy thẳng giữa sông sẽ không bị phân tán, lan tràn, hay bị chia hướng, cho nên dòng sông có thể chảy đi xa, chảy xiết, và cuốn đi mọi thứ trôi nổi. Cũng giống như vậy, sau khi đã dẹp bỏ năm sự trở ngại, là những chướng-ngại … thì có thể rằng một Tỳ kheo … có thể chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của những bậc thánh.”

52 (2) Một Đống “Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đống bất thiện chính là năm chướng-ngại (ngũ triền cái)’ thì đó là người nói một cách đúng đắn.1045 Vì năm chướng-ngại là cả một đống bất thiện. Năm đó là gì? Chướng ngại tham-dục, chướng ngại sự ác-ý, chướng ngại sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, chướng ngại sự bất-an và hối-tiếc, chướng ngại sự nghi-ngờ. Nếu ai nói ‘một đống bất thiện chính là năm chướng-ngại’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi vì năm chướng-ngại là cả một đống bất thiện.”

53 (3) Những Yếu Tố

• 63

“Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố này trợ giúp sự chuyên-cần tu (tinh cần). Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu- biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) “Người đó hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự chuyên-cần tu. (3) “Người đó chân thật và cởi mở, người thể hiện đúng như bản thân mình đối với Vị Thầy và những đồng đạo trí hiền của mình. (4) “Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh

tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ là khỏi bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) “Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm yếu tố trợ giúp cho sự chuyên-cần tu.”

54 (4) Những Thời (I) “Này các Tỳ kheo, có năm thời bất lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập (tinh cần). Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo bị già, bị khuất khục bởi sự già yếu. Đây là thời thứ nhất bất lợi cho sự chuyên-cần tu.

(2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo bị bệnh, bị khuất khục bởi bệnh đau. Đây là thời thứ hai bất lợi cho sự chuyên-cần tu. (3) “Thêm nữa, khi có nạn đói, mùa màng thất bát, là thời khó có được thức-ăn cúng dường, và không dễ sống qua ngày bằng cách khất thực chỗ này chỗ nọ.1046 Đây là thời thứ ba bất lợi cho sự chuyên-cần tu. (4) “Thêm nữa, khi có bạo loạn giặc giã, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Đây là thời thứ tư bất lợi cho sự chuyên-cần tu. (5) “Thêm nữa, khi có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, và khi đó có những sự sỉ nhục lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau, chê bai lẫn nhau, và từ chối lẫn nhau.1047 Lúc đó những người chưa có sự tự-tin càng không đạt được sự tự-tin, những người có sự tự-tin thì thay đổi tâm ý. Đây là thời thứ năm bất lợi cho sự chuyên-cần tu. “Đây là năm thời bất lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập.

(II) “Này các Tỳ kheo, có năm thời thuận lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn trẻ, là người chân tóc còn đen được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời. Đây là thời thứ nhất thuận lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập. (2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự chuyên-cần tu. Đây là thời thứ hai thuận lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập. (3) “Thêm nữa, thời thức-ăn có nhiều; khi có mùa màng bội thu và thức-ăn cúng dường có nhiều, cho nên người tu dễ sống qua ngày bằng cách đi khất thực chỗ này chỗ nọ. Đây là thời thứ ba thuận lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập. (4) “Thêm nữa, khi mọi người dân sống trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng ánh mắt thân từ. Đây là thời thứ tư thuận lợi cho sự chuyên-cần

tu tu tập. (5) “Thêm nữa, Tăng Đoàn sống một cách an lành—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, cùng chung một tiếng nói. Khi Tăng Đoàn sống một cách hòa hảo, không có sự sỉ nhục lẫn nhau, không chửi bới lẫn nhau, không lăng mạ lẫn nhau, và không từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin thì đạt được sự tự-tin, và những người đã có sự tự-tin càng gia tăng [sự tự-tin của họ].1048 Đây là thời thứ năm thuận lợi cho sự chuyên-cần tu. “Đây là năm thời thuận lợi cho sự chuyên-cần tu tu tập.”

55 (5) Mẹ Và Con Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một người mẹ và con trai, là một Tỳ kheo ni và một Tỳ kheo, đã nhập kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở vùng Sāvatthī. Họ thường muốn gặp thăm nhau, người mẹ hay muốn gặp con, và người con hay muốn gặp mẹ. Vì họ thường gặp gỡ thăm nhau, nên hình thành một sự gắn kết như ràng buộc; do có sự ràng buộc, nên sự thân mật càng khởi sinh; do có sự thân mật, nên có sự khơi mào (mở đầu, phát sinh) nhục dục.1049 Với tâm của họ bị dính bởi nhục dục, khi vẫn chưa tuyên bố điểm yếu của mình và bỏ tu hoàn tục (sự mất khả năng tu tiếp), họ lại có quan hệ tính dục với nhau.1050 Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn sự việc đã xảy ra. [Đức Thế Tôn nói:] “Này các Tỳ kheo, có phải kẻ ngu đó từng nghĩ rằng: ‘Một người mẹ không ái tình với con trai, hoặc con trai không ái tình với người mẹ’? (1) “Này các Tỳ kheo, ta không thấy riêng một thứ hình-sắc nào khêu gợi, gợi dục, làm say sưa, quyến rũ (hốt hồn), làm mê đắm và là thứ gây nhiều trở ngại cho sự đạt tới ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ cho bằng

thân-sắc của phụ nữ. Những chúng sinh có nhục dục với sắc-thân phụ nữ—thèm khát, dính chặt trong đó, mê muội, và bị đắm chìm trong đó một cách mù quáng1051—thì sự ưu-sầu dai dẳng dưới uy lực điều khiển của thân-sắc phụ nữ. (2) “Ta không thấy riêng một thứ âm-thanh nào … (3) … một thứ mùi-hương nào … (4) … một thứ mùi-vị nào … (5) … một thứ chạm-xúc nào khêu gợi, gợi dục, làm say sưa, quyến rũ (hốt hồn), làm mê đắm và là thứ nhiều trở ngại cho sự đạt tới ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’ cho bằng sự chạm-xúc phụ nữ. Những chúng sinh có nhục dục với sự chạm- xúc phụ nữ—thèm khát, dính chặt trong đó, mê muội, và bị đắm chìm trong đó một cách mù quáng—thì sự ưu-sầu dai dẳng dưới uy lực điều khiển của sự chạm-xúc phụ nữ. “Này các Tỳ kheo, khi bước đi, phụ nữ ám muội cái tâm của nam nhân; khi ngồi … khi nằm … khi cười … khi nói … khi ca hát … khi khóc, phụ nữ đều ám muội cái tâm của nam nhân. Ngay cả khi (thân) bị trương phình, phụ nữ cũng ám muội cái tâm của nam nhân. 1052 Thậm chí khi chết, phụ nữ cũng ám muội cái tâm của nam nhân. Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn nói về thứ gì là ‘toàn bộ là cái bẫy của Ma Vương’ thì đó rõ ràng chính là phụ nữ người đó nói như vậy.”1053 Thà nói chuyện với kẻ ác sát nhân, Thà nói chuyện với quỷ dữ, Thà đến gần một con rắn có thể bị cắn chết; Nhưng một mình nói chuyện riêng với một phụ nữ, Thì không bao giờ làm. Họ trói buộc tâm ngu mờ của nam nhân, Ngay khi mới liếc nhìn, ngay khi mới mỉm cười, Ngay khi áo quần hở hang, và khi nói lời êm dịu. Không an toàn khi tiếp cận1054 một người (nữ) như vậy Ngay cả khi (thân) người nữ đó bị sình lên hay đã chết. Năm đối-tượng nhục-dục này,

Được tìm thấy trong thân thể phụ nữ:
Thân-sắc, âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị,
Và những sự chạm-xúc sung sướng.
Những ai bị cuốn theo cơn lũ nhục dục,

Ai không hoàn-toàn hiểu những dục lạc,
Là đã lao đầu vào trong (biển) luân-hồi [saṃsāra], [vào trong] thời-kiếp, nơi-đến, và những sự hiện-hữu khác nhau,
(Từ sự hiện hữu này đến sự hiện hữu khác)1055
Nhưng ai đã hoàn-toàn hiểu những dục lạc,
Thì sống không còn sợ hãi từ bất cứ phương nào.
Sau khi đã tiêu diệt những ô-nhiễm,
Khi còn đang ở trong thế gian, họ đã siêu thoát thế gian.
56 (6) Vị Thầy Hướng Dẫn Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp vị thầy hướng dẫn của mình, và thưa: "Thưa thầy, thân của con giống như bị chuốc thuốc (mê, độc), con trở nên mất phương hướng, và những giáo lý không còn rõ ràng đối với con nữa. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ám muội tâm con. Con sống đời sống tâm linh không mãn lòng, và có sự nghi-ngờ về những giáo lý."1056 Rồi vị thầy hướng dẫn (y chỉ sư) đã dắt học trò của mình đến gặp đức Thế Tôn. Vị thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn những điều người học trò đã nói. [Đức Thế Tôn nói:] "Đúng như vậy, này Tỳ kheo (nói với người học trò)! (1) Khi người tu không phòng-hộ ở các cửa của các căn cảm-nhận; (2) không tiết-độ trong ăn uống; (3) và không để tâm (chú ý, để ý, hướng tâm trí) đến sự tỉnh-thức; (4) khi người tu thiếu sự minh-sát nhìn thấu những phẩm chất thiện lành; (5) và không sống với ý-định hướng tới sự cố-gắng tu tập 'những phần tu trợ giúp giác-ngộ' trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm, thì thân người tu giống như bị chuốc thuốc, người đó trở nên

mất phương hướng, và những giáo lý không còn rõ ràng đối với người đó nữa. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ám muội tâm người đó. Người đó sống đời sống tâm linh không mãn lòng, và có sự nghi-ngờ về những giáo lý. "Do vậy, này Tỳ kheo, thầy nên tu tập bản thân như vầy: (1) 'Tôi sẽ phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận; (2) sẽ tiết-độ trong ăn uống; (3) và để tâm sự tỉnh-thức; (4) Tôi sẽ có sự minh-sát nhìn thấu những phẩm chất thiện lành; (5) và sẽ sống với ý-định hướng tới sự cố-gắng tu tập 'những phần tu trợ giúp giác-ngộ' trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm.' Này Tỳ kheo, thầy nên tu tập bản thân theo cách như vậy." Rồi, sau khi nhận được lời khởi xướng như vậy từ đức Thế Tôn, vị Tỳ kheo đó đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi về. Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, chẳng bao lâu sau vị Tỳ kheo đó đã tự mình chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, đó là chung-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. Người đó trực tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A- la-hán. Rồi, sau khi đã thành một A-la-hán, vị Tỳ kheo đó mới đến gặp vị thầy hướng dẫn của mình và thưa: "Thưa thầy, thân con giờ không còn giống như bị chuốc thuốc, con đã trở nên có

phương hướng đúng đắn, và những giáo lý đều rõ ràng đối với con. Sự buồn-ngủ và đờ-đẫn không còn ám muội tâm con. Con sống đời sống tâm linh một cách hoan-hỷ, và không còn sự nghi-ngờ về những giáo lý." Rồi người thầy hướng dẫn lại dắt người học trò đến gặp đức Thế Tôn. Vị thầy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn những điều người học trò đã nói. [Đức Thế Tôn nói:] "Đúng như vậy, này Tỳ kheo! (1) Khi người tu không phòng-hộ ở các cửa của các căn cảm-nhận; (2) không tiết-độ trong ăn uống; (3) và không

• 69

để tâm (chú ý, để ý, hướng tâm trí) đến sự tỉnh-thức; (4) khi người tu thiếu sự minh-sát nhìn thấu những phẩm chất thiện lành; (5) và không sống với ý-định hướng tới sự cố-gắng tu tập 'những phần tu trợ giúp giác-ngộ' trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm, thì thân người tu giống như bị chuốc thuốc, người đó trở nên mất phương hướng, và những giáo lý không còn rõ ràng đối với người đó nữa. Sự đờ-đẫn và buồn-ngủ ám muội tâm người đó. Người đó sống đời sống tâm linh không mãn lòng, và có sự nghi-ngờ về những giáo lý. "Do vậy, này các Tỳ kheo,1057 các nên tu tập bản thân như vầy: (1) 'Chúng ta sẽ phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận; (2) sẽ tiết-độ trong ăn uống; (3) và để tâm sự tỉnh-thức; (4) Chúng ta sẽ có sự minh-sát nhìn thấu những phẩm chất thiện lành; (5) và sẽ sống với ý-định hướng tới sự cố-gắng tu tập 'những phần tu trợ giúp giác-ngộ' trong những canh đầu và canh cuối vào ban đêm.' Này Tỳ kheo, thầy nên tu tập bản thân theo cách như vậy."

57 (7) Những Chủ Đề "Này các Tỳ kheo, có năm chủ đề nên được thường xuyên quán chiếu (suy xét, quán niệm) bởi một người nữ hay người nam, bởi một người tại gia hay người xuất gia.1058 Năm đó là gì? (1) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già.' (2) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau.' (3) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết.' (4) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.'1059 (5) Một người nên thường xuyên quán chiếu như vầy: 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.'

70 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

(I) (1) "Vì lợi ích gì một người [nữ hay người nam, người tại gia hay người xuất gia] nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già'? Thời còn trẻ chúng sinh bị say sưa (ỷ lại) với tuổi trẻ, và khi đang say sưa với tuổi trẻ của họ, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với tuổi trẻ sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị già; ta không tránh khỏi già' (2) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau'? Thời còn sức khỏe

chúng sinh bị say sưa với sự khỏe mạnh, và khi đang say sưa với sự khỏe mạnh của họ, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với sự khỏe mạnh sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị bệnh; ta không tránh khỏi bệnh đau'. (3) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết'? Thời đang còn sống chúng sinh bị say sưa với cuộc sống, và khi đang say sưa với cuộc sống, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự say sưa với cuộc sống sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị chết; ta không tránh khỏi chết'. (4) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý'? Chúng sinh có mong-muốn và tham-dục đối với những người và những thứ họ thương họ quý, và do bị kích thích bởi sự tham-dục đó, họ dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái. Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì sự mong-muốn và tham-dục đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một

người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý'. (5) "Và vì lợi ích gì một người nên thường xuyên quán chiếu (lẽ thực): 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.'? Người ta dính vào những hành-động, lời-nói, và tâm-ý sai trái (ba dạng tà nghiệp). Nhưng nếu một người thường xuyên quán chiếu chủ-đề (lẽ thực) này, thì những hành-vi (nghiệp) sai trái đó sẽ được giảm bớt hay dẹp bỏ hoàn toàn. Vì lợi ích đó một người nên thường xuyên quán chiếu: 'Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.' (II) (1) "Người đệ tử thánh thiện biết quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị già, không tránh được già. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị già; không ai thoát được già.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ.1060 (2) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị bệnh, không tránh được bệnh đau. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị bệnh; không ai thoát được bệnh đau.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ. (3) "Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: 'Đâu chỉ mình ta phải bị chết, không tránh được chết. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chết; không ai thoát được chết.' Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì

đạo [con đường]

được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ. (4) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: ‘Đâu chỉ mình ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý. Tất cả mọi chúng sinh đến và đi, qua đời và tái sinh, đều phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ họ thương họ quý.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ. (5) “Người đệ tử thánh thiện quán chiếu như vầy: ‘Đâu chỉ mình ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; đâu chỉ mình ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; đâu chỉ mình ta sẽ là người thừa lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’ Khi người đó thường xuyên quán chiếu về chủ-đề (lẽ thực) này, thì đạo [con đường] được khởi tạo. Người đó đi theo đạo, tu tập nó, và tu dưỡng nó. Khi người đó tu như vậy, những gông-cùm (kiết sử) sẽ bị phá bỏ hoàn toàn và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) sẽ bị bứng bỏ. “Những người phàm đều phải bị bệnh,1061 Bị già, bị chết, mà họ lại thấy ghê tởm [Với những người khác] khi họ hiện hữu Đúng theo bản chất tự nhiên của họ. “Nếu ta cảm thấy ghê tởm Với những chúng sinh có cùng bản chất như vậy, Thì điều đó đâu đúng đắn đối với ta, Bởi vì ta cũng có cùng bản chất như vậy. “Trong khi ta đang an trú như vầy, Sau khi đã biết được trạng thái không còn sự thu-nạp (sanh y),

• 73

Ta đã vượt qua tất cả mọi sự say sưa—
Sự say sưa với tuổi-trẻ, với sức-khỏe, và với cuộc-sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.1062
“Sự nhiệt thành đã khởi sinh trong ta,
Khi ta đã rõ ràng nhìn thấy Niết-bàn.
Giờ thì ta không còn có thể
Say sưa thỏa thích trong những dục-lạc.
Nhờ vào đời sống tâm linh này,
Ta chẳng bao giờ quay lại (tái sinh).”

58 (8) Thanh Niên Licchavi Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Vesālī và trở về sau một vòng đi khất thực, đức Thế Tôn đi vô khu Rừng Lớn và ngồi xuống một gốc cây để an trú qua ngày. Bấy giờ, vào lúc đó có một số thanh niên người Licchavi cầm cung tên đang đi quanh trong khu Rừng Lớn, có dẫn theo một bầy chó, lúc đó họ nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây để an trú qua ngày.

Khi họ nhìn thấy đức Thế Tôn, họ bỏ cung tên xuống, đuổi bầy chó đi qua một bên, và đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính lễ đức Thế Tôn và đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ. Lúc đó có một thanh niên người Licchavi tên là Mahānāma (Đại Danh) cũng đang đi dạo bộ quanh trong khu Rừng Lớn, lúc đó anh ta nhìn thấy nhóm thanh niên Licchavi đang đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ. Rồi anh ta cũng đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và tự cảm hứng thốt ra như vầy: "Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ là người Vajji!" [Đức Thế Tôn nói:] "Nhưng này Mahānāma, tại sao anh nói: 'Họ sẽ là người Vajji! Họ sẽ là người Vajji (Bạt-kỳ)!'?" "Thưa Thế Tôn, những thanh niên Licchavi này là bạo lực, côn đồ,

thô bạo. Khi các gia đình đang tặng quà bánh kẹo trái cây … họ đến cướp giựt và ngốn ăn hết. Chúng còn đạp vào lưng các phụ nữ và con gái.1063 Mà giờ chúng đứng im lặng chấp hai tay để kính lễ đức Thế Tôn." "Này Mahānāma, anh có thể trông đợi sự tăng trưởng, không phải sự sa sút, khi anh tìm thấy năm phẩm chất trong bất kỳ người nào—cho dù người đó có là một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương, một người quyền thế của xứ sở, một tướng lĩnh quân đội, một người trưởng làng, một chủ bang hội, hay một lãnh chúa của nhiều họ tộc. Năm đó là gì? (1) "Ở đây, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính cha mẹ của mình. Cha mẹ người đó, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong con được sống lâu và sống thọ.' Khi cha mẹ của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút. (2) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính vợ, con, nô bộc, người làm, người hầu của mình. Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.' Khi vợ, con, nô bộc, người làm, người hầu của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút. (3) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người chủ của ruộng đất láng giềng và những người có làm ăn với mình.1064 Họ, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người

đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ấy được sống lâu và sống thọ.' Khi những người chủ của ruộng đất láng giềng và những người có làm ăn của một người họ tộc hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút. (4) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng

sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những thiên thần phù hộ.1065 Những thiên thần, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ta được sống lâu và sống thọ.' Khi những thiên thần phù hộ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút. (5) "Lại nữa, này Mahānāma, với tài sản có được bằng sự phần đấu nỗ lực, tích lũy được bằng sức mạnh đôi tay, kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, tài sản chân chính đạt được một cách chân chính, thì một người họ tộc tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những tu sĩ và bà-la-môn. Những tu sĩ và bà-la-môn, khi được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính, sẽ hết lòng bi-mẫn đối với người đó, họ nghĩ rằng: 'Cầu mong ông ta được sống lâu và sống thọ.' Khi những tu sĩ và bà-la-môn hết lòng bi-mẫn đối với người đó, thì chỉ trông đợi tăng trưởng, không phải sự sa sút."

59 (9) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (1) "Này các Tỳ kheo, hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất. Năm đó là gì? Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già (1) là người tinh nhuệ; (2) là người có tư cách phù hợp (đúng đắn); (3) là người học hiểu nhiều (học rộng); (4) là người có thể thuyết giảng về Giáo Pháp; và (5) là người thiện thạo về giới luật. Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất này."

60 (10) Xuất Gia Lúc Tuổi Già (2) "Này các Tỳ kheo, hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất. Năm đó là gì? Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già (1) là người dễ tu sửa; (2) là người chắc chắn lưu giữ trong tâm những điều đã học hiểu; (3) là người chấp nhận những hướng dẫn chỉ thị một cách tôn trọng (từ sư huynh, đạo hữu, giáo thọ); (4) Là người có thể thuyết giảng về Giáo Pháp; và (5) là người thiện thạo về giới luật. Hiếm khi tìm thấy người xuất gia lúc tuổi già mà có được năm phẩm chất này."

NHÓM 2. NHỮNG NHẬN THỨC

61 (1) Những Nhận Thức (1) "Này các Tỳ kheo, có năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng. Năm đó là gì? Nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), nhận-thức về cái chết, nhận-thức về sự nguy- hại, nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức-ăn, và nhận-thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian.1066 Năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng."

62 (2) Những Nhận Thức (2) "Này các Tỳ kheo, có năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng nó. Năm đó là gì? Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự vô-ngã,1067 nhận-thức về cái chết, nhận- thức về sự gớm-ghiếc của thức-ăn, và nhận-thức về sự không (gì đáng)

khoái-thích trong toàn bộ thế gian. Năm nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của chúng."

63 (3) Tăng Trưởng (1) "Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nam đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này." Người tăng trưởng về niềm-tin,
Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu— Một người nam cao siêu thấy biết như vậy, Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

64 (4) Tăng Trưởng (2) "Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo năm cách là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Năm đó là gì? Người đó tăng trưởng về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo năm cách này là một nữ đệ tử thánh thiện tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này." Người tăng trưởng về niềm-tin,
Và giới-hạnh, về trí-tuệ, về bố-thí và về sự học-hiểu— Một nữ đệ tử tại gia đức hạnh như vậy, Hấp thu cho mình tinh túy của kiếp này.

65 (5) Đàm Đạo "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất, điều đó là thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo có sự đàm đạo với người đó. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về giới-hạnh. (2) Người đó tự mình thành tựu về sự định-tâm, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự định-tâm. (3) Người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-tuệ. (4) Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự giải-thoát. (5) Người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất, điều đó là thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo có sự đàm đạo với người đó."

66 (6) Sống Chung "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất, điều đó là thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo 'sống cùng với người đó'.1068 Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về giới-hạnh. (2) Người đó tự mình thành tựu về sự định-tâm, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự định-tâm. (3) Người đó tự mình thành tựu về trí-tuệ, và người đó trả lời

những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-tuệ. (4) Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về sự giải-thoát. (5) Người đó tự mình thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát, và người đó trả lời những câu hỏi trong cuộc đàm đạo về vấn đề thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự

• 79

giải-thoát. Khi một Tỳ kheo có được năm phẩm chất, điều đó là thích hợp để những Tỳ kheo đồng đạo 'sống cùng với người đó'."

67 (7) Những Cơ Sở Thần Thông (1) "Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều, thì có thể trông đợi một trong hai đạo quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư hơi hướng, là trạng thái thánh quả Bất-lai. Năm đó là gì? "(1) Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ sở (để đạt tới) thần thông [năng lực tâm linh] có được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục) và những sự tạo- tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (2) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (3) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (4) Người đó tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu.1069 (5) Riêng sự nhiệt-tâm là điều thứ năm.1070 "Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều này, thì có thể trông đợi một trong hai đạo quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư hơi hướng, là trạng thái thánh quả Bất-lai."

68 (8) Những Cơ Sở Thần Thông (2) "Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta đã tu tập và tu dưỡng năm điều. Năm đó là gì? "(1) Ta tu tập cơ sở (để đạt tới) thần thông [năng lực tâm linh] có được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (dục) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành). (2) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần

80 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

tu. (3) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ tâm (tâm) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (4) Ta tu tập cơ sở thần thông có được sự định-tâm nhờ sự điều-tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu. (5) Riêng sự nhiệt-tâm là điều thứ năm. "Bởi vì ta đã tu tập và tu dưỡng những điều đó cùng với sự nhiệt-tâm là điều thứ năm, cho nên do đang có sẵn một cơ-sở thích hợp đó, ta đã có khả năng, bằng trí-biết trực tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào có thể chứng ngộ được mà ta đã khuynh hướng tâm mình tới đó. " … [Tiếp tục các đoạn (1)(6) giống như kinh 5:23 ở trên về sự hướng tâm mình tới 06 loại trí-biết (minh) được chứng ngộ.]"

69 (9) Sự Không Còn Mê Thích "Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất thiết dẫn tới sự không còn mê-thích (sự tỉnh ngộ), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Năm đó là gì? Ở đây, một

Tỳ kheo sống (1) quán sát (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (2) nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian, (4) quán sát sự vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên trong (tâm). Đây là năm điều (pháp tu), nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ nhất thiết dẫn tới sự không còn mê-thích, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn."

70 (10) Sự Tiêu Diệt Những Ô Nhiễm "Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán sát (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn (ô uế) của thân, (2) nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, (3) nhận thức sự không (gì

đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian, (4) quán sát sự vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên trong (tâm). Đây là năm điều (pháp tu), nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm."

NHÓM 3. NHỮNG HIỂM HỌA TƯƠNG LAI

71 (1) Sự Giải Thoát Của Tâm (1) "Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng.1071 Năm đó là gì? "Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán sát (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn (ô uế) của thân, (2) nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian, (4) quán sát sự vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên trong (tâm). Năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng. "Khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm và được giải-thoát nhờ trí-tuệ, người đó được gọi là một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản, đã san bằng hào-cản, đã nhổ bỏ cột-cản; là người hết dính bản-lề, bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ-xí (biểu ngữ, danh phận), đã đặt xuống gánh nặng, không còn ràng-buộc.1072 (i) "Và theo cách nào một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản? Ở đây,

một Tỳ kheo đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản. (ii) "Và theo cách nào một Tỳ kheo đã san bằng hào-cản? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự lang thang trôi dạt trong sự (tái) sinh vốn tạo ra sự hiện-hữu mới; người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai.

Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã san bằng hào-sâu. (iii) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã nhổ bỏ cột-cản? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục-vọng, đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã bứng nhổ trụ-đá. (iv) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người không còn bị ách-khóa? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách nào là một Tỳ kheo đã không còn bị ách-khóa. (v) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ-xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn ràng-buộc? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tự-ta (ngã mạn), đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo là bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ-xí, đã đặt xuống gánh nặng, không còn ràng-buộc.”

72 (2) Sự Giải Thoát Của Tâm (2) “Này các Tỳ kheo, có năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng. Năm đó là

• 83

gì? “Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong thứ vô- thường, nhận-thức sự vô-ngã trong thứ vô-thường, nhận-thức về sự dẹp-bỏ (buông bỏ, từ bỏ), nhận-thức về sự chán-bỏ.1073 Năm điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ có sự giải-thoát của tâm là kết quả của chúng, sự giải-thoát của tâm là kết quả và ích lợi của chúng; chúng có sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả của chúng, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là kết quả và ích lợi của chúng. “Khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm và được giải-thoát nhờ trí-tuệ, người đó được gọi là một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản, đã san bằng hào-cản, đã nhổ bỏ cột-cản; là người hết dính bản-lề, bậc thánh thiện đã hạ bỏ cờ-xí (biểu ngữ, danh phận), đã đặt xuống gánh nặng, không còn ràng-buộc. (i) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo đã loại bỏ thanh rào-cản. [Tiếp tục các đoạn (ii), (iii), (iv), (v) như kinh kế trên.]

73 (3) Người An Trú Trong Giáo Pháp (1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người an trú trong Giáo Pháp, người an trú trong Giáo Pháp’.1074 Theo cách nào là một Tỳ kheo an trú trong Giáo Pháp?” (1) “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn

84 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—người đó trải qua cả ngày chỉ lo học Giáo Pháp, nhưng lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và không hết mình vì (để tu

tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo chỉ dạy về Giáo Pháp,1075 nhưng lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và không hết mình vì (để tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tụng đọc Giáo Pháp một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo việc tụng đọc, nhưng lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và không hết mình vì (để tu tập) sự vắng- lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo suy ngẫm, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp mà mình đã nghe và đã học. Người đó trải qua cả ngày chỉ lo nghĩ suy về Giáo Pháp, nhưng lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và không hết mình vì (để tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (5) “Ở đây, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—nhưng người đó không trải qua cả ngày chỉ lo việc học Giáo Pháp. Người đó không lơ là sự tách-ly (ẩn dật) và hết mình vì (để tu tập) sự vắng-lặng bên trong của tâm.1076 Chính theo cách này một Tỳ kheo là người an trú trong Giáo Pháp.

• 85

“Như vậy, này Tỳ kheo, ta đã dạy cho thầy (1) người bị cuốn hút trong sự học vấn, (2) người bị cuốn hút trong sự chỉ dạy, (3) người bị cuốn hút trong sự tụng đọc, (4) người bị cuốn hút trong sự nghĩ suy, và (5) người an trú trong Giáo Pháp. Những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những đệ tử của mình, vì sự tìm kiếm phúc lợi cho họ, thì ta đã làm xong đối với các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

74 (4) Người An Trú Trong Giáo Pháp (2) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Người an trú trong Giáo Pháp, người an trú trong Giáo Pháp’. Theo cách nào là một Tỳ kheo an trú trong Giáo Pháp?” (1) “Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ.1077 Đây được gọi là một Tỳ kheo là người bị cuốn hút trong việc học vấn, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý

nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc chỉ dạy, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo tụng đọc Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến

xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc tụng đọc, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo suy ngẫm, suy xét, và bằng tâm kiểm tra Giáo Pháp mà mình đã nghe và đã học, nhưng người đó không tiến xa hơn và không hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Đây được gọi là một Tỳ kheo bị cuốn hút trong việc nghĩ suy, chứ không phải người an trú trong Giáo Pháp. (5) “Ở đây, một Tỳ kheo học Giáo Pháp—từ những thể loại kinh: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp— và người đó tiến xa hơn và hiểu được ý nghĩa của kinh kệ bằng trí-tuệ. Chính theo cách này một Tỳ kheo là người an trú trong Giáo Pháp. “Như vậy, này Tỳ kheo, ta đã dạy cho thầy (1) người bị cuốn hút trong sự học vấn, (2) người bị cuốn hút trong sự chỉ dạy, (3) người bị cuốn hút trong sự tụng đọc, (4) người bị cuốn hút trong sự nghĩ suy, và (5) người an trú trong Giáo Pháp. Những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những đệ tử của mình, vì sự tìm kiếm phúc lợi cho họ, thì ta đã làm xong đối với các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

75 (5) Những Chiến Binh (1) (I) “Này các Tỳ kheo, có năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, có chiến binh khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận.1078 Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ nhất thấy có trong thế gian.

(2) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, nhưng khi nhìn thấy cờ xí (phe địch) thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là chiến binh thứ hai thấy có trong thế gian. (3) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), nhưng khi nghe tiếng la thét thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là chiến binh thứ ba thấy có trong thế gian. (4) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), tiếng la thét, nhưng khi bị đánh là bị thương hay chết. Đây là chiến binh thứ tư thấy có trong thế gian. (5) “Lại nữa, có chiến binh chịu được đám bụi mịt mù, cờ xí (phe địch), tiếng la thét, và khi bị đánh là không bị thương hay chết. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Đây là chiến binh thứ năm thấy có trong thế gian. “Đây là năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian. (II) “Cũng giống như vậy, có năm loại người giống năm loại chiến binh đó được

thấy có trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, có Tỳ kheo khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh (không tu nỗi nữa). Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập [sự mất khả năng tu tiếp], bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục.1079 Cái gì là đám bụi mịt mù đối với người đó? Tỳ kheo đó nghe ‘Trong làng nọ làng kia phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp’. Sau khi nghe vậy, người đó chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là đám bụi mù đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh, khi nhìn thấy đám bụi mịt mù thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ nhất [giống một chiến binh] được thấy có trong số những

Tỳ kheo. (2) “Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, nhưng khi nhìn thấy cờ xí thì chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Cái gì là cờ xí đối với người đó? Tỳ kheo đó không nghe ‘Trong làng nọ làng kia phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp’ mà chính mình nhìn thấy phụ nữ và thiếu nữ đẹp, hấp dẫn, duyên dáng, da dẻ tuyệt đẹp. Sau khi nhìn thấy phụ nữ như vậy, người đó chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là cờ xí đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, nhưng khi nhìn thấy cờ xí thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ hai thấy có trong số những Tỳ kheo. (3) “Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, nhưng khi nghe tiếng la thét thì chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Cái gì là tiếng la thét đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một phụ nữ đến gần người đó, mỉm cười, tán gẫu với người đó, cười cợt người đó, và trêu đùa người đó thì chùn bước, rủn chí, không thể gìn giữ đời sống tâm linh. Người đó tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập, bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục. Đây là tiếng la thét đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, nhưng khi nghe tiếng la thét thì chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ ba thấy có trong số những Tỳ kheo. (4) Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la thét, nhưng khi bị đánh thì bị thương hay chết. Cái gì là cú đánh đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi

trống, một phụ nữ đến gần người đó, ngồi xuống hay nằm xuống bên cạnh, và ôm ấp người đó. Khi người phụ nữ làm vậy, người đó quan hệ tính dục với cô ta mặc dù vẫn chưa bỏ tu và chưa tuyên bố sự yếu nhược [mất khả năng tu tiếp] của mình. Đây là cú

đánh đối với người đó. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la thét, nhưng khi bị đánh thì bị thương hay chết. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ tư thấy có trong số những Tỳ kheo. (5) Lại nữa, có Tỳ kheo có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la thét, và khi bị đánh không bị thương hay chết. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Cái gì là chiến thắng đối với người đó? Khi Tỳ kheo đó đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một phụ nữ đến gần người đó, ngồi xuống hay nằm xuống bên cạnh, và ôm ấp người đó. Nhưng người đó tự gỡ bản thân khỏi tình thế đó, giải thoát bản thân, và bỏ đi tới nơi mình muốn ở. "Rồi, người đó lánh về nơi ở tách-ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi thoáng đãng, một đống rơm. Rồi, sau khi đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. (1) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-khát. (2) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn sự ác-ý, đầy bi-mẫn đối với tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (3) Sau khi đã dẹp bỏ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, người đó sống không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức ánh sáng, có chánh-niệm và có sự rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi buồn-ngủ và đờ-đẫn. (4) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc, người đó sống không có sự khích-động, với một cái tâm hướng nội đầy bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (5) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, người đó sống vượt khỏi

nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. "Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại đó, là những ô-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và sau khi tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn khổ hay sướng, có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. "Khi tâm người đó đã được đạt-định theo cách này, được thanh lọc, được thanh tẩy, không uế nhiễm, không còn những ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh).1080 Người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khổ'. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc khổ' … 'Đây là sự chấm-dứt khổ' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ'. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là những ô-nhiễm'. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm' … 'Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm' … 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô- nhiễm'. Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm của người đó sẽ được giải thoát khỏi ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: '[Tâm] được giải-thoát.' Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những

gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Đây là chiến-thắng của người đó trong trận chiến. "Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, người này giống loại chiến binh có thể chịu được đám bụi mù, cờ xí, tiếng la thét, và bị đánh không bị thương hay chết, và người đó, sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ năm thấy có trong số những Tỳ kheo. "Đây là năm loại người giống năm loại chiến binh được thấy có trong số những Tỳ kheo."

• 91

76 (6) Những Chiến Binh (2) (I) "Này các Tỳ kheo, có năm loại chiến binh này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? (1) "Ở đây, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát hại và kết liễu anh ta. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ nhất thấy có trong thế gian. (2) "Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Khi họ đang chở người đó đi, chưa kịp tới chỗ người thân, người đó đã chết dọc đường. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ hai thấy có trong thế gian. (3) "Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Những người thân của anh lo chữa trị và chăm sóc cho anh, nhưng trong khi họ đang chăm sóc thì anh ta chết do vết thương nặng. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ ba thấy có trong thế gian. (4) "Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ tên, và xông vào trận chiến. Người đó cố gắng và nỗ lực hết sức, nhưng quân thù đã sát thương anh ta. [Những chiến hữu của người đó] đưa người đó ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta. Những người thân của anh lo chữa trị và chăm sóc cho anh, và kết quả là anh ta bình phục khỏi vết thương. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy. Đây là loại chiến binh thứ tư thấy có trong thế gian. (5) "Lại nữa, có chiến binh cầm kiếm và khiêng, mang cung và giỏ

tên, và xông vào trận chiến. Sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Này các Tỳ kheo, có chiến binh như vậy ở đây. Đây là loại chiến binh thứ năm thấy có trong thế gian. "Đây là năm loại chiến binh được thấy có trong thế gian. (II) "Cũng giống như vậy, có năm loại người này giống năm loại chiến binh được thấy có trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì? (1) "Ở đây, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khất thực, với thân, lời-nói, và tâm không được phòng hộ, không thiết lập sự chánh-niệm, các căn cảm-nhận (giác quan) không được kiềm chế. Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hớ hênh và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó

quan hệ tính dục với họ khi chưa tuyên bố về sự yếu nhược của mình [sự mất khả năng tu tiếp] và bỏ tu. Ta nói rằng, người này giống như loại chiến binh cầm kiếm và khiêng … xông vào trận chiến nhưng quân thù đã sát hại và kết liễu anh ta, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ nhất [giống một chiến binh] được thấy có trong số những Tỳ kheo. (2) "Lại nữa, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khất thực … Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hớ hênh và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bị đốt cháy về thân và về tâm [bằng cơn sốt của nhục-dục]. Người đó nghĩ: 'Ta nên quay về tu viện (tịnh xá, chùa) và báo cho các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, tôi đã bị ám muội bởi nhục-dục, bị áp chế bởi nhục-dục. Tôi không thể tiếp tục gìn giữ đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của tôi, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục."' Trong khi người đó đang quay về tu viện, chưa kịp tới tu viện, người đó đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của người đó, và bỏ tu, và quay lại đời sống thấp

• 93

tục. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng … xông vào trận chiến nhưng quân thù đã sát thương anh ta, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, nhưng anh ta chết dọc đường trước khi tới chỗ người thân. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ hai thấy có trong số những Tỳ kheo. (3) "Lại nữa, có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khất thực … Tới đó nhìn thấy những phụ nữ ăn mặc hớ hênh và hở hang. Khi nhìn thấy họ, nhục-dục xâm chiếm tâm người đó. Với cái tâm bị xâm chiếm bởi nhục-dục, người đó bị đốt cháy về thân và về tâm [bằng cơn sốt của nhục-dục]. Người đó nghĩ: 'Ta nên quay về tu viện (tịnh xá, chùa) và báo cho các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, tôi đã bị ám muội bởi nhục-dục, bị áp chế bởi nhục-dục. Tôi không thể tiếp tục gìn giữ đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của tôi, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục."' Người đó về tới tu viện và thông báo cho các Tỳ kheo. Rồi những Tỳ kheo đồng đạo khởi xướng và chỉ dẫn cho người đó: "Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) 'chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích [vị ngọt] nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy- hại trong chúng còn nhiều hơn nữa'.1081 Bằng ví dụ khúc xương, đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác quan 'chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa'. Bằng miếng thịt … bằng ví dụ đuốc rơm … bằng ví dụ hố than đang cháy … bằng ví dụ giấc mộng … bằng ví dụ đồ đạc mượn tạm … bằng ví dụ trái cây trên cây … bằng ví dụ cái dao và thớt của người bán thịt … bằng ví dụ cán gươm … bằng ví dụ đầu rắn, đức Thế Tôn đã khẳng định rằng những khoái-lạc giác quan 'chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy- hại trong chúng còn nhiều hơn nữa'. Hãy vui thích đời sống tâm linh (tu hành, phạm hạnh). Đừng có nghĩ chuyện mình bất khả năng tu tiếp,

rồi bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục." Trong khi người đó đang được khởi

xướng và chỉ dẫn theo cách như vậy, người đó lại phản đối: "Này các thiện hữu, mặc dù đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rằng những khoái-lạc giác quan 'chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa', nhưng, tôi vẫn không thể tiếp tục duy trì đời sống tâm linh. Sau khi đã tuyên bố sự yếu nhược bất khả tu tiếp của mình, tôi sẽ bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.' Và sau khi đã tuyên bố sự bất khả tu tiếp và bỏ tu, người đó quay lại đời sống thấp tục. Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào chiến trận nhưng bị quân thù sát thương, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, họ đã lo trị và chăm sóc cho anh ta, nhưng anh ta chết do vết thương nặng. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ ba thấy có trong số những Tỳ kheo. (4) "Lại nữa, có Tỳ kheo ... [giống hệt đoạn (3) kế trên ... cho đến chỗ:] ... Trong khi người đó đang được khởi xướng và chỉ dẫn theo cách như vậy, người đó nói: 'Này các đạo hữu, tôi sẽ cố gắng, tôi sẽ tiếp tục tu, tôi sẽ vui thích đời sống tâm linh [tu hành, phạm hạnh]. Tôi sẽ không nghĩ tới chuyện bất khả năng tu tiếp, rồi bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục.' Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiêng ... xông vào chiến trận nhưng bị quân thù sát thương, trong khi anh ta đang cố gắng và nỗ lực trong trận chiến, và sau đó được đưa ra và chở về chỗ người thân quyến của anh ta, họ đã lo trị và chăm sóc cho anh ta, và sau đó anh ta bình phục khỏi vết thương. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ tư thấy có trong số những Tỳ kheo. (5) "Lại nữa, có Tỳ kheo có Tỳ kheo sống nhờ vào một làng xóm hay thị trấn. Vào buổi sáng, người đó mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô làng hay thị trấn để khất thực, với thân, lời-nói, và tâm được phòng hộ, sự chánh-niệm được thiết lập, các căn cảm-nhận (giác quan) được kiềm chế. Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như

thích-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiềm-chế nó; người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn mắt. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như thích-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiềm-chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn-tai ... căn-tâm. "Sau khi trở về sau một vòng đi khất thực, sau khi ăn trưa, người đó lánh về nơi ở tách-ly ẩn dật: như một chỗ trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi thoáng đãng, một đống rơm. Rồi, sau khi đã đi vô

rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm ở trước mặt. (1) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới ... [tiếp tục đoạn y hệt đoạn (5), phần (II) của kinh 5:75 kế trên ... cho đến chỗ:] ... Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Ta nói rằng, người này giống loại chiến binh cầm kiếm và khiên ... xông vào trận chiến, và sau khi chiến thắng, người đó tung hô chiến thắng và đứng vững ở đầu chiến trận. Này các Tỳ kheo, có người như vậy ở đây. Đây là loại người thứ năm thấy có trong số những Tỳ kheo. "Đây là năm loại người được thấy có trong số những Tỳ kheo."

77 (7) Những Hiểm Họa Tương Lai (1) "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống tu trong rừng suy xét (quán

chiếu) về năm hiểm-họa tương lai là đủ để người đó sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Năm đó là gì? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo sống tu trong rừng suy xét như vầy: 'Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể rắn cắn ta, có thể bọ cạp cắn ta, hay rết cắn ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.' Đây là hiểm- họa tương lai thứ nhất, quán chiếu về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (2) "Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng suy xét như vầy: 'Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể ta đi bị vấp té, hay có thể thức-ăn ta ăn hại chết ta, hay có thể mật hay đờm hay gió độc bị kích động trong ta làm ta chết. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.' Đây là hiểm-họa tương lai thứ hai, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (3) "Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vầy: 'Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể ta gặp phải thú dữ như sư tử, cọp, báo, gấu, hay linh cẩu, và có thể chúng lấy mạng của ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.' Đây là hiểm-họa tương lai thứ ba, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt

thành, và kiên định … để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (4) “Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vầy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng khi đang sống ở đây, biết đâu có thể gặp phải những dân côn đồ đang trốn tội hoặc đang có ý đồ phạm tội, và có thể chúng lấy mạng của ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ- lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ tư, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (5) “Thêm nữa, một Tỳ kheo sống tu trong rừng quán chiếu như vầy: ‘Giờ ta đang sống chỉ một mình trong rừng. Nhưng trong rừng có những loài quỷ dữ phi nhân,1082 có thể chúng lấy mạng ta. Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào, nên điều đó là một trở ngại cho ta. Vậy giờ ta phải phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ năm, suy xét về nó cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. “Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai, suy xét về chúng cũng đủ để một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.”

78 (8) Những Hiểm Họa Tương Lai (2) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo biết suy xét (quán chiếu) về năm hiểm-họa tương lai thì cũng đủ để người đó sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Năm đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo biết suy xét như vầy: ‘Ta giờ đang trẻ, là người trẻ còn chân tóc đen được phú cho hạnh phúc của tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời. Nhưng sẽ đến lúc tuổi già cũng tấn công thân thể này. Rồi khi bị già, bị khuất phục bởi sự già yếu, lúc đó không dễ gì chú-tâm [tác ý, chuyên chú] đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (già) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù ta bị già yếu.’ Đây là hiểm-họa tương lai thứ nhất, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định … để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (2) “Thêm nữa, một Tỳ kheo biết suy xét như vầy: ‘Giờ ta ít bị bệnh hay đau; ta cũng có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho việc chuyên-cần tu tu tập (tinh cần). Nhưng sẽ đến lúc bệnh tật tấn công thân thể này. Đến khi một người bị bệnh, bị khuất phục bởi bệnh đau, lúc đó không dễ gì chú-tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều

chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bệnh) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù ta bị bệnh đau.' Đây là hiểm-họa tương lai thứ hai, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (3) "Thêm nữa, một Tỳ kheo biết suy xét như vầy: 'Giờ thức-ăn có nhiều; vụ mùa bội thu và thức-ăn cúng dường có nhiều, cho nên người tu có thể dễ dàng sống qua ngày bằng cách đi khất thực chỗ này chỗ nọ. Nhưng sẽ đến thời lúc nạn đói, mùa vụ thất bát, khi đó khó có được thức- ăn khất thực và người tu khó sống qua ngày bằng cách đi khất thực chỗ

này chỗ nọ. Vào thời nạn đói, người ta đổ xô tìm tới những nơi có nhiều thức-ăn, cho nên những điều-kiện sống ở đó sẽ đông đúc và chen giành. Đến lúc những điều-kiện sống bị đông đúc và chen giành, không dễ gì chú-tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (nạn đói) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù trong thời nạn đói.' Đây là hiểm- họa tương lai thứ ba, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (4) "Thêm nữa, một Tỳ kheo biết suy xét như vầy: 'Giờ mọi người đang sống trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không tranh chấp, hiền hòa với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ. Nhưng sẽ tới thời lúc bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Trong thời lúc bạo loạn giặc giã đó, người ta đổ xô tìm đến những nới có sự an toàn, cho nên những điều-kiện sống ở đó sẽ đông đúc và chen giành. Đến lúc những điều-kiện sống bị đông đúc và chen giành, không dễ gì chú-tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bạo loạn) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù trong thời bạo loạn giặc giã.' Đây là hiểm-họa tương lai thứ tư, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. (5) "Thêm nữa, một Tỳ kheo biết suy xét như vầy: 'Giờ Tăng Đoàn đang sống một cách an ổn—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không

có tranh chấp, cùng chung một giọng nói [sự tụng niệm]. Nhưng sẽ đến thời lúc có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Trong thời lúc có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, không dễ gì chú-tâm đến giáo lý của Phật; không dễ gì lánh về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi. Trước khi cái tình trạng không đáng ước, không muốn có và khó chịu đó xảy đến với ta, ta nên mau chóng phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành

tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Nhờ vậy đến lúc ta ở trong tình trạng (bị chia rẽ) đó, ta sẽ sống được thư thái, cho dù có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.' Đây là hiểm-họa tương lai thứ năm, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống tu trong rừng sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ... để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. "Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai, suy xét về nó cũng đủ cho một Tỳ kheo sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ."

79 (9) Những Hiểm Họa Tương Lai (3) "Này các Tỳ kheo, có năm hiểm họa chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra chúng và cố gắng trừ bỏ chúng. Năm đó là gì? (1) "Trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ.1083 Họ thụ giới cho những người khác (i) (đại thọ giới, toàn bộ giới) nhưng họ không thể huấn luyện những người khác phần giới-hạnh bậc cao, tâm bậc cao (thiền định), và trí-tuệ bậc cao. Do vậy những người học trò này sẽ không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Rồi đến lượt họ sẽ lại thụ giới cho những người khác [sau họ] (ii), và rồi họ cũng không thể huấn luyện những người khác đó phần giới-hạnh bậc cao, tâm bậc cao, và trí-tuệ bậc cao. Do vậy những người học trò [sau họ] cũng sẽ không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Vậy đó, này

các Tỳ kheo, do có sự suy đồi về Giáo Pháp nên có sự suy đồi về giới luật, và do có sự suy đồi về giới luật nên có sự suy đồi về Giáo Pháp.1084 Đây là hiểm-họa thứ nhất chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (2) "Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Họ ban cho những người khác sự nương- dựa vào họ (tức họ làm y chỉ sư cho những người khác)1085 nhưng họ không thể huấn luyện những người khác phần giới-hạnh bậc cao, tâm bậc cao, và trí-tuệ bậc cao. Do vậy ... [tiếp tục tương tự đoạn (1) kế trên] ... Đây là hiểm-họa thứ hai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (3) "Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Trong khi tham gia vào cuộc đàm đạo nói về Giáo Pháp, trong nhiều câu hỏi và câu trả lời,1086 họ sẽ rơi vào Giáo Pháp tối tăm (hắc pháp) nhưng sẽ không nhận thấy điều đó. Vậy đó, này các Tỳ kheo, do có sự suy đồi về Giáo Pháp nên có sự suy đồi về giới luật, và do có sự suy đồi về giới luật nên có sự suy đồi về Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (4) "Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. (a) khi những bài thuyết giảng (kinh) được nói bởi Như Lai là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, vượt trên (xuất) thế gian, liên hệ đến tính-không, đang được tụng giảng, thì họ sẽ không muốn lắng nghe chúng, không lóng tai nghe chúng, và cũng không áp dụng tâm để hiểu chúng; và họ không cho rằng những giáo lý đó nên cần được học hiểu và nắm vững. (b) Nhưng khi những bài thuyết giảng chỉ là những bài thi ca của các thi sĩ, với câu chữ mỹ miều, được sáng tạo bởi người những người ngoài đạo, được nói ra bởi đệ

tử [của họ], đang được ngâm đọc, thì họ lại muốn lắng nghe chúng, lóng tai nghe chúng, và áp dụng tâm để hiểu chúng, và họ cho rằng những giáo lý đó mới cần được học hiểu và nắm vững.1087 Vậy đó, này các Tỳ kheo, do có sự suy đồi về Giáo Pháp nên có

sự suy đồi về giới luật, và do có sự suy đồi về giới luật nên có sự suy đồi về Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ tư chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (5) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ. Những Tỳ kheo trưởng lão—không tu thành về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ—những Tỳ kheo trưởng lão sống xa hoa (thụ hưởng) và lơi lỏng, những người lãnh đạo (thượng tọa) thì tụt lùi (không tu tiến), dẹp bỏ bổn phận sống tách-ly lánh trần; họ không phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Những người kế tục sau đó noi gương làm theo họ. Rồi tới phiên những người sau cũng trở nên sống xa hoa và lơi lỏng; những người lãnh đạo sau cũng tụt lùi, dẹp bỏ bổn phận sống tách-ly lánh trần; những người sau cũng không phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Vậy đó, này các Tỳ kheo, do có sự suy đồi về Giáo Pháp nên có sự suy đồi về giới luật, và do có sự suy đồi về giới luật nên có sự suy đồi về Giáo Pháp. Đây là hiểm-họa thứ năm chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. “Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ chúng.”

80 (10) Những Hiểm Họa Tương Lai (4) “Này các Tỳ kheo, có năm hiểm họa chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra chúng và cố gắng trừ bỏ chúng. Năm đó là gì? (1) “Trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những y-phục (cà sa) đẹp tốt. Họ sẽ dẹp bỏ những y-phục làm từ giẻ rách, dẹp bỏ những nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi, và đổ dồn về những làng xã, thị xã, thành

phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào sự tìm kiếm những y-phục một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ nhất chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (2) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những thức-ăn ngon tốt. Họ sẽ dẹp bỏ việc đi khất-thực, dẹp bỏ những nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi, và đổ dồn về những làng xã, thị xã, thành phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào sự tìm kiếm những thức-ăn cúng dường một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ hai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (3) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo tham muốn những chỗ-ở đẹp tốt. Họ sẽ dẹp bỏ việc sống dưới gốc cây, dẹp bỏ những nơi trú- ở xa lánh trong rừng núi, và đổ dồn về những làng xã, thị xã, thành phố lớn, sẽ cư trú luôn ở đó; và họ sẽ dính vào việc tìm

kiếm những chỗ-ở một cách sai trái và không đúng đắn. Đây là hiểm-họa thứ ba chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (4) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo có dính líu mật thiết với những Tỳ kheo ni, những nữ tu tập sự, và những nữ sa-di.1088 Khi họ tạo thành những sự dính líu mật thiết đó, có thể thấy trước họ sẽ sống đời sống tâm linh (tu hành, phạm hạnh) một cách không mãn lòng, họ sẽ phạm vào những tội ô-nhiễm,1089 hoặc bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục. Đây là hiểm-họa thứ tư chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó. (5) “Lại nữa, trong tương lai, sẽ có những Tỳ kheo có dính líu mật thiết với những người làm công quả trong chùa và sa-di. Khi họ tạo thành những sự dính líu mật thiết đó, có thể thấy trước họ sẽ dính vào việc dùng những thứ được cất giữ (như thức ăn, vật dụng …), và gợi ý rõ ràng đối với khu đất và cây trồng xung quanh.1090 Đây là hiểm-họa thứ năm chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ nó.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm hiểm-họa tương lai chưa khởi sinh sẽ khởi sinh trong tương lai. Các thầy nên nhận ra và cố gắng trừ bỏ chúng.”

NHÓM 4. NHỮNG TRƯỞNG LÃO

81 (1) Kích Tham … “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó đầy tham- dục với những thứ kích tham; (2) người đó đầy sân-hận với những thứ kích sân; (3) người đó bị si-mê bởi những thứ làm si mê; (4) người đó bị động-vọng bởi những thứ kích động; (5) và người đó bị say-sưa (phù hoa) bởi những thứ làm say sưa. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không bị tham-dục với những thứ kích tham; (2) người đó không bị sân-hận với những thứ kích sân; (3) người đó không bị si-mê bởi những thứ làm si mê; (4) người đó không bị động-vọng bởi những thứ kích động; (5) và người đó không bị say-sưa bởi những thứ làm say sưa. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.”

82 (2) Không Có Tham … “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không

thiếu tham-dục; (2) người đó không thiếu sân-giận; (3) người đó không thiếu si-mê; (4) người đó hay chê-bai phỉ báng (người khác); và (5) người đó là xấc-xược bố lếu. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. “Này các Tỳ kheo, có

được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không tham-dục; (2) người đó không sân-giận; (3) người đó không si-mê; (4) người đó không chê-bai phỉ báng (người khác); và (5) người đó không xấc-xược bố lếu. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo."

83 (3) Người Mưu Mô ... "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó là người mưu-mô, (2) người nịnh-nọt ba phải, (3) người gài-xúi (gợi ý, xúi giục), (4) người khúm-núm (giả hèn) và (5) người dùng lợi lộc để mưu-đồ lợi lộc.1091 Có năm phẩm chất này ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không phải người mưu-mô, (2) người nịnh-nọt ba phải, (3) người gài-xúi (gợi ý, xúi giục), (4) người khúm-núm (giả hèn) và (5) người dùng lợi lộc để mưu-đồ lợi lộc. Có được năm phẩm chất này ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo."

84 (4) Không Có Niềm-tin ... "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó không có niềm-tin, (2) không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) bất-chấp về mặt đạo đức, (4) lười-biếng, và (5) không có-trí. Có năm phẩm chất này ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin, (2) biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức, (4) nỗ-lực (tinh tấn), và (5) có-trí. Có được năm phẩm chất này ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo."

85 (5) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là khó ưa và khó được chấp nhận, không được tôn trọng và không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó không kiên-nhẫn chịu đựng (1) những hình-sắc, (2) những âm-thanh, (3) những mùi- hương, (4) những mùi-vị, (5) những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão ... không được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó có thể kiên-nhẫn chịu đựng (1) những hình-sắc, (2) những âm-thanh, (3) những mùi-hương, (4) những mùi-vị, (5) những đối-tượng chạm xúc. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão ... được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo."

86 (6) Những Trí-Biết Mang Tính Phân Tích “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? Người đó chứng ngộ (1) trí-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) về ý-nghĩa, (2) trí-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp, (3) trí-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ, (4) trí-biết mang tính phân tích về sự nhận-biết,1092 và (5) người đó giỏi giang và siêng năng làm những công việc (trong chùa, trong Tăng đoàn) cần được làm cho (để phục vụ) các Tỳ kheo đồng đạo; người đó có sự phán xét giỏi về những việc đó để thực hiện và thu xếp chúng một cách hợp lý. “Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão … được kính trọng bởi các Tỳ kheo đồng đạo.”

87 (7) Có Giới Hạnh “Này các Tỳ kheo, có năm được phẩm chất, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo. Năm đó là gì? (1) “Người đó là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, 1093 (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó là người thuyết giảng tốt với sự truyền tải tốt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn đạt được ý nghĩa. (4) “Người đó nếu muốn, một cách không khó khăn hay rắc rối, sẽ chứng đắc bốn tầng thiền định (sắc giới) (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) “Với đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí- biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là đáng mến và được hài lòng, được tôn trọng và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo.”

88 (8) Một Trưởng Lão (I) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Năm đó là gì? “(1) Một trưởng lão đã kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm. (2) Người đó được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ tử gồm những người xuất gia và tại gia. (3) Người đó nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng

đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).1094 (5) Nhưng người đó lại nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và quan-điểm lệch lạc.

• 109

“Người đó lôi kéo nhiều người ra khỏi Giáo Pháp tốt lành (thiện pháp) và thiết lập họ trong Giáo Pháp xấu ác (tà pháp). Nhiều người noi theo gương thầy đó là do họ nghĩ [lầm] rằng: ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó là kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ xuất gia và tại gia’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học’. “Có năm phẩm chất này là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự lụn bại, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. (II) “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Năm đó là gì? “(1) Một trưởng lão đã kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm. (2) Người đó được biết nhiều và nổi tiếng và có nhiều đệ tử gồm những người xuất gia và tại gia. (3) Người đó nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (5) Và người đó nắm giữ cách- nhìn đúng đắn (chánh kiến) và quan-điểm chánh đúng. “Người đó lôi kéo nhiều người ra khỏi Giáo Pháp xấu ác (tà pháp) và thiết lập họ trong Giáo Pháp tốt lành (thiện pháp). Nhiều người noi theo gương thầy đó là do họ nghĩ [đúng] rằng: ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó là kỳ cựu và đã xuất gia lâu năm’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó được biết nhiều và

nổi tiếng và có nhiều đệ xuất gia và tại gia’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh’; ‘Vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học’. “Có được năm phẩm chất này, là một Tỳ kheo trưởng lão đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.”

89 (9) Một Học Nhân (1) “Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? Ham thích công việc, ham thích nói, ham thích ngủ, và ham thích giao lưu nhiều người, và người đó không coi lại tâm mình đã được giải-thoát đến mức độ nào.1095 Năm phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo

là một học nhân. “Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? Không ham thích công việc, không ham thích nói, không ham thích ngủ, và không ham thích giao lưu nhiều người, và người đó thường xem xét lại tâm mình đã được giải-thoát đến mức độ nào. Năm phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân.1096

90 (10) Học Nhân (2) (I) “Này các Tỳ kheo, năm phẩm chất dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân có nhiều trách vụ và bổn phận, và giỏi giang trong nhiều công việc (ở tu viện, chùa; Phật sự) cần phải được làm, do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly (ẩn dật, trú tu) và không dành hết mình cho (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong (định) của tâm. Đây

là điều thứ nhất dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân trải qua cả ngày chỉ làm những việc lặt vặt, do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly và không dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân có dính líu mật thiết với những gia chủ và những tu sĩ, giao lưu (với người này người nọ) một cách không phù hợp theo kiểu như mình là người tại gia,1097 do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly và không dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân đi vô làng quá sớm và trở về quá trễ trong ngày, do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly và không dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì nhưng lại không muốn nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh-bần để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm thiểu nhu-cầu (tri túc), về sự biết hài-lòng (với những thứ và điều-kiện mình có được), về sự sống độc-thân, về sự không nên dính-líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí- biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát; do vậy người đó lơ lảng sự tách-ly và không dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. “Đây là năm điều dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (II) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân không có nhiều trách vụ và bổn phận mặc dù người đó giỏi giang trong nhiều công việc (ở tu viện,

chùa; Phật sự) cần phải được làm, do vậy người đó không lơ lảng sự tách- ly (ẩn dật, trú tu) mà dành hết mình cho (sự tu tập) sự vắng-lặng bên trong (định) của tâm. Đây là điều thứ nhất dẫn tới không sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (2) “Ở đây, một Tỳ kheo là một học nhân không trải qua cả ngày làm những công việc lặt vặt, do vậy

người đó không lơ lảng sự tách-ly mà dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ hai dẫn tới không sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân không dính líu mật thiết với những gia chủ và những tu sĩ, không giao lưu (với người này người nọ) một cách không phù hợp theo kiểu như mình là người tại gia, do vậy người đó không lơ lảng sự tách-ly mà dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân không đi vô làng xóm quá sớm hay trở về quá trễ, do vậy người đó không lơ lảng sự tách-ly mà dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là một học nhân nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, sẽ lắng nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh-bần để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm thiểu nhu-cầu (tri túc), về sự biết hài-lòng (với những thứ và điều-kiện mình có được), về sự sống độc-thân, về sự không nên dính- líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm- nhìn của sự giải-thoát; do vậy người đó không lơ lảng sự tách-ly và không dành hết mình cho sự vắng-lặng bên trong của tâm. Đây là điều thứ năm dẫn tới không sự sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân. “Đây là năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là một học nhân.

• 113

NHÓM 5. KAKUDHA

91 (1) Những Thành Tựu (1) “Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu giới-hạnh, thành tựu về sự học-hiểu, thành tựu về sự bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là năm sự thành tựu.”

92 (2) Những Thành Tựu (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự thành tựu này. Năm đó là gì? Thành tựu về giới-hạnh, thành tựu sự định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, và thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là năm sự thành tựu.”

93 (3) Những Tuyên Bố “Này các Tỳ kheo, có năm sự tuyên bố về trí-biết cuối cùng.1098 Năm đó là gì? (1) Người tuyên bố trí-biết cuối cùng do sự khờ (đần độn) và sự ngu; (2) người tuyên bố trí-biết cuối cùng do người đó có những tham muốn xấu ác và bị thúc giục bởi tham muốn; (3) người tuyên bố trí-biết cuối cùng do người đó là điên khùng và loạn trí; (4) người tuyên bố trí- biết cuối cùng do người đó tự đánh giá cao về mình; và (5) Người tuyên bố trí-biết cuối cùng một cách đúng đắn. Đây là năm sự tuyên bố trí-biết cuối cùng.”

94 (4) An Trú Thư Thái “Này các Tỳ kheo, có năm loại sự an trú thư thái. Năm đó là gì? (1) Ở đây: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), một Tỳ kheo

chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (2) … trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) …’ (3) … trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) …’ (4) … trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …’ (5) Với đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, một Tỳ kheo đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Đây là năm loại sự an trú thư thái.”

95 (5) Sự Bất Lay Chuyển “Này các Tỳ kheo, có được năm điều, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển.1099 Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo đã chứng ngộ (1) trí-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) về ý-nghĩa, (2) trí-biết mang tính phân tích về Giáo Pháp, (3) trí-biết mang tính phân tích về ngôn-ngữ, (4) trí-biết mang tính phân tích về sự nhận-biết, và (5) người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào. “Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

96 (6) Những Điều Người Tu Đã Học Được “Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo theo đuổi (tu tập) ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công việc phải làm (ở tu viện, chùa), dễ được trợ giúp, và dễ hài lòng với mọi thứ (điều kiện, tiện nghi) để sống. (2) Người đó ăn ít và để ý đến sự tiết-độ trong ăn uống. (3) Người đó ít khi buồn-ngủ và để ý đến sự tỉnh-giác. (4) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố

• 115

(cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào. “Có được năm điều này, một Tỳ kheo theo đuổi ‘sự chánh-niệm hơi- thở’ sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

97 (7) Sự Đàm Đạo “Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo theo đuổi (tu tập) ‘sự chánh-niệm hơi-thở’ sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công việc … (2) Người đó ăn ít … (3) Người đó ít khi buồn-ngủ … (4) Người đó nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, sẽ lắng nghe những cuộc đàm đạo nói về sự sống thanh bần để dẫn tới sự khai mở trái tim (khai tâm), đó là, những sự đàm đạo về sự giảm thiểu nhu-cầu (tri túc), về sự biết hài-lòng (với những gì mình có được), về sự sống độc-thân, về sự không nên dính líu mật thiết [với người khác], về sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm- nhìn của sự giải-thoát. (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải- thoát đến mức độ nào. “Có được năm điều này, một Tỳ kheo theo đuổi ‘sự chánh-niệm hơi- thở’ sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển.”

98 (8) Người Sống Tu Trong Rừng "Này các Tỳ kheo, có được năm điều thì một Tỳ kheo theo đuổi 'sự chánh-niệm hơi-thở' sẽ mau sớm thâm nhập sự (trạng thái) bất lay chuyển. Năm đó là gì? (1) Ở đây, Tỳ kheo có ít trách vụ, ít công việc ... (2) Người đó ăn ít ... (3) Người đó ít khi buồn-ngủ ... (4) Người đó là người sống tu

trong rừng, lánh về sống tu nơi trú-ở xa lánh. (5) Người đó luôn xem xét lại tâm mình được giải-thoát đến mức độ nào. "Có được năm điều này, một Tỳ kheo sẽ mau sớm thâm nhập sự bất lay chuyển."

99 (9) Sư Tử "Này các Tỳ kheo, vào cuối chiều, sư tử, vua của muôn loài thú, ra khỏi hang ổ của nó, rướn duỗi thân, quan sát bốn phía xung quanh, và gầm lên tiếng gầm sư tử của nó ba lần. Sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. (1) "Nếu nó tấn công một con voi, nó luôn tấn công một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường.1100 (2) Nếu nó tấn công con trâu ... (3) ... con bò ... (4) ... con báo ... (5) ... hay những con thú nhỏ hơn, ngay cả một con thỏ hay con mèo, nó luôn tấn công một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. Vì lý do gì? [Vì nó nghĩ:] 'Đừng để sự ra tay của ta (cú bắt mồi) thất bại.' "Này các Tỳ kheo, sư tử là một cách để ví chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Lời của Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng là tiếng gầm sư tử của Như Lai. (1) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo, Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. (2) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo ni ... (3) ... những đệ tử tại gia nam ... (4) ... những đệ tử tại gia nữ, Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. (5) Nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho những người phàm phu, thậm chí những người chở thức-ăn hay những thợ săn bắn,1101 Như Lai chỉ dạy một cách cẩn trọng, không phải một cách coi thường. Vì lý do gì? Vì Như Lai có sự tôn trọng đối với Giáo Pháp, sự tôn kính đối với Giáo Pháp."

100 (10) Kakudha Tôi nghe như vầy.1102 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kos-

ambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có (Tỳ kheo) Kakudha, người con dân tộc Koliya (Câu-lợi), là người hầu cận (thị giả) của Ngài Đại Mục-kiền-liên, vừa mới chết và được tái sinh trong số [những thiên thần] có thân được làm bằng-tâm.1103 Thân của vị thiên thần đó lớn gấp hai hay gấp ba lần một ngôi làng ở xứ M-kiệt-đà (Magadha), nhưng vị ấy không gây cản trở cho mình hay cho người khác bằng thân (khổng lồ) của mình.1104 Rồi vị tiên trẻ Kakudha đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên, kính lễ thầy ấy, đứng qua một bên, và thưa với thầy ấy: "Thưa thầy, có tham muốn khởi sinh trong thầy Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) như vầy: 'Ta sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn những Tỳ kheo'. Và cùng lúc khởi sinh ý nghĩ này, thầy Đề-bà-đạt-đa đã mất hết thần-thông đó."1105 Đây là lời vị tiên trẻ Kakudha đã nói. Sau đó vị ấy kính lễ thầy Mục-kiền-liên, giữ thầy ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó. Rồi thầy Mục-kiền-liên đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn chuyện mới xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:] "Nhưng, này Mục-kiền-liên, thầy có lấy tâm mình bao trùm tâm của vị tiên trẻ Kakudha để hiểu rõ về vị tiên đó (để coi):

‘Rằng những gì vị tiên trẻ Kakudha nói đều là đúng và không sai khác’?” “Dạ có, thưa Thế Tôn.” “Hãy ghi nhớ lời này, này Mục-kiền-liên! Giờ thì kẻ ngu (Đề-bà-đạt- đa) đó sẽ lộ bản thân, theo ý đồ của mình. “Này Mục-kiền-liên, có năm loại thầy được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, có người thầy giới-hạnh chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù giới-hạnh chưa không trong sạch nhưng

tuyên bố: “Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân (bản chất) bằng những điều mình làm.’1106 Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về giới-hạnh của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về giới-hạnh của ông. (2) “Lại nữa, có người thầy sự mưu-sinh chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự mưu-sinh được thanh lọc. Sự mưu-sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự mưu-sinh không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự mưu-sinh được thanh lọc. Sự mưu- sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân bằng những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự mưu-sinh của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự mưu-sinh của ông. (3) “Lại nữa, có người thầy sự chỉ-dạy Giáo Pháp chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự chỉ-dạy Giáo Pháp chưa không trong sạch nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng

dường với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân bằng những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ông. (4) “Lại nữa, có người thầy những sự giảng-giải của ông chưa được thanh lọc1107 mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự giảng-giải của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù giảng-

giải chưa được thanh lọc nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự giảng-giải của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân bằng những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự giảng-giải của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự giảng-giải của ông. (5) “Lại nữa, có người thầy sự-biết và sự-thấy của ông chưa được thanh lọc mà tuyên bố: ‘Ta là người có sự-biết và sự-thấy được thanh lọc. Sự-biết và sự-thấy của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ông ta biết ông ta: ‘Vị thầy vinh danh này, mặc dù sự-biết và sự-thấy chưa được thanh lọc nhưng tuyên bố: “Ta là người có sự-biết và sự-thấy được thanh lọc. Sự-biết và sự-thấy của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.” Giờ ông ta không muốn chúng tôi báo sự thật này cho những người tại gia. Làm sao chúng tôi có thể làm trái ý của ông ta? Hơn nữa, ông ta cũng được tôn vinh cúng dường với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Một người sẽ lộ bản thân bằng những điều mình làm.’ Những đệ tử của ông che đậy cho người thầy như vậy về sự-biết và sự-thấy của ông, và vị thầy như vậy muốn được các đệ tử che đậy về sự-biết và sự-thấy của ông.

“Đây là năm loại người thầy được thấy có trong thế gian.

(1) “Nhưng, này Mục-kiền-liên, ta là người có giới-hạnh được thanh lọc được thanh lọc, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có giới-hạnh được thanh lọc. Giới-hạnh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về giới-hạnh của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về giới-hạnh của ta. (2) Ta là người có sự mưu-sinh được thanh lọc, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự mưu-sinh được thanh lọc. Sự mưu-sinh của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự mưu-sinh của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự mưu-sinh của ta. (3) Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự chỉ-dạy Giáo Pháp được thanh lọc. Sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự chỉ-dạy Giáo Pháp của ta. (4) Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự giảng-giải được thanh lọc. Sự giảng-giải của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự giảng-giải của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự giảng-giải của ta. (5) Ta là người có sự-biết và sự-thấy được thanh lọc, và ta tuyên bố: ‘Ta là người có sự-biết và sự-thấy được thanh lọc. Sự-biết và sự-thấy của ta được thanh lọc, được thanh tẩy, được tẩy nhiễm.’ Những đệ tử của ta không che đậy cho ta về sự-biết và sự-thấy của ta, và ta không muốn được che đậy bởi những đệ tử của ta về sự-biết và sự-thấy của ta.”

[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1. AN TRÚ THƯ THÁI

101 (1) Sự Ngại Ngần “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân.1108 Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, có sự học-hiểu, có sự nỗ-lực (tinh tấn), và có trí. (1) Mọi sự ngại-ngần1109 có trong một người không có niềm-tin thì không có trong người được phú cho niềm-tin; bởi vậy phẩm chất (niềm-tin) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (2) Mọi sự ngại-ngần có trong một người không có giới-hạnh (thất đức) thì không có trong một người có giới-hạnh; bởi vậy phẩm chất (giới-hạnh) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (3) Mọi sự ngại-ngần có trong một người thiếu sự học-hiểu thì không có trong một người có sự học-hiểu; bởi vậy phẩm chất (học-hiểu) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (4) Mọi sự ngại-ngần có trong một người lười-biếng thì không có trong một người siêng năng nỗ-lực (tinh tấn); bởi vậy phẩm chất (nỗ-lực) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân. (5) Mọi sự ngại-ngần có trong một người không có-trí thì không có trong một người có-trí; bởi vậy phẩm chất (trí tuệ) này làm nên sự tự-tin trong một người học nhân.”

102 (2) Bị Nghi Ngờ “Này các Tỳ kheo, dựa trên năm căn cứ, một Tỳ kheo bị nghi ngờ và không được tin tưởng, bị coi là loại ‘Tỳ kheo xấu ác’ cho dù người đó thuộc phẩm cách bất lay chuyển.1110 Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo thường đến gặp chỗ gái bán dâm, đàn bà góa, phụ nữ chưa chồng, hoạn quan, hay những Tỳ kheo ni.1111 Dựa trên năm căn cứ này, một Tỳ kheo bị

nghi ngờ và không được tin tưởng, bị coi là loại ‘Tỳ kheo xấu ác’ cho dù người đó thuộc phẩm cách bất lay chuyển.”

103 (3) Kẻ Trộm 1112 (I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố thì một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. Ba đó là gì? Ở đây, một siêu trộm (1) dựa vào địa hình không bằng phẳng, (2) dựa vào sự rậm rạp, và (3) dựa vào những người quyền lực, (4) lo lót hối lộ, (5) di chuyển một mình.

(1) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sông ngòi khó vượt qua và núi non hiểm trở. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp (che khuất)? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp của ruộng mía, sự rậm rạp của cây lớn, của bụi rậm cây lùm, hay rừng lớn. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào sự rậm rạp che khuất.

(3) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một siêu trộm dựa vào vua chúa hay những quan chức. Hắn nghĩ: ‘Nếu có ai bắt được tội ta, vua chúa hay những quan chức đó sẽ bênh vực (bào chữa) cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt được tội hắn, vua chúa và những quan chức đó sẽ bênh vực cho hắn và bỏ qua. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào những người quyền lực. (4) “Và theo cách nào

một siêu trộm lo lót hối lộ? Ở đây, một siêu trộm là giàu có, có nhiều của cải và tài sản. Người đó nghĩ: 'Nếu có ai kết tội ta điều gì, ta sẽ giải quyết với người đó bằng tiền hối lộ.' Nếu có ai kết tội hắn vì điều gì, hắn sẽ giải quyết với người đó bằng tiền hối lộ. Theo cách như vậy là siêu trộm lo lót hối lộ. (5) "Và theo cách nào một siêu trộm di chuyển một mình? Ở đây, một

• 123

siêu trộm thực hiện những vụ trộm cắp1113 chỉ một mình. Vì lý do gì? [Vì hắn nghĩ:] 'Những mưu tính bí mật của ta1114 không nên để người khác biết!' Theo cách như vậy là siêu trộm di chuyển một mình. "Có năm yếu tố này, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. (II) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất thì một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác (1) dựa trên căn cước không bằng phẳng, (2) dựa vào sự rậm rạp (che khuất), và (3) dựa vào những người quyền lực, (4) lo lót hối lộ, và (5) di chuyển một mình. (1) "Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa trên căn cước không bằng phẳng? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dính vào những hành-động sai trái, lời- nói sai trái, và tâm-ý sai trái (ba tà nghiệp). Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào căn cước không bằng phẳng. (2) "Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự rậm rạp (che mờ)? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), dung dưỡng cách-nhìn cực đoan.1115 Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự rậm rạp. (3) "Và theo cách nào một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa vào vua chúa hay những quan thần. Người đó nghĩ: 'Nếu có ai bắt tội ta, vua chúa hay những quan thần đó sẽ bào chữa cho ta và bỏ qua.' Và nếu có ai bắt tội Tỳ kheo đó, vua chúa và những quan thần đó sẽ bào chữa cho Tỳ kheo đó và bỏ qua. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo lo lót hối lộ? Ở đây, một Tỳ kheo nhận được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Người đó nghĩ: 'Nếu có ai kết tội ta vì điều gì, ta sẽ giải quyết với người đó bằng những thứ lợi lộc này.' Và nếu có ai kết tội người đó vì

124 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

điều gì, người đó sẽ giải quyết với người đó bằng những thứ lợi lộc như vậy. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác lo lót hối lộ. (5) "Và theo cách nào một Tỳ kheo di chuyển một mình? Ở đây một Tỳ kheo đến lập một nơi để trú ở một mình ở gần những vùng biên giới (giữa các xứ). Khi tiếp cận những gia đình ở đó, người đó nhận được những thứ lợi lộc. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo di chuyển một mình. "Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo xấu ác làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước."

104 (4) Tinh Tế 1116 "Này các Tỳ kheo có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo là một (hạng) tu sĩ [sa-môn] tinh tế trong số những Tỳ kheo. Năm đó là gì? {Ở đây, (i) một Tỳ kheo thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi

dùng thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường ăn thức-ăn đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng chỗ-ở đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình; người đó thường dùng thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh đã được (thí chủ) cúng dường cho chính mình, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính mình. (ii) Những Tỳ kheo đạo hữu mà vị ấy đang sống chung thường cư xử với vị ấy bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho vị ấy những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. (iii) Những sự khó khổ (khó chịu, không an ổn) sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này không thường khởi sinh trong vị ấy nữa. Vị ấy hiếm khi bệnh yếu. (iv) Vị ấy nếu

• 125

muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (v) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.} Theo cách như vậy một người là một tu sĩ tinh tế trong những hạng tu sĩ. {“Này các Tỳ kheo, nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế trong số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó. (i) Bởi vì ta thường dùng y-phục đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường ăn thức-ăn đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi ăn thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng chỗ-ở đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta; ta thường dùng thuốc- thang với chu cấp cho người bệnh đã được (thí chủ) cúng dường cho chính ta, hiếm khi dùng thứ không được cúng dường cho chính ta. (ii) Những Tỳ kheo mà ta đang sống chung thường cư xử với ta bằng những hành-động, lời-nói, và tâm-ý dễ chịu, hiếm khi có hành-động, lời-nói hay tâm-ý nào khó chịu. Họ thường tặng cho ta những thứ đáng thích, hiếm khi có thứ nào khó thích. (iii) Những sự khó khổ sinh ra từ mật, đờm, gió, hay sự kết hợp của chúng; sự khó khổ sinh ra do thay đổi khí hậu; sự khó khổ sinh ra do hành vi bất cẩn; sự khó khổ sinh ra do bị tấn công; hoặc sự khó khổ sinh ra do quả của nghiệp (kamma)—những sự khó khổ này không thường khởi sinh trong ta nữa. Ta hiếm khi bệnh yếu. (iv) Ta, nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (chúng) vốn tạo nên phần tâm bậc cao và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (v) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, ta an trú trong đó. Nếu ai có thể nói một cách đúng đắn mà nói về người nào như vầy: ‘Vị ấy là một sa-môn tinh tế

trong

số những sa-môn’ thì chính là về ta người đó nói điều đó.”}

105 (5) Thư Thái “Này các Tỳ kheo, có năm phương tiện để sống một cách thư thái.1117 Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ hành-động từ ái đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình đều luôn giữ lời-nói từ ái đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình một mình đều luôn giữ tâm-ý từ ái đối với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không rách mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính-chấp, dẫn đến sự định-tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thân mến và tôn trọng . . . và sự đoàn kết. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo dù ở chung hay ở riêng một mình một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình trong đời sống thánh thiện loại cách-nhìn (chánh kiến) thuộc tính thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách-nhìn đó đạt đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Này các Tỳ kheo, đây là năm phương tiện để sống một cách thư thái.”

106 (6) Ānanda

• 127

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “(1) Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?” “Này Ānanda, khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới-hạnh, nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) những người khác về giới- hạnh;1118 đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.” (2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?” “Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới- hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.” (3) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?” “Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới- hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không

được danh tiếng; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.” (4) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?” “Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới- hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người

khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không được danh tiếng, và người đó, nếu muốn, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.” (5) “Nhưng, thưa Thế Tôn, còn cách nào khác một Tỳ kheo có thể an trú một cách thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn?” “Có thể có, này Ānanda. Khi một Tỳ kheo tự mình thành tựu về giới- hạnh nhưng không chỉ giáo (phê bình, chỉ trích) người khác về vấn đề giới-hạnh, và người đó xem xét chính mình nhưng không xem xét người khác, và người đó có danh tiếng nhưng không động vọng gì nếu không được danh tiếng, và người đó, nếu muốn, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, và với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó; đến mức độ này người đó có thể an trú thư thái khi đang sống trong Tăng Đoàn.”

107 (7) Giới Hạnh “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, và thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên

đời).”

108 (8) Người Vô Học Nhân “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà … là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đống [uẩn] giới-hạnh của bậc vô-học nhân, đống sự định-tâm của bậc vô-học nhân, đống trí-tuệ của bậc vô-học nhân, đống sự giải-thoát của bậc vô-học nhân, đống trí- biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà … là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

109 (9) Ở Nhà Trong Bốn Phương “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là như ở- nhà trong (khắp) bốn phương.1119 Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến. (3) Người đó biết hài-lòng với y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. (4) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này,

bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là như ở-nhà trong bốn phương.”

110 (10) Trong Rừng Núi “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo là đủ tốt (thích hợp) để lui về nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi (để sống tu ẩn dật). Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … [như kinh kế trên] … người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều … thâm nhập bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự tu dưỡng những phẩm chất thiện. (4) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) Với sự đã tiêu diệt những ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đủ tốt để để lui về (tu) nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi.”

NHÓM 2. ANDHAKAVINDA 1120

111 (1) Khách Của Các Gia Đình “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính trọng. Năm đó là gì? (1) Tỳ kheo đó thân mật với những người mình không thân; (tức, ra vẻ thân mật với những người thực sự không thân với

mình); (2) ban phát những điều mình không có; (tức, chi phát thứ này thứ nọ, ra bộ mình là bậc thầy, bậc thánh; là thái độ không đứng đắn); (3) giao lưu với những người

bị chia rẽ (bất hòa);1121 (4) nói lén trong tai; và (5) đòi hỏi quá mực; (tức: xin xỏ, yêu cầu quá đáng). “Có năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính trọng.” “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng. Năm đó là gì? (1) Tỳ kheo đó không thân mật với những người mình không thân; (2) không ban phát những điều mình không có; (3) không giao lưu với những người bị chia rẽ; (4) không nói lén trong tai; và (5) không đòi hỏi quá mực. “Có được năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng.”

112 (2) Một Tỳ Kheo Hầu Cận “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, người đó không nên được nhận làm Tỳ kheo hầu cận. Năm đó là gì? (1) Người đó đi quá xa hoặc quá gần người kia; (2) không mang bình bát khi nó đã đầy (thức ăn …); (3) không kiềm chế (nhắc nhở, cảnh báo) người kia khi lời-nói người kia sắp dính tội; (4) cứ ngắt lời khi người kia đang nói; và (5) không có trí, ngu đần, chậm hiểu. Có năm phẩm chất này, người đó không nên được nhận làm Tỳ kheo hầu cận. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, người đó có thể được nhận làm Tỳ kheo hầu cận. Năm đó là gì? (1) Người đó không đi quá xa hoặc quán gần người kia; (2) mang bình bát khi nó đã đầy; (3) kiềm chế (nhắc nhở, cảnh báo) người kia khi người kia lời-nói người kia sắp dính tội; (4) không ngắt lời khi người kia đang nói; và (5) có trí khôn, thông minh, nhạy bén. Có được năm phẩm chất này, người đó có thể được nhận làm Tỳ kheo hầu cận.”

113 (3) Sự Định Tâm “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo không có khả năng chứng nhập trong chánh-định. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo không có khả năng chứng nhập chánh-định. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo có khả năng chứng nhập trong chánh-định. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo có khả năng chứng nhập chánh-định.”

114 (4) Andhakavinda Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Ma-kiệt-đà (Magadha) ở Andhakavinda. Lúc đó Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy: “Này Ānanda, những Tỳ kheo nào là người mới vào tu, là những người mới xuất gia, những người mới đến với Giáo Pháp và giới luật này, thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong năm điều. Năm đó là gì? (1) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự kiềm-chế của Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo) như vầy: ‘Này các đạo hữu, hãy có giới-hạnh; sống được kiềm-chế trong Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, hãy tu tập theo/trong những điều luật đó.’ (2) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự

kiềm-chế các căn cảm-nhận (giác quan) như vầy: ‘Này các đạo hữu, hãy phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; lấy sự chánh-niệm là người bảo vệ; hãy có chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), có được một cái tâm được phòng hộ, một cái tâm dưới sự bảo vệ của sự chánh-niệm.’ (3) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự hạn chế lời-nói như vầy: ‘Này các đạo hữu, đừng nói chuyện nhiều. Hãy hạn chế sự nói chuyện của mình.’ (4) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tách-ly thân như vầy: ‘Này các đạo hữu, hãy là những người sống tu trong rừng. Lui về ở những nơi trú-ở xa lánh trong rừng núi (để tu).’ (5) “Thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong một tầm-nhìn chánh đúng như vầy: ‘Này các đạo hữu, hãy nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có tầm-nhìn chánh đúng.’1122 “Này Ānanda, những Tỳ kheo nào là người mới vào tu, là những người mới xuất gia, những người mới đến với Giáo Pháp và giới luật này, thầy nên khuyến khích họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong năm điều như vậy.”

115 (5) Keo Kiệt “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó keo kiệt (và tham lam) về những chỗ-ở, về những gia-đình (thí chủ), về những lợi-lộc, về lời-khen, và về Giáo Pháp.1123 Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không keo kiệt về những chỗ-ở, về những gia-đình, về những lợi-lộc, về lời-khen, và về Giáo Pháp. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

116 (6) Khen “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ tin một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ nghi ngờ một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo).1124 Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê trách người đáng chê trách. (3) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

117 (7) Ghen Tỵ “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó ghen tỵ, và (4) keo kiệt. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có

• 135

năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê trách người đáng chê trách. (3) Người đó không ghen tỵ, và (4) không keo kiệt. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.

118 (8) Cách Nhìn “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và (4) có những ý- định sai trái (tà tư duy). (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo ni được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó? Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó chê trách người đáng chê trách. (3) Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và (4) có những ý-định đúng đắn (chánh tư duy). (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

119 (9) Lời Nói [Giống hệt kinh 5:118, nhưng thay điều (3) và (4) trong hai đoạn ‘địa ngục’ và ‘cõi trời’ như sau:]

“… (3) Người đó có lời-nói sai trái (tà ngữ), và (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) … “… (3) Người đó có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), và (4) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) …”

120 (10) Nỗ Lực [Giống hệt kinh 5:118, nhưng thay điều (3) và (4) trong hai đoạn ‘địa ngục’ và ‘cõi trời’ như sau:]

“… (3) Người đó có sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn), và (4) sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) … “… (3) Người đó có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn), và (4) sự tâm-niệm đúng đắn

(chánh niệm) …”

NHÓM 3. BỆNH

121 (1) Bệnh “Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đến thăm khu bệnh xá, ở đó đức Thế Tôn nhìn thấy một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh. Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, nếu năm điều không tuột mất khỏi một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh, thì có thể trông đợi người đó: ‘Không bao lâu nữa, với sự tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó

• 137

tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí- tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.’ Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống (1) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (2) nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, (3) nhận thức sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian, (4) quán xét sự vô-thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi); và (5) người đó có sự nhận-thức về cái chết được thiết lập một cách vững chắc ở bên trong (tâm). Nếu năm điều này không tuột mất khỏi một Tỳ kheo yếu ớt và đau bệnh, thì có thể trông đợi người đó: ‘Không bao lâu nữa, với sự tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải- thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.’”

122 (2) Sự Thiết Lập Chánh Niệm “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều, thì có thể trông đợi một trong những thánh quả: đó là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng, đó là thánh quả Bất-lai. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) có sự chánh-niệm được thiết lập một cách thiện khéo ở bên trong để [đạt tới, đắc được] trí-tuệ để nhận biết sự sinh và diệt của những hiện- tượng;1125 người đó sống (2) quán xét (quán niệm, thiền quán) sự không hấp-dẫn của thân, (3) nhận thức sự gớm-ghiếc của thức-ăn, (4) nhận thức sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) quán xét sự vô- thường trong tất cả hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi). Nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tu tập và tu dưỡng năm điều này, thì có thể trông đợi một trong những thánh quả: đó là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng, đó là thánh quả Bất-lai.”

123 (3) Một Người Chăm Sóc (1)

138 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

“Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một người bệnh là khó chăm sóc. Năm đó là gì? (1) Người đó làm những điều có hại. (2) Người đó không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực) trong những thứ ích lợi. (3) Người đó không chịu dùng thuốc thang. (4) Người đó không nói đúng nói rõ những triệu chứng của mình cho người chăm sóc tận tâm; người

đó không báo rõ tình trạng của mình là đang tệ hơn, hay đang tốt hơn, hay vẫn không biến chuyển. (5) Người đó không kiên nhẫn chịu đựng những cảm-giác đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân. Có năm phẩm chất này, một người bệnh là khó chăm sóc. “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], một người bệnh là dễ chăm sóc. Năm đó là gì? (1) Người đó làm những điều ích lợi. (2) Người đó giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi. (3) Người đó dùng thuốc thang. (4) Người đó nói đúng nói rõ những triệu chứng của mình cho người chăm sóc tận tâm; người đó báo rõ tình trạng của mình là đang tệ hơn, hay đang tốt hơn, hay vẫn không biến chuyển. (5) Người đó kiên nhẫn chịu đựng những cảm-giác đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân. Có năm phẩm chất này, một người bệnh là dễ chăm sóc.

124 (4) Một Người Chăm Sóc (2) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một người chăm sóc là không đủ phẩm chất để chăm sóc bệnh nhân. Năm đó là gì? (1) Người đó không có khả năng chuẩn bị thuốc thang. (2) Người đó không biết cái gì là lợi hay hại, nên người đó đưa ra những có hại và thu lại những thứ ích lợi. (3) Người đó chăm sóc bệnh vì tiền bạc vật chất, không phải vì một cái tâm từ-ái. (4) Người đó thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ ói mửa, hay nước dãi nước miếng (của người bệnh). (5) Người đó không có khả năng thỉnh thoảng hướng dẫn, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ bệnh nhân bằng sự nói chuyện về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một người chăm sóc là không đủ phẩm chất để chăm sóc người bệnh.

• 139

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một người chăm sóc là đủ phẩm chất để chăm sóc bệnh nhân. Năm đó là gì? (1) Người đó có khả năng chuẩn bị thuốc thang. (2) Người đó biết cái gì là lợi hay hại, nên người đó đưa ra những ích lợi và thu lại những thứ có hại. (3) Người đó chăm sóc bệnh không vì tiền bạc vật chất, mà với một cái tâm từ-ái. (4) Người đó không thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ ói mửa, hay nước dãi nước miếng (của người bệnh). (5) Người đó có khả năng thỉnh thoảng hướng dẫn, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ bệnh nhân bằng sự nói chuyện về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một người chăm sóc là đủ phẩm chất để chăm sóc người bệnh.”

125 (5) Sức Sống (1) “Này các Tỳ kheo, có năm điều này làm suy giảm sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có hại; người không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực) trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa không tốt; người đi [khất thực] vào những lúc không phù hợp (phi thời);1126 người không sống độc thân. Đây là năm điều làm suy giảm sức sống. “Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] làm gia tăng sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có ích lợi; người giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa tốt; người đi [khất thực] vào những lúc phù hợp; người sống độc thân. Đây là năm điều làm gia tăng sức sống.”

126 (6) Sức Sống (2) “Này các Tỳ kheo, có năm điều này làm suy giảm sức sống. Năm đó là gì? Người làm những điều có hại; người không giữ sự tiết độ (vừa phải, chừng mực)

trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa không tốt; người thất-đức (thiếu giới-hạnh); người có bạn bè (đạo hữu) xấu. Đây là năm điều làm suy giảm sức sống. “Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] làm gia tăng sức sống. Năm đó

là gì? Người làm những điều có ích lợi; người giữ sự tiết độ trong những thứ ích lợi; người có hệ tiêu hóa tốt; người đức-hạnh (có giới-hạnh); người có bạn bè (đạo hữu) tốt. Đây là năm điều làm gia tăng sức sống.”

127 (7) Sống Tách Riêng “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là không đủ phẩm chất (không thích hợp, không đủ khả năng) để sống tách riêng khỏi (không cần sống tu chung với) Tăng Đoàn. Năm đó là gì? (1) Người đó không hài-lòng với mọi loại thứ y-phục (cà sa); (2) người đó không hài- lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó không hài-lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó không hài-lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; và (5) người đó sống với những ý nghĩ nhục-dục. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là không đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn. “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo là đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn. Năm đó là gì? (1) Người đó biết hài-lòng mọi loại thứ y-phục (cà sa); (2) người đó biết hài-lòng mọi thứ thức-ăn (3) người đó biết hài-lòng mọi chỗ-ở; (4) người đó biết hài-lòng mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh;1127 và (5) người đó sống không có những ý nghĩ nhục-dục. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là đủ phẩm chất để sống tách riêng khỏi Tăng Đoàn.”

128 (8) Hạnh Phúc Của Tu Sĩ “Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ đối với một tu sĩ (sa-môn). Năm đó là gì? Ở đây, (1) Người đó không hài-lòng với mọi loại thứ y-phục (cà sa); (2) người đó không hài-lòng với mọi thứ thức-ăn (3) người đó không hài-lòng với mọi chỗ-ở; (4) người đó không hài-lòng với mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; và (5) người đó sống đời sống tâm linh không được mãn lòng. Đây là năm loại khổ của một tu sĩ.

“Này các Tỳ kheo, có năm loại hạnh-phúc với một tu sĩ. Năm đó là gì? Ở đây, (1) Người đó biết hài-lòng mọi loại thứ y-phục (cà sa); (2) người đó biết hài-lòng mọi thứ thức-ăn (3) người đó biết hài-lòng mọi chỗ-ở; (4) người đó biết hài-lòng mọi thứ thuốc thang và chu cấp cho người bệnh; (5) người đó sống đời sống tâm linh được mãn lòng. Đây là năm loại hạnh phúc của một tu sĩ.

129 (9) Những Vết Thương “Này các Tỳ kheo, có năm vết thương bất khả chữa trị1128 dẫn tới cảnh giới đày đọa, dẫn tới địa ngục. Năm đó là gì? (1) Kẻ giết mẹ; (2) kẻ giết cha; (3) kẻ giết A-la-hán; (4) kẻ với một cái tâm thù hận làm Như Lai chảy máu; và (5) kẻ tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn. Đây là năm vết thương bất khả chữa trị dẫn tới cảnh giới đày đọa, dẫn tới địa ngục.”

130 (10) Những Thành Tựu “Này các Tỳ kheo, có năm khổ nạn này. Năm đó là gì? (1) Khổ nạn [do mất] người thân; (2) khổ nạn [do mất] của cải; (3) khổ nạn [do bị] bệnh

đau; (4) khổ nạn đối với giới-hạnh, và (5) khổ nạn đối với cách-nhìn (tà kiến).1129 Không phải do khổ nạn thứ nhất, hay thứ hai, hay thứ ba nên khi thân tan rã, nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Mà chính do khổ nạn thứ tư và thứ năm nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm khổ nạn. “Này các Tỳ kheo, có năm thành tựu này. Năm đó là gì? (1) Thành tựu [có được] người thân; (2) thành tựu [có được] của cải; (3) thành tựu [có được] sức khỏe; (4) thành tựu về giới-hạnh, và (5) thành tựu về cách- nhìn (chánh kiến). Không phải do thành tựu thứ nhất, hay thứ hai, hay thứ

ba nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Mà chính do thành tựu thứ tư và thứ năm nên khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm thành tựu.”

NHÓM 4. VUA

131 (1) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (1) “Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) thiết lập sự chuyển dịch bánh xe chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp,1130 một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người. Năm đó là gì? Ở đây, một vị vua quay chuyển bánh xe là người biết điều tốt là gì, người biết Giáo Pháp, người biết sự đo lường đúng đắn, người biết thời gian phù hợp, và người biết (những) hội chúng. Có được năm yếu tố này, một vị vua quay chuyển bánh xe thiết lập sự chuyển dịch bánh xe chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, là một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian. Năm đó là gì? Ở đây, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là một bậc biết điều tốt là gì, bậc biết Giáo Pháp, bậc biết sự đo lường đúng đắn, bậc biết thời gian phù hợp, và bậc biết (những) hội chúng.1131 Có được năm phẩm chất này, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp … không thể nào bị quay ngược bởi … bất cứ ai trong thế gian.”

132 (2) Tiếp Tục Quay Chuyển Bánh Xe (2) [Giống đoạn một kinh kế trên, chỉ thay thế “vị vua quay chuyển bánh xe” bằng “người con cả (thái tử) của vị vua quay chuyển bánh xe”.]

“Cũng giống như vậy, có được năm phẩm chất, Xá-lợi-phất, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp đã được

thiết lập dịch chuyển bởi Như Lai, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.1132 Năm đó là gì? Ở đây, Xá-lợi-phất là người biết điều tốt là gì, người biết Giáo Pháp, người biết sự đo lường đúng đắn, người biết thời gian phù hợp, và người biết những hội chúng. Có được năm phẩm chất này, Xá-lợi-phất, chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển động của bánh xe vô thượng của Giáo Pháp đã được thiết lập dịch chuyển bởi Như Lai, một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian."

133 (3) Vị Vua 1133 (I) "Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua trên ông ta." Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: "Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?" "Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Ở đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm- quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho

những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ, quân đội, những bà-la- môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho tất cả những chúng-sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp, đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người. (II) "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho các Tỳ kheo … các Tỳ kheo ni … những đệ tử tại gia nam … những đệ tử tại gia nữ, nói rằng: (1) 'Hành-động này nên tu dưỡng; hành-động kia không nên tu dưỡng'; (2) 'Lời-nói này nên tu dưỡng; lời- nói kia không nên tu dưỡng'; (3) 'Tâm-ý này nên tu dưỡng; tâm-ý kia không nên tu dưỡng'; (4) 'Sự mưu-sinh này nên được tu dưỡng; sự mưu- sinh kia không nên tu dưỡng'; (5) 'Làng xóm hay phố thị này nên được nương dựa; làng xóm hay phố thị kia không nên được nương dựa.' "Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, vị vua chân chính của Giáo Pháp, thiết lập sự chuyển dịch bánh xe vô thượng của Giáo Pháp chỉ duy nhất thông qua Giáo Pháp, là một bánh xe không thể nào bị quay ngược bởi bất kỳ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma Vương, hay trời Brahmā, hay bất cứ ai

trong thế gian.”

134 (4) Dù Ở Phương Nào

• 145

(I) “Này các Tỳ kheo, dù đang sống ở phương nào, một vị vua giai cấp chiến-sĩ (khattiya) đã được xức dầu lên đầu (được phong vương, đã được xức dầu lên đầu trong lễ quán đảnh) nếu có được năm phẩm chất thì coi như đang sống trong lãnh cõi của mình. Năm đó là gì? “(1) Ở đây, một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ.1134 (2) Vị vua đó giàu có, với nhiều của cải và tài sản, với đầy đủ châu báu và kho tàng. (3) Vị vua đó là mạnh mẽ, có một quân đội bốn binh chủng luôn vâng lệnh và chấp hành những mệnh lệnh của mình. (4) Quân sư của nhà vua là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, có thể xem xét những ích lợi thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại.1135 (5) Bốn phẩm chất này sẽ giúp gia tăng danh tiếng của vị vua. Có được năm phẩm chất này, gồm cả danh tiếng, là vị vua như sống trong lãnh cõi của mình cho dù đang sống ở bất cứ phương nào. Vì lý do gì? Vì đây là cách mà một người chiến thắng có được. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, dù đang sống ở phương nào, một Tỳ kheo có được năm phẩm chất thì sống như được giải thoát trong tâm. Năm đó là gì? “(1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Điều này giống như tình trạng được thiện sinh của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Điều này giống như sự giàu có

của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu, với nhiều của cải và tài sản, nhiều châu báu và kho tàng. (3) Người đó đã phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố-gắng, không lơ-là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Điều này giống như sự mạnh mẽ của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu. (4) Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhận biết sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Điều này giống như sự có được một quân sư tốt của vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu. (5) Đây là bốn phẩm chất giúp gia tăng danh-tiếng của mình. Có được năm phẩm chất này, gồm cả danh-tiếng, là người đó sống như được giải thoát trong tâm cho dù đang ở bất cứ phương nào. Vì lý do gì? Bởi vì đây là cách mà một người được giải thoát trong tâm có

được.”

135 (5) Khao khát (1) (I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, thái tử [người con cả] của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu khao khát được làm vua. Năm đó là gì? (1) Ở đây, thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. (2) Thái tử đó là đẹp người, hấp dẫn, duyên dáng, có da dẻ tuyệt đẹp. (3) Thái tử đó là dễ thương và đáng yêu đối với cha mẹ. (4) Thái tử đó là dễ thương và đáng mến đối với những người trong thành thị và làng quê. (5) Thái tử đó được huấn luyện và thiện thạo những tài nghệ của những vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu, như cưỡi voi, điều khiển ngựa, lái xe, bắn cung, hay đánh kiếm. “Thái tử đó ý nghĩ như vầy: (1) ‘Ta đã được thiện sinh … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (2) Ta là đẹp người … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (3) Ta là dễ thương … đối với cha mẹ của ta như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua? (4) Ta là dễ thương … đối với những người ở thành thị và làng quê như vậy, tại sao ta

• 147

không khao khát được làm vua? (5) Ta được huấn luyện và thiện thạo những tài nghệ … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm vua?’. Có được năm yếu tố này, thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu khao khát được làm vua. (II) “Cũng giống như vậy, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ (2) Người đó ít khi bị bệnh hay đau khổ, có hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng nhưng vừa phải và thích hợp để chuyên-cần tu tu tập (tinh cần). (3) Người đó chân thực và khai mở, người đó thể hiện bản thân mình đúng như nó thực là đối với Vị Thầy và những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. (4) Người đó phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ-là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Người đó ý nghĩ như vầy: (1) ‘Tôi được phú cho niềm-tin; tôi đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (2) Tôi ít khi bị bệnh hay đau đớn … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (3) Tôi là chân thực và khai mở … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (4) Tôi đã phát khởi nỗ-lực … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (5) Tôi là có trí; tôi có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm?’ “Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao

khát sự tiêu diệt

những ô-nhiễm.”

136 (6) Khao khát (2) (I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, thái tử [người con cả] của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu khao khát được làm phó vương (người dưới vua cai trị một cõi hay xứ thuộc đế vương). Năm đó là gì? (1) … (2) … (3) … (4) … [giống kinh kế trên] … (5) Người đó là có trí, giỏi giang, và thông minh, có thể suy xét những ích lợi thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại. “Thái tử đó ý nghĩ như vầy: (1) ‘Ta đã được thiện sinh … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (2) Ta là đẹp người … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (3) Ta là dễ thương … đối với cha mẹ của ta như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (4) Ta là dễ thương … đối với những người ở thành thị và làng quê như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương? (5) Ta là có trí, giỏi giang, và thông minh … như vậy, tại sao ta không khao khát được làm phó vương?’ Có được năm yếu tố này, thái tử của một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được xức dầu lên đầu khao khát được làm phó vương. (II) “Cũng giống như vậy, có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận). Năm đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều … đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó có tâm được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ). (4) Người đó phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) … không lơ-là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. (5) Người đó là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt … dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. “Người đó ý nghĩ như vầy: (1) ‘Tôi là có giới-hạnh … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (2) Tôi đã học-hiểu nhiều … như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm?

(3) Tôi là người có tâm được thiết lập trong ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ) như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (4) Tôi đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) … không lơ-là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm? (5) Tôi là có trí; tôi có được trí-tuệ … dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ như vậy, tại sao tôi không khao khát sự tiêu diệt những ô- nhiễm?’ “Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo khao khát sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

137 (7) Ít Ngủ “Này các Tỳ kheo, năm loại người này ngủ ít thức nhiều vào ban đêm. Năm đó là gì? Một phụ nữ thao thức [ý định] về một nam nhân; một nam nhân thao thức về một phụ nữ; một tên trộm thao thức về một vụ trộm; một ông vua thao thức vì những việc triều chính, và một Tỳ kheo thao thức về sự cắt đứt những sự trói-buộc. Đây là năm người ngủ ít thức nhiều vào ban đêm.”

138 (8) Người Tiêu Tốn Thức Ăn “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua chỉ là thứ tiêu tốn thức ăn, thứ tốn chỗ, thứ thải phân dơ, và thứ tốn thẻ đếm,1136 chứ chưa được coi là một con voi đực của nhà vua. Năm đó là gì? (1) Nó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) … những âm-thanh; (3) những mùi-hương; … (4) những mùi-vị; (5) … những đối-tượng chạm xúc. Có năm yếu tố này một con voi đực của nhà vua chỉ là thứ tiêu tốn thức ăn … thứ tốn thẻ đếm, chứ chưa được coi là một con voi đực của nhà vua. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một Tỳ kheo chỉ là người tiêu tốn thức ăn, người tốn chỗ, người ngồi cho hư uổng

ghế,1137 và người lấy thẻ,1138 nhưng chưa được coi là một Tỳ kheo. Năm đó là gì? Ở đây, người đó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) … những âm-thanh; (3) những mùi-hương; … (4) những mùi-vị; (5) … những đối-tượng chạm xúc. Có năm yếu tố này, một Tỳ kheo chỉ là người tiêu tốn thức ăn, người tốn chỗ, người ngồi cho hư uổng ghế, người lấy thẻ, nhưng chưa được coi là một Tỳ kheo.”

139 (9) Không Kiên Nhẫn Chịu Đựng (I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua không xứng đáng là của nhà vua, không phải thứ (công cụ) của nhà vua, và không được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? (1) Nó không kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) … những âm-thanh; (3) những mùi-hương; … (4) những mùi-vị; (5) … những đối-tượng chạm xúc. (1) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi nhìn thấy những đoàn voi chiến, đoàn kỵ binh, đoàn xe chiến, đoàn bộ binh thì nó chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc. (2) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi nghe thấy tiếng kêu của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, hay của bộ binh, hay tiếng trống, trống thiếc, tiếng tù và, tiếng trống cơm thì nó chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh. (3) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, khi ngửi thấy mùi của nước tiểu và phân của những con voi hoàng gia trực hệ thuần chủng và đã quen chiến trận thì nó chùn bước, rủn

chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương. (4) “Và theo cách nào là con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, nếu nó chán bỏ một phần ăn cỏ và nước, hoặc hai, ba, bốn, hay năm phần ăn thì nó chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị. (5) “Và theo cách nào

một con voi đực không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc? Ở đây, một con voi đực của nhà vua đi ra chiến trận, nếu nó bị bắn trúng bởi một loạt mũi tên, hay hai, ba, bốn, hay năm loạt thì nó chùn bước, rủn chí, không dám xông trận. Theo cách này là một con voi đực của nhà vua không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc. “Có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua không xứng đáng là của nhà vua, không phải thứ của nhà vua, và không được coi là một yếu tố của vương triều. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất,1139 một Tỳ kheo là không xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Ở đây, người đó không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc; (2) … những âm-thanh; (3) những mùi-hương; … (4) những mùi-vị; (5) … những đối-tượng chạm xúc. (1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc? Ở đây, một Tỳ kheo khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó bị say mê với hình-sắc gợi cảm đó và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những hình-sắc. (2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng

những âm-thanh? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai, người đó bị say mê với âm-thanh gợi cảm đó và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những âm-thanh. (3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một mùi-hương bằng mũi, người đó bị say mê với mùi-hương gợi cảm đó và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-hương. (4) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi-vị? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một mùi-vị bằng lưỡi, người đó bị say mê với mùi-vị gợi cảm đó, và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những mùi- vị. (5) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc? Ở đây, một Tỳ kheo khi nghe thấy một đối- tượng chạm xúc bằng thân, người đó bị say mê với đối-tượng chạm xúc gợi cảm đó và không thể tập trung cái tâm. Theo cách này là một Tỳ kheo không thể kiên nhẫn chịu đựng những đối-tượng chạm xúc “Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là không xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian. (III) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? … [Tiếp tục toàn bộ lời kinh với nghĩa ngược lại phần (I) ở trên.]

(IV) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? … [Tiếp tục toàn bộ

lời kinh với nghĩa ngược lại phần (II) ở trên.]

140 (10) Người Lắng Nghe (I) “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng của nhà vua, là thứ (công cụ) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? Ở đây, một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng nghe, voi biết hủy diệt, voi biết phòng hộ, voi biết kiên nhẫn chịu đựng, và voi đi. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng-nghe? Ở đây, bất kỳ nhiệm vụ nào người huấn luyện voi (nài voi) đưa ra cho nó, dù nhiệm vụ đó đã từng làm hay chưa làm trước đó, con voi đực của nhà vua đều chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy là một con voi đực của nhà vua là voi biết lắng-nghe. (2) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy=- diệt (kẻ thù)? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó hủy diệt những con voi và tượng sĩ (của kẻ thù); nó hủy diệt những con ngựa và kỵ sĩ; nó hủy diệt những xe ngựa và người lái xe ngựa; nó hủy diệt kỵ binh. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi biết hủy-diệt. (3) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết phòng- hộ? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó phòng hộ những hướng trước, những hướng sau, hai chân trước, hai chân sau, đầu, mình, ngà, đuôi, và người cỡi nó. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết phòng-hộ. (4) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên nhẫn chịu-đựng? Ở đây, khi một con voi đực của nhà vua đã bước vào trận chiến, nó kiên nhẫn chịu đựng bị giáo mác, gươm kiếm, cung tên, và búa rìu; nó chịu đựng tiếng đinh tai nhức óc của trống, trống thiếc, tù và, và trống mõ. Theo cách này một con voi đực của nhà vua là voi biết kiên

nhẫn chịu-đựng. (5) “Và theo cách nào một con voi đực của nhà vua là voi-đi? Ở đây, một con voi đực của nhà vua biết nhanh chóng đi tới vùng nào người nài voi muốn nó đi tới, cho dù vùng đó đã từng đi hay chưa đi trước đó. Theo cách như vậy một con voi đực của nhà vua là voi-đi. “Có năm yếu tố này, một con voi đực của nhà vua là xứng đáng của nhà vua, là thứ của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. (II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Tỳ kheo đó là người biết lắng nghe, người biết hủy diệt, người biết kiên nhẫn chịu đựng, và người đi. (1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo biết lắng-nghe? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, một Tỳ kheo chú ý đến nó, chú tâm đến nó, hướng hết tâm trí vô nó, và nhiệt tình lắng nghe. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết lắng-nghe. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hủy-diệt? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … ý nghĩ xấu ác bất thiện mỗi khi nó khởi sinh, người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết liễu nó, và xóa sổ nó. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết hủy- diệt. (3) “Và

theo cách nào một Tỳ kheo là người biết phòng-hộ? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu (tướng) và đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn- mắt không được kiềm chế thì những phẩm chất bất thiện xấu ác như ham- muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập

• 155

sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm nhận đảm nhận việc kiềm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tai … căn-tâm không được kiềm chế thì những phẩm chất bất thiện xấu ác như ham- muốn (tham) và phiền-bực (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập sự kiềm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai … căn-tâm, người đó đảm nhận đảm nhận việc kiềm chế căn-tai … căn-tâm. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người biết phòng-hộ. (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu-đựng? Ở đây, một Tỳ kheo kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh; sự đói khát; sự tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và rắn rít; những lời nói thô tục và chửi bới sỉ nhục; người đó có khả năng chịu đựng những cảm-giác ở thân là đau đớn, đau buốt, kịch liệt, nhức nhối, thảm khốc, thống khổ, phá hoại sức sống của mình. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người kiên nhẫn chịu đựng. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người-đi? Ở đây, một Tỳ kheo nhanh chóng đi đến ‘vùng’ mà mình đã chưa bao giờ đến đó sau quãng thời gian dài thăm thẳm này (trong luân-hồi), đó là, đi đến sự làm lắng-lặn tất cả những sự tạo-tác cố ý (hành), đi đến sự từ-bỏ tất cả mọi sự thu-nạp (sanh y), đi đến sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người-đi. “Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.” (Kinh này các đoạn (1), (2), (4) và (5) là giống các đoạn (1), (2), (3) và (4) trong kinh 4:114.)

156 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

NHÓM 5. TIKAṆḌAKĪ

141 (1) Cho Rồi Khinh “Này các Tỳ kheo, có năm loại người này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? Người cho rồi khinh; người sống chung rồi khinh; người dễ tin lời tán gẫu; người thất thường; và người ngu đần. (1) “Và theo cách nào là một người cho rồi khinh? Ở đây, một người cho (bố thí, cúng dường) người khác y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc- thang với chu cấp cho người bệnh. Người đó ý nghĩ như vầy: ‘Tôi cho; người đó nhận’. Sau khi cho, người đó khinh thường người nhận. Theo cách này một người là người cho rồi khinh. (2) “Và theo cách nào là một người sống chung rồi khinh? Ở đây, một người sống chung với người khác được hai hay ba năm. Rồi kết quả là người đó khinh người kia bởi vì họ đã sống chung với nhau. Theo cách này một người là

người sống chung rồi khinh. (3) “Và theo cách nào một người là dễ tin lời tán gẫu? Ở đây, khi có ai khen hay chê một người khác, người đó sẵn sàng tin ngay. Theo cách này một người là dễ tin vào lời tán gẫu. (4) “Và theo cách nào một người là người thất thường? Ở đây, niềm- tin, sự thành tín, sự kính mến, và sự tự tin của một người cứ chớp nhá thay đổi liên tục. Theo cách này một người là thất thường. (5) “Và theo cách nào một người là ngu đần? Ở đây, một người không biết những phẩm chất nào là thiện và những phẩm chất nào là bất thiện, những phẩm chất nào là tội lỗi và những phẩm chất nào là không tội lỗi, những phẩm chất nào là tiểu nhược và những phẩm chất nào là cao thượng; người đó không biết những phẩm chất tối và sáng và những phẩm chất ngược lại. Theo cách này một người là ngu đần. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại người thấy có trong thế gian.”

• 157

142 (2) Người Vi Phạm “Này các Tỳ kheo, có năm loại người này được thấy có trong thế gian. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một người vi phạm rồi hối hận, và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó (trong sự giải-thoát đó) những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư.1140 (2) “Ở đây, một người vi phạm rồi không bị hối hận,1141 và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư. (3) “Ở đây, một người không vi phạm nhưng vẫn hối hận,1142 và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư. (4) “Ở đây, một người không vi phạm và không hối hận, và không hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư. (5) “Ở đây, một người không vi phạm và không hối hận, và hiểu được sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ đúng như nó thực là, ở đó những trạng thái bất thiện đã khởi sinh sẽ chấm dứt không còn tàn dư. (1) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (1) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm được thấy có trong thầy, và những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận càng gia tăng. Vậy thầy hãy dẹp bỏ những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm và xua tan những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối- hận; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy.1143 Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

(2) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm được thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận không gia tăng. Vậy thầy hãy dẹp bỏ những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’ (3) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm không thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận lại gia tăng. Vậy thầy hãy xua tan những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận; rồi hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’

(4) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo loại (2) nên được bảo: ‘Này đạo hữu, những ô-nhiễm sinh ra từ sự vi-phạm không thấy có trong thầy, nhưng những ô-nhiễm sinh ra từ sự hối-hận cũng không gia tăng. Vậy thầy hãy tu tập tâm và trí-tuệ của thầy. Theo cách này thì thầy sẽ giống như loại người thứ năm.’ “Như vậy đó, này các Tỳ kheo, khi những người thuộc bốn loại trên được khởi xướng và hướng dẫn bởi một bậc gương mẫu thuộc loại (5), thì họ sẽ dần dần đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”

143 (3) Sārandada Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y-phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khất thực. Bấy giờ, vào lúc đó có năm trăm người Licchavi đang tập họp ở Đền Sārandada, và khi họ đang ngồi với nhau, chuyện đàm luận này đã phát sinh: “Sự hiện thị (có mặt) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? Voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, và quản gia báu. Sự hiện thị của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.” Rồi những người Licchavi cử một người đứng ngoài đường, họ nói với anh ta: “Này thiện hữu, khi nào anh nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi

• 159

đến, anh báo cho chúng tôi biết nghen.” Rồi người đó nhìn thấy đức Thế Tôn đi đến từ xa, liền đến chỗ những người Licchavi và nói với họ: “Thưa các ông, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang đến. Giờ các ông tùy ý ra gặp.” Rồi những người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng sang một bên. Khi đang đứng đó, họ thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, kính mời đức Thế Tôn ghé đến Đền Sārandada, vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi đức Thế Tôn đến chỗ Đền Sārandada, ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với những người Licchavi: “Chuyện gì các chú vừa rồi đang đàm luận khi đang ngồi với nhau ở đây? Chuyện đang nói dở dang là gì?” “Thưa Thế Tôn, ở đây, sau khi chúng con đã tập họp và ngồi chung với nhau, chuyện đàm luận này đã phát sinh: … [Họ lặp lại chuyện như trên] …

“Chủ ý về những dục-lạc, những người Licchavi các chú đang đàm luận về những dục-lạc! Này những người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian. Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Này những người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.”

144 (4) Tikaṇḍakī

160 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa trong khu rừng Tikaṇḍakī. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “(1) Này các Tỳ kheo, sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo lúc này lúc khác an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm. (2) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo lúc này lúc khác an trú nhận-thức sự không ghê- tởm trong những thứ ghê-tởm. (3) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo lúc này lúc khác an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm và cả những thứ ghê-tởm. (4) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo nhiều lúc an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm và cả những thứ ghê-tởm. (5) Sẽ tốt lành cho một Tỳ kheo nhiều lúc an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm.1144 (1) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong những thứ không ghê-tởm? ‘Để cho không có tham khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi tham-dục!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự ghê-tỏm trong những thứ không ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân thể đẹp đẽ, nhận thức sự không-sạch của thân và sự vô-thường của nó.)

(2) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự không ghê- tởm trong những thứ ghê-tởm? ‘Để cho không có sân khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi sự sân-giận!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự không ghê-tởm trong những thứ ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân thể xấu xí, nhận thức ích lợi của nó giúp mình sống được để tu tâm; đối với rác rưởi hôi thối, nhận thức mặt tốt của nó là có thể dùng làm phân bón cho cây trái)

(3) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong cả những thứ không ghê-tởm và những thứ ghê-tởm? ‘Để cho không có tham khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi tham-dục, và để

• 161

sân không khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi sự sân-giận!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự ghê-tởm cả những thứ không ghê-tởm và những thứ ghê-tởm. (Ví dụ đối với thân đẹp đẽ và thể thể xấu xí, đều nhận thức sự không-sạch của thân và sự vô-thường của nó (để khỏi tham dục và sân ghét))

(4) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự không ghê- tởm trong cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm? ‘Để cho không có sân khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi sự sân-giận, và để cho không có tham khởi sinh trong ta đối với những thứ khêu gợi tham-dục!’: vì ích lợi này một Tỳ kheo nên an trú nhận-thức sự ghê-tởm trong cả những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm. (Ví dụ đối với cả thân thể xấu xí và thân thể xấu xí, nhận thức ích lợi của nó cho mình sống được để tu tâm (để khỏi tham dục và sân ghét))

(5) “Và vì ích lợi gì một Tỳ kheo nên sống buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm? ‘Để cho không có tham khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ khêu gợi tham-dục! Để cho không có sân khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ khêu gợi

sự sân-giận! Cầu cho không có si không khởi sinh trong ta theo bất cứ cách nào đối với những thứ sản sinh ra si-mê!':1145 vì ích lợi này một Tỳ kheo nên sống buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã quay lưng từ bỏ những thứ ghê-tởm và những thứ không ghê-tởm."

145 (5) Địa Ngục "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người sát-sinh; gian- cắp; tà-dâm tà dục; nói-dối nói láo; uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Người Có năm phẩm chất này, bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

"Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một người được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người kiêng cữ sát-sinh; kiêng cữ gian-cắp; kiêng cữ tà-dâm tà dục; kiêng cữ nói-dối nói láo; kiêng cữ uống rượu nặng rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Người có được năm phẩm chất này, được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

146 (6) Bạn "Này các Tỳ kheo, không nên chọn bạn (đạo hữu) là một Tỳ kheo có năm phẩm chất. Năm đó là gì? Người đó xúi giục làm những công ăn việc làm; người đó hay bắt bẻ những vấn đề về giới luật; người đó hung dữ với những Tỳ kheo đáng nể; người đó ý định đi lang thang dài dài không ổn định; và người đó không khả năng để lúc này lúc khác chỉ dạy, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ (người khác) bằng bài nói chuyện Giáo Pháp. Không nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất này. "Này các Tỳ kheo, nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất [khác]. Năm đó là gì? Người đó không xúi giục làm những công ăn việc làm; người đó không hay bắt bẻ những vấn đề về giới luật; người đó không hung dữ với những Tỳ kheo đáng nể; người đó không ý định đi lang thang dài dài không ổn định; và người đó có khả năng để lúc này lúc khác chỉ dạy, khích lệ, truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ (người khác) bằng bài nói chuyện Giáo Pháp. Nên chọn bạn là một Tỳ kheo có năm phẩm chất này."

147 (7) Một Người Xấu "Này các Tỳ kheo, có năm loại quà tặng của một người xấu. Năm đó là gì? (1) Người đó bố thí một cách tùy tiện (thích thì làm, không thì thôi; có người thì cho, có người thì không); (2) người đó bố thí không với lòng

kính trọng; (3) người đó không tự tay mình bố thí cúng dường; (4) người đó bố thí những thứ để bỏ đi (đồ bỏ đi); và (5) người đó bố thí mà không có chánh-kiến về phước quả (nghiệp và nghiệp quả) của sự bố-thí.1146 Đây là năm loại quà tặng của một người xấu. "Này các Tỳ kheo, có năm loại quà tặng của một người tốt. Năm đó là gì? (1) Người đó bố thí một cách có ý tứ; (2) người đó bố thí với lòng kính trọng; (3) người đó tự tay mình bố thí cúng dường; (4) người đó bố thí những thứ không phải để bỏ đi (đồ giá trị, thứ được chọn lọc để cúng dường); và (5) người đó bố thí với chánh-kiến về phước quả của sự bố- thí.1147 Đây là năm loại quà tặng của một người tốt."

148 (8) Một Người Tốt “Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người tốt. Năm đó là gì? Người đó cho tặng một món quà vì có niềm-tin; người đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại]; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn thương mình hay người khác. (1) “Vì người đó cho tặng vì có niềm-tin, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp. (2) “Vì người đó cho tặng một cách kính trọng, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và họ vận dụng tâm trí để hiểu (người đó). (3) “Vì người đó cho tặng đúng thời đúng lúc, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào.

(4) “Vì người đó cho tặng một món quà một cách rộng lòng cho đi [không giữ lại], nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng tới hưởng được những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] dục-lạc. (5) “Vì người đó cho tặng mà không làm tổn thương mình hay người khác, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hỏa hoạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại quà cho tặng của một người tốt.”

149 (9) Được Giải Thoát Tạm Thời (1) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời.1148 Năm đó là gì? Ham thích làm lụng, ham thích nói chuyện, ham thích ngủ, ham thích gặp gỡ người khác, và người đó không xem xét lại tâm mình được giải thoát đến mức độ nào. Đây là năm điều dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời. “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời. Năm đó là gì? Không ham làm lụng, không ham nói chuyện, không ham ngủ, không ham gặp gỡ người khác, và người đó biết xem xét lại tâm mình được giải thoát đến mức độ nào. Đây là năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải thoát một cách tạm thời.”

150 (10) Được Giải Thoát Tạm Thời (2) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời. Năm đó là gì? Ham thích làm lụng, ham thích nói chuyện, ham thích ngủ, không phòng hộ các cửa của các

căn cảm nhận (giác quan), và không tiết độ trong ăn uống. Đây là năm điều dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời. “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời.

Năm đó là gì? Không ham làm lụng, không ham nói chuyện, không ham ngủ, phòng hộ các cửa của các căn cảm nhận, và tiết độ trong ăn uống. Đây là năm điều dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo đã được giải-thoát một cách tạm thời.”

166 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

• 167

[Năm Mươi Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1. THIỆN PHÁP

151 (1) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (1) 1149 “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’.1150 Năm đó là gì? Người chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người chê bai người nói (người thuyết pháp); người chê bai chính mình; người lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm bị xao lãng và phân tán; và người chú-tâm một cách không kỹ càng (phi như lý tác ý). Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành’. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Năm đó là gì? Người không chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người không chê bai người nói (người thuyết pháp); người không chê bai chính mình; người lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm không bị xao lãng và đạt nhất-điểm; và người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý). Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân- chính trong những phẩm chất thiện lành’.”

152 (2) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (2) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang lắng

168 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Năm đó là gì? Người chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người chê bai người nói (người thuyết pháp); người chê bai chính mình; người đó vô trí, ngu đần, u mê; người đó tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào ‘đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành’. Năm đó là gì? Người không chê bai cuộc nói chuyện (pháp thoại); người không chê bai người nói (người thuyết pháp); người không chê bai chính mình; người đó là có trí, thông minh, tinh tế; người đó

không tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chính trong những phẩm chất thiện lành'."

153 (3) Đạo Lộ Chân Chính Đã Định (3) "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì ngay cả trong lúc đang lắng nghe Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp) một người vẫn không có khả năng nhập vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành'. Năm đó là gì? (1) Người lắng nghe Giáo Pháp như một người phỉ báng mang trong đầu [bị ám muội với] sự phỉ báng; (2) Người lắng nghe Giáo Pháp với ý định chỉ trích nó, bắt lỗi này nọ; (3) Người đó đối nghịch với người thầy, ý định công kích người thầy; (4) người đó là vô trí, ngu đần, u mê; (5) người đó tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có năm phẩm chất này, thì ngay cả trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người vẫn không có khả năng nhập vào

• 169

'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành'. "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất [khác], thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành'. Năm đó là gì? (1) Người không lắng nghe Giáo Pháp như kiểu một người phỉ báng mang trong đầu [bị ám muội với] sự phỉ báng; (2) Người lắng nghe Giáo Pháp không với ý định chỉ trích nó, bắt lỗi này nọ; (3) Người đó không đối nghịch với người người thầy, không ý định công kích người thầy; (4) người đó là có trí, thông minh, tinh tế; (5) người đó không tưởng tượng mình đã hiểu điều mình thực ra chưa hiểu. Có được năm phẩm chất này, thì trong lúc đang nghe Giáo Pháp tốt lành một người có khả năng nhập vào 'đạo lộ đã được định xong [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành'."

154 (4) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (1) "Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo không lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn trọng; (2) họ không học Giáo Pháp một cách tôn trọng; (3) họ không lưu giữ Giáo Pháp trong tâm một cách tôn trọng; (4) họ không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mà họ đã lưu giữ trong tâm một cách tôn trọng; (5) họ không hiểu ý-nghĩa và Giáo Pháp một cách tôn trọng, và do đó không thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là năm điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. "Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì (1) Ở đây, những Tỳ kheo lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn trọng; (2) họ học Giáo Pháp một cách tôn trọng; (3) họ lưu giữ Giáo Pháp trong tâm một cách tôn trọng; (4) họ xem xét ý nghĩ của những giáo lý mà họ đã lưu giữ trong tâm một cách tôn trọng; (5) họ hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp một

cách tôn trọng, và do vậy thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là năm điều dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành."

155 (5) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (2) (I) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo không học Giáo Pháp, về những thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thu- yết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. (2) “Lại nữa, những Tỳ kheo không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, những Tỳ kheo không để (làm, giúp) cho những người khác lặp lại Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. (4) “Lại nữa, những Tỳ kheo không đọc tụng Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. (5) “Lại nữa, những Tỳ kheo không nghĩ đến (tầm), không suy xét (tứ), và không bằng tâm tra xét Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. “Đây là năm điều dẫn đến sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp. (II) “Này các Tỳ kheo, có năm điều [khác] dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) Ở đây, những Tỳ kheo học hiểu Giáo Pháp, về những thể loại kinh:

• 171

kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp. (2) “Lại nữa, những Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp. (3) “Lại nữa, những Tỳ kheo để (làm, giúp) cho những người khác lặp lại Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp. (4) “Lại nữa, những Tỳ kheo đọc tụng lại Giáo Pháp một cách chi tiết như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp. (5) “Lại nữa, những Tỳ kheo biết nghĩ đến (tầm), suy xét (tứ), và bằng tâm tra xét Giáo Pháp như họ đã nghe được và học được. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp. “Đây là năm điều dẫn đến sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp.

156 (6) Sự Sa Sút Của Giáo Pháp Tốt Lành (3) (I) “Này các Tỳ kheo, có năm điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì?1151 (1) “Ở đây, các Tỳ kheo học các kinh (những bài thuyết giảng) đã được tiếp thu một cách tồi tệ, với những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ. Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách tồi tệ, ý nghĩa được diễn dịch một cách tồi tệ. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là khó khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ khó khuyên dạy. Họ không kiên nhẫn và không chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. (3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới luật, những người thông thuộc về những toát-yếu (đại cương, matika) lại không chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh bị bỏ ngang [bị cắt bỏ tận gốc], rồi chẳng còn ai bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. (4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì sống xa xỉ và lơi lỏng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bổn phận sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật); họ không phát khởi sự nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì bắt chước theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng sống xa xỉ và lơi lỏng, là những người lãnh đạo sa ngã, vứt bỏ bổn phận sống tách-ly; họ không phát khởi sự nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự sa-sút và sự biến- mất của Giáo Pháp tốt lành. (5) “Thêm nữa, khi có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, và khi đó có những sự sỉ nhục lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau, chê bai lẫn nhau, và từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin càng không đạt được sự tự-tin, những người có sự tự-tin thì thay đổi tâm ý.1152 Đây là điều thứ năm dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. “Đây là năm điều dẫn tới sự sa-sút và sự biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.” (II) “Này các Tỳ kheo, có năm điều này dẫn tới sự liên-tục, sự không

sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, những Tỳ kheo học những bài thuyết giảng (kinh) đã được tiếp thu một cách đúng đắn, với những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách đúng đắn. Khi những từ ngữ và câu cú được truyền dạy một cách đúng đắn, thì ý nghĩa được diễn dịch một cách đúng đắn. Đây là điều thứ nhất dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. (2) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là dễ khuyên dạy, họ có những phẩm chất làm cho họ dễ khuyên dạy. Họ kiên nhẫn và chấp nhận lời chỉ dạy một cách tôn trọng. Đây là điều thứ hai dẫn tới sự liên-tục, sự không sa- sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. (3) “Thêm nữa, những Tỳ kheo là người học nhiều, là những người kế thừa di sản, những người thông thuộc về Giáo Pháp, những người thông thuộc về giới-luật, những người thông thuộc về những toát yếu (đại cương, matika) trân trọng chỉ dạy các kinh cho những người khác. Khi những Tỳ kheo đó chết đi, những bài kinh không bị bỏ ngang [không bị cắt bỏ tận gốc], và những người sau bảo tồn chúng. Đây là điều thứ ba dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. (4) “Thêm nữa, những Tỳ kheo trưởng lão thì không sống xa xỉ hay lơi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụt-lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật); họ phát khởi

sự nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. [Những Tỳ kheo của] thế hệ sau thì noi gương theo những trưởng lão đó. Rồi họ cũng vậy, cũng không sống xa xỉ hay lơi lỏng, mà họ dẹp bỏ sự tụt-lùi và dẫn đầu trong sự sống tách-ly; họ phát khởi sự nỗ-lực để chứng đắc những điều chưa được chứng đắc, để thành tựu những điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa được chứng ngộ. Đây là điều thứ tư dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.

(5) Thêm nữa, Tăng Đoàn sống an ổn—trong sự hòa hảo, một cách hòa đồng, không có sự tranh chấp tranh cãi, có cùng giọng nói [cùng một sự tụng đọc]. Khi Tăng Đoàn sống trong sự hòa hảo thì không có những sự sỉ nhục lẫn nhau, sự chửi bới lẫn nhau, sự chê bai lẫn nhau, hay sự từ chối lẫn nhau. Lúc đó những người chưa có sự tự-tin thì đạt được sự tự- tin, những người có sự tự-tin thì càng gia tăng [sự tự-tin của họ]. Đây là điều thứ năm dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành. “Đây là năm điều dẫn tới sự liên-tục, sự không sa-sút và sự không biến-mất của Giáo Pháp tốt lành.”

157 (7) Nói Chuyện Không Đúng Người (I) “Này các Tỳ kheo, một cuộc nói chuyện (pháp thoại) được nói không đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó lại được nói nhầm cho năm loại người [không thích hợp]. Năm đó là gì? Cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhầm người vô niềm-tin; cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhầm người vô giới-hạnh; cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói nhầm người thiểu-học; cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói nhầm người keo-kiệt; và cuộc nói chuyện về trí- tuệ được nói nhầm người vô-trí. (1) “Và, này các Tỳ kheo, tại sao cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhầm người vô niềm-tin? Khi cuộc nói chuyện về niềm-tin đang được nói ra, một người vô niềm-tin sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức niềm-tin đó bên trong mình và không có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên niềm-tin. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói nhầm người vô niềm-tin. (2) “Và tại sao cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhầm người vô giới-hạnh? Khi cuộc nói chuyện về giới-hạnh đang được nói ra, một người vô giới-hạnh sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh;

người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức giới-hạnh đó bên trong mình và không có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên giới-hạnh. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói nhầm cho người vô giới-hạnh. (3) “Và tại sao cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói nhầm người thiểu-học? Khi cuộc nói chuyện về sự học-hiểu đang được nói ra, một người thiểu-học sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó

thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức sự học-hiểu đó bên trong mình và không có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên sự học-hiểu. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói nhầm cho người thiểu-học. (4) "Và tại sao cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói nhầm người keo-kiệt? Khi cuộc nói chuyện về lòng bố-thí đang được nói ra, một người keo-kiệt sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức lòng bố-thí đó bên trong mình và không có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên sự bố-thí. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói nhầm cho người keo-kiệt. (5) "Và tại sao cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói nhầm người vô- trí? Khi cuộc nói chuyện về trí-tuệ đang được nói ra, một người vô-trí sẽ mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức trí-tuệ đó bên trong mình và không có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên trí-tuệ. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói nhầm cho người vô-trí. "Một cuộc nói chuyện được nói không đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó lại được nói nhầm cho năm loại người [không thích hợp] như vậy. (II) "Này các Tỳ kheo, một cuộc nói chuyện được nói đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó được nói đúng

cho năm loại người [thích hợp]. Năm đó là gì? Cuộc nói chuyện về niềm- tin được nói đúng cho người có niềm-tin; cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho người có giới-hạnh; cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói đúng cho người có học-hiểu; cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói đúng cho người rộng lòng cho-đi; và cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho người có-trí. (1) "Và, này các Tỳ kheo, tại sao cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói đúng cho người có niềm-tin? Khi cuộc nói chuyện về niềm-tin đang được nói ra, một người có niềm-tin không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức niềm-tin đó bên trong mình và có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên niềm-tin. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về niềm-tin được nói đúng cho người có niềm-tin. (2) "Và tại sao cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho người có giới-hạnh? Khi cuộc nói chuyện về giới-hạnh đang được nói ra, một người có giới-hạnh không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức giới-hạnh đó bên trong mình và có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên giới-hạnh. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về giới-hạnh được nói đúng cho cho người có giới- hạnh. (3) "Và tại sao cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói đúng cho người có học? Khi cuộc nói chuyện về sự học-hiểu đang được nói ra, một người có học không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức sự học-hiểu đó bên trong mình và có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên sự học-hiểu. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về sự học-hiểu được nói đúng cho cho người có học-hiểu. (4) "Và tại sao cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói đúng cho

người rộng lòng cho-đi? Khi cuộc nói chuyện về lòng bố-thí đang được

• 177

nói ra, một người rộng lòng bố-thí không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức lòng bố-thí đó bên trong mình và có được niềm khoan-khoái và hoan-hỷ dựa trên sự bố- thí. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về lòng bố-thí được nói đúng cho cho người rộng lòng cho đi. (5) "Và tại sao cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho người có-trí? Khi cuộc nói chuyện về trí-tuệ đang được nói ra, một người có-trí không mất bình tĩnh, không trở nên tức tối, hung dữ, hay cương ngạnh; người đó không thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, hay cay cú. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức trí-tuệ đó bên trong mình và có được niềm khoan- khoái và hoan-hỷ dựa trên trí-tuệ. Vì vậy là một cuộc nói chuyện về trí-tuệ được nói đúng cho cho người có-trí. "Một cuộc nói chuyện được nói đúng người, rằng sau khi đã cân nhắc loại người này loại người nọ nó được nói đúng cho năm loại người [thích hợp] như vậy."

158 (8) Sự Ngại Ngần "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị hạn chế bởi sự ngại-ngần. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là vô niềm-tin, vô giới- hạnh, vô học-hiểu, lười-biếng, và vô-trí. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị hạn chế bởi sự ngại-ngần (không tự-tin trước hội chúng hay người khác). "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo là tự-tin. Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là có niềm-tin, có giới-hạnh, có học-hiểu, có nỗ-lực (tinh tấn), và có-trí. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo là tự-tin."1153

159 (9) Udāyī

178 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Udāyī, đang ngồi giữa một hội chúng lớn gồm những người tại gia, đang chỉ dạy Giáo Pháp.1154 Ngài Ānanda nhìn thấy cảnh này và đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, thầy Udāyī, đang ngồi giữa một hội chúng lớn gồm những người tại gia, đang chỉ dạy Giáo Pháp." "Này Ānanda, chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác là không dễ. Người chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất ở bên trong. Năm đó là gì? (1) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết định] 'Tôi sẽ nói chuyện (thuyết pháp) một cách tuần tự'.1155 (2) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết định] 'Tôi sẽ nói chuyện để chỉ ra những nguyên-nhân'.1156 (3) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết định] 'Tôi sẽ nói chuyện vì lòng bi-mẫn'. (4) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết định] 'Tôi sẽ không nói chuyện khi đang có ý định vụ lợi vật chất'. (5) Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác [sau khi đã quyết định:] 'Tôi sẽ nói chuyện mà không gây hại bản thân hay người khác'. Này Ānanda, chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác là không dễ. Người chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất ở bên trong."

160 (10) Khó Xua Tan “Này các Tỳ kheo, có năm điều, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan. Năm đó là gì? Tham, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan. Sân … Si … Sự nhận-biết … Sựm thôi thúc muốn đi du hành, một khi đã khởi sinh thì khó xua tan.”

NHÓM 2.

• 179

SỰ BỰC TỨC

161 (1) Loại Bỏ Sự Bực tức (1) “Này các Tỳ kheo, có năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một Tỳ kheo có thể loại bỏ hết sự bực tức sau khi nó đã khởi sinh đối với người khác.1157 Năm đó là gì? (1) Một người nên tu tập tâm từ-ái đối với người mà mình bực tức; theo cách này một người sẽ loại bỏ được sự bực tức đối với người đó. (2) Một người nên tu tập tâm bi-mẫn đối với người mà mình bực tức; theo cách này một người sẽ loại bỏ được sự bực tức đối với người đó. (3) Một người nên tu tập tâm buông-xả đối với người mà mình bực tức; theo cách này một người sẽ loại bỏ được sự bực tức đối với người đó. (4) Một người nên bỏ qua (không để ý, không chấp) người mà mình bực tức và không chú tâm (tác ý) đến người đó; theo cách này một người sẽ loại bỏ được sự bực tức đối với người đó. (5) Một người nên ứng dụng cái lý ‘sở hữu nghiệp’ (để thông cảm) đối với người mà mình bực tức như vầy: ‘Người này chẳng qua là chủ nhân của nghiệp của anh ta; người này có nghiệp là nguồn gốc của anh ta, nghiệp là người thân của anh ta, nghiệp là chỗ nương dựa của anh ta; người này sẽ là người thừa tự của nghiệp của mình, dù xâu hay tốt.’ Theo cách này một người sẽ loại bỏ được sự bực tức đối với người đó. Đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một Tỳ kheo có thể loại bỏ hết sự bực tức sau khi nó đã khởi sinh đối với người khác.”

162 (2) Loại Bỏ Sự Bực Tức (2) Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!” “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này: “Này các đạo hữu, có năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một Tỳ kheo có thể loại bỏ hết sự bực tức sau khi nó đã khởi sinh đối với người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, hành-động [hành vi thân, khẩu hành] của

một người là không trong-sạch (không thanh tịnh), nhưng lời-nói [hành vi miệng, khẩu hành] của người đó là trong-sạch; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với một người như vậy. (2) Lời-nói của một người là không trong- sạch, nhưng hành-động của người đó là trong-sạch; người tu cũng nên loại bỏ sự bực tức đối với một người như vậy. (3) Hành-động và lời-nói của một người đều không trong-sạch, nhưng lúc này lúc khác người đó đạt được sự khai-mở của tâm, sự bình-lặng (hiền từ) của tâm;1158 người tu cũng nên loại bỏ sự bực tức đối với một người như vậy. (4) Hành-động và lời-nói của một người đều không trong-sạch, và người đó lúc này lúc khác cũng không đạt được sự khai-mở của tâm, sự bình-lặng của tâm; người tu cũng nên loại bỏ sự bực tức đối với một người như vậy. (5) Hành-động và lời-nói của một người là trong-sạch, và lúc này lúc khác người đó đạt được sự khai-mở của tâm, sự bình-lặng của tâm; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (1) “Và giờ, này các đạo hữu, làm cách nào để

loại bỏ sự bực tức đối với người có hành-động là không-sạch nhưng lời-nói là trong-sạch? Ví dụ có một Tỳ kheo mặc y-phục (cà sa) được làm từ giẻ rách nhìn thấy một miếng giẻ rách bên đường. Người đó sẽ dùng chân trái dậm giữ nó, chân phải kéo xé nó ra, chọn lấy phần vải còn tốt và mang đi. Cũng tương tự vậy, khi hành-động của một người không-sạch nhưng lời-nói của người đó trong-sạch, thì trong thời đó người tu không nên để tâm tới sự không-sạch của hành-động của người đó, mà (thay vì vậy) chỉ nên chú tâm tới sự trong-sạch của lời-nói của người đó; (tức không để ý phần xấu, chỉ tính phần tốt). Theo cách này thì sự bực tức đối với người đó sẽ được loại bỏ. (2) "Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có lời-nói là không-sạch nhưng hành-động là trong-sạch? Ví dụ có một ao nước phủ đầy rêu và rong. Một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nhảy xuống ao nước, dùng tay gạt phần rong rêu ra, dùng hai tay bụm múc nước (trong) để uống, và sau đó đi tiếp. Cũng tương tự vậy, khi lời-nói của một người là không-sạch nhưng hành-động là trong-sạch, thì trong thời đó

• 181

người tu không nên để tâm tới sự không-sạch của lời-nói của người đó, mà chỉ chú tâm tới sự trong-sạch của hành-động của người đó. Theo cách này thì sự bực tức đối với người đó sẽ được loại bỏ. (3) "Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành-động và lời-nói đều không-sạch nhưng người đó lúc này lúc khác đạt được sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm? Ví dụ có một ít nước trong một vũng cạn. Rồi một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nghĩ: 'Có chút nước trong vũng cạn này. Nếu ta dùng hai tay hay chén để múc, ta sẽ động đục nước ngay và không còn uống được. Vậy ta hãy quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp.' Rồi người đó quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp. Cũng tương tự vậy, khi hành-động và lời-nói một người đều không-sạch nhưng người đó lúc này lúc khác đạt được sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm, thì trong thời đó người tu không nên để tâm tới sự không sạch của hành-động và lời-nói người đó, mà chỉ chú tâm tới sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm mà người đó lúc này lúc khác đạt được. Theo cách này thì sự bực tức đối với người đó sẽ được loại bỏ. (4) "Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành-động và lời-nói đều là không-sạch và người đó lúc này lúc khác cũng không đạt được sự mở-mang hay sự bình-lặng nào của tâm? Ví dụ có một người bị bệnh, đau bệnh, đau yếu gần chết đang đi trên đường lộ, và ngôi làng cuối cùng đi qua đã xa và ngôi làng chưa tới cũng còn xa. Người đó khó có được đủ thức ăn và thuốc men hay một người chăm sóc tốt; người đó cũng khó gặp được một người trưởng thôn nào. Rồi có một người lạ khác đang đi qua nhìn thấy ông ta và khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với ông ta, người lạ đó nghĩ rằng: 'Ôi, mong sao cho người này có được đủ thức ăn, thuốc men, và có người chăm sóc tốt! Mong sao ông ta có thể gặp được một người trưởng thôn của một ngôi làng! Vì sao? Vì để cho ông ta qua được cảnh bi thảm và tai ương lúc này'. Cũng tương tự vậy, khi hành-động và lời-nói

một người đều không-sạch và người đó lúc này lúc khác cũng không đạt được sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm, thì trong thời đó người tu nên khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với người đó, nên nghĩ rằng: 'Ôi, cầu mong cho người này từ bỏ hành-động xấu ác và tu tập hành-động thiện lành, từ bỏ lời-nói xấu ác và tu tập lời-nói thiện lành; cầu mong cho người này từ bỏ tâm-ý [hành vi tâm, tâm hành] xấu ác và tu tập tâm-ý thiện lành! Vì sao? Vì để cho, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ không bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.' Theo cách này thì sự bực tức đối với người đó sẽ được loại bỏ. (5) "Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành-động và lời-nói đều là trong-sạch, và người đó cũng lúc này lúc khác đạt được sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm? Ví dụ có một ao nước có nước trong, ngọt, mát mẻ, sạch sẽ, bờ ao phẳng phiu, là một nơi có nhiều bóng cây mát rượi. Rồi một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Sau khi nhảy xuống ao nước, người đó tắm táp và uống nước, và rồi, sau khi lên bờ, người đó ngồi hoặc nằm xuống dưới bóng mát ở đó. Cũng tương tự vậy, khi hành-động và lời-nói một người đều là trong sạch, và người đó cũng lúc này lúc khác đạt được sự mở-mang của tâm, sự bình-lặng của tâm, thì trong thời đó người tu nên chú tâm tới hành-động là trong-sạch của người đó, lời-nói là trong-sạch của người đó và sự mở-mang của tâm, sự bình- lặng của tâm mà người đó lúc này lúc khác đạt được. Theo cách này thì sự bực tức đối với người đó sẽ được loại bỏ. Này các đạo hữu, nhờ phương tiện là một người (là người) khích lệ sự tự-tin (cho người tu) trong mọi cách (đều trong-sạch), cho nên tâm (của người tu) đạt được sự tự-tin.1159 "Này các đạo hữu, đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một Tỳ kheo có thể loại bỏ hết sự bực tức sau khi nó đã khởi sinh đối với người khác."

163 (3) Những Sự Thảo Luận

• 183

[Kinh này giống kinh 5:65 ở trên, chỉ khác là được nói lại cho các Tỳ kheo bởi Ngài Xá-lợi-phất (thay vì bởi Phật).]

164 (4) Lối Sống [Kinh này giống kinh 5:66 ở trên, chỉ khác là được nói lại cho các Tỳ kheo bởi Ngài Xá-lợi-phất (thay vì bởi Phật).]

165 (5) Hỏi Những Câu Hỏi Ở đó Thầy Xá-lợi-phất … đã nói điều này: "Này các đạo hữu, khi một người hỏi người khác một câu hỏi là do năm lý do, hoặc một trong năm lý do đó. Năm đó là gì? (1) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do sự khờ và ngu của mình; (2) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do người đó có những tham-muốn xấu ác, bị thúc đẩy bởi tham-muốn; (3) Một người hỏi người khác một câu hỏi là một cách để chê chửi [người khác]; (4) Một người hỏi người khác một câu hỏi là do muốn học hỏi; hoặc (5) một người hỏi người khác một câu hỏi với ý nghĩ: 'Khi người đó được hỏi, nếu người đó trả lời một cách chính xác thì điều đó là tốt; nhưng nếu người đó không trả lời một cách chính xác thì ta sẽ giải đáp chính xác cho người đó.' Này các đạo

hữu, khi một người hỏi người khác một câu hỏi là do năm lý do này, hoặc một trong năm lý do này. “Này các đạo hữu, đối với riêng tôi, khi tôi hỏi người khác một câu hỏi là tôi hỏi với ý nghĩ: ‘Khi người đó được hỏi, nếu người đó trả lời một cách chính xác thì điều đó là tốt; nhưng nếu người đó không trả lời một cách chính xác thì ta sẽ giải đáp chính xác cho người đó.’”

166 (6) Sự Chấm Dứt Ở đó Thầy Xá-lợi-phất … đã nói điều này:

(I) “Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, sự định-tâm và trí-tuệ thì có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự (trạng thái) chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng). Điều này là có thể. Nhưng nếu người đó không đạt tới trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này thì sau khi được tái sinh trong số [những thiên thần] được tạo bằng- tâm, cao siêu hơn những thiên thần tồn tại nhờ vào thức-ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’.1160 Điều này là có thể.” Sau khi điều này được nói ra, Thầy Udāyī đã nói với Thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, điều này là không thể, không thể có chuyện một Tỳ kheo sau khi được tái sinh trong số những thiên thần (có thân) được tạo bằng-tâm, cao siêu hơn những thiên thần tồn tại nhờ vào thức-ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự chấm-dứt nhận- thức và cảm-giác’. Điều này là không thể.” Lần thứ hai … Lần thứ ba, thầy Xá-lợi-phất đã nói lại: “Này các đạo hữu, điều này là có thể. Nếu một Tỳ kheo không đạt tới trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm … người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’. Điều này là có thể.” Lần thứ ba, thầy Udāyī vẫn nói lại với thầy Xá-lợi-phất: “Đạo hữu Xá-lợi-phất, điều này là không thể. Không thể nào sau khi được tái sinh trong số những thiên thần được tạo bằng-tâm … người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’. Điều này là không thể.” (II) Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phất: “Thầy Udāyī này đã từ chối mình đến lần thứ ba, và không một Tỳ kheo thể hiện sự đồng ý với mình. Vậy (chỉ còn cách là) mình nên đến gặp đức Thế Tôn.” Rồi thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn,

ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất nói lại với các Tỳ kheo: (I) “Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh … [và thầy Udāyī cũng khăng khăng bác bỏ 03 lần y hệt toàn bộ đoạn (I) ở trên (người dịch giãn lược] …

(II) Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phất: “Ngay cả khi mình đang có mặt đức Thế Tôn, thầy Udāyī vẫn từ chối mình đến lần thứ ba, và không một Tỳ kheo thể hiện sự đồng ý với mình. Vậy (chỉ còn cách là) mình im lặng.” Rồi thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng. (III) Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy Udāyī: “Này Udāyī, điều đơn giản là thầy có hiểu những thiên thần được tạo bằng-tâm là gì không?” “Thưa Thế Tôn, đó là những thiên thần vô-sắc, được tạo bằng nhận- thức.”1161 “Thầy đang nói gì vậy, này Udāyī, sao thầy như một kẻ ngu và kém cõi như vậy? Vậy mà thầy cũng nghĩ thầy phát biểu

được!” Rồi đức Thế Tôn mới quay sang nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, sao các thầy cứ ngồi nhìn một cách thụ động khi một vị Tỳ kheo trưởng lão (tức Xá-lợi-phất) đang bị quấy rối như vậy? Tại sao các thầy không có chút lòng bi-mẫn đối với vị Tỳ kheo trưởng lão khi vị ấy đang bị quấy rối như vậy?” Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo thành tựu về giới-hạnh, sự định-tâm và trí-tuệ thì có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự (trạng thái) chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng). Điều này là có thể. Nhưng nếu người đó không đạt tới trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này thì sau khi được tái sinh trong số [những thiên thần] được tạo bằng- tâm, cao siêu hơn những thiên thần tồn tại nhờ vào thức-ăn, người đó [lại] có thể chứng nhập và thoát ra ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’. Điều này là có thể.” Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều

này, bậc Phúc Lành đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ẩn của mình. (IV) Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, thầy Ānanda đến gặp Ngài Upavāṇa, và nói với thầy Upavāṇa: “Ở đây, này đạo hữu Upavāṇa, họ đang quấy rối những Tỳ kheo trưởng lão khác, nhưng chúng ta chẳng màng hỏi đến họ.1162 Sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu chiều tối nay, khi ra khỏi chỗ trú ẩn, đức Thế Tôn sẽ tuyên cáo về vấn đề này, và có thể đức Thế Tôn sẽ yêu cầu đích thân thầy Upavāṇa [trình báo việc này].1163 Giờ tôi cảm thấy ngại ngần.” Rồi, vào cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ trú ẩn và đi đến chỗ hội chúng. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị và nói với thầy Upavāṇa: “Này Upavāṇa, một Tỳ kheo trưởng lão có bao nhiêu phẩm chất là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và sẽ được họ tôn trọng và kính trọng?” “Thưa Thế Tôn, có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và sẽ được họ tôn trọng và kính trọng. Năm đó là gì? (1) “Người đó là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) “Người đó là người đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết— những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) “Người đó là người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; người đó

được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa. (4) “Người đó nếu muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, sẽ chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) Với đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có

được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và sẽ được họ tôn trọng và kính trọng." "Tốt, tốt, này Upavāṇa! Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão là dễ mến và được hài lòng bởi những Tỳ kheo đồng đạo và sẽ được họ tôn trọng và kính trọng. Nhưng nếu năm phẩm chất này không thấy có trong một Tỳ kheo trưởng lão, thì tại sao những Tỳ kheo đồng đạo lại tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó?1164 (Hỏng lẽ tôn vinh người đó) chỉ vì cái già, răng rụng, tóc bạc, da nhăn nhúm? Nhưng bởi vì năm phẩm chất này được thấy có trong một Tỳ kheo trưởng lão, cho nên những Tỳ kheo đồng đạo mới tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính vị đó."

167 (7) Quở Trách Ở đó Thầy Xá-lợi-phất … đã nói điều này: (A) "Này các đạo hữu, một Tỳ kheo muốn quở trách người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất bên trong mình. Năm đó là gì? (1) [Người đó nên xem xét:] 'Ta sẽ nói vào lúc thích hợp, không nói vào lúc không thích hợp; (2) Ta sẽ nói một cách sự thật, không nói một cách sai sự thật; (3) Ta sẽ nói một cách nhẹ nhàng, không nói một cách gắt gỏng; (4)

Ta sẽ nói một cách có ích lợi, không nói cách có hại; (5) Ta sẽ nói với tâm-từ, không nói với tâm thù-ghét.' Một Tỳ kheo muốn quở trách người khác trước tiên nên thiết lập năm phẩm chất này bên trong mình. (I) "Ở đây, này các đạo hữu, tôi thấy có người đang bị quở trách vào lúc không thích hợp, không bị làm phiền [quở trách]1165 vào lúc thích hợp; đang bị quở trách một cách sai sự thật, không bị làm phiền một cách đúng sự thật; đang bị quở trách một cách gắt gỏng, không bị làm phiền một cách nhẹ nhàng; đang bị quở trách một cách có hại, không bị làm phiền một cách có ích lợi; đang bị quở trách bởi người có tâm thù-ghét, không bị làm phiền bởi người có tâm-từ. (a) "Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo bị quở trách (bởi người khác) một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối: (1) 'Này đạo hữu, thầy đã bị quở trách vào lúc không thích hợp, không phải lúc thích hợp; điều đó đủ để thầy không sám hối [hối tiếc]. (2) Thầy đã bị quở trách một cách sai sự thật, không đúng sự thật; điều đó đủ để thầy không sám hối. (3) Thầy đã bị quở trách một cách gắt gỏng, không theo cách nhẹ nhàng; điều đó đủ để thầy không sám hối. (4) Thầy đã bị quở trách một cách có hại, không theo cách ích lợi; điều đó đủ để thầy không sám hối. (5) Thầy đã bị quở trách bởi người có tâm thù-ghét, không phải bởi người có tâm-từ; điều đó đủ để thầy không sám hối.' "Khi một Tỳ kheo bị quở trách một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ như vậy để nói người đó không cần sám hối. (aa) "Này đạo hữu các đạo hữu, khi một Tỳ kheo quở trách (người khác) một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó nên sám hối: (1) 'Này đạo hữu, thầy đã quở trách (người khác) vào lúc không thích hợp, không phải lúc thích hợp; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối [hối tiếc]. (2) Thầy đã quở trách một cách sai sự thật, không đúng sự thật; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (3) Thầy đã quở trách một cách gắt gỏng, không theo cách nhẹ nhàng; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (4) Thầy đã quở trách một cách có hại, không theo cách ích lợi; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (5) Thầy đã quở trách lúc

đang có sự thù-ghét, không phải lúc đang có tâm-từ; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối.' "Khi một Tỳ kheo quở trách một cách trái với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó nên cảm thấy sám hối. Vì lý do gì? Vì để cho Tỳ kheo khác không nghĩ đến việc đi quở trách (người khác) một cách sai như vậy. (II) "Ở đây, này các đạo hữu, tôi nhìn thấy có người đang bị quở trách vào lúc thích hợp, không bị làm phiền vào lúc không thích hợp; đang bị quở trách một cách đúng sự thật, không bị làm phiền một cách sai sự thật; đang bị quở trách một cách nhẹ nhàng, không bị làm phiền một cách gắt gỏng; đang bị quở trách một cách có ích lợi, không bị làm phiền một cách có hại; đang quở trách bởi người có tâm-từ, không bị làm phiền bởi người đang có sự thù-ghét. (b) "Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo bị quở trách (bởi người khác) đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó nên cảm thấy sám hối: (1) 'Này đạo hữu, thầy đã bị quở trách vào lúc thích hợp, không phải lúc không thích hợp; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (2) Thầy đã bị quở trách một cách đúng sự thật, không phải sai sự thật; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (3) Thầy đã bị quở trách một cách nhẹ nhàng, không phải một cách gắt gỏng; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (4) Thầy đã bị quở trách một cách có ích lợi, không phải một cách có hại; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối. (5) Thầy đã bị quở trách bởi người có tâm-từ, không phải bởi người có sự thù-ghét; điều đó đủ để thầy nên cảm thấy sám hối.' "Khi một Tỳ kheo bị quở trách một cách đúng với Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ như vậy để nói người đó nên cảm thấy sám hối. (bb) "Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo quở trách (người khác) một cách đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối: (1) 'Này đạo hữu, thầy đã quở trách vào lúc thích hợp, không phải lúc không thích hợp; điều đó đủ để thầy không sám hối. (2) Thầy đã

quở trách một cách đúng sự thật, không sai sự thật; điều đó đủ để thầy không sám hối. (3) Thầy đã quở trách một cách nhẹ nhàng, không phải theo cách gắt gỏng; điều đó đủ để thầy không sám hối. (4) Thầy đã quở trách một cách có ích lợi, không theo cách có hại; điều đó đủ để thầy không sám hối. (5) Thầy đã quở trách với tâm-từ, không phải khi đang có sự thù-ghét; điều đó đủ để thầy không sám hối.' "Khi một Tỳ kheo quở trách một cách đúng theo Giáo Pháp, thì có năm lý lẽ để nói người đó không cần sám hối. Vì lý do gì? Vì để cho Tỳ kheo khác nghĩ đến việc quở trách người khác một cách đúng với điều sự thật như vậy. (B) "Này các đạo hữu, một người bị quở trách nên được thiết lập trong hai điều: trong sự thật và sự không tức-giận (vô sân). Nếu người khác quở trách tôi—dù vào lúc thích hợp hay lúc không thích hợp; một cách đúng sự thật hay không đúng sự thật; một cách nhẹ nhàng hay một cách gắt gỏng; một cách có ích lợi hay một cách có hại; với tâm-từ hay với sự thù-ghét—tôi vẫn được thiết lập trong hai điều: trong sự thật và sự không tức-giận. "Nếu tôi biết: 'Có phẩm chất (sai, phạm) đó trong tôi', tôi sẽ nói người đó: 'Nó có. Phẩm chất này thấy có trong tôi'. Nếu tôi biết: 'Không có phẩm chất đó trong tôi', tôi sẽ nói người đó: 'Nó không có. Phẩm chất này không thấy có trong tôi'. [Đức Thế Tôn mới nói với thầy Xá-lợi-phất:] "Này Xá-lợi-phất,

ngay cả khi thầy đang nói với mọi người theo cách như vậy, ở đây vẫn có một số người ngu không tôn trọng chấp nhận lời thầy nói." (a) "Thưa Thế Tôn, có những người không có niềm-tin vẫn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, họ không phải vì niềm-tin (vào Tam Bảo) mà vì ý đồ để kiếm sống; họ gian xảo, đạo đức giả, lừa dối, bất an, phô trương, rỗng tuếch, nói nhiều, lan man hồ đồ khi nói; họ không phòng-hộ các cửa của các giác-quan, không tiết-độ trong ăn uống, không nhắm đến sự tỉnh-thức (giác ngộ), thờ ơ với đời sống tu-sĩ (sa-môn

• 191

hạnh, đời tu hành), không thiệt tình coi trọng việc tu-học; họ sống xa-hoa (thụ hưởng) và lơi-lỏng; là những người lãnh đạo (thượng tọa) đang tụt-lùi (không tu tiến), vứt bỏ bổn phận sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật); lười biếng, thiếu sự nỗ-lực (thiếu tinh tấn), có tâm mờ-rối (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt-định, với những cái tâm lang bang trôi dạt , vô trí, ngu dốt. Khi con nói với họ theo cách như vậy, họ vẫn không tôn trọng chấp nhận những điều con nói. (b) "Nhưng, thưa Thế Tôn, có những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; họ không gian xảo, đạo đức giả, lừa dối, bất an, phô trương, rỗng tuếch, nói nhiều, lan man hồ đồ khi nói; họ phòng-hộ các cửa của các giác-quan, tiết-độ trong ăn uống, nhắm đến sự tỉnh-thức (giác ngộ), nhắm tới đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh, đời tu hành), thiệt tình coi trọng việc tu-học; họ không sống xa-hoa (thụ hưởng) hay lơi-lỏng; họ dẹp bỏ sự tụt-lùi (không tu tiến) và dẫn đầu trong sự sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật); họ nỗ-lực (tinh tấn), kiên-định, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), đạt-định, với những cái tâm nhất-điểm, có trí, thông minh. Khi con nói với họ theo cách như vậy, họ tôn trọng chấp nhận những điều con nói." "Này Xá-lợi-phất, không cần nói với những người không-có niềm-tin mà vẫn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, họ không phải vì niềm-tin mà vì ý đồ để kiếm sống; họ gian xảo … vô trí, ngu dốt. Nhưng, này Xá-lợi-phất, thầy nên nói cho những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành; họ không gian xảo … có trí, thông minh. Này Xá-lợi-phất, hãy khởi xướng cho những Tỳ kheo đồng đạo! Này Xá-lợi-phất, hãy chỉ dẫn cho những Tỳ kheo đồng đạo! [với ý nghĩ rằng:] 'Tôi sẽ làm cho những Tỳ kheo đồng đạo thoát khỏi những điều trái với thiện Pháp và sẽ thiết lập họ trong thiện Pháp.' Này Xá-lợi-phất, thầy nên luyện tập bản thân như vậy."

168 (8) Giới Hạnh

192 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

[Kinh này giống kinh 5:24, chỉ khác là được nói bởi thầy Xá-lợi-phất (thay vì bởi Phật).]

169 (9) Hiểu Nhanh Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Ānanda ngồi xuống một bên và nói: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỳ kheo là một người hiểu nhanh (nhanh trí) về những giáo lý thiện lành, là người nắm giữ khéo léo điều mình đã học, học rất nhiều, và không quên điều mình đã học?" "Thầy Ānanda là người học rộng, vậy mong chính thầy hãy làm rõ điều này." "Đạo hữu Xá-lợi-phất, vậy thầy hãy lắng nghe

và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói." "Được, này đạo hữu", thầy Xá-lợi-phất đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này: "Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo là thiện giỏi về ý nghĩa, thiện giỏi về Giáo Pháp, thiện giỏi về ngôn ngữ, thiện giỏi về câu chữ, và thiện giỏi về thứ tự trước sau.1166 Theo cách này một Tỳ kheo là một người hiểu nhanh về những giáo lý thiện lành, là người nắm giữ khéo léo điều mình đã học, học rất nhiều, và không quên điều mình đã học." "Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, cách mà điều này được nói ra một cách hay khéo bởi Thầy Ānanda! Chúng tôi coi Thầy Ānanda là người có được năm phẩm chất này: 'Thầy Ānanda là thiện giỏi về ý nghĩa, thiện giỏi về Giáo Pháp, thiện giỏi về ngôn ngữ, thiện giỏi về câu chữ, và thiện giỏi về thứ tự trước sau.'"

170 (10) Với Bhaddaji

• 193

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh xá (được cúng dường bởi ông) Ghosita. Lúc đó có Ngài Bhaddaji đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên. Rồi thầy Ānanda đã nói với thầy ấy: "Đạo hữu Bhaddaji, cái gì là sự nhìn-thấy bậc nhất? Cái gì là sự nghe- thấy bậc nhất? Cái gì là hạnh-phúc (lạc) bậc nhất? Cái gì là sự nhận-thức (tưởng) bậc nhất? Cái gì là trạng thái hiện-hữu (hữu) bậc nhất?" "(1) Này đạo hữu, có bậc tối thắng, là bậc bất bại, bậc nhìn thấy vũ trụ, bậc nắm quyền hành. Nhìn thấy vị trời Brahmā (Phạm thiên) là sự nhìn-thấy bậc nhất. (2) Có những thiên thần (cõi trời) chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên) là tràn đầy và tràn ngập hạnh-phúc. Nhiều lúc họ phải tự hứng thốt ra: 'Ôi, hạnh phúc thay! Ôi, hạnh phúc thay!' Nghe thấy giọng nói đó là sự nghe-thấy bậc nhất. (3) Có những thiên thần (cõi trời) hào quang chói lọi (quang minh thiên). Được hạnh phúc, họ trải nghiệm niềm hạnh-phúc rất rất bình-an:1167 đây là sự hạnh-phúc bậc nhất. (4) Có những thiên thần thuộc vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]: đây là sự nhận-thức bậc nhất. (5) Có những thiên thần thuộc phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ vừa không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức]: đây là trạng thái hiện-hữu bậc nhất." "Vậy thầy Bhaddaji có đồng ý với đa số người ta về điều này hay không?"1168 "Thầy Ānanda là học rộng, vậy mong chính thầy hãy làm rõ điều này." "Đạo hữu Bhaddaji, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói." "Được, đạo hữu", thầy Bhaddaji đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này: "(1) Này đạo hữu, dù theo cách nào, sự gì người tu nhìn thấy lập tức (ngay) sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận):1169 đó là sự nhìn-thấy (cảnh) bậc nhất. (2) Dù theo cách nào, sự gì người tu nghe thấy lập tức sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là sự nghe-thấy bậc nhất. (3) Dù theo

cách nào người tu là hạnh-phúc lập tức sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô- nhiễm: đó là sự hạnh-phúc bậc nhất. (4) Dù theo cách nào người tu nhận- thức lập tức sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là sự nhận-thức bậc nhất. (5) Dù theo cách nào người tu hiện-hữu lập tức sau khi xảy ra sự tiêu diệt ô-nhiễm: đó là trạng thái hiện-hữu bậc nhất."

NHÓM 3. ĐỆ TỬ TẠI GIA

171 (1) Sự Ngại Ngần Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại-ngần. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị hạn chế bởi sự ngại-ngần (thiếu tự tin khi gặp gỡ, đứng hay phát biểu trước những người khác; mặc cảm tội lỗi). “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được tự- tin. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được tự tin.”

172 (2) Sự Tự Tin “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà

dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia sống ở nhà có sự tự-tin.”

173 (3) Địa Ngục “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

174 (4) Những Sự Thù Hận Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông: “Này gia chủ, nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì

một người được gọi là thất đức và sẽ bị tái sinh trong địa ngục. Năm đó là gì? Sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng

những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Nếu không dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được coi là thất-đức và bị tái sinh trong địa ngục. “Này gia chủ, sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận, thì một người được gọi là đức hạnh và sẽ được tái sinh trong một cõi trời. Năm đó là gì? Sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Sau khi đã dẹp xong năm mối hiểm họa và thù hận này, thì một người được gọi là đức-hạnh và sẽ được bị tái sinh trong một cõi trời. (1) “Này gia chủ, ai sát-sinh là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cữ sát-sinh là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cữ sát-sinh, mối hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất. (2) “Ai gian-cắp … (3) “Ai tà-dâm tà dục … (4) “Ai nói-dối nói láo … (5) “Ai uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật uống là gây ra mối hiểm họa và sự thù hận thuộc (cho) kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Người kiêng cữ gian-cắp … uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật là không gây ra mối hiểm họa và thù hận thuộc kiếp này và kiếp sau, và người đó cũng không nếm trải sự đau khổ và ưu sầu trong tâm. Đối với người kiêng cữ gian-cắp … uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, mối

hiểm họa và thù hận đó đã lặn mất.”
Có người trong thế gian:
Sát-sinh, gian-cắp, nói-dối,
Tà-dâm với vợ người khác,
Và uống rượu nặng rượu nhẹ.
Sống trong năm mối gây thù hận,
Người đó được gọi là thất-đức.
Khi thân tan rã,
Kẻ vô trí đó bị tái sinh trong địa ngục.
Nhưng có người trong thế gian:
Không sát-sinh, không gian-cắp, không nói-dối,
Không tà-dâm với vợ người khác,
Không uống rượu nặng hay rượu nhẹ.
Sau khi đã dẹp bỏ năm mối thù hận,
Người đó được gọi là đức-hạnh.
Khi thân tan rã,
Người có trí đó được sinh trong một cõi trời.
175 (5) Caṇḍāla “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ [caṇḍāla, chiên-đà-la, hạ tiện], là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mạt thấp

trong số những đệ tử tại gia.1170 Năm đó là gì? (1) Người đó không có niềm-tin; (2) người đó là thất đức; (3) người đó mê tín và tin vào những điềm lành hay vận may này nọ, chứ không tin vào nghiệp; (4) người đó cứ tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài chỗ này;1171 và (5) người đó (ưu tiên) làm những việc [công đức] ở đó trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại người bị vứt bỏ, là sự ô uế của một đệ tử tại gia, là hạng mạt thấp trong số những đệ tử tại gia người. “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia là loại quý

báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia.1172 Năm đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin; (2) người đó là đức hạnh; (3) người đó không mê tín; tin vào nghiệp chứ không tin những điềm lành hay vận may này nọ; (4) người đó không tìm kiếm người xứng đáng cúng dường ở bên ngoài chỗ này; và (5) người đó làm những việc [công đức] ở đây trước. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia là loại quý báu của một đệ tử tại gia, là một bông sen hồng của một đệ tử tại gia, là một bông sen trắng của một đệ tử tại gia.”

176 (6) Hoan Hỷ Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với gia chủ Cấp Cô Độc [và đoàn người đi cùng]: “Này các gia chủ, các vị đã tặng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc- thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Các vị không nên chỉ biết hài-lòng với bấy nhiêu đó, [đừng cứ nghĩ]: ‘Chúng ta đã tặng y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh cho Tăng Đoàn các Tỳ Kheo.’ Do vậy, này các gia chủ, các vị nên tu tập bản thân như vầy: ‘Làm cách nào chúng ta có thể chứng nhập và an trú trong niềm hoan-hỷ của sự tách-ly (ẩn dật, độc trú)?’1173 Chính theo cách như vậy các vị nên tu tập bản thân.” Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thế Tôn, về cách điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách hay khéo. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều không xảy ra bên trong người đó. (1) Đau khổ và ưu phiền liên quan với nhục-dục không xảy ra bên trong người đó. (2) Sự sướng và sự vui liên quan với nhục-dục không xảy ra bên trong người đó.

(3) Đau khổ và ưu phiền liên quan với điều bất thiện không xảy ra bên trong người đó. (4) Sự sướng và sự vui liên quan với điều bất thiện không xảy ra bên trong người đó. (5) Đau khổ và ưu phiền liên quan với điều thiện lành không xảy ra bên trong người đó. Thưa Thế Tôn, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly, thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, mỗi khi một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong trong sự tách-ly … [Phật lặp lại lời trên của thầy Xá-lợi-phất ở trên] … thì trong thời đó năm điều này không xảy ra bên trong người đó.”

177 (7) Buôn Bán “Này các Tỳ kheo, một đệ tử tại gia không nên dính vào năm việc này. Năm đó là gì? Buôn bán vũ khí, buôn bán chúng sinh (người và động vật), buôn bán thịt, buôn bán những chất gây hại (như rượu, bia, thuốc lá, ma túy …), và buôn bán chất độc (thuốc độc, thuốc hủy diệt (sự sống, côn trùng, vật sống …). Một đệ tử thánh thiện không nên dính vào năm việc này.”

178 (8) Vua Chúa (1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người dẹp bỏ và kiêng cữ sát-sinh thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó, bỏ tù người đó, đày ải người đó, hoặc xử người đó theo tội trạng, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo! Ta cũng chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về việc xấu ác của người đó như sau: ‘Người này đã giết hại một người nữ hay người nam’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội sát nhân, rồi xử trảm người đó … Các thầy có từng

thấy hay nghe vụ án như vậy, hay không?” “Chúng con đã thấy điều đó, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều đó như vậy, và chúng con sẽ nghe về điều đó [nếu nó có xảy ra].” (2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó … hay không? “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo! Ta cũng chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về việc xấu ác của người đó như sau: ‘Người này đã ăn cắp đồ đạc trong làng hay trong rừng’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội gian-cắp, rồi xử trảm người đó … Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy hay không?” “Chúng con đã thấy điều đó, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều đó như vậy, và chúng con sẽ nghe về điều đó [nếu nó có xảy ra].” (3) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người dẹp bỏ và kiêng cữ sự tà-dâm tà dục thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó … hay không? “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo! Ta cũng chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về việc xấu ác của người đó như sau: ‘Người này đã quan hệ tà-dâm với những phụ nữ hay con gái của người khác’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội quan hệ bất chính, rồi xử trảm người đó … Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy hay không?” “Chúng con đã thấy điều đó, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều đó như vậy, và chúng con sẽ nghe về điều đó [nếu nó có xảy ra].” (4) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối nói láo thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó … hay không?

“Không, thưa Thế Tôn.” Tốt, này các Tỳ kheo! Ta không chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về điều ác của người đó như sau: ‘Người này đã phá hoại một gia chủ hay con trai của ông ta bằng những lời nói dối’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội nói dối, rồi xử trảm người đó … Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy không?” “Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng

con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].” (5) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Các thầy có từng thấy hay nghe khi một người dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì bị nhà vua bắt giam vì sự kiêng cữ đó, rồi xử trảm người đó …? “Dạ không, thưa Thế Tôn.” “Tốt, này các Tỳ kheo! Ta cũng chưa thấy hay nghe điều như vậy. Nhưng nếu người ta báo cho vua chúa về việc xấu ác của người đó như sau: ‘Người này, do bị ảnh hưởng việc uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay dùng những chất độc hại, nên đã giết-người, hay đã ăn-trộm, hay đã quan hệ tà-dâm với những phụ nữ hay con gái của người khác, hay đã phá hoại một gia chủ hay con trai của ông ta bằng những lời nói-dối nói láo’, thì vua chúa sẽ cho bắt giam vì tội uống rượu nặng, rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, rồi xử trảm người đó … Các thầy có từng thấy hay nghe vụ án như vậy hay không?” “Chúng con đã thấy điều như vậy, thưa Thế Tôn, và chúng con đã nghe điều như vậy, và chúng con sẽ nghe điều như vậy [nếu nó xảy ra].”

179 (9) Người Tại gia Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất:

“Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào mà (i) những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới- luật tu hành, và (ii) nếu người đó muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm) có thể thấy được (trong kiếp này), thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vầy: ‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’ (1) (i) “Cái gì là năm giới-luật tu hành mà những hành-động của người đó được kiềm chế trong đó? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một đệ tử thánh thiện kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới-luật tu hành đó. (ii) “Cái gì là bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà nếu người đó muốn người đó có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì? (Câu hỏi (ii) này được trả lời bằng bốn đoạn (2)-(5) tiếp theo)

(2) “Ở đây, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây là sự an trú hạnh phúc thứ nhất thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được (trong kiếp này) mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch. (3) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển

vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người

• 203

đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Đây là sự an trú hạnh phúc thứ hai thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch. (4) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin bất thối chuyển vào Tăng Đoàn như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Đây là sự an trú hạnh phúc thứ ba thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch. (5) “Thêm nữa, người đệ tử thánh thiện có được giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị vết nhơ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính-chấp, dẫn tới đạt-định. Đây là sự an trú hạnh phúc thứ tư thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà người đó đã thành tựu cho sự thanh lọc cái tâm không thanh tịnh, cho sự thanh tẩy sạch cái tâm không sạch. “Đây là bốn sự an trú hạnh phúc thuộc phần tâm bậc cao có thể thấy được mà nếu muốn người đó có thể chứng đắc chúng, không khó khăn hay rắc rối gì. “Này Xá-lợi-phất, thầy nên biết rằng, bất cứ người tại gia áo trắng nào mà (i) những hành-động của người đó được kiềm chế trong năm giới- luật tu hành, và (ii) nếu người đó muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn sự an trú hạnh phúc (lạc trú) thuộc phần tâm bậc cao (tăng thượng tâm) có thể thấy được (trong kiếp này), thì: nếu người đó muốn, người đó có thể tuyên bố về mình như vầy: ‘Tôi đã hết bị địa ngục,

cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ thống khổ; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, nơi-đến xấu dữ, cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’”

Sau khi nhìn thấy hiểm họa trong địa ngục,
Người nên tránh bỏ những nghiệp xấu ác;
Sau khi đã nhận lấy Giáo Pháp thánh thiện,
Người có trí nên tránh bỏ chúng.
Bằng mọi khả năng của mình:
Người không nên giết-hại chúng sinh;
Người không nên nói-dối nói láo một cách ý thức;
Người không gian-cắp thứ không được cho.
Người nên biết hài-lòng với (những) vợ của mình,1174

Và nên tránh xa những vợ của người khác.1175
Một người không nên uống rượu nặng, rượu nhẹ,
Làm tâm trí ngu mờ.
Người nên tưởng niệm Đức Phật,
Và suy niệm về Giáo Pháp.
Người nên tu tập một cái tâm hiền từ,
Vốn dẫn tới cõi những thiên thần.
Khi có được những thứ để bố thí cúng dường,
Với ai cần có, và mình muốn được công-đức,1176
Nếu cúng dường cho những bậc thánh tu,
Thì công-đức càng trở nên lớn lao.
Ta sẽ mô tả những bậc thánh tu
Này Xá-lợi-phất, hãy lắng nghe ta.
Trong một đàn bò,1177
Dù con đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung,
Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bồ câu—
Có con bò đực được thuần hóa được sinh ra:
Thì nó có thể chịu tảo nặng,
• 205

Có sức mạnh, sức nhanh.
Họ gông gánh nặng lên cổ nó;
Họ không quan tâm nó màu gì.
Trong nhân loại cũng vậy,
Dù là sinh cảnh là gì:
Trong số những người giai cấp chiến-sĩ,
Bà-la-môn, nông-thương,
Người cấp hạ-tiện, bần-lao, hay bần-cùng đổ phân—
Có người được thuần hóa được sinh ra:
Người vững chắc về Giáo Pháp, giới-hạnh về hành-vi,
Chân thật trong lời nói, biết xấu-hổ về mặt đạo đức;
Người đó đã loại bỏ được sự sinh-già,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Đã quăng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,
Đã làm xong những gì cần phải làm,
Đã không còn ô-nhiễm;
Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],
Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không còn dính-chấp:
Sự cúng dường thực sự là lớn lao,
Nếu được gieo trồng trong ruộng phước không tỳ vết đó.

Những người ngu không hiểu,
Ngu ngốc, thiểu học,
Không để tâm kính lễ tới những bậc thánh,
Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
Nhưng những ai để tâm kính lễ những bậc thánh,
Và những người trí được tôn trọng là thánh hiền,
Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
Thì được cắm rễ và được thiết lập hay khéo,
Sẽ đi lên cõi những thiên thần,
Hoặc được sinh ra ở đây trong những gia đình tốt.
Còn những bậc trí tu tiến những bước thành đạt,

Và chứng ngộ Niết-bàn.

180 (10) Gavesī Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn. Lúc đó, trong lúc đang đi dọc đường lộ cái, đức Thế Tôn nhìn thấy một khóm rừng lớn những cây sa-la. Đức Thế Tôn đã ra khỏi đường lộ, đi vô rừng cây sa-la, và mỉm cười sau khi đến được một nơi như vậy. Rồi ý nghĩ này xảy đến với Ngài Ānanda: “Tại sao đức Thế Tôn mỉm cười? Những bậc Như Lai không cười khi không có lý do.” Rồi thầy Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vì sao Thế Tôn mỉm cười như vậy? Những Như Lai không cười khi không có lý do.” “Này Ānanda, trong quá khứ nơi này là một thành phố giàu có, thịnh vượng, dân cư đông đúc, là nơi nhiều người đổ về. Lúc bấy giờ có bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là (Phật) Ca-Diếp [Kassapa] sống nương nhờ ở thành phố này. Đức Thế Tôn Ca-Diếp có một đệ tử tại gia tên là Gavesī, người chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Và Gavesī chỉ dạy và hướng dẫn cho năm trăm đệ tử tại gia khác là những người cũng chưa hoàn thiện về giới-hạnh. (1) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này, nhưng cả ta và họ đều chưa hoàn thiện về giới-hạnh. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’ “Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: ‘Từ hôm nay trở đi, các vị nên coi tôi là người đang hoàn thiện giới-hạnh.’ Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: ‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ hoàn thiện giới-hạnh. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’

“Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: ‘Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người đang hoàn thiện giới-hạnh.’ (2) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: ‘Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.’ “Rồi Gavesī đã đến gặp

năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: 'Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người sống độc-thân, sống tách-ly (lánh trần, ẩn dật), kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân.' Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī sẽ sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của các nhân. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?' "Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: 'Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesī coi chúng tôi là những người sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói- tục của cá nhân.' (3) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính- dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân, và họ cũng làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.' "Rồi Gavesī đã đến gặp năm trăm đệ tử tại gia đó và nói với họ: 'Từ hôm nay trở đi, các vị hãy coi tôi là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp (phi thời)'. Rồi ý nghĩ này xảy đến với năm trăm người đó: 'Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh

đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng xcữ ăn ngoài thời gian thích hợp. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?' "Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp Gavesī và nói với ông ấy: 'Từ hôm nay trở đi, mong Thầy Gavesî coi chúng tôi là những người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp.' (4) "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với đệ tử tại gia Gavesī: 'Ta là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của năm trăm đệ tử tại gia này. Giờ ta là người đang hoàn thiện giới-hạnh, và họ cũng đang làm như vậy. Ta đang sống độc-thân, sống tách-ly, kiêng cữ quan hệ tính-dục, kiêng cữ những thói-tục của cá nhân, và họ cũng đang làm như vậy. Giờ ta là người ăn một bữa một ngày, kiêng cữ ăn đêm, kiêng cữ ăn ngoài thời gian thích hợp, và họ cũng đang làm như vậy. Như vậy tất cả chúng ta đều như nhau, và ta chẳng hơn gì họ được chút nào. Vậy ta hãy vượt qua họ.' (5) "Rồi Gavesī đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, và thưa với Thế Tôn: 'Thưa Thế Tôn, con xin được xuất gia và thụ toàn bộ giới (đại thọ giới; thành Tỳ kheo) dưới đức Thế Tôn, có được không?'. Rồi đệ tử tại gia Gavesī đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, Tỳ kheo Gavesī, với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ kết-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó. Vị đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và Tỳ kheo Gavesī đã trở thành một trong những vị A-la-hán. "Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với năm

trăm đệ tử tại gia đó:

• 209

‘Thầy Gavesī là ân nhân, là người lãnh đạo và người hướng dẫn của chúng ta. Giờ Thầy Gavesī đã cạo bỏ râu tóc và khoát y cà-sa màu vàng úa, đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Tại sao chúng ta không làm giống vậy?’ “Rồi năm trăm đệ tử tại gia đó đã đến gặp đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác và thưa với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, chúng con xin được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn có được không?’ Rồi năm trăm vị đệ tử tại gia đó đã được xuất gia và thụ toàn bộ giới dưới đức Thế Tôn Ca-Diếp, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (6) “Rồi, này Ānanda, ý nghĩ này xảy đến với Tỳ kheo Gavesī: ‘Ta, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc niềm chân- phúc vô thượng của sự giải-thoát. Ôi, cầu mong cho năm trăm vị Tỳ kheo đó cũng vậy, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, họ cũng có thể chứng đắc niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát!’ Rồi, này Ānan- da, không bao lâu sau khi thụ toàn bộ giới, mỗi người sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không lâu sau khi đã thụ toàn bộ giới, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, năm trăm vị Tỳ kheo đó, với trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp đó đã chứng ngộ kết-cuộc vô thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, những vị ấy an trú trong đó. Những vị đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Và năm trăm vị Tỳ kheo đó đã trở thành những A-la-hán. “Như vậy, này Ānanda, năm trăm vị Tỳ kheo đó được dẫn đầu bởi Gavesī, nhờ sự chuyên-cần tu (tinh cần) lần lượt theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, họ đã chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát.1178 Bởi vậy, này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Bằng sự chuyên-cần tu lần lượt theo những cách thức cao hơn và siêu phàm hơn, chúng ta sẽ chứng ngộ niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-

210 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

thoát.’ Này Ānanda, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

NHÓM 4. NHỮNG NGƯỜI SỐNG TRONG RỪNG

181 (1) Những Người Sống Trong Rừng “Này các Tỳ kheo, có năm loại người sống trong rừng. Năm đó là gì? (1) Người trở thành người sống trong rừng do sự khờ và sự ngu của mình; (2) người trở thành người sống trong rừng do người đó có tham-muốn xấu ác, do người đó bị thúc đẩy bởi tham-muốn;1179 (3) người trở thành người sống trong rừng do người đó bị điên khùng và tâm thần bấn loạn; (4) người trở thành người sống trong rừng [vì nghĩ rằng]: ‘Điều này được khen ngợi bởi những vị Phật và những vị đệ tử của những vị Phật’; và (5) người trở thành người sống trong rừng vì (để tu tập) sự ít tham-muốn (thiểu dục), sự biết hài-lòng (tri túc), sự loại-bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc-cư, sự giản-dị thanh bần. “Đây là năm loại người sống trong rừng. Người trở thành người sống trong rừng thứ (5) vì (để tu tập) sự ít tham-muốn (thiểu dục), sự biết hài-

lòng (tri túc), sự loại-bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc-cư, sự giản-dị thanh bần là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người sống ở trong rừng. “Này các Tỳ kheo, cũng như từ một con bò có sữa bò, từ sữa có sữa đông cục, từ sữa đông cục có bơ, từ bơ có ván sữa, từ ván sữa có kem ván sữa, kem ván sữa được cho là bậc nhất trong tất cả loại đó. Cũng giống như vậy, người trở thành người sống trong rừng vì (để tu tập) sự ít tham- muốn (thiểu dục), sự biết hài-lòng (tri túc), sự loại-bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc-cư, sự giản-dị thanh bần là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người sống ở trong rừng.”

182 (2)190 (10) Những Người Mặc y-phục Làm Từ Giẻ Rách… “Này các Tỳ kheo, có năm loại người mặc y-phục được làm từ giẻ rách1180 … có năm loại người sống dưới gốc cây … có năm loại người sống trong nghĩa địa … có năm loại người sống ở ngoài trời … có năm loại người luôn ngồi chứ không nằm … có năm loại người nằm bất cứ chỗ nào nằm được … có năm loại người chỉ ngồi ăn một lần mỗi ngày … có năm loại người sau khi bắt đầu ăn thì không nhận thức-ăn nữa … có năm loại người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát (có được từ sự đi khất thực). Năm đó là gì? (1) Người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát do sự khờ và sự ngu của mình; (2) người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát do người đó có tham-muốn xấu ác, do người đó bị thúc đẩy bởi tham-muốn; (3) người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát vì người đó bị điên khùng và tâm thần bấn loạn; (4) người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát [vì nghĩ rằng]: ‘Điều này được khen ngợi bởi những vị Phật và những vị đệ tử của những vị Phật’; (5) và người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát vì (để tu tập) sự ít tham- muốn (thiểu dục), sự biết hài-lòng (tri túc), sự loại-bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc-cư, sự giản-dị thanh bần. “Đây là năm loại người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát. Người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát vì (để tu tập) sự ít tham-muốn (thiểu dục), sự biết hài-lòng (tri túc), sự loại-bỏ [những ô-nhiễm], sự sống độc-cư, sự giản-dị thanh bần là loại người bậc nhất, loại tốt nhất, loại ưu việt, loại cao thượng nhất, và loại đẹp đẽ nhất trong năm loại người chỉ ăn thức-ăn từ trong bình bát. [Tiếp tục đoạn ví dụ như kinh 5:181 kế trên.]

NHÓM 5. CHÓ

191 (1) Những Con Chó “Này các Tỳ kheo, có năm sự thực hành cổ xưa này của bà-la-môn,

nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la- môn. Năm đó là gì? (1) “Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ phối ngẫu với phụ nữ bà-la-môn, không phối ngẫu với phụ nữ không phải bà-la-môn. Nhưng giờ những bà- la-môn giao phối với cả hai hạng phụ nữ đó. Tuy nhiên, những con chó vẫn chỉ giao phối với những con chó cái, không giao phối với những con thú cái khác. Đây là thực hành cổ xưa thứ nhất của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la-môn. (2) “Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ giao phối với những phụ nữ trong nửa tháng có

thể thụ thai, không giao phối trong thời gian khác. Nhưng giờ những bà-la-môn giao phối với những phụ nữ cả trong hai thời gian đó. Tuy nhiên, những con chó vẫn chỉ giao phối với những con chó cái trong thời gian có thể thụ thai (thời kỳ động dục), không giao phối trong thời gian khác. Đây là thực hành cổ xưa thứ hai của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la- môn. (3) "Ngày xưa, những bà-la-môn không mua bán những phụ nữ bà-la- môn, và họ chỉ sống chung khi có tình cảm với nhau, họ làm vậy để vì sự liên tục của dòng tộc.1181 Nhưng giờ những bà-la-môn mua bán những phụ nữ bà-la-môn, và họ sống chung dù có tình cảm hay không có tình cảm với nhau, họ làm vậy để vì sự liên tục của dòng tộc.1182 Tuy nhiên, những con chó không mua bán những con chó cái, và chúng chỉ ở chung nhau sau khi có cảm tình với nhau, chúng làm vậy để vì sự liên tục của giống nòi. Đây là thực hành cổ xưa thứ ba của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la-môn. (4) "Ngày xưa, những bà-la-môn không tích trữ tài sản, lúa gạo, vàng bạc. Nhưng giờ những bà-la-môn tích trữ chúng. Tuy nhiên, những con chó không tích trữ những thứ đó. Đây là thực hành cổ xưa thứ tư của bà- la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la-môn.

• 213

(5) "Ngày xưa, những bà-la-môn chỉ đi khất thực vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và vào buổi sáng cho bữa ăn sáng. Nhưng giờ những bà-la- môn ăn uống tùy thích cho đến khi bụng căng đầy, và khi ra về còn lấy luôn những thức ăn còn lại. Tuy nhiên, những con chó vẫn chỉ đi tìm thức ăn vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và vào buổi sáng cho bữa ăn sáng. Đây là thực hành cổ xưa thứ năm của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la-môn. "Này các Tỳ kheo, đây là năm sự thực hành cổ xưa của bà-la-môn, nhưng giờ chỉ thấy có ở những con chó, không thấy có ở những bà-la- môn."

192 (2) Bà-la-môn Doṇa Lúc đó có bà-la-môn tên Doṇa đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: 'Sa-môn Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; ông ta cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ.' Đây đúng là sự thật, bởi vì Thầy Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã ở tuổi xế chiều của cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối; thầy cũng không đứng dậy hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, điều này là không phù hợp (không phải phép)."1183 "Này ông Doṇa, ông có tuyên bố là một bà-la-môn không?" "Thầy Cồ-đàm, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói: 'Người đó là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ năm; giỏi về

ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc vĩ nhân'—thì chính xác là tôi người đó đang nói tới. Bởi vì, Thầy Cồ-đàm, tôi là một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ; người đó là người truyền tụng và bảo tồn những bài tụng chú, là một bậc thầy về ba kinh Vệ-đà (Veda) thông thuộc cả những từ vựng, nghi thức, âm vị học, từ nguyên học, và lịch sử là thứ năm; giỏi về ngôn ngữ học và ngữ pháp, người đó thông hoàn toàn thông thuộc về triết lý tự nhiên và về những tướng số của bậc vĩ nhân." "Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn— như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu—là những người tạo ra những bài chú tụng, và đó là những bài chú của họ, đã từng được tụng đọc, được công bố, và được kết tập mà những bà-la-môn thời này vẫn tụng đọc và lặp lại, lặp lại những lời đã được nói, tụng lại những lời đã được tụng, và dạy lại những lời đã được dạy. Những bậc nhìn thấy thời xưa đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới-hạn, loại đã vượt qua giới-hạn, và loại bà-la-môn mạt thấp [caṇḍāḷa] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?" "Thầy Cồ-đàm, tôi không biết năm loại bà-la-môn đó. Tất cả những gì chúng tôi biết là [chữ] 'bà-la-môn' mà thôi. Vậy Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi biết năm loại bà-la-môn đó." "Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói." "Được, thưa thầy", ông bà-la-môn Doṇa đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (1) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống trời Brahmā? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ, thuộc dòng dõi thuần khiết, không thể công kích hay chê bai về sự sinh cảnh tính cả bảy đời phụ hệ. Người đó sống đời sống tâm linh độc

• 215

thân từ đầu (phạm hạnh đồng trinh)1184 suốt 48 năm, học hiểu những bài chú thuật. Sau đó người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy nhờ một cách duy nhất đúng theo Giáo Pháp, không theo cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chỉ duy nhất bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. Sau khi đã trả học phí cho người thầy của mình, người đó cạo râu tóc, khoát y màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.1185 Sau khi đã xuất gia, người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời], vô lượng, không sự thù-ghét, không sự ác-ý. Người đó sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và mọi nơi chốn, người đó sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự

thù-ghét, không sự ác-ý. Sau khi đã tu tập bốn sự an trú thuộc cõi trời (bốn phạm trú, bốn tâm vô lượng),1186 khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời brahmā. Theo cách này một bà-la-môn là giống với vị trời Brahmā. (2) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là giống một thiên thần? Ở đây, một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [giống đoạn (1) kế trên cho tới:] … chỉ duy nhất bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ chỉ theo cách đúng theo Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là Giáo Pháp trong trường hợp này? Không bằng cách mua bán [người đó chỉ lấy] một phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước. Người đó chỉ giao phối

với một phụ nữ bà-la-môn, không giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda) hay phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), cũng không giao phối với phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa, hay những người hốt rác. Người đó không giao phối với phụ nữ có thai, hay phụ nữ đang cho con bú, hay phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai. "Và, này ông Doṇa, tại sao người đó không giao phối với phụ nữ có thai? Bởi vì, nếu làm như vậy, đứa bé được sinh ra trong sự dơ bẩn quá mức; do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ đang cho con bú? Bởi vì, nếu làm vậy, đưa bé được sinh ra sẽ như uống lại chất ô uế;1187 do vậy người đó không làm vậy. Tại sao người đó không giao phối với phụ nữ ngoài thời gian có thể thụ thai? Bởi vì, người vợ bà-la-môn của người đó không phải để phục vụ cho dục-lạc, sự vui thú, và dâm lạc, mà chỉ vì để sinh sản (để liên tục dòng tộc).1188 Sau khi người đó đã giao hợp tính-dục như vậy, người đó đó cạo râu tóc, khoát y màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Sau khi đã xuất gia, người đó (thiền định): 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … [y hệt nguyên văn đoạn nói về bốn tầng thiền định ở kinh 5:14] … Sau khi đã tu tập bốn tầng thiền định (sắc giới) này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Theo cách này một bà-la-môn là giống một thiên thần. (3) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là vẫn còn trong giới-hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [tiếp tục y hệt như đoạn kế trên cho tới:] … Bởi vì, người vợ bà-la- môn của người đó không phải để phục vụ cho dục-lạc, sự vui thú, và dâm lạc, mà chỉ vì để sinh sản (để liên tục dòng tộc). Sau khi người đó đã

giao hợp tính-dục như vậy, vì sự dính buộc với con cái nên người đó vẫn ở lại với nhà cửa gia sản và không xuất gia tu hành. Người đó dừng lại ở giới-hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, nhưng không vi phạm giới đó (tức không vi phạm bà-la-môn giới về

việc lấy vợ cùng giai cấp, về sự giao phối tính dục). Do người đó dừng lại ở giới-hạn của những bà-la-môn cổ xưa nhưng không vi phạm giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la- môn vẫn còn trong giới-hạn. Theo cách này là một bà-la-môn vẫn còn trong giới-hạn. (4) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là đã vượt qua giới-hạn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới:] … Sau khi đã trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm cưới vợ một cách trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là trái Giáo Pháp trong trường hợp này? Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà-la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà-la-môn của người đó vừa là người cho mục đích dục-lạc, vui thú, và dâm lạc, cũng vừa cho mục đích sinh đẻ.1189 Người đó không dừng lại ở giới-hạn đó của những bà-la-môn cổ xưa, mà vi phạm luôn giới đó (tức đã vi phạm bà-la-môn giới về việc lấy vợ và giao phối). Do người đó không dừng lại ở giới-hạn của những bà-la-môn cổ xưa mà vi phạm luôn giới đó, nên người đó được gọi là một bà-la-môn đã vượt qua giới-hạn. Theo cách này một bà-la-môn là đã vượt qua giới-hạn. (5) "Và, này ông Doṇa, theo cách nào một bà-la-môn là hạng mạt- thấp của một bà-la-môn? Ở đây một bà-la-môn đã được thiện sinh từ cả hai phía cha và mẹ … [tiếp tục y hệt như đoạn trên cho tới:] … Sau đó

người đó tìm kiếm tiền học phí để trả cho người thầy bằng những cách đúng theo Giáo Pháp và cả trái với Giáo Pháp. Và, này ông Doṇa, cái gì là đúng theo Giáo Pháp và trái với Giáo Pháp trong trường hợp này? Tức là bằng những cách trồng trọt, buôn bán, săn bắn, chăn nuôi gia súc, phục vụ vua chúa, nghề đặc thù, chứ không phải chỉ1190 bằng cách đi khất thực mà không khinh thường bình bát khất thực. Sau khi trả xong học phí cho người thầy của mình, người đó tìm lấy vợ một cách vừa đúng theo Giáo Pháp, vừa trái với Giáo Pháp. Người đó vừa lấy phụ nữ bà-la-môn được trao cho người đó bằng cách rót nước, vừa lấy vợ cả thông qua mua bán. Người đó không chỉ giao phối với một phụ nữ bà-la-môn, mà cũng giao phối với phụ nữ giai cấp chiến-sĩ (khattiya), giai cấp nông thương (vessa), giai cấp hạ tiện (sudda), phụ nữ thuộc hạng mạt thấp (caṇḍāla, chiên-đà- la), phụ nữ từ gia đình hạng thợ săn, thợ đan mây tre, thợ làm xe ngựa và những người hốt rác. Người đó giao phối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang cho con bú, phụ nữ trong và ngoài thời gian có thể thụ thai. Người vợ bà- la-môn của người đó vừa là người cho mục đích dục lạc, vui thú, và dâm lạc, vừa cho mục đích sinh đẻ. Người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc. Những bà-la-môn khác nói với người đó: 'Này ông, tại sao trong khi tuyên bố mình là một bà-la-môn mà ông lại kiếm sống bằng đủ loại công việc như vậy?' Người đó trả lời họ: 'Giống như lửa đốt cháy những thứ sạch và dơ nhưng lửa đâu bị ô nhiễm do (tiếp xúc) những thứ đó. Cũng giống như vậy, nếu một bà-la-môn kiếm sống bằng đủ loại công việc, người đó đâu bị ô nhiễm do (làm,

tiếp xúc) những công việc đó.’ Vì người đó kiếm sống bằng đủ loại công việc, nên bà-la-môn đó được gọi là hạng mạt thấp của một bà-la-môn. Theo cách này một bà-la-môn là hạng mạt thấp của bà-la-môn. “Này ông Doṇa, những bậc nhìn-thấy trong số những bà-la-môn— như … [như đoạn này ở đầu kinh] … đã mô tả năm loại bà-la-môn này: loại giống trời Brahmā, loại giống thiên thần, loại vẫn còn trong giới-hạn, loại đã vượt qua giới-hạn, và loại bà-la-môn mạt thấp [caṇḍāḷa] là thứ năm. Này ông Doṇa, trong đó ông thuộc loại nào?”

• 219

“Thưa Thầy Cồ-đàm, trong trường hợp như vậy, chúng tôi còn chưa bằng loại bà-la-môn mạt thấp. Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

193 (3) Bà-la-môn Saṅgārava 1191 Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?” (I) [Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?] (1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục (tham), bị chiếm ngự bởi tham-dục, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi tham-dục’ đúng như nó thực là,1192 thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là.1193 Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc (hàm chỉ đủ loại tham-dục). Nếu một

người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi tham-dục … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý (sân), bị chiếm ngự bởi sự ác-ý, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự ác-ý’ đúng như nó thực là, thì

trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt- lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục (hàm chỉ sự ác-ý, sự sân hận). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự ác-ý … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), bị chiếm ngự bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự đờ- đẫn và buồn-ngủ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

• 221

“Này bà-la-môn, ví dụ có chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo (hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. (4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), bị chiếm ngự bởi sự bất-an và hối-tiếc, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ (hàm chỉ sự bất-an và hối- tiếc). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ (nghi), bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ’ đúng như nó thực là, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người khác đúng như nó thực là. Cho nên, mặc dù các kinh

kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các

kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước đục ngầu, không lắng trong, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối (hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự chưa thấy rõ). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi sự nghi-ngờ … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng. (II) [Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?] (1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm không bị ám muội bởi (chướng-ngại) tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. “Này bà-la-môn, ví dụ có một chậu nước không bị pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng trong, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm không bị ám muội bởi tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày. “Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những

kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.” “Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

194 (4) Bà-la-môn Kāraṇapālī Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Kāraṇapālī đang làm cho xong mấy công việc cho những người Lic- chavi.1194 Bà-la-môn Kāraṇapālī nhìn thấy bà-la-môn Piṅgiyānī đang từ xa đi đến, và nói với ông ta: “Thầy Piṅgiyānī từ đâu mà đến đây vào giữa trưa như vậy?” “Thưa ông, tôi đến đây

từ chỗ có mặt sa-môn Cồ-đàm."1195 "Thầy Piṅgiyānī nghĩ sao về tầm lực trí-tuệ của sa-môn Cồ-đàm? Thầy có coi vị ấy là thông thái hay không?" "Này thưa ông, tôi là ai mà có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của sa- môn Cồ-đàm? Chắc chắn rằng chỉ có ai giống bậc ấy mới có thể biết được tầm lực về trí-tuệ của bậc ấy!" "Thầy khen ngợi sa-môn Cồ-đàm bằng lời khen cao ngất, thật vậy." "Này thưa ông, tôi là ai mà có thể khen ngợi sa-môn Cồ-đàm? Thầy Cồ-đàm nên được khen ngợi bởi những người được khen ngợi; (vì) bậc ấy là bậc nhất trong những thiên thần và loài người!" "Thầy Piṅgiyānī, những cơ-sở nào thầy đã nhìn thấy để thầy đặt

niềm-tin như vậy vào sa-môn Cồ-đàm?" (1) "Giống như một người đã tìm thấy sự thỏa mãn trong những mùi- vị ngon bậc nhất sẽ không còn mong muốn nếm những loại thấp hơn. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó không còn mong muốn tìm kiếm những học thuyết của những tu sĩ và bà-la-môn bình thường khác nữa.1196 (2) "Giống như một người bị kiệt sức vì đói và yếu đuối mà nhận được một cái bánh mật ong thì người đó sẽ thưởng thức mùi-vị ngọt ngon trong từng miếng khi ăn bánh đó. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ- đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ đạt tới sự mãn nguyện và sự nhẹ nhàng (ôn hòa, bình lặng) của tâm. (3) "Giống như một người bắt gặp một mảnh gỗ đàn hương, dù là dàn hương vàng hay đàn hương đỏ, thì người đó sẽ thưởng thức một mùi-hương thơm thanh trong từng sự ngửi nó, dù là ở dưới, giữa, hay trên đầu mảnh gỗ. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì người đó sẽ phát sinh niềm phấn khởi và hoan hỷ. (4) "Giống như một người bác sĩ tài giỏi có thể trị hết ngay một người bệnh, bị đau đớn, và bệnh yếu gần chết. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất cứ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ-đàm—như kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, hay những chuyện thần diệu—thì sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng của người đó sẽ biến mất. (5) "Giống như có một hồ nước đáng thích với bờ hồ phẳng phiu, nước nó trong, dễ chịu, mát lạnh, trong lành, và một người đang bị áp bức

và kiệt sức bởi trời nóng bức, bị kiệt sức, khô quéo, và khát cháy nhảy xuống hồ để tắm và uống nước; nhờ vậy sự đau khổ, sự mệt mỏi, và sự sốt cháy của người đó sẽ lắng dịu. Cũng giống như vậy, thưa ông, bất kỳ (dạng, thể loại) nào một người nghe được về Giáo Pháp của Thầy Cồ- đ,

mặc màu trắng, đeo trang sức màu trắng. Nhưng đức Thế Tôn vẫn tỏa sáng hơn tất cả họ về vẻ đẹp và sự huy hoàng. Rồi bà-la-môn tên Piṅgiyānī đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh lại y áo trên một vai, và sau khi kính lễ kính lễ đức Thế Tôn, ông ta thưa: “Thưa bậc Thế Tôn, một sự cảm hứng đã xảy đến với con! Thưa bậc Phúc Lành, một sự cảm hứng đã xảy đến với con!” “Này Piṅgiyānī, vậy hãy diễn đạt sự cảm hứng của mình”, 1197 đức Thế Tôn nói. Rồi, trước mặt đức Thế Tôn, bà-la-môn Piṅgiyānī đã ngợi ca đức Thế Tôn bằng một bài thi kệ đúng đắn như vầy:1198 “Như hoa sen hồng kokanada thơm ngát, Nở vào buổi sáng, Mùi hương tinh nguyên chưa từng thấy của nó, Hãy nhìn Aṅgīrasa sáng rỡ, Như mặt trời chiếu sáng trong không trung.” Rồi những người Licchavi đó đã dâng lên bà-la-môn Piṅgiyānī năm trăm cà sa. Rồi bà-la-môn Piṅgiyānī dâng cúng năm trăm cà sa đó cho đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn mới nói với những người Licchavi đó: “Này những người Licchavi, sự xuất hiện (hiện thị) của năm báu là hiếm thay trong thế gian.1199 Năm đó là gì? (1) Sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là hiếm thay trong thế gian. (2) Người chỉ dạy Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai là hiếm thay trong thế gian. (3) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy, một người hiểu được là hiếm thay trong thế gian. (4) Khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi một Như Lai đã được chỉ dạy và được hiểu, một người thực hành đúng theo Giáo Pháp là hiếm thay trong thế gian. (5) Một người biết ơn và nhớ ơn là hiếm thay trong thế gian. Này những người Licchavi, sự xuất hiện của năm báu này là hiếm thay trong thế gian.”

• 227

196 (6) Những Giấc Mộng “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, có năm mộng lớn đã hiện ra với Như Lai, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác [Phật]. Năm đó là gì? (1) “Trước khi giác-ngộ, khi còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác có [mộng thấy] địa cầu to lớn này là giường nằm của mình; dãy núi Himālaya, vua của những ngọn núi, là gối đầu của mình; tay trái của mình gác trên biển đông, tay phải của mình gác trên biển tây, và hai chân của mình gác trên biển nam. Đây là mộng lớn thứ nhất đã hiện ra với Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trước khi giác-ngộ, khi còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện. (2) “Lại nữa, trước khi giác-ngộ … bậc Toàn Giác có [mộng thấy rằng] một loài cỏ được gọi là tiriyā đã mọc lên từ rốn của mình và vươn thẳng tới tận trời cao. Đây là mộng lớn thứ hai đã hiện ra với Như Lai … khi chưa giác-ngộ toàn thiện. (3) “Lại nữa, trước khi giác-ngộ … bậc Toàn Giác có [mộng thấy rằng] những con sâu trắng đầu đen bò từ dưới bàn chân lên đầu gối của mình và bao phủ hết hai đầu gối. Đây là mộng lớn thứ ba đã hiện ra với Như Lai … khi chưa giác-ngộ toàn thiện. (4) “Lại nữa, trước khi giác-ngộ … bậc Toàn Giác có [mộng thấy rằng] những con chim nhiều màu khác nhau bay đến từ mọi hướng, rớt dưới chân mình, và tất cả đều biến thành màu trắng. Đây là mộng lớn thứ tư đã hiện ra với Như Lai … khi chưa giác-ngộ toàn thiện. (5) “Lại nữa, trước khi giác-ngộ … bậc Toàn Giác có [mộng thấy rằng] mình leo lên một núi lớn toàn phân mà không bị dính dơ bởi nó. Đây là mộng lớn thứ năm đã hiện ra với Như Lai … khi chưa giác-ngộ toàn thiện. (1) “Giờ, này các Tỳ kheo … (lặp lại nội dung mộng lớn thứ nhất ở trên)—[đây là điềm báo] là bậc ấy (Phật) sẽ giác ngộ

[tỉnh thức] tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng.1200 Mộng lớn thứ nhất đã hiện ra với bậc ấy

[là một dấu hiệu] rằng sự giác-ngộ của bậc ấy [là sắp xảy ra].

thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước tới.1202 Năm đó là gì? (1) “Này các Tỳ kheo, yếu tố nhiệt (lửa) ở những tầng cao hơn của bầu trời bị nhiễu loạn. Do điều này những đám mây đã hình thành bị phân tán. Đây là sự cản trở mưa thứ nhất mà những người dự báo thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước tới. (2) “Thêm nữa, yếu tố khí (gió) ở những tầng cao hơn của bầu trời bị nhiễu loạn. Do điều này nhưng đám mây đã hình thành bị phân tán. Đây là sự cản trở mưa thứ hai … (3) “Thêm nữa, Rāhu, vua của những quỷ thần a-tu-la (asura) hứng nước vào bàn tay và rải xuống đại dương. Đây là sự cản trở mưa thứ ba … (4) “Thêm nữa, những thiên thần (làm) mây-mưa lơ tâm xao lãng. Đây là sự cản trở thứ tư … (5) “Thêm nữa, loài người trở nên bất chính (như bất hiếu, phản bội …). Đây là sự cản trở thứ năm … “Đây là năm sự cản trở mưa mà những người dự báo thời tiết không biết về chúng, nơi mà mắt họ không thể bước tới.”

198 (8) Lời Nói “Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, lời-nói là được nói một cách hay khéo, không phải cách dở tệ; lời-nói là không đáng chê và được khen ngợi bởi bậc trí hiền. Năm đó là gì? Lời-nói được nói lúc thích hợp; lời- nói là đúng sự thật; lời-nói được nói nhẹ nhàng; lời-nói là có ích lợi; và lời-nói được nói với cái tâm-từ. Có được năm yếu tố này, lời-nói là được nói một cách hay khéo, không phải cách dở tệ; lời-nói là không đáng chê và được khen ngợi bởi bậc trí hiền.”

199 (9) Những Gia Đình

“Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh1203 đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo được nhiều công-đức dựa trên năm cơ-sở. Năm đó là gì? (1) Khi người ta thấy những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ và họ phát khởi lòng-tin [đối với các thầy], thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến (thiện dẫn tới) cõi-trời. (2) Khi người ta đứng dậy, kính lễ, và mời chỗ ngồi cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự được (tái) sinh ra trong một gia-đình cao quý. (3) Khi người ta loại bỏ ô-nhiễm là tính keo-kiệt đối với những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách đưa đến sự uy-thế lớn lao. (4) Khi người ta, tùy theo những phương tiện mình có, chia sẻ thứ mình có cho những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến sự giàu-có lớn lao. (5) Khi người ta vấn hỏi những tu sĩ đức hạnh đến nhà của họ, tìm hiểu về những giáo lý, và lắng nghe Giáo Pháp, thì trong thời đó gia đình đó đang thực hành cách thức đưa đến trí-tuệ lớn lao. Này các Tỳ kheo, mỗi khi những tu sĩ đức hạnh đến nhà nào, những người ở đó sẽ tạo

được nhiều công đức dựa trên năm cơ sở này.”

200 (10) Sự Thoát Khỏi “Này các Tỳ kheo, có năm yếu tố của (làm nên) sự thoát-khỏi.1204 Năm đó là gì? (1) “Ở đây, khi một Tỳ kheo chú-tâm (tác ý) tới những khoái-lạc giác quan (dục lạc),1205 tâm người đó không phóng tâm theo chúng, mà trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung (hội tụ, chú định) vào chúng.1206 Nhưng khi người đó chú-tâm tới sự từ-bỏ (ly dục), tâm người đó phóng [ra] tới nó, và trở nên ôn hòa (bình lặng), ổn định, và tập trung vào nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ-đi,1207 được khéo tu-tập, được khéo thoát-ra, được khéo giải-thoát, và được khéo tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan. Và

• 231

người đó tự do khỏi những ô-nhiễm, đầy khổ sở và sốt não, khởi sinh do có những khoái-lạc giác quan làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó.1208 Đây được tuyên bố là sự thoát-khỏi những khoái-lạc giác quan. (2) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú-tâm tới sự ác-ý, tâm người đó không phóng [ra] tới nó, mà trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Nhưng khi người đó chú-tâm tới sự thiện-ý, tâm người đó phóng tới nó, và trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ-đi, được khéo tu-tập, được khéo thoát-ra, được khéo giải-thoát, và được khéo tách-ly khỏi sự ác-ý. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm, đầy khổ sở và sốt não, khởi sinh do có sự ác-ý làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát-khỏi sự ác-ý. (3) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú-tâm tới sự gây-hại, tâm người đó không phóng [ra] tới nó, mà trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Nhưng khi người đó chú-tâm tới sự vô-hại, tâm người đó phóng tới nó, và trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ-đi, được khéo tu-tập, được khéo thoát-ra, được khéo giải-thoát, và được khéo tách-ly khỏi khỏi sự gây-hại. Và người đó tự do khỏi những ô- nhiễm, đầy khổ sở và sốt não, khởi sinh do có sự gây-hại làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát-khỏi sự gây-hại. (4) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú tâm tới sắc, tâm người đó không phóng [ra] tới nó, mà trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Nhưng khi người đó chú-tâm tới vô-sắc, tâm người đó phóng tới nó, và trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ-đi, được khéo tu-tập, được khéo thoát-ra, được khéo giải-thoát, và được khéo tách-ly khỏi khỏi khỏi sắc. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm, đầy khổ sở và sốt não, khởi sinh do có sắc làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát-khỏi sắc. (5) “Lại nữa, khi một Tỳ kheo chú-tâm tới danh-tánh [sự hiện-hữu cá

thể], tâm người đó không phóng [ra] tới nó, mà trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Nhưng khi người đó chú-tâm tới sự chấm-dứt, tâm người đó phóng tới nó, và trở nên ôn hòa, ổn định, và tập trung vào nó. Tâm của người đó là được khéo bỏ-đi, được khéo tu-tập, được khéo thoát-ra, được khéo giải-thoát, và được khéo tách-ly khỏi

khỏi sự hiện-hữu cá thể. Và người đó tự do khỏi những ô-nhiễm, đầy khổ sở và sốt não, khởi sinh do có danh-tánh làm điều-kiện (duyên). Người đó không cảm giác loại cảm-giác đó. Đây được tuyên bố là sự thoát-khỏi danh-tánh. “Sự thích-thú những khoái-lạc giác quan không nằm bên trong người đó; sự thích-thú sự ác-ý không nằm bên trong người đó; sự thích-thú sự gây-hại không nằm bên trong người đó; sự thích-thú sắc không nằm bên trong người đó; sự thích-thú danh-tánh không nằm bên trong người đó. Bởi vì người đó không có những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra sự thích-thú những khoái-lạc giác quan, sự thích-thú sự ác-ý, sự thích-thú sự gây-hại, sự thích-thú sắc, sự thích-thú danh-tánh, cho nên người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn những khuynh-hướng tiềm ẩn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã tháo bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ. Này các Tỳ kheo, đây là năm yếu tố của (làm nên) sự thoát-khỏi.”

• 233

[Năm Mươi Kinh Thứ Năm]

NHÓM 1. KIMBILA

201 (1) Kimbila Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā, trong một vườn cây nicula (lộc vừng).1209 Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: (I) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát niết-bàn?1210 “(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát niết-bàn [chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng khi qua đời], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với lẫn nhau. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát niết-bàn. (II) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát niết-bàn?” “(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu- tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với lẫn nhau. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một

Như Lai bát niết-bàn.”

202 (2) Lắng Nghe Giáo Pháp “Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi trong việc lắng nghe Giáo Pháp. Năm đó là gì? Người nghe nghe được điều chưa được nghe; người nghe thấu rõ điều đã được nghe; người nghe ra khỏi sự nghi-ngờ; và người nghe chỉnh lại cách-nhìn của mình được chánh trực; và tâm của người nghe được ôn hòa (hiền dịu, bình lặng). Đây là năm ích lợi trong việc lắng nghe Giáo Pháp.”

203 (3) Thuần Chủng 1211 “Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của nhà vua, là một thứ (vật dụng) của nhà vua, và được coi là một yếu tố của vương triều. Năm đó là gì? Sự trực tánh, tốc độ, sự thanh thoát, sự kiên nhẫn, và sự ngoan hiền. Có được năm yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc xứng đáng là của nhà vua … được coi là một yếu tố của vương triều. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Năm đó là gì? Sự chánh trực, tốc độ, sự thanh thoát, sự nhẫn nhịn, và sự dịu hiền. Có được năm phẩm chất này một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

204 (4) Các Năng Lực “Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực. Năm đó là gì? Năng lực niềm-

tin, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), và năng lực trí-tuệ. Đây là năm năng-lực.”

205 (5) Sự Cằn Cỗi 1212 “Này các Tỳ kheo, có năm sự cằn-cỗi của tâm.1213 Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), ngờ vực về Vị Thầy, và không tâm phục về Vị Thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy, ngờ vực về vị thầy, và không tâm phục về vị thầy, và không đặt niềm-tin vào vị thầy, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cõi thứ nhất của tâm. (2) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp, ngờ vực về Giáo Pháp, và không tâm phục về Giáo Pháp, và không đặt niềm-tin vào Giáo Pháp. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp, ngờ vực về Giáo Pháp, và không tâm phục về Giáo Pháp, và không đặt niềm-tin vào Giáo Pháp, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cõi thứ hai của tâm. (3) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Tăng Đoàn, ngờ vực về Tăng Đoàn, và không tâm phục về Tăng Đoàn, và không đặt niềm-tin vào Tăng Đoàn. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Tăng Đoàn, ngờ vực về Tăng Đoàn, và không tâm phục về Tăng Đoàn, và không đặt niềm-tin vào Tăng Đoàn, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn- cõi thứ ba của tâm. (4) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về sự tu-tập, ngờ vực về sự tu-

tập, và không tâm phục về sự tu-tập, và không đặt niềm-tin vào sự tu-tập. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về sự tu-tập, ngờ vực về sự tu-tập, và không tâm phục về sự tu-tập, và không đặt niềm-tin vào sự tu-tập, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành,

nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt- thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cõi thứ tư của tâm. (5) “Thêm nữa, một Tỳ kheo bị khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, tức tối đối với họ, có sự ác ý đối với họ. Khi một Tỳ kheo bị khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, tức tối đối với họ, có sự ác ý đối với họ, thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự cằn-cõi thứ năm của tâm. “Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cằn-cỗi của tâm.”

206 (6) Những Trói Buộc 1214 “Này các Tỳ kheo, có năm sự trói-buộc của cái tâm.1215 Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), còn sự luyến ái, sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo còn như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên- trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ nhất của tâm. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với thân, còn sự luyến ái, sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó. Khi một Tỳ kheo còn như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ hai của tâm.

• 237

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham dục đối với thể- sắc, còn sự luyến ái, sự thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó. Khi một Tỳ kheo còn như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ ba của tâm. (4) “Lại nữa, sau khi ăn-uống nhiều đến mức bụng căng đầy, một Tỳ kheo sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ. Khi một Tỳ kheo như vậy [lặp lại câu trên], thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ tư của tâm. (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo sống đời sống tâm linh mà khát-vọng được [tái sinh] trong số những thiên thần nào đó, người đó nghĩ: ‘Bằng giới- hạnh này, sự tuân-giới (trì giới), sự khổ-hạnh (thanh bần), hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, nhóm] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy [lặp lại câu trên] (tâm lý, tư tưởng tu tiên), thì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên-trì, và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã hướng sự nhiệt-thành … và chuyên-cần tu như vậy, nên đây là sự trói-buộc thứ năm của tâm. “Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói-buộc của tâm.”

207 (7) Cháo Gạo “Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của cháo gạo. Năm đó là gì? Nó làm dịu cơn đói, làm hết cơn đói, ổn định khí gió (trong thân), làm sạch bàng quang, và trợ giúp tiêu hóa phần thức-ăn chưa được tiêu hóa. Đây là năm ích lợi của cháo gạo.”

208 (8) Đánh Răng “Này các Tỳ kheo, có năm nguy hại nếu không đánh răng.1216 Năm đó là gì? Điều đó làm hại mắt; hơi thở hôi hám; mao lưỡi để nếm không được trong sạch; mật và đờm trộn lẫn thức-ăn; và thức-ăn ăn không thấy ngon. “Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi của sự đánh răng. Năm đó là gì? Điều đó làm tốt cho mắt; hơi thở không hôi hám; mao lưỡi để nếm được trong sạch; mật và đờm không trộn lẫn thức-ăn; và thức-ăn ăn thấy ngon.”

209 (9) Giọng Điệu “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của việc tụng đọc Giáo Pháp với giọng kéo chữ kéo hơi như ca hát.1217 Năm đó là gì? (1) Người đó mê theo với giọng điệu của mình. (2) Những người khác mê theo giọng điệu của mình. (3) Những gia chủ thì phàn nàn: ‘Những tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật) cũng ca hát như chúng ta mà thôi.’ (4) Khi thuyết trình mà lo uốn sửa ngữ điệu sẽ làm mất sự tập trung. (5) Những người thế hệ sau (sư đệ, học trò…) sẽ bắt chước theo giọng điệu của người đó. Đây là năm sự nguy-hại của việc tụng đọc Giáo Pháp với giọng kéo chữ kéo hơi như ca hát.”

210 (10) Với Một Cái Tâm Mờ Rối “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với người đi ngủ với một cái tâm mờ-rối (thất niệm), thiếu sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác).1218 Năm đó là gì? Người đó ngủ không tốt; người đó thức dậy khổ sở; người đó có ác mộng; những thiên thần không phò hộ người đó; và người đó có thể bị mộng tinh. Đây là năm sự nguy-hại đối với người đi ngủ với một cái tâm mờ-rối, thiếu sự rõ-biết. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với người đi ngủ một cách có chánh-niệm, và với sự rõ-biết (tỉnh giác). Năm đó là gì? Người đó ngủ tốt; người đó thức dậy hạnh phúc; người đó không có ác mộng; những thiên

thần phò hộ người đó; và người đó không bị mộng tinh. Đây là năm sự nguy-hại đối với người đi ngủ một cách có chánh-niệm và với sự rõ-biết.”

NHÓM 2. NGƯỜI SỈ NHỤC

211 (1) Người Sỉ Nhục “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại. Năm đó là gì? (1) Người đó phạm một tội nặng lớn nhất [pārājika, ba-la-di] và bị cắt khỏi đường ra,1219 hoặc (2) phạm một tội ô-nhiễm,1220 hoặc (3) dính bệnh ngặt nghèo. (4) Người đó chết (với tâm) ngu-mờ. Và (5) khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sỉ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại như vậy.”

212 (2) Những Tranh Cãi “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người gây ra những sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tranh chấp, sự gây gỗ, và những vấn đề vi phạm giới- luật, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại. Năm đó là gì? (1) Người đó không thành tựu những điều chưa thành tựu; (2) người đó rớt khỏi điều đã thành tựu; (3) tin xấu về người đó lan truyền; (4) người đó chết (với tâm) ngu-mờ; và (5) khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người gây ra những sự tranh luận, sự tranh cãi, sự tranh chấp, sự gây gỗ, và những vấn đề vi phạm giới- luật, thì người đó có thể trông đợi năm sự nguy-hại như vậy.”

213 (3) Giới Hạnh (I) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với một người thất đức do sự thiếu hụt của người đó về giới-hạnh. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh sẽ mất nhiều của cải do sự lơ tâm phóng dật của mình. Đây là sự nguy-hại thứ nhất đối với người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh. (2) “Thêm nữa, tin xấu lan truyền về người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh. Đây là sự nguy-hại thứ hai … (3) “Thêm nữa, ở hội chúng đoàn thể nào người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh đến gặp—dù đó là hội chúng những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—người đó sẽ đến gặp một cách ngại-ngần và bối-rối (không dám tự-tin). Đây là sự nguy-hại thứ ba … (4) “Thêm nữa, người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh chết (với tâm) ngu-mờ. Đây là sự nguy-hại thứ tư … (5) “Thêm nữa, người thất đức do thiếu hụt về giới-hạnh khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là sự nguy- hại thứ năm … “Đây là năm sự nguy-hại đối với một người thất đức do sự thiếu hụt của người đó về giới-hạnh. (II) “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với một người đức hạnh vì sự thành tựu của người đó về giới-hạnh. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, một người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh sẽ có được nhiều của cải nhờ sự chuyên chú của mình. Đây là ích-lợi thứ nhất đối với người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh. (2) “Thêm nữa, tin tốt lưu truyền về người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh. Đây là ích-lợi thứ hai …

(3) “Thêm nữa, ở hội chúng đoàn thể nào người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh đến gặp—dù đó là hội chúng những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia-chủ, hay những tu-sĩ—người đó sẽ đến gặp một cách tự-tin và bình-tĩnh. Đây là ích-lợi thứ ba … (4) “Thêm nữa, người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh chết (với tâm) không ngu mờ. Đây là ích-lợi thứ tư … (5) “Thêm nữa, người đức hạnh vì thành tựu về giới-hạnh khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Đây là ích-lợi thứ năm … “Đây là năm ích-lợi đối với một người đức hạnh vì sự thành tựu của người đó về giới-hạnh.”

214 (4) Nói Nhiều “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với một người nói-nhiều. Năm đó là gì? Người đó nói sai sự thật; người đó nói lời gây chia- rẽ; người đó

nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói chuyện tầm-phào vô ích; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại đối với một người nói nhiều. "Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi đối với người nói lời cẩn-trọng. Năm đó là gì? Người đó không nói sai sự thật; người đó không nói lời gây chia-rẽ; người đó không nói lời-gắt gỏng nạt nộ; người đó không nói chuyện tầm-phào vô ích; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

215 (5) Sự Không Nhẫn Nhịn (1) "Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự không nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? (Người không nhẫn nhịn thì) làm mích lòng và khó ưa đối với nhiều người; có nhiều thù hận;1221 có nhiều lỗi lầm; chết (với tâm)

ngu-mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của sự không nhẫn nhịn. "Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự biết nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? (Người biết nhẫn nhịn thì) không làm mích lòng và dễ mến đối với nhiều người; không có nhiều thù hận; không có nhiều lỗi lầm; chết (với tâm) không bị ngu-mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự biết nhẫn nhịn."

216 (6) Sự Không Nhẫn Nhịn (2) "Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự không nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? (Người không nhẫn nhịn thì) làm mích lòng và khó ưa đối với nhiều người; hung dữ; bị nhiều hối-tiếc; chết (với tâm) ngu-mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của sự không nhẫn-nhịn. "Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự biết nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? (Người biết nhẫn nhịn thì) không mích lòng và dễ mến đối với nhiều người; không hung dữ; không bị hối-tiếc; chết (với tâm) không bị ngu-mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự biết nhẫn- nhịn."

217 (7) Không Khích Lệ Niềm Tin (1) "Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của cách hành-xử (hạnh) không khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành-xử không khích lệ niềm-tin làm cho) mình tự chê trách mình; người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; mình tạo tiếng xấu cho mình; chết (với tâm) ngu-mờ; khi

thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại của cách hành xử không khích lệ niềm-tin. "Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của cách hành-xử khích lệ niềm- tin. Năm đó là gì? (Cách hành-xử khích lệ niềm-tin làm cho) mình không tự chê trách mình; người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; mình tạo tiếng tốt cho mình; chết (với tâm) không bị ngu-mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm sự ích-lợi của cách hành xử

khích lệ niềm-tin.”

218 (8) Không Khích Lệ Niềm-tin (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của cách hành-xử (hạnh) không khích lệ niềm-tin. Năm đó là gì? (Cách hành-xử không khích lệ niềm-tin làm cho) người không có niềm-tin thì không đạt được niềm-tin; người đã có niềm-tin thì thay đổi tâm trí của họ; giáo lý của Vị Thầy không được thực hiện; [những người] thế hệ sau (sư đệ, học trò…) bắt chước theo gương mình; và tâm của mình không được ôn-hòa (bình lặng, dịu hiền).1222 Đây là năm sự nguy-hại của cách hành xử không khích lệ niềm-tin. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của cách hành-xử khích lệ niềm- tin. Năm đó là gì? (Cách hành-xử khích lệ niềm-tin làm cho) người không có niềm-tin thì đạt được niềm-tin; người đã có niềm-tin thì gia tăng [niềm- tin của họ]; giáo lý của Vị Thầy được thực hiện; [những người] thế hệ sau (sư đệ, học trò…) làm theo gương mình; và tâm của mình được ôn-hòa. Đây là năm ích-lợi của cách hành-xử khích lệ niềm-tin.”

219 (9) Lửa “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của lửa. Năm đó là gì? Nó không tốt (chói, nóng) cho mắt; nó làm xấu da dẻ; nó làm yếu người;

nó nhóm được nhiều người tụ tập (xung quanh lửa, vào ban đêm); và nó dẫn đến sự (người tụ tập chỗ lửa sáng) nói chuyện tầm-phào vô ích. Đây là năm sự nguy-hại của lửa.”

220 (10) Madhurā “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở Madhurā.1223 Năm đó là gì? Ở đó không bằng phẳng; ở đó dơ bẩn bụi bặm; chó ở đó hung dữ; ở đó có những oan hồn; và ở đó khó khất thực được thức-ăn. Đây là năm sự nguy-hại ở Madhurā.”

NHÓM 3. DU HÀNH DÀI NGÀY

221 (1) Du Hành Dài Ngày (1) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự du hành dài ngày và không định đích.1224 Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy thì) không nghe điều chưa nghe được (nghe Giáo Pháp); không làm rõ điều đã nghe được (nghe giảng giải về Giáo Pháp); không tự tin về một số điều mình đã nghe được; dính bệnh ngặt nghèo; và không có bạn bè đạo hữu. Đây là năm sự nguy-hại đối với người du hành dài ngày và không định đích. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự đối với người du hành từng chặng có đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy thì) nghe được điều mình chưa nghe được; làm rõ điều mình đã nghe được; tự tin về một số điều mình đã nghe được; không dính bệnh ngặt nghèo; và có bạn bè đạo hữu. Đây là năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích.”

222 (2) Du Hành Dài Ngày (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự du hành dài ngày và không định đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy thì) không thành tựu những điều mình chưa thành tựu; rớt khỏi điều mình đã thành tựu; rụt-rè (thiếu tự-tin) về một số

điều mình đã thành tựu; dính bệnh ngặt nghèo; và không có bạn bè đạo hữu. Đây là năm sự nguy-hại đối với người du hành dài ngày và không định đích. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích. Năm đó là gì? (Một người du hành như vậy thì) thành tựu những điều mình chưa thành tựu; không bị rớt khỏi điều mình đã thành tựu; tự-tin về phần mình đã thành tựu; không dính bệnh ngặt nghèo; và có bạn bè đạo hữu. Đây là năm ích-lợi của sự du hành từng chặng có đích.”

223 (3) Ở Một Chỗ Quá Lâu “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự ở một chỗ quá lâu. Năm đó là gì? (1) (Người ở quá lâu một chỗ, làng, thị trấn, tịnh xá …) có và tích lũy nhiều đồ đạc; (2) có và tích lũy nhiều thuốc men; (3) làm nhiều công việc và phận sự và trở nên giỏi giang với nhiều loại công việc; (4) tạo nên nhiều sự dính líu giữa người tại gia và người xuất gia; và (5) khi rời khỏi chỗ [tịnh xá, chỗ tu] đó thì đi với đầy sự lo lắng luyến tiếc (về những người tại gia, những công việc phận sự này nọ …). Đây là năm sự nguy-hại đối với sự ở một chỗ quá lâu. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở [ở mỗi chỗ trong một thời gian cân bằng]. Năm đó là gì? (1) (Người phân đều thời gian mỗi chỗ ở, làng, thị trấn, tịnh xá …) không có và không tích lũy nhiều đồ đạc; (2) không có và không tích lũy nhiều thuốc men; (3) không làm nhiều công việc và phận sự hay trở nên giỏi giang với nhiều loại công việc; (4) không tạo nên nhiều sự dính líu giữa người tại gia và người xuất gia; và (5) khi rời khỏi chỗ [tịnh xá, chỗ tu] đó thì đi có sự sự lo lắng luyến tiếc (về những người tại gia, những công việc, phận sự này nọ …). Đây là năm ích-lợi đối với sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở.”

224 (4) Keo Kiệt “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này của sự ở một chỗ quá lâu. Năm đó là gì? (1) (Người ở quá lâu một chỗ, làng, thị trấn, tịnh xá …) sẽ trở nên keo kiệt về những chỗ trú ở (như không muốn chia sẻ chỗ trú cho những tu sĩ khác), keo kiệt về những gia đình (như không muốn các tu sĩ khác tiếp cạn các gia đình để được cúng dường), keo kiệt với về những lợi lộc (như không muốn chia sẻ với những tu sĩ khác về những thứ mình có hay tích được), keo kiệt về lời khen (như không muốn khen ngợi hay đề cao tu sĩ khác), và keo kiệt về Giáo Pháp (như không muốn chia sẻ truyền đạt Giáo Pháp với những tu sĩ khác). Đây là năm sự nguy-hại của sự ở một chỗ quá lâu. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở [ở mỗi chỗ trong một thời gian cân bằng]. Năm đó là gì? (1) (Người phân đều thời gian mỗi chỗ ở, làng, thị trấn, tịnh xá …) không keo kiệt về những chỗ trú ở, không keo kiệt về những gia đình, không keo kiệt với về những lợi lộc, không keo kiệt về lời khen, và không keo kiệt về Giáo Pháp. Đây là năm ích-lợi của sự phân đều thời gian mỗi chỗ ở.”

225 (5) Người Ghé Đến Những Gia Đình (1) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này đối với người ghé đến những gia đình. Năm đó là gì? (1) Người đó phạm tội (giới-luật) đi đến [những gia đình] mà không xin phép [hay báo với một Tỳ kheo khác]. (2) Phạm tội ngồi gặp riêng [với một phụ nữ]. (3) Phạm tội ngồi ở chỗ che khuất [với một phụ nữ]. (4) Phạm tội chỉ dạy Giáo Pháp riêng cho một phụ nữ quá năm hay sáu câu. (5) (Tâm) dính nhiễm những ý nghĩ nhục- dục. Đây là năm sự nguy-hại đối với người ghé

đến những gia đình.”1225

226 (6) Người Ghé Đến Những Gia Đình (2)

• 247

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này khi một Tỳ kheo ghé đến những gia đình rồi dính líu thân mật với họ. Năm đó là gì? (1) Thường ghé để gặp phụ nữ. (2) Do thường ghé gặp họ, người đó dính líu thân tình với họ. (3) Do dính líu thân tình với họ, nên họ trở nên thân mật với mình. (4) Do họ trở nên thân mật, nhục-dục tìm chỗ khơi mào. (5) Do tâm bị dính trong nhục-dục, nên có thể thấy trước rằng người đó sẽ sống đời sống tâm linh không hoàn mãn, sẽ phạm vào tội ô-nhiễm1226 hoặc bỏ tu để quay lại đời sống thấp tục. Đây là năm sự nguy-hại khi một Tỳ kheo ghé đến những gia đình rồi dính líu thân mật với họ.”

227 (7) Sự Giàu Có “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong sự giàu có. Năm đó là gì? Bị hỏa hoạn, bị lũ lụt, bị vua chúa (tịch thu), bị trộm cướp, và bị những kẻ thừa kế bất nghĩa. Đây là năm sự nguy-hại trong sự giàu có. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi này của sự giàu có. Năm đó là gì? Một người nhờ sự giàu có, (1) làm cho mình hạnh phúc và vui lòng, và duy trì bản thân trong sự hạnh phúc; (2) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (3) làm cho vợ con, nô bộc, người làm, và người ở hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (4) làm cho bạn bè và đồng nghiệp hạnh phúc và vui lòng, và duy trì họ trong sự hạnh phúc; (5) thiết lập sự cúng dường hướng thượng cho những tu sĩ và bà-la-môn (đích thực), đó là sự cúng dường thuộc cõi trời, kết thành quả hạnh phúc, và đưa đến (tái sinh) cõi trời. Đây là năm ích-lợi của sự giàu có.”

228 (8) Một Bữa Ăn “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm bị trễ trong ngày.1227 Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm không được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận đồ cúng

không đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và kiêng cữ ăn ban đêm, kiêng cữ ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ ngọ), thì sẽ không được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ nhăn nhó khi làm những việc của mình (vì bị đói, mệt …). (5) Ăn bữa ăn không đúng giờ giấc thì không (hấp thu) nhiều dinh dưỡng. Đây là năm sự nguy-hại đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn trễ trong ngày. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa cơm đúng giờ trong ngày.1228 Năm đó là gì? (1) Khách đến thăm được phục vụ đúng giờ. (2) Những thiên thần (phù hộ) nhận được đồ cúng đúng giờ. (3) Những tu sĩ và bà-la-môn, chỉ ăn một lần trong ngày và kiêng cữ ăn ban đêm, kiêng cữ ăn phi thời (ngoài giờ quy định: sau giờ ngọ), sẽ được phục vụ đúng giờ. (4) Những nô bộc, người làm, người ở sẽ không nhăn nhó khi làm những việc của mình. (5) Ăn bữa ăn đúng giờ đúng giấc thì (hấp thu) nhiều dinh dưỡng. Đây là năm ích-lợi đối với một gia đình chuẩn bị bữa ăn đúng giờ trong ngày.”

229 (9) Rắn (1) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở một con rắn đen. Năm đó là gì? Nó không sạch, có mùi hôi tanh, đáng sợ, nguy hiểm, và nó phản bội rắn bạn. Đây là năm sự nguy-hại ở một con rắn đen. Cũng giống như vậy, có năm sự nguy-hại ở phụ nữ. Năm đó là gì? Họ không sạch, có mùi hôi, đáng sợ, nguy hiểm, và họ phản bội bạn bè. Đây là năm sự nguy-hại ở phụ nữ.”1229

230 (10) Rắn (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này ở một con rắn đen. Năm đó là gì? Nó dữ dằn, thù hận, có nọc độc, có hai lưỡi, và nó phản bội rắn bạn. Đây là năm sự nguy-hại ở một con rắn đen. Cũng giống như vậy, có

năm sự nguy-hại ở phụ nữ. Năm đó là gì? Họ dữ dằn, thù hận, lưỡi nói hai lời, và họ phản bội bạn bè. “Này các Tỳ kheo, đây là cách phụ nữ có nọc độc: vì phần lớn họ có nhục-dục mạnh. Đây là cách phụ nữ có hai lưỡi hai lời: vì phần lớn họ đều nói những lời gây chia rẽ. Đây là cách phụ nữ phản bội bạn bè: vì phần lớn họ đều ngoại tình. Đây là năm sự nguy-hại ở phụ nữ.”1230

NHÓM 4. NGƯỜI LƯU TRÚ

231 (1) Không Được Kính Trọng “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) là không được kính trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó không hoàn thành về những tư cách và bổn phận; (2) người đó không học nhiều, hoặc thiện thạo về sự học hiểu; (3) người đó không chịu sự mờ nhạt và không thích sống ẩn dật; (4) người đó không thuyết pháp giỏi và không truyền đạt giỏi; (5) người đó vô trí, ngu si, và đần độn. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú không được kính trọng. “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú là được kính trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó hoàn thành về những tư cách và bổn phận; (2) người đó học nhiều, và thiện thạo về sự học hiểu; (3) người đó thích bản thân mình mờ nhạt và thích sự ẩn dật; (4) người đó thuyết pháp giỏi và truyền đạt giỏi; (5) người đó có trí, thông minh, và tinh nhạy. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được kính trọng.

232 (2) Làm Vui Lòng “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) là làm vui lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo và

được họ tôn trọng. Năm đó là gì? (1) Người đó là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức- hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết— những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Người đó

thuyết pháp giỏi và truyền đạt giỏi; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, trôi chảy, diễn đạt được ý nghĩa. (4) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (5) Với đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú làm vui lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo và được họ tôn trọng."

233 (3) Làm Đẹp "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) làm đẹp mặt cho chùa (tu viện, tự viện, tịnh xá, tăng đoàn nơi vị ấy đang ở tu). Năm đó là gì? (1) … (2) … (3) … [giống kinh 5:214 kế trên] … (4) Người đó có khả năng chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những người đến gặp mình bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. (5) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này.

• 251

Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú làm đẹp mặt cho chùa."

234 (4) Rất Hữu Ích "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cưu tăng) là rất hữu ích cho chùa (tu viện, tự viện, tịnh xá, tăng đoàn nơi vị ấy đang ở tu). Năm đó là gì? (1) … (2) … (3) … [giống kinh 5:214 kế trên] … (4) Khi một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ khác nhau vừa mới đến, người đó đến gặp những người tại gia và thông báo cho họ: 'Này các đạo hữu, có một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ khác nhau vừa mới đến. Hãy làm công-đức. Đây là dịp để tạo công-đức.' (5) Người đó nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (jhāna) (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú là rất hữu ích cho chùa."

235 (5) Bi Mẫn "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia. Năm đó là gì? (1) Người đó khuyến khích họ về (tu dưỡng) giới-hạnh. (2) Người đó ổn định họ trong cách-nhìn của Giáo Pháp.1231 (3) Khi họ bị bệnh, người đó đến gặp họ và phát khởi sự chánh-niệm trong họ, nói rằng: 'Các vị đáng kính nên thiết lập sự chánh-niệm vào thứ gì xứng đáng (như vào Tam Bảo).'1232 (4) Khi một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ khác nhau vừa mới đến, người đó đến gặp những người tại gia và thông báo cho họ: 'Này các đạo hữu, có một Tăng đoàn lớn gồm nhiều Tỳ kheo từ nhiều xứ khác nhau vừa mới đến. Hãy làm công-đức. Đây là dịp để tạo công-đức.' (5) Người đó ăn mọi thức-ăn họ cúng dường, dù là dở hay ngon; người đó không bỏ phí những thứ họ đã cúng dường vì niềm-tin. Có được năm

252 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia.”

236 (6) Người Đáng Chê Trách (1) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ tin một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ nghi ngờ một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người đáng chê trách. (3) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng nghi ngờ. (4) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó tin một vấn đề đáng tin tưởng. (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.” (Kinh này giống kinh 5:116, chỉ khác là Tỳ kheo ni thay vì Tỳ kheo đang lưu trú)

237 (7) Người Đáng Chê Trách (2) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng

chê trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó keo kiệt và tham lam về những chỗ-ở. (4) Người đó keo kiệt và tham lam về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người đáng chê trách. (3) Người đó không keo kiệt hay tham lam về những chỗ- ở. (4) Người đó không keo kiệt hay tham lam về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.” (Kinh này giống kinh 5:115, chỉ khác là Tỳ kheo ni thay vì Tỳ kheo đang lưu trú)

238 (8) Người Đáng Chê Trách (3) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ khen người đáng chê

trách. (2) Không điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó cứ chê người đáng khen ngợi. (3) Người đó keo kiệt về những chỗ-ở. (4) Người đó keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó keo kiệt về những lợi-lộc. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó khen người đáng khen ngợi. (2) Sau khi điều tra và xem xét kỹ lưỡng, người đó trách người

đáng chê trách. (3) Người đó không keo kiệt về những chỗ-ở. (4) Người đó không keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (5) Người đó không keo kiệt về những lợi-lộc. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

239 (9) Keo Kiệt (1) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú (cư tăng) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) Người đó keo kiệt về những chỗ-ở. (2) Người đó keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (3) Người đó keo kiệt về những lợi- lộc. (4) Người đó keo kiệt về lời-khen (không khen những Tỳ kheo khác đáng khen ngợi). (5) Người đó phung phí những thứ được (những thí chủ) cúng dường vì niềm-tin (đối với Tam Bảo). Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? (1) Người đó không keo kiệt về những chỗ-ở. (2) Người không đó keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni). (3) Người đó không keo kiệt về những lợi-lộc. (4) Người đó không keo kiệt về lời-khen (khen ngợi những Tỳ kheo khác đáng khen ngợi). (5) Người đó không phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

240 (10) Keo Kiệt (2) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? (1) …

(2) … (3) … (4) … (như kinh kế trên) … (5) Người đó keo kiệt về Giáo Pháp. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất [khác], một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Năm đó là gì? (1) … (2) … (3) … (4) … (như kinh kế trên) … (5) Người đó không keo kiệt về Giáo Pháp. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo đang lưu trú được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 5. HÀNH VI SAI TRÁI

241 (1) Hành Vi Sai Trái (1) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? (Hành-vi sai trái làm cho) (1) mình phải tự chê ghét mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; (3) mình tạo tiếng xấu cho mình; (4) chết (với tâm) ngu-mờ; (5) khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi của hành-vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? (Hành-vi tốt lành làm cho) (1) mình không phải chê ghét mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; (3) mình tạo tiếng tốt cho mình; (4) chết (với tâm) không bị ngu-mờ; (5) khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây là năm sự ích-lợi của hành vi tốt lành.”

242 (2) Hành Vi Thân Sai Trái (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi thân (hành- động, thân hành) sai trái. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi thân sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi thân tốt lành. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi thân tốt lành.”

243 (3) Hành Vi Miệng Sai Trái (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi miệng (lời- nói, khẩu hành) sai trái. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi thân sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi miệng tốt lành. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi miệng tốt lành.”

244 (4) Hành Vi Tâm Sai Trái (3) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi tâm (lời- nói, khẩu hành) sai trái. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi tâm sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi tâm tốt lành. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:241 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi tâm tốt lành.”

245 (5) Hành Vi Sai Trái (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? (Hành-vi sai trái làm cho) (1) mình phải tự chê ghét mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, quở trách mình; (3) mình tạo tiếng xấu cho mình; (4) mình rời xa Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). (5) mình bị

thiết lập trong Giáo Pháp xấu ác (tà Pháp). Đây là năm sự nguy hại của hành vi sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? (Hành-vi tốt lành làm cho) (1) mình không phải tự chê ghét mình; (2) người có trí, sau khi điều tra, khen ngợi mình; (3) mình tạo tiếng tốt cho mình; (4) mình rời xa Giáo Pháp xấu ác (tà Pháp). (5) mình được thiết lập trong Giáo Pháp tốt lành (thiện Pháp). Đây là năm ích-lợi của hành vi tốt lành.”

246 (6) Hành Vi Sai Trái (3) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi sai trái (ác hành). Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] … Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi tốt lành (thiện hành). Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi tốt lành.”

247 (7) Hành Vi Miệng Sai Trái (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi miệng (lời- nói, khẩu hành) sai trái. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] … Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi thân sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi miệng tốt lành. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi miệng tốt lành.”

248 (8) Hành Vi Tâm Sai Trái (2) “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong hành-vi tâm (lời- nói, khẩu hành) sai trái. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] …

Đây là năm sự nguy-hại trong hành-vi tâm sai trái. “Này các Tỳ kheo, có năm ích-lợi trong hành-vi tâm tốt lành. Năm đó là gì? … [giống như kinh 5:245 ở trên] … Đây là năm ích-lợi trong hành-vi tâm tốt lành.”

249 (9) Một Nghĩa Địa “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong một nghĩa địa. Năm đó là gì? Nó không sạch, có mùi hôi thối, nguy hiểm, là một chốn [cõi] của những hồn ma hoang dại, là [một nơi có] nhiều người than khóc (vì người chết). Đây là năm sự nguy-hại trong một nghĩa địa. Cũng giống như vậy, có năm sự nguy-hại trong một người giống như trong một nghĩa địa. Năm đó là gì? (1) “Ở đây, có người dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch (ba nghiệp bất tịnh). Ta nói, đây là cách người đó là không sạch. Giống như một nghĩa địa là không sạch, ta nói, người này cũng giống như vậy. (2) “Do người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, người đó tạo danh tiếng xấu. Ta nói, đây là cách người đó có mùi hôi thối. Giống như nghĩa địa là có mùi hôi thối, ta nói, người này cũng giống như vậy. (3) “Do người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo thiện hành (hành xử thiện) tránh xa người đó. Ta nói, đây là cách người đó [được coi] là nguy hiểm. Giống như một nghĩa địa [được coi] là nguy hiểm, ta nói người này cũng giống như vậy. (4) “Khi dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, người đó sống với những người giống như mình. Ta nói, đây là cách người đó là một chốn (cõi) của [những người] hoang dại. Giống như một nghĩa địa là một chốn của những hồn ma hoang dại, ta nói, người này

cũng giống như vậy. (5) “Sau khi nhìn thấy người đó dính vào những hành-vi thân, lời-nói, và tâm-ý không sạch như vậy, những Tỳ kheo đồng đạo thiện hành than phiền về người đó, họ nói: ‘Ôi, đúng là khổ sở chúng tôi phải sống chung với những người như vậy!’ Ta nói, đây là cách có sự than khóc vì người đó. Giống như một nghĩa địa là [một nơi có] nhiều người than khóc, ta nói người đó cũng giống như vậy. “Này các Tỳ

kheo, đây là năm sự nguy-hại trong một người giống như một nghĩa địa.”

250 (10) Niềm Tin Vào Một Người “Này các Tỳ kheo, có năm sự nguy-hại này trong sự đặt niềm-tin của mình vào một người. Năm đó là gì? (1) “Người đặt hết niềm-tin vào một người (thầy tu, Tỳ kheo) mà thầy đó có thể phạm vào một tội bị Tăng Đoàn đình chỉ tư cách. Rồi người [đặt niềm tin vào thầy đó] nghĩ: ‘Thầy ấy hiền hòa và đáng mến đối với tôi như vậy mà hóa ra lại bị Tăng Đoàn đình chỉ tư cách’. Rồi người đó mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do người đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy-hại thứ nhất trong việc đặt niềm-tin vào thầy tu. (2) “Lại nữa, người đặt hết niềm-tin vào một người mà thầy đó có thể phạm vào một tội bị Tăng Đoàn phạt phải ngồi ở cuối hàng.1233 Rồi người đó mới nghĩ: ‘Thầy ấy hiền hòa và đáng mến đối với tôi như vậy mà hóa ra lại bị Tăng Đoàn phạt phải ngồi ở cuối hàng’. Rồi người đó mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do

người đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy-hại thứ hai trong việc đặt niềm-tin vào thầy tu. (3) “Lại nữa, người đặt hết niềm-tin vào một người mà thầy đó có thể bỏ đi phương khác … (4) … có thể bỏ tu hoàn tục … (5) … có thể qua đời. Rồi người đó mới nghĩ: ‘Thầy ấy hiền hòa và đáng mến đối với tôi như vậy mà hóa ra lại bỏ đi phương khác … bỏ tu hoàn tục … qua đời’.1234 Rồi người đó mất lòng tin vào những Tỳ kheo. Do người đó mất lòng tin vào họ nên cũng không giao lưu với những Tỳ kheo khác. Do người đó không còn giao lưu với những Tỳ kheo khác nên họ không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành. Do người đó không còn nghe được Giáo Pháp tốt lành nên người đó rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành. Đây là sự nguy- hại thứ hai trong việc đặt niềm-tin vào thầy tu. Đây là sự nguy-hại thứ ba … thứ tư … thứ năm trong việc đặt niềm-tin vào một người. “Này các Tỳ kheo, đây là năm sự nguy-hại trong sự đặt niềm-tin của mình vào một người.”

[Năm Mươi Kinh Thứ Sáu]

NHÓM 1. ĐẠI THỌ GIỚI 1235

251 (1) Người Có Thể Cấp Đại Thọ Giới “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm-chất này, một Tỳ kheo có thể cấp (trao, ban) đại thọ giới (cụ túc giới, ban cho một người mới thụ lãnh toàn-bộ giới Tỳ kheo, để trở thành một Tỳ kheo).1236 Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đống [uẩn, mớ] giới-hạnh của bậc vô-học nhân; người đó có được đống thiền-định của bậc vô-học nhân; người đó có được đống trí-tuệ của bậc vô-học nhân; người đó có được đống sự giải-thoát của bậc vô-học nhân; và người đó có được đống trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm-chất

này, một Tỳ kheo có thể cấp đại thọ giới.”

252 (2) Sự Nương Dựa “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm-chất này, một Tỳ kheo có thể cấp (trao, ban) sự nương-dựa (sở y chỉ; ban cho Tỳ kheo mới để người đó tu tập dựa theo sự hướng dẫn của mình; trở thành y chỉ sư cho Tỳ kheo đó).1237 Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được đống [uẩn, mớ] giới- hạnh … đống thiền-định … đống trí-tuệ … đống sự giải-thoát … và đống trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm-chất này, một Tỳ kheo có thể ban cấp sự nương-dựa.”

253 (3) Sa-Di “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm-chất này, một Tỳ kheo có thể được có sa-di hầu cận (thị giả). Năm đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có

được đống [uẩn, mớ] giới-hạnh … đống thiền-định … đống trí-tuệ … đống sự giải-thoát … và đống trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Có được năm phẩm-chất này, một Tỳ kheo có thể được có sa-di hầu cận.”

254 (4) Sự Keo Kiệt “Này các Tỳ kheo, có năm loại sự keo kiệt. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi-lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời-khen (không muốn khen Tỳ kheo khác, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Đây là năm loại sự keo kiệt. Trong năm loại đó, loại hèn mạt nhất1238 là sự keo kiệt về Giáo Pháp.”

255 (5) Dẹp Bỏ Tính Keo Kiệt “Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh (đời sống tu hành, phạm hạnh) được sống là để dẹp bỏ và tẩy sạch năm loại tính keo kiệt. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi-lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời-khen (không muốn khen Tỳ kheo khác, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và tẩy sạch năm loại tính keo kiệt này.”

256 (6) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (1) “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào (không có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi-lộc (nhận

được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời-khen (không muốn khen Tỳ kheo khác, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. “Này các Tỳ kheo, sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể (có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình, sự keo kiệt về những lợi-lộc, sự keo kiệt về lời-khen, và sự keo kiệt về Giáo Pháp. Sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể chứng nhập và an trú trong tầng

thiền định thứ nhất.”

257 (7)263 (13) Tầng Thiền Định Thứ Hai … 1239 “Này các Tỳ kheo, nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào (không có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … tầng thiền định thứ ba … tầng thiền định thứ tư ... không thể nào chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu … thánh quả Nhất-lai … thánh quả Bất-lai … thánh quả A-la-hán. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình (cúng dường cho tăng ni), sự keo kiệt về những lợi-lộc (nhận được từ những thí chủ), sự keo kiệt về lời-khen (không muốn khen Tỳ kheo khác, không muốn ai khen người khác ngoài mình), và sự keo kiệt về Giáo Pháp (không chỉ dạy bố thí Giáo Pháp cho người khác). Nếu không dẹp bỏ năm điều này, người tu không thể nào chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … chứng ngộ thánh quả A-la-hán. “Này các Tỳ kheo, sau khi dẹp bỏ năm điều này, người tu có thể (có khả năng) chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Năm đó là gì? Sự keo kiệt về những chỗ-ở, sự keo kiệt về những gia-đình, sự keo kiệt về những lợi-lộc, sự keo kiệt về lời-khen, và sự keo kiệt về Giáo Pháp. Sau khi dẹp bỏ năm điều này,

người tu có thể chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … chứng ngộ thánh quả A-la-hán.”

264 (14) Tầng Thiền Định Thứ Nhất (2) [Giống kinh 256 kế trên, chỉ khác điều thứ (5) ‘sự keo kiệt về Giáo Pháp’ được thay bằng ‘sự không nhớ ơn hay biết ơn’.]

265 (15)271 (21) Tầng Thiền Định Thứ Hai … (2) [Giống dãy kinh 257 (7)263 (13) kế trên, chỉ khác điều thứ (5) ‘sự keo kiệt về Giáo Pháp’ được thay bằng ‘sự không nhớ ơn hay biết ơn’.]

• 265

[Các Kinh Thêm Vào Phần Thứ Sáu Này] 1240

NHÓM 1. NHÓM ‘NHỮNG KINH TƯƠNG ĐỒNG’ TÓM LƯỢC & LẶP LẠI

272 (1) Người Phân Những Phần Ăn (1) “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân những phần-ăn (những phần ăn trưa cho các Tỳ kheo).1241 Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham; người đó dính vô đường sai do sân; người đó dính vô đường sai do si; người đó dính vô đường sai do sự sợ-hãi; và người đó không biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Người có năm phẩm chất này không nên được cử làm một người phân những phần ăn. - “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân những phần ăn. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham; người đó không dính vô đường sai do sân; người đó không dính vô đường sai do si; người đó không dính vô đường sai do sự sợ-hãi; và người đó biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Người có được năm phẩm chất này có thể được cử làm một người phân những phần ăn.” (2) “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những phần ăn, thì người đó

không nên được gửi đến (được triệu tập).1242 Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những phần ăn, thì người đó không nên được gửi đến. - “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩ- chất (này mà) được cử làm một người phân những phần ăn, thì người đó nên được gửi đến (được

triệu tập). Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phân những phần ăn, thì người đó nên được gửi đến.” (3) “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người ngu. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì nên được coi là người ngu. - “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người trí. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì nên được coi là người trí.” (4) “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. - “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương.” (5) “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và

người đó không biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. - “Này các Tỳ kheo, một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [phần ăn] nào đã được phân và [phần ăn] nào chưa được phân. Một người phân những phần ăn mà có năm phẩm chất này, thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó.”

273 (2)284 (13) Người Phân Những Chỗ Ở … [273] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân những chỗ-ở (senāsana-paññāpaka: người phân cấp chỗ ở cho các Tỳ kheo).1243 Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) . . . và người đó không biết [chỗ ở] nào đã được phân và [chỗ-ở] nào chưa được phân. - “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân những chỗ-ở. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [chỗ ở] nào đã được phân và [chỗ ở] nào chưa được phân.”

[274] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người chỉ định những chỗ-ở (senāsana-gāhāpaka: người giao chỗ ở cho các Tỳ kheo).1244 Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) . . . và người đó không biết [chỗ ở] nào đã được chỉ định và [chỗ-ở] nào chưa được chỉ định. - “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người chỉ định những chỗ-ở. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [chỗ ở] nào đã được chỉ định và [chỗ ở] nào chưa được chỉ định.”

[275] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người thủ kho … người đó không biết [những thứ] nào đang được bảo giữ và [những thứ] nào đang không được bảo giữ. - “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người thủ kho … người đó biết [những thứ] nào đang được bảo giữ và [những thứ] nào đang không được bảo giữ.”

[276] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người nhận vải vóc phụ liệu để may cà sa … người đó không biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được nhận (đã có đủ) và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được nhận (chưa có đủ). - “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người nhận vải vóc phụ liệu để may cà sa … người đó biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được nhận và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được nhận.”

[277] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân phát vải vóc phụ liệu để may cà sa … người đó không biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được phân phát (đã phát đủ) và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được phân phát (chưa phát đủ). - “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát vải vóc phụ liệu để may cà sa … người đó biết [vải vóc, phụ liệu] nào đã được phân phát và [vải vóc, phụ liệu] nào chưa được phân phát.”

[278] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân phát cháo gạo … người đó không biết [cháo gạo] nào đã được phân phát và [cháo gạo] nào chưa được phân phát. - “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát cháo gạo … người đó biết [cháo gạo] nào đã được phân phát và [cháo gạo] nào chưa được phân phát.”

[279] “Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử

làm một người phân phát trái cây ... người đó không biết [trái cây] nào đã được phân phát và [trái cây] nào chưa được phân phát. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát trái cây ... người đó biết [trái cây] nào đã được phân phát và [trái cây] nào chưa được phân phát."

[280] "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân phát bánh kẹo ... người đó không biết [bánh kẹo] nào đã được phân phát và [bánh kẹo] nào chưa được phân phát. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân phát bánh kẹo ... người đó biết [bánh kẹo] nào đã được phân phát và [bánh kẹo] nào chưa được phân phát."

[281] "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân chia những vật dụng nhỏ ... người đó không biết [những vật dụng] nào đã được phân chia và [những vật dụng] nào chưa được phân chia. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân chia những vật dụng nhỏ ... người đó biết [những vật dụng] nào đã được phân chia và [vật dụng] nào chưa được phân chia."

[282] "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân (cấp) áo mưa ... người đó không biết [những áo mưa] nào đã được phân và [những áo mưa] nào chưa được phân. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người phân áo mưa ... người đó biết [những áo mưa] nào đã được phân và [những áo mưa] nào chưa được phân."

[283] "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người phân (cấp) bình bát ... người đó không biết [bình bát] nào đã được phân và [bình bát] nào chưa được phân. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một

người phân bình bát ... người đó biết [bình bát] nào đã được phân và [bình bát] nào chưa được phân."

[284] "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người giám sát (coi ngó) những người làm (giúp việc, công quả ...) trong tịnh xá (chùa, tu viện) ... người đó không biết [những người làm] nào đã được giám sát và [những người làm] nào chưa được giám sát. - "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất có thể được cử làm một người giám sát những người làm trong tịnh xá ... người đó biết [những người làm] nào đã được giám sát và [những người làm] nào chưa được giám sát."

285 (14) Người Giám Sát Những Sa-Di (1) "Này các Tỳ kheo, người có năm phẩm chất không nên được cử làm một người giám sát (coi ngó) những sa-di. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham; người đó dính vô đường sai do sân; người đó dính vô đường sai do si; người đó dính vô đường sai do sự sợ-hãi; và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Người có

năm phẩm chất này không nên được cử làm một người giám sát những sa-di. - “Này các Tỳ kheo, người có được năm phẩm chất có thể được cử làm một người giám sát những sa-di. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham; người đó không dính vô đường sai do sân; người đó không dính vô đường sai do si; người đó không dính vô đường sai do sự sợ-hãi; và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Người có được năm phẩm chất này có thể được cử làm một người giám sát những sa-di.” (2) “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người giám sát những sa-di, thì người đó không nên được gửi đến (được triệu tập). Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham …

• 271

(như trên) … và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phần những những sa-di, thì người đó không nên được gửi đến. - “Này các Tỳ kheo, nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người giám sát những sa-di, thì người đó nên được gửi đến (được triệu tập). Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Nếu người có năm phẩm chất (này mà) được cử làm một người phần những những sa-di, thì người đó nên được gửi đến.” (3) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người ngu. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì nên được coi là người ngu. - “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì nên được coi là người trí. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì nên được coi là người trí.” (4) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì duy trì bản thân mình trong tình trạng bị tổn hại và tổn thương.

- “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì duy trì bản thân mình trong tình trạng không bị tổn hại hay tổn thương.” (5) “Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó không biết [những

sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. - "Này các Tỳ kheo, một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó không dính vô đường sai do tham … (như trên) … và người đó biết [những sa-di] nào đã được giám sát và [những sa-di] nào chưa được giám sát. Một người giám sát những sa-di mà có năm phẩm chất này thì được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

NHÓM 2. NHÓM 'NHỮNG GIỚI-LUẬT TU HÀNH' TÓM LƯỢC & LẶP LẠI

286 (1) Một Tỳ Kheo "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, không giữ sự (hạnh) sống độc-thân,1245 nói-dối nói láo, và uống

• 273

rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. - "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó là người kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ (mọi sự) dâm-dục (dù tà dâm hay chính dâm),1246 kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

287 (2)290 (5) Một Tỳ Kheo Ni … "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni … một nữ tu tập sự … một sa-di nam … một sa-si nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? … (như đoạn đầu kinh kế trên) … Có năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni … một nữ tu tập sự … một sa-di nam … một sa-di nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. - "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một Tỳ kheo ni … một nữ tu tập sự nữ … một sa-di nam … một sa-si nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? … (như đoạn sau kinh kế trên) … Có được năm phẩm chất này, một Tỳ kheo ni … một nữ tu tập sự nữ … một sa-di nam … một sa-si nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

291 (6)292 (7) Một Đệ Tử Tại Gia Nam và Nữ … "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một đệ tử tại gia nam … một đệ tử tại gia nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục,1247 nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn

274 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia nam … một đệ tử tại gia nữ bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. - "Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, một đệ tử tại gia nam … một đệ tử tại gia nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó. Năm đó là gì? Người đó kiêng cữ

sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, kiêng cữ tà-dâm tà dục, kiêng cữ nói-dối nói láo, kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có được năm phẩm chất này, một đệ tử tại gia nam … một đệ tử tại gia nữ được ký thác trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó."

293 (8) Một Ājīvaka "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Ājīvaka (tu sĩ ngoại đạo lõa thể) bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó.1248 Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, không tuân giữ sự (hạnh) sống độc- thân, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một Ājīvaka bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó."

294 (9)302 (17) Một Ni-Kiền-Tử … "Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, một Nigaṇṭha (Ni-kiền-tử) … một đệ tử cạo đầu (của họ) … một đệ tử búi tóc … một du sĩ … một māgandika… một tedaṇḍika… một āruddhaka… một gotamaka… một devadhammika1249 bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Năm đó là gì? Người đó sát-sinh, gian-cắp, không tuân giữ sự (hạnh) sống độc-thân, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Có năm phẩm chất này, một Nigaṇṭha … một devadhammika bị ký thác trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó."

• 275

NHÓM 3. NHÓM "THAM" LẶP LẠI & TÓM LƯỢC

303 (1) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Năm đó là gì? (A) Nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), nhận-thức về cái chết, nhận-thức về sự nguy-hại, nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức-ăn, nhận-thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian. Để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều này cần được tu tập."

304 (2) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều cần được tu tập. Năm đó là gì? (B) Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự vô- ngã, nhận-thức về cái chết, nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức-ăn, nhận- thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn thế gian. Để có sự trực- tiếp biết về tham, năm điều này cần được tu tập."

305 (3) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều cần được tu tập. Năm đó là gì? (C) Nhận-thức về sự vô-thường, nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, nhận-thức về sự dẹp-bỏ, và nhận-thức về sự chán-bỏ. Để có sự trực- tiếp biết về tham, năm điều này cần được tu tập."

306 (4) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều (pháp tu)

cần được tu tập. Năm đó là gì? (D) Căn niềm-tin, căn nỗ-lực (tinh tấn), căn chánh-niệm, căn định-tâm, và căn trí-tuệ. Để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều này cần được tu tập."

307 (5) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Năm đó là gì? (E) Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Để có sự trực-tiếp biết về tham, năm điều này cần được tu tập."

308 (6)316 (14) "Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Nhận-thức về sự không hấp-dẫn ... [tiếp tục bằng năm bộ "năm-điều" từ (A)(E) tương tự như các kinh 303307 kế trên] ... Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Để có sự hoàn-toàn hiểu ... sự từ-bỏ tham, năm điều này cần được tu tập."

317 (15)1152 (850) 1250 "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự hỗn-xược ... sự ganh-tỵ ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự say-sưa ... sự lơ-tâm phóng dật, năm điều (pháp tu) cần được tu tập. Nhận-thức về sự không hấp-dẫn ... [Tiếp tục bằng năm bộ "năm-điều" (A)(E) trong các kinh 303307 ở trên]

• 277

... Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực (tinh tấn), năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Để có sự hoàn-toàn hiểu ... sự từ- bỏ tham, năm điều này cần được tu tập." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 5

278 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH: AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử) Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS) Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy) Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề. SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản

Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavi- tarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

* AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

* DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) * KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) * MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) * SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng

Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện) Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame)
CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)
EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman)
EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman)
GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman)
Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger)
KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward)
LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi

học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ) Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn- Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số

trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

974 [Nguyên văn: pañca sekha-balāni (năm năng-lực của bậc học-nhân). Dù

nghe có vẻ giống nhưng quý vị đừng nhầm lẫn với năm năng-lực (pañca balāni, ngũ lực) nằm trong 37 phần-tu trợ giúp giác-ngộ (37 phần trợ đạo) như đã được nói trong các kinh 5:13–16 của Quyển "Năm" này (và trong nhiều kinh ở chỗ khác). Mp chú giải: "Những năng-lực của bậc học-nhân là: những năng lực của 07 hạng học-nhân" (tức, từ thánh đạo Nhập-lưu đến thánh đạo A-la-hán). Năng lực niềm-tin (tín lực) được gọi như vậy vì nó không còn dao động khi đối diện với sự không-tin (vô tín); năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức (về lương tâm) không dao động khi đối diện với sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức; năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức không dao động khi đối diện với sự bất-chấp về mặt đạo đức; năng lực nỗ-lực không dao động khi đối diện với sự lười-biếng; và năng lực trí-tuệ không dao động khi đối diện với sự vô-minh.] (974)

975 [Câu cuối này chỉ có trong phiên bản Be.] (975)

976 [Để phân biệt giữa sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức (hiri) và sự biết sợ-hãi

về mặt đạo đức (ottappa), mời coi thêm lại các kinh 2:08–09 và chú thích ở kinh 2:08.] (976)

977 [Mp giải thích cụm chữ trí-tuệ nhận thấy được sự sinh-diệt (udayat- thagāminī paññā) là "loại trí-tuệ có thể thâm nhập nhìn thấy sự khởi sinh và biến diệt của năm-uẩn" (pañcannaṃ khandhānaṃ udayavayagāminiyā udayañca vayañca paṭivijjhituṃ samatthāya). Đó là trí-tuệ của thánh đạo cùng với trí-tuệ của sự minh sát (vipassanāpaññāya c'eva maggapaññāya)."] (977)

978 [Mp diễn dịch rằng: "Câu cuối là hàm chỉ một người đã thiết lập trong

thánh quả Nhập-lưu."] (978)

979 [Nguyên văn câu này: Pubbāhaṃ bhikkhave ananussutesu dhammesu ab-

hiññāvosānapāramippatto paṭijānāmi. Mp diễn dịch câu này của Phật nghĩa là như vầy: "'Bởi vì, bằng phương tiện là 04 thánh đạo, ta đã hoàn tất 16

trách-vụ đối với Bốn Diệu Đế, cho nên ta tuyên bố mình đã đạt tới kết-cuộc và sự hoàn-thiện, sau khi đã trực-tiếp biết nó (Bốn Diệu Đế); [nghĩa là] ta đã đạt tới sự tối thượng trong sự hoàn-thành trách-vụ của ta bằng cách làm xong tất cả những trách-vụ đó.' Phật đã cho thấy những phẩm-hạnh mà chính Phật đã đạt tới ngưỡng cửa của sự giác-ngộ vĩ đại (đại giác)."] (979)

980 [Coi thêm các kinh có những đoạn như vầy, như kinh 4:08 trong đó có ghi

song hành 04 cơ-sở của sự tự-tin của Như Lai; kinh 6:64 thì nói về 06 năng- lực của Như Lai, và các kinh 10:21, 10:22 nói về 10 năng-lực của Như Lai.] (980)

981 [Coi lại chú thích đầu của kinh 5:01 ở đầu quyển về sự khác nhau của năm

năng-lực của bậc học-nhân và năm năng-lực (ngũ lực) thuộc 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ (37 phần bồ-đề). Giờ trong kinh này: đây là năm năng-lực (pañca balāni) thuộc 37 phần tu trợ giúp giác-ngộ (bodhipakkhiyā dhammā).

- Nếu nói về tên mỗi yếu-tố, thì năm năng-lực (pañca balāni, ngũ lực) có tên giống với năm

Chú Thích • 287

288 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

chỉ loại trí-biết (nhờ) quán chiếu lại (paccavekkhaṇañāṇa). Tuy nhiên, tôi vẫn dịch theo nghĩa bình thường của từ ngữ, và coi chữ vimutti chỉ là ngầm hiểu.] (987)

988 [Mp chú giải: "chánh-kiến" ở đây là cách-nhìn đúng đắn của minh-sát

(thiền quán). Sự giải-thoát của tâm (cetovimutti) là sự (trạng thái) định-tâm của đạo và quả, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ (paññāvimutti) là trí-biết về thánh quả." Ps I 164,29–31, khi luận giải về cụm chữ cetovimuttiṃ paññāvimuttim trong kinh MN 35, 36–37, đã nhận dạng sự giải-thoát của tâm là sự định-tâm thuộc thánh quả A-la-hán, và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ là trí-tuệ thuộc thánh quả A-la-hán.] (988)

- (Nhân tiện, trong câu kế tiếp: sự học-hiểu (học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật ... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với "hiểu được ý-nghĩa" hay đồng nghĩa với các thuật ngữ "hoàn-toàn hiểu" (liễu tri), "trực-tiếp biết".)

989 [Nguyên văn: vimuttāyatanāni. Mp giải nghĩa là: "Những nguyên nhân

được giải-thoát" (vimuccana-kāraṇāni).] (989)

990 [Nguyên văn câu này: So tasmiṃ dhamme atthapaṭisaṃvedī ca hoti dhammapaṭisaṃvedī ca. Mp giải nghĩa chữ atthapaṭisaṃvedī là "người biết ý -nghĩa của lời kinh" (pāḷiatthaṃ jānantassa) và chữ dhammapaṭisaṃvedī là "người biết lời kinh" (pāḷiṃ jānantassa), nhưng sự giải thích này chắc chắn là quá hẹp và lỗi thời. Trong kinh 6:10, chúng ta thấy có câu labhati at- thavedaṃ labhati dhammavedaṃ, tôi dịch nghĩa là "[người đó] đạt được niềm cảm hứng về ý-nghĩa, niềm cảm hứng về Giáo Pháp". Xuất thân của chữ paṭisaṃvedī là vedī, vốn rõ ràng có kết nối với chữ atthapaṭisaṃvedī, và chữ dhammapaṭisaṃvedī thì có kết nối với chữ atthaveda và chữ dhammave- da. Gốc từ vid là có liên hệ với cả chữ vijjā (biết rõ, minh) và chữ vedanā (cảm giác, thọ). Như vậy tôi gợi ý chữ veda nên được hiểu là 'sự-biết có cảm hứng' hay chính là 'niềm cảm-hứng', chính nó làm khởi sinh sự khoan-khoái (pāmojja) và sự hoan-hỷ (pīti). Có vẻ như chữ atthapaṭisaṃvedī và chữ dhammapaṭisaṃvedī có liên hệ với chữ atthapaṭisambhidā và chữ dhammapaṭisambhidā, cho dù trong tiếng Pāli 02 chữ sau là có kết nối với động từ bhindati, có nghĩa là "bẻ gãy, phân chia". Mời quý vị cũng coi thêm

Chú Thích • 289

chú thích 403 ở kinh 3:43, cuối câu (1).

- (Một câu kinh tương tự cũng có trong kinh 9:04, đoạn (6). Chỗ này cũng có chú thích số 1840 về câu này.

991 [Mp giải nghĩa câu này là: "Người đó đạt định nhờ sự (trạng thái) định-

tâm của thánh quả A-la-hán" (arahattaphalasamādhinā samādhiyati). Nhưng đối với tôi dường như đây không phải nghĩa gốc mà lời kinh muốn nói; bởi vì lời kinh chỉ gợi ý một sự định-tâm là cơ-sở cho sự minh-sát (thiền quán), rồi sau đó mới tới khả năng chứng ngộ thánh đạo và thánh quả, chứ không phải sự định-tâm xảy ra sau sự chứng-ngộ như vậy.] (991)

992 [Appamāṇan: vô lượng, không thể đo lường. Mp giải nghĩa đó: "Là sự

không-có những phẩm chất tạo-lượng, là vượt trên thế gian, siêu thế" (pamāṇakaradhammarahitaṃ lokuttaraṃ). Thông thường, các bộ Nikāya định dạng 'sự định-tâm vô lượng' là bốn sự an-trú cõi trời (brahmavihāra, 04 phạm trú), nhưng một số bài kinh cũng nhận dạng đó là một sự định-tâm vô lượng vượt trên thế gian (siêu thế), đạt được bằng cách tiêu diệt những phẩm chất "tạo sự hữu lượng" [tạo lượng] như: tham, sân, si. Mời quý vị coi thêm các kinh MN 43, mục 35; SN 41:07 (Quyển 5), đoạn 11–12.] (992)

993 [Về nghĩa lời kinh của câu cuối này: mời quý vị đọc lại câu cuối của đoạn

thứ (iv) của kinh 3:101 và chú thích 560 của nó, và chú thích 561 kế tiếp trong đoạn thứ (v).] (993)

994 [Phiên bản Be bỏ chữ samādhiṃ. Rõ ràng đây không phải do lỗi ghi chép

biên tập, bởi vì theo một ghi chú của phiên bản Ee thì sự bỏ chữ như vậy thường xảy ra trong các bản viết tay của Miến Điện (Be).] (994)

995 [Vì sự định-tâm được giảng giải dưới đây chính là 04 tầng thiền định

(jhāna), và có lẽ có thêm sự định-tâm của minh-sát (thiền quán), cho nên Mp không dùng chữ ariya (thánh thiện) ở đây để chỉ những thánh đạo và thánh quả, cứ như muốn hàm nghĩa rằng "còn lâu mới tới được lúc những ô-nhiễm được trừ bỏ bằng cách trấn áp chúng" (vikkhambhanavasena pahīnakilesehi ārakā ṭhitassa)." Trong các giảng luận, chữ ariya đôi khi xuất phát từ chữ āraka. Cho dù về từ nguyên thì rất phong phú về ngữ nghĩa, nhưng hình như đó luôn bàng bạc một nghĩa rằng: sự định-tâm (samādhi) là thuộc phần

tu tập chuẩn bị để đạt tới những thánh đạo và thánh quả, chứ bản thân sự định-tâm không phải là những thánh đạo hay thánh quả (!).] (995)

996 [Nguyên văn cụm chữ này là: Paccavekkhaṇa-nimittaṃ. Mp nhận dạng

đây là trí-biết (nhờ) quán xét lại hay hồi nhớ (paccavekkha-ṇañāṇameva), rõ ràng ở đây muốn chỉ loại trí-biết nhớ lại những sự chứng đắc thánh đạo và thánh quả. Tuy nhiên, cách dùng chữ paccavekkhaṇa này dường như hơi đặc biệt đối với những giảng luận, tôi nghĩ có lẽ nên là chữ paccavekkhaṇa- nimitta ở đây có nghĩa là đối-tượng đang được quán xét bởi sự minh-sát (thiền quán).] (996)

997 [Về câu cuối này, mời quý vị đọc lại câu cuối của đoạn thứ (vi) của kinh

3:101 và chú thích số 562 của nó.] (997)

998 [Cīraṭṭhitiko hoti. Mp luận giải: “Nếu người tu đã đạt tới dấu-hiệu (tướng,

nimitta) [của sự định-tâm] khi đang đứng, nó sẽ bị mất đi khi ngồi xuống. Nếu người tu đạt tới dấu-hiệu khi đang ngồi, nó sẽ mất đi khi nằm xuống. Nhưng đối với người tu đã quyết tâm đi tới đi lui (đi-thiền) và đạt tới dấu- hiệu trong một đối-tượng đang di chuyển (ví dụ bàn chân đang nước đi), thì nó không bị mất ngay cả khi đứng, ngồi, hay nằm xuống.] (998)

999 [Mp nói 05 câu này là nói về 05 sự minh-sát hay thiền quán (vipassanā).]

(999)

1000 [Mp nhận diện đây là một công chúa của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của

xứ Kosala (Kiều-tất-la). (Tên kinh này và kinh kế tiếp người dịch ghi thêm chữ “Công chúa” cho người đọc dễ nhớ tên kinh).] (1000)

1001 [Chỗ này mời quý vị đọc lại kinh 4:87, đoạn (4).] (1001)

1002 [Tới đây nói ra được 04 điều tốt hơn. Nhưng câu bên dưới lại ghi điều 05

là sự giàu-có (bhoga) thay vì là sự quyền-uy (ādhipateyya) như trong phần lời kinh ở trên.] (1002)

1003 [Về nội dung chính của các đoạn từ (1)-(5), kinh này kinh song hành với

kinh 4:34 và được mở rộng thêm đoạn (5), và khác nhau về bối cảnh và người nghe.] (1003)

1004 [Mp, khi luận giải về kinh này, nói rằng đây là một công chúa của Vua

Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà).] (1104)

1005 [Chỗ này lạ thay là, cả hai phiên bản Ce và Ee đều không có đoạn này;

chỉ Be có. Đúng ra cần phải có đủ năm điều (năm pháp). Đoạn này rõ ràng có trong kinh song hành là kinh 4:34 của tất cả các phiên bản. Nhưng kinh song hành khác là It 90 cũng lại không có đoạn này….] (1005)

1006 [Nguyên văn chữ này là virāge dhamme. Đoạn song hành ở kinh 4:34 thì

chỉ ghi một chữ dhamme, nhưng kinh song hành It 90 thì ghi đủ virāge dhamme.] (1006)

1007 [Phần thi kệ này cũng giống thi kệ cuối kinh song hành 4:34.]

1008 [Nguyên văn: attacatuttho. Nghĩa chữ là: “[với]-mình-[là]-thứ tư”, có

nghĩa là Phật được mời cùng với 03 vị Tỳ kheo đi cùng với Phật.] (1008)

1009 [Manāpakāyikānaṃ devānaṃ: trong số những thiên thần có thân hình

khả ái (đẹp, đáng thích). Không biết những thiên thần được gọi như vậy là do có thân đẹp đẽ đáng thích hay là theo cái nghĩa là họ thuộc nhóm những thiên thần khả ái đáng mến. Chữ kāya có nghĩa là thân, nhưng cũng có nghĩa là một nhóm. Mp nhận dạng đây chính là "những thiên thần vui thích sự sáng tạo" (Hóa lạc thiên). Bởi họ có thể tạo ra bất kỳ những hình-sắc nào họ muốn và thích nó cho nên họ được gọi là "vui thích sáng tạo" hay là "khả ái" (manāpā nāma te devā ti nimmānaratī devā; te hi icchiticchitaṃ rūpaṃ māpetvā abhiramaṇato nimmānaratī ti ca manāpā ti ca vuccanti). Coi thêm kinh 8:46, trong đó Đức Phật liệt kê 08 điều-kiện dẫn tới tái sinh trong số "những thiên thần có thân khả ái hay khả ái" này.] (1009)

1010 [Có nhiều cách ghi chữ ghép này ở chỗ này: Ce ghi là: icchācārena, Be

ghi: issācārena, Ee ghi: issāvādena. Tôi dịch theo cách ghi của Ee. Rất thú vị là: ở kinh 8:46 có một dòng kệ trong đoạn kệ giống hệt thì lại ghi chữ is- sāvādena trong cả 03 phiên bản. Chúng tôi đã truy dò bằng công nghệ máy tính CST 4.0 chữ icchācār* thì thấy chữ ghép này có nhiều trong các luận giảng, nhưng không có trong Ba Rỗ Kinh. Như vậy có lẽ là cách ghi của Ce là đã bị ảnh hưởng bởi người kết tập quen dùng từ ngữ của các luận giảng thời bấy giờ.] (1010)

1011 [Vị tướng này trước đó là một đệ tử tại gia của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Câu

chuyện về sự chuyển đạo của ông được ghi trong kinh 8:12.] (1011)

1012 [Nguyên văn: sandiṭṭhikaṃ dānaphalaṃ, có nghĩa là: một lợi ích có thể

được trải nghiệm ngay trong kiếp này.] (1012)

1013 [Nguyên văn câu này: Visārado upasaṅkamati amaṅkubhūto. Mp giải

nghĩa: "một cách tự-tin" (visārado) (visārado) là có hiểu-biết và hoan-hỷ (ñāṇasomanassappatto) và "bình-tĩnh" (amaṅkubhūto) là không bối rối không ngại ngượng (na nittejabhūto).] (1013)

1014 [Để ý, với ích lợi thứ năm này, Đức Phật đã trả lời quá yêu cầu của ông

Sīha, là trả lời luôn phước quả thuộc kiếp sau.] (1014)

1015 [Nandana: là tên khu vườn hưởng lạc ở cõi trời Tāvatiṃsa (Đao-lợi).]

(1015)

1016 [Nguyên văn 05 chữ này là: āyuṃ, vaṇṇaṃ, sukhaṃ, balaṃ, paṭibhānaṃ.

Về chi tiết 04 điều đầu, kinh này giống hệt các kinh 4:57, 4:58; chỉ khác điều thứ 5 được thêm vào trong kinh này.] (1016)

1017 [Họ "thể hiện lòng bi-mẫn" (anukampeyyuṃ) đối với những tại gia có

niềm-tin bằng cách cho họ cơ hội cúng dường thức-ăn (và những thứ khác) để họ tích được công-đức. Tức là, những bậc chân tu thể hiện sự bi-mẫn dành cho những người tại gia bằng cách đi đến nhà họ để nhận sự cúng dường của họ. Bằng cách bố thí cúng dường, người tại gia tạo những hạt giống để tái sinh tốt lành và chứng ngộ Niết-bàn. Những người xuất gia cũng có thể chỉ dạy Giáo Pháp cho những người tại gia và giúp họ tiếp cận với những giáo lý.] (1017)

1018 [Kinh này có thể được coi là sự mở rộng của kinh song hành 3:48. Mọi

điều trong ví dụ về núi đều giống hệt trong 02 kinh, chỉ khác là kinh 3:48 kết hợp 02 thứ (như: gỗ mềm và gỗ lõi; vỏ cây và chồi) thành một điều, trong đó khi kinh này thì liệt kê riêng mỗi thứ là 01 điều (như: gỗ thân, gỗ mềm, gỗ lõi). Kinh này thêm vào sự học-hiểu (suta) và sự bố-thí (cāga). Phần thi kệ thì cả 02 kinh đều giống nhau.] (1018)

1019 [Chỗ này và bên dưới tôi đọc theo Ce và Ee là kulapatiṃ, khác với Be

ghi là kulaputtaṃ. Trong Be kinh 3:48 theo cách đánh số của tôi [tức = kinh 3:49 theo cách đánh số của Be] thì ghi kulapatiṃ ở chỗ tương ứng này.] (1019)

1020 [Từ chỗ này trở đi lời kinh là gần như song hành với đoạn (III) của kinh

4:61. Năm điều trong kinh này có được là do tách điều (iv) [làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc …] của đoạn (III) đó thành điều thứ (2) của kinh 5:41 này. Phần thi kệ thì 02 kinh giống nhau.] (1020)

1021 [Tôi đọc theo Be và Ee là dhammaguttaṃ; khác với Ce ghi là devaguttaṃ

nghe có vẻ dư thừa ở đây.] (1021)

1022 [So sánh với phần (I) của kinh 4:61.] (1022)

1023 [Trong mỗi đoạn, tôi đọc theo Ce ghi là vā pihetuṃ, khác với Be ghi là

vāpi hetu và Ee ghi là vā pi hetuṃ. Động từ piheti (thể bất định là pihetuṃ) có nghĩa là "khao khát, mong ước cái gì". (Chỉ ngồi đó) khao khát [một cách thụ động] có lẽ là đối ngược với sự (nỗ lực) tu tập con-đường (đạo) mới là cách và phương tiện để thành tựu được mong ước của mình.] (1023)

1024 [Āyusaṃvattanikā paṭipadā: con-đường đưa dẫn đến tuổi thọ. Mp giải

thích con-đường đó là: "Thực hành bố-thí, làm những việc công-đức, giữ giới-hạnh …" Để đọc sự phân tích về mối liên hệ giữa những việc-làm (nghiệp) và quả của nó (nghiệp quả, phước quả), coi kinh MN 135.] (1024)

1025 [Lời kinh cứ chuyển qua chuyển lại giữa dạng số ít và số nhiều của chữ

saga (cõi trời).] (1025)

1026 [Bài thi kệ này cũng có ở kinh SN 3:17, SN 3:18 (Quyển 1).] (1026)

1027 [Cụm chữ này là: atthābhisamayā. Tôi dịch cụm chữ này dựa trên sự giải

nghĩa của Mp ghi là: Atthassa abhisamāgamena, atthappaṭilābhenā ti vuttaṃ hoti.] (1027)

1028 [Cụm chữ này là: Sālapupphakaṃ khādaniyaṃ. Mp chú giải là: "Một

món ăn giống như bột sa-la; nó được nấu với bột gạo nương được nêm với 04 chất ngọt [mật ong, đường, bơ, và ván sữa]."] (1028)

1029 [Chỗ này đọc theo Be ghi là: sampannakolakaṃ sūkaramaṃsaṃ. Mp chủ

giải là: "Một 'món ăn' được nấu với những gia vị như hạt thì là ... cùng với táo tàu ngọt."] (1029)

1030 [Chỗ này Ce ghi là: nibaddhatelakaṃ nāḷiyasākaṃ [Be ghi nibat- tatelakaṃ nāliyasākaṃ]. Mp chú giải là: "Những thân cọng rau được nấu trong ván sữa trộn với thì là và những gia vị khác, rồi được ngào cùng với bột gạo nương; rồi được phủ 04 loại chất ngọt và để ra ngoài cho đến khi chúng có được một mùi đặc trưng."] (1030)

1031 [Ce cũng ghi như vầy. Be và Ee thì ghi "hơn trăm ngàn" (adhikasa-

tasahassaṃ). Đây được cho là nói về đồng kahāpaṇa, đơn vị tiền tệ thời đó.] (1031)

1032 [Chữ cuối này đọc theo Ce anaggahītaṃ; khác với Be và Ee thì ghi là

anuggahītaṃ.] (1032)

1033 [Nguyên văn câu cuối: aññataraṃ manomayaṃ kāyaṃ upapajjati. Tôi

làm theo luận giảng Mp, lấy câu này, nhưng hiểu theo nghĩa là: vị ấy đã được tái sinh trong số (kāya: đoàn, nhóm) những thiên thần chứ không phải nghĩa là vị ấy được tái sinh với thân được làm bằng-tâm. Còn Mp luận giải câu này với nghĩa rằng: "[Tái sinh] trong số những thiên thần trong những cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) là những chúng sinh được tạo ra thông qua tâm (thức) của tầng thiền định" (suddhāvāsesu ekaṃ jhānamanena nibbattaṃ devakāyaṃ).] (1033)

1034 [Thật khó mà thấy được tại sao kinh này là kinh 'năm pháp' được kết tập

trong Quyển "Năm" này. Có lẽ nguyên bản nó chỉ có 05 món được cúng dường, rồi món thứ sáu đã được thêm vào sau khi bài kinh đã được kết tập trong Quyển "Năm" (?).] (1034)

1035 [Đây là một kinh song hành với kinh 4:51. Từ kinh 4:51, chữ "chỗ-ở"

(senāsanaṃ) được thay bằng 02 chữ "chỗ-trú (vihāraṃ) và chỗ-nằm và ghế- ngồi (mañcapīṭhaṃ)" cho nên kinh này thành có tổng cộng 05 thứ được cúng-dường.] (1035)

1036 [Chữ 'nhiều ngàn thùng nước' có ghi trong Be và Ee. Sự bỏ mất trong

Ce chắc hẳn là do lỗi biên tập, vì chữ này cũng có trong phiên bản Ce của kinh song hành 4:51.] (1036)

1037 [Tôi đã ghi đủ các định nghĩa đoạn chỗ này; cả 03 phiên bản đều ghi tắt

chỗ này.] (1037)

1038 [Phần thi kệ này cũng giống trong kinh 4:52. Và cũng có ở các kinh SN

11:14 (Quyển 1); SN 55:26 và SN 55:51 (Quyển 5).] (1038)

1039 [Lời kinh dùng ở dạng nhân quả phản xạ: attānaṃyeva parinibbāpeti.

Câu này có lẽ nên được dịch là: "Người đó dập tắt bản thân mình" hoặc "người đó làm tắt bặt mình". Thứ gì bị dập tắt theo nghĩa đen là cảm-giác cay đứng của sự u-sầu, nhưng động từ parinibbāpeti, liên quan với danh từ nibbāna (niết-bàn) hàm nghĩa rằng một người đạt tới sự giải-thoát tột cùng.] (1039)

1040 [Chỗ này tôi đọc theo Ee ghi là: attho idha labbhā api appako pi [Be về

cản bản cũng giống nhau]. Chỉ Ce ghi: attho alabbho api appako pi có nghĩa là: "ngay cả sự tốt tối thiểu cũng không đạt được", như vậy có vẻ phá hỏng nghĩa lời kinh.] (1040)

1041 [Chữ này là: paveṇiyā. Mp chú giải là: "Bằng truyền thống gia đình (ku-

lavaṃsena). Ý nghĩa là: 'Theo truyền thống chúng tôi đã thực hành điều này, và chúng tôi không thực hành điều kia.'".] (1041)

1042 [Câu này có ghi trong phiên bản Ee, nhưng trong Be thì nó được ghi

trong ngoặc như vầy, và trong Ce thì nó ghi ở dưới phần chú-giải.] (1042)

1043[Nguyên văn câu này: Sokasallaharaṇo nāma ayaṃ mahārāja dhammapariyāyo.] (1043)

1044 [Nguyên văn: naṅgalamukhāni. Nghĩa chữ: "những miệng cày". Mp giải

nghĩa là: "những miệng kênh" (mātikāmukhāni), giải thích rằng: "Bởi vì chúng giống cày và được cắt bởi lưỡi cày, nên chúng được gọi là 'những miệng cày'."] (1044)

1045 [Lời kinh này giống đoạn thứ nhất của kinh SN 47:05. Trong kinh đó,

đoạn thứ hai nói tiếp 'một đống thiện' là bốn nền-tảng chánh-niệm (tứ niệm

xứ).] (1045)

1046 [Nguyên văn câu cuối là: Na sukaraṃ uñchena paggahena yāpetun. Tôi

coi chữ uñchena paggahena để chỉ một hành vi, chứ không phải hai hành vi; vì ở đây không có chữ ca hay vā để biểu nghĩa hai hành vi. Giải thích của Mp cũng hàm ý chỉ một hành vi, là: "Không thể mang bình bát và sống qua ngày bằng cách khất thực" (na sakkā hoti pattaṃ gahetvā uñchācariyāya yāpetuṃ). Coi thêm chú giải ở Sp I 175,22–23 là: paggahena yo uñcho, tena yāpetuṃ na sukarā.] (1046)

1047 [Nguyên văn cả câu này: Aññamaññaṃ akkosā ca honti, aññamaññaṃ

paribhāsā ca honti, aññamaññaṃ parikkhepā ca honti, aññamaññaṃ pa- riccajā ca honti. Câu giống vầy cũng có trong kinh It §§18–19, nhưng ghi cụm chữ aññamaññaṃ bhaṇḍanāni ceva honti thay vì aññamaññaṃ akkosā ca honti, ngoài ra tất cả các chữ khác đều giống hệt. Tôi dịch chữ parikkhepā và pariccajanā dựa theo sự chú giải của It-a I 69,25–27, trong đó nó giải thích chữ parikkhepā là: "sự phỉ báng và chê bai thông qua '10 cơ-sở để sỉ- nhục', công kích mọi phía dựa vào nơi-sinh (gia cảnh) và vân vân" (jāti- ādivasena parito khepā, dasahi akkosavatthūhi khuṃsanavambhanā), và chữ pariccajanā là "sự tẩy chay bằng cách dùng những điều-luật đình chỉ và vân vân" (ukkhepaniyakammakaraṇādivasena nissāraṇā).] (1047)

1048 [Chỗ này nên đặt câu hỏi rằng: lời diễn tả pasannānañca bhiyyobhāvo

hoti có nghĩa là (i) số người có sự tự-tin gia tăng, hay có nghĩa là (ii) số người có sự tự-tin gia tăng về sự tự-tin. Sp I 225,18–24 đã ủng hộ nghĩa sau bằng đoạn ghi này: "Những người tại gia có sự tự-tin vào Giáo Pháp, nhìn thấy những Tỳ kheo làm theo những giới-luật tu hành như chúng đã được thiết lập, thì họ càng trở nên tự-tin hơn, họ nói rằng: 'Những Tỳ kheo thực sự đã làm điều khó làm; bởi vì chừng nào họ còn sống họ còn ăn mỗi ngày mỗi ngày một bữa, duy trì sự sống độc-thân, và tuân giữ sự kiềm-chế của Giới Luật (Vinaya)'" (yepi sāsane pasannā kulaputtā tepi sikkhāpadapaññattiṃ ñatvā yathāpaññattaṃ paṭipajjamāne bhikkhū vā disvā "aho ayyā duk- karakārino, ye yāvajīvaṃ ekabhattaṃ brahmacariyaṃ vinayasaṃvaraṃ anupālentī" ti bhiyyo bhiyyo pasīdanti).] (1048)

1049 [Nguyên văn câu này: Tesaṃ abhiṇhaṃ dassanā saṃsaggo ahosi,

saṃsagge sati vissāso ahosi; vissāse sati otāro ahosi. Mặc dù dịch chữ vissāso là "sự thân mật" nhưng chữ này ở đây không chỉ sự thân mật về tính dục, thể xác. Mà chữ vissāso chỉ một cảm-giác tin yêu nhau thường có thể dẫn tới quan hệ tính dục hay thể xác giữa người nam và nữ. Để có nhục dục xảy ra thì trước tiên phải có sự thân mật cung cấp sự khơi mào (mở đầu, phát sinh) của nhục dục. [Nhục dục tìm thấy sự khơi mào của nó]. Nghĩa này được thể hiện bằng cụm chữ otāro ahosi trong câu trên.] (1049)

1050 [Tội dâm dục là tội nặng lớn nhất (pārājika), tội phải bị trục xuất khỏi

Tăng Đoàn.] (1050)

1051 [Tôi dịch dãy chữ này theo phiên bản Be và Ee là: giddhā gathitā muc-

chitā ajjhopannā; khác với Ce ghi rằng: gathitā giddhā mucchitā ajjhopannā. Dãy chữ—gathita, mucchita, ajjhopanna—là phổ biến giống nhau trong các kinh.] (1051)

1052 [Chữ này Be và Ee ghi là ugghātitā; [còn Ce ghi là ugghānitā]. Mp giải

nghĩa chữ này là uddhumātā: phình lên; đây là một giai đoạn phân rã của xác chết. 05 giai đoạn phân hủy xác chết cũng được ghi trong các kinh 1:480– 884. Có lẽ trong câu kế tiếp nói về phụ nữ 'chết' là ý chỉ (hình ảnh) cái 'người phụ nữ chết rồi' cũng còn được giữ trong trí nhớ (của nam), hơn là chỉ cái xác chết trương sình đó. Nhà sư

Brahmāli đã gợi ý chữ ugghātitā chỉ đơn giản chỉ một cái thân "béo phì, mập ú", nhưng tôi không chắc dịch như vậy là chính xác. Trong DOP sv ugghāṭeti2 có đưa ra nghĩa "phình lên, trương sình" trong số những nghĩa của nó.] (1052)

1053 [Ở đây Ce chỉ ghi: yampi taṃ bhikkhave sammā vadamāno vadeyya

samantapāso mārassā ti, là không đầy đủ. Vì vậy tôi đọc theo Be và Ee là: yaṃ hi taṃ bhikkhave sammā vadamāno vadeyya samantapāso mārassā ti mātugāmaṃ yeva sammā vadamāno vadeyya samantapāso mārassā ti.] (1053)

1054 [Chữ này là: suvāsīdo: dựa trên động từ āsīdati (tiếp cận), với tiếp đầu

ngữ là su và–v- là phụ âm liên lạc.] (1054)

1055 [Ở đây, Mp giải thích chữ trong kinh là purakkhatā có nghĩa là "người

chạy trước, người đã đi trước, người tiên phong" (purecārikā purato gatāyeva). Cách dịch của tôi ở đây "đã lao đầu vào" (đâm đầu vào) là dịch thoát nhưng 'bắt' được cái nghĩa của lời kinh. Nhà sư Vanarata đã gợi ý rằng các chữ kālaṃ, gatiṃ, và bhavābhavaṃ có thể là dạng sở cách được viết tắt hoặc là những phần của chữ ghép được tách ra được nối với chữ saṃsārasmiṃ, nhưng tôi nghĩ lời kinh có thể đang dùng ở dạng đối cách vì những lý do âm luật vận luật của lời kệ. Kinh này không có bản tương đương trong Hán tạng nên không thể đối chiếu để so sánh.] (1055)

1056 [Câu "Con sống đời sống tâm linh không mãn lòng" (anabhirato ca

brahmacariyaṃ carāmi) hàm ý rằng người đó đó muốn bỏ y hoàn tục.] (1056)

1057 [Chỗ này lời kinh chuyển thành số nhiều là bhikkhave. Lúc này Phật đã

gửi lời nói chung cho những Tỳ kheo.] (1057)

1058 [Ở đây 03 chủ-đề đầu làm nhắc nhớ tới kinh 3:39, làm cho 02 kinh có

những điều chung.] (1058)

1059 [Câu này là: Sabbehi me piyehi manāpehi. Tôi dùng chữ "mọi người và

mọi thứ" để bao gồm cả người và của. Tiếng Pāli hàm nghĩa cả hai, nhưng tiếng Anh (và tiếng Việt) cần có 02 từ để chỉ đủ 02 đối-tượng.] (1059)

1060 [Mp diễn dịch câu cuối như vầy: "Đạo [con-đường] được khởi tạo (mag-

go sañjāyati): là chỉ thánh đạo siêu thế được khởi tạo. Những gông-cùm (kiết sử) được phá bỏ hoàn toàn (saṃyojanāni sabbaso pahīyanti): là chỉ 10 gông- cùm được dẹp bỏ hoàn toàn [coi thêm kinh 10:13]. Những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được bứng bỏ (anusayā byantīhonti): là chỉ 07 khuynh- hướng tiềm ẩn bị loại bỏ, bị cắt bỏ, bị xóa sổ [coi thêm kinh 7:11]. Như vậy là, sự minh-sát (thiền quán) đã được nói trong 05 đoạn đầu [phần (I)]; còn trong 05 đoạn sau [phần (II)] là phần thánh đạo siêu thế đã được nói.] (1060)

1061 [Phần thi kệ này cũng có cuối kinh 3:39. Những dòng kệ này dường như

là một sự tự trách mình của vị Bồ-tát (tức Phật) trước khi giác-ngộ, và do vậy nghe phù hợp hơn với bối cảnh đó. Dòng kệ bên dưới—"Trong khi ta đang an trú như vầy" (mama evaṃ vihārino)—đã cho thấy rằng đây là vị Bồ-tát đang nói với sự đề cập tới sự đấu-tranh để đạt tới sự giác-ngộ của mình.

Trong dòng kệ (pāda) c tôi đọc theo Ce ghi là: yathādhammā tathāsantā, khác với Be và Ee ghi là: yathā dhammā tathā sattā [mặc dù chúng đều có ghi trong phiên bản Ce trong cách ghi trong kinh trước.] (1061)

1062 [Ce và Be ghi là: nekkhamme daṭṭhu khemataṃ. Ee ghi: nekkhammaṃ

daṭṭhu khemato trong cách ghi chính trong phần lời-kinh của nó, nhưng lại ghi bằng chữ biến tấu được ghi trong Ce và Be trong phần chú-giải của nó. Mp (cả Ce và Be) dùng cách ghi của Ce và Be là một bổ đề, trong đó nó giải nghĩa là: nibbāne khemabhāvaṃ disvā, nhưng lại lặp lại cách ghi biến tấu của Ee và giải nghĩa là: nibbānaṃ khemato disvā. Như vậy Ee đã chọn chữ biến tấu là cách ghi chính trong lời-kinh của nó.] (1062)

1063 [Mp giải nghĩa cụm chữ pacchāliyaṃ khipanti là: "Chúng đến sau lưng

họ và đạp vào lưng họ" (pacchato gantvā piṭṭhiṃ pādena paharanti).] (1063)

1064 [Tôi đọc theo Ce và Ee là: khettakammantasāmantasaṃvohāre. Mp

(của Ce) chú giải như vầy: "Là những chủ của những ruộng vườn sát liền với ruộng vườn của mình, và những người người đó có làm ăn chung là những người đo đạc ruộng đất bằng những cây thước đo (cây sào) (ye attano khettakammantānaṃ sāmantā anantarakkhettasāmino, te ca rajjudaṇḍehi bhūmippamāṇaggāhake saṃvohāre ca). Tuy nhiên tôi không thấy chữ saṃvohāra [thông thường có nghĩa là "những giao dịch, công việc làm ăn"] mà có liên quan rõ rệt gì với việc đo đạc ruộng đất cả.] (1064)

1065 [Nguyên văn chữ này: balipaṭiggāhikā devatā. Mp giải thích đó là: "Những thiên thần bảo hộ đã được thờ cúng theo truyền thống những gia đình." (Giống ở Việt Nam có lập "bàn thiên" ở trước sân nhà là để cúng thiên, cúng trời vào những dịp Tết và các lễ cúng khác).] (1065)

1066 [Nhận-thức về sự không hấp-dẫn (asubhasaññā) (của thân) được giảng

giải ở kinh 10:60, đoạn (3); nhận-thức về cái chết (maraṇasaññā) hay sự chánh-niệm về sự chết (maraṇassati) được nói ở các kinh 6:19–20, 8:73–74; nhận-thức về sự nguy-hại (ādīnavasaññā) ở kinh 10:60, đoạn (4); nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức-ăn (āhāre paṭikkūlasaññā) ở Vism 341–47, Ppn 11.1–26; và nhận-thức về sự không (gì đáng) thích-thú trong toàn bộ thế gian (sabbaloke anabhiratasaññā) ở kinh 10:60, đoạn (8).] (1066)

1067 [Nhận-thức về sự vô-thường (aniccasaññā) được giảng giải ở kinh 10:60,

đoạn (1), nhận-thức về sự vô-ngã (anattasaññā) ở kinh 10:60, đoạn (2).] (1067)

1068 [Mp diễn dịch như vầy: "Sống cùng nhau ở đây nghĩa là: hỏi những câu

hỏi và trả lời những câu hỏi" (sājīvo ti pañhapucchanañceva pañhavissaj- janañca).] (1068)

1069 [Phân tích về công thức "04 cơ-sở thần thông" này, mời coi lại kinh SN

51:13 (Quyển 5).] (1069)

1070 [Chữ ussoḷhi được dịch ở đây là "sự nhiệt tâm, sự nhiệt huyết"; nó được

giải nghĩa bởi Mp là: adhimattaviriyaṃ (sự nỗ-lực đặc biệt, cao độ).] (1070)

1071 [Coi kinh 5:14. (?)] (1071)

1072 [Đoạn này và những đoạn tiếp theo (i)-(v) cũng được ghi trong kinh MN

22, mục 30–35 (trong đó nhà sư Nanamoli dịch với những từ ngữ khác chút ít là: "đã loại bỏ thanh rào-cản của mình, đã san bằng hào-cản của mình, đã bứng bỏ cột-cản của mình, là người không còn dính bản-lề, là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh- nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc", và (ii) "đã dẹp bỏ vòng luân-hồi tái-sinh, dẹp bỏ tiến-trình tái-sinh").] (1072)

1073 [Nhận-thức về sự dẹp-bỏ (pahānasaññā) và nhận-thức về sự chán-bỏ

(virāgasaññā) được giảng giải lần lượt trong kinh 10:60, đoạn (5) và đoạn (6). Trong phiên bản Ce còn ghi thêm nhận-thức sự chấm-dứt (ni- rodhasaññā) rõ ràng là sai lỗi, vì nếu có sẽ tăng lên thành 06 điều, mà kinh này thuộc kinh 'năm-pháp' (Quyển "Năm").] (1073)

1074 [Dhammavihārī: người an trú trong Giáo Pháp. Chữ ghép này cũng có

thể dịch nghĩa là "người sống bởi / nhờ/ bằng Giáo Pháp".] (1074)

1075 [Tôi đọc theo Ce ghi chữ dhammasaññattiyā chỗ này và chữ saññatti-

bahulo ngay bên dưới; khác với Be và Ee ghi chữ dhammapaññattiyā và paññattibahulo.] (1075)

1076 [Nguyên văn câu này: anuyuñjati ajjhattaṃ cetosamathaṃ. Mp diễn

nghĩa là: "Người đó theo đuổi và tu tập sự định-tâm bên trong mình; người đó chủ-ý và hết-mình (thiền tập) về một chủ-đề thiền định" (niyakajjhatte cittasamādhiṃ āsevati bhāveti, samathakammaṭṭhāne yuttappayutto hoti).] (1076)

1077 [Nguyên văn câu này: uttariṃ c'assa paññāya atthaṃ nappajānāti. Mp

diễn nghĩa là: "Trên sự học vấn đó, người đó không hiểu được ý nghĩa của Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ của đạo (đạo trí) cùng với sự minh-sát; người đó không nhìn thấy và

thâm nhập bốn diệu đế" (tato pariyattito uttariṃ tassa dhammassa sahavipassanāya maggapaññāya atthaṃ nappajānāti, cattāri saccāni na passati nappaṭivijjhati).] (1077)

1078 [Đám bụi mù (rajaggan). Mp giải thích: "Một đám bụi bốc lên từ mặt

đất, đó là do sự giẫm đạp của voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, lính chiến …".] (1078)

1079 ["Sự tuyên bố sự yếu nhược của mình trong tu tập [sự mất khả năng tu

tiếp], bỏ tu, và quay lại đời sống thấp tục": đây là một phương pháp được quy định cho việc bỏ tu hoàn tục. Một người tuyên bố với một người khác [thường là một Tỳ kheo đồng đạo] về sự bất khả năng tiếp tục theo sự tu tập, bỏ y cà sa và mặc lại thường phục, giữ năm giới, và trở lại đời sống tại gia.] (1079)

1080 [Tôi làm theo Be và Ee, không có những dấu chấm lửng ở đây. Ce thì

không nhất quán, nó có những dấu chấm lửng trong kinh này [để hàm chỉ tất cả 03 minh (vijjā)] nhưng lại không có trong phần song hành của kinh tiếp theo.] (1080)

1081 [Lời tuyên thuyết này cũng có trong kinh MN 22, mục 3. Tiếp theo là

những ví dụ nói về sự tiêu cực của dục-lạc, và những ví dụ này cũng được nói trong kinh MN 54, mục 15–21.] (1081)

1082 [Nguyên văn: vāḷā amanussā, nghĩa gốc là "những loài phi nhân hoang

dã". Mp giải thích "những loài phi nhân đó là hung bạo, là những quỷ dạ-xoa hung dữ, vân vân" (kakkhaḷā duṭṭhā yakkhādayo amanussā).] (1082)

1083 [Mp không luận giải gì về chữ abhāvitakāyā (không tu thành về thân),

nhưng luận giảng Spk II 395,16 thì có giải nghĩa là: abhāvitapañcadvāri- kakāyā (chưa tu tập xong về thân của năm cửa giác-quan) có lẽ muốn chỉ sự kiềm-chế thân, sự phòng-hộ các căn cảm-nhận của thân. Tôi thì nghi rằng chữ này thực sự muốn nói về sự duy-trì sự rõ-biết (tỉnh giác) trong tất cả mọi tư thế và mọi động tác của thân, như đã được mô tả trong các kinh.] (1083)

1084 [Nguyên văn cả câu này: Iti kho, bhikkhave, dhammasandosā vinayasan-

doso; vinayasandosā dhammasandoso. Mp luận giải rằng: "Sẽ ra sao sau khi Giáo Pháp (Dhamma) trở nên bị suy đồi, giới luật trở nên bị suy đồi? Khi những pháp tu (dhamma) sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) không còn được dung dưỡng, thì giới luật năm-phần không còn tồn tại. Nhưng khi không có giới luật về sự kiềm-chế trong số những người là thất-đức (không giới hạnh), thì sự vắng-lặng và sự minh-sát không được dung dưỡng. Theo cách này, thông qua sự suy đồi về giới luật, nên có sự suy đồi về Giáo Pháp." Giới luật năm-phần bởi sự kiềm-chế là sự kiềm-chế bởi giới-hạnh, sự chánh- niệm, sự-biết, sự kiên-nhẫn, và sự nỗ-lực (sīlasaṃvara, satisaṃvara, ñāṇasaṃvara, khantisaṃvara, viriyasaṃvara). Mời coi thêm Ps I 62,23–25, luận giải về kinh Tất Cả Những Ô-Nhiễm (Sabbāsava Sutta, MN 2).] (1084)

1085 [“Sự nương-dựa” là tạm dịch chữ nissaya. Ở đây, một thủ tục theo Luật

Tạng, là một Tỳ kheo nhỏ tuổi (tuổi hạ) cần tập sự bản thân dựa theo một Tỳ kheo trưởng lão thiện thạo, thông thường vị đó là vị thầy hướng dẫn (y chỉ sư) của người đó. Thủ tục tương tự đối với những Tỳ kheo ni. Thời hạn nis- saya (nương dựa vào vị y chỉ sư) thường là 05 năm sau khi vị Tỳ kheo trẻ đã thụ nhận đại thọ giới (toàn bộ giới; cụ túc giới), nhưng thời gian cũng có thể nhiều hơn trong trường hợp Tỳ kheo tập sự (y chỉ đệ) cần thêm nhiều thời gian mới đạt tới sự giỏi giang, thiện thạo. Về chi tiết, đọc thêm Ṭhānissaro 2007a: 29–40.] (1085)

1086 [Nguyên văn câu cuối này: abhidhammakathaṃ vedallakathaṃ kathentā.

Tôi coi chữ abhidhamma ở đây chỉ mang tính tham khảo, tức là, nó chỉ đơn giản có nghĩa là “thuộc về Giáo Pháp, liên quan tới Giáo Pháp”. Nó không phải chỉ tên bộ kinh hay tập kinh nào hay giáo pháp nào (tức không phải là danh từ riêng, không phải nói về “Vi Diệu Pháp”). Coi thêm DOP sv là abhi- dhamme. Tương tự, Mp cũng có vẻ cũng nhận ra chữ này không liên quan đến Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka; như nhiều người dịch vẫn lầm

tưởng), nó cũng giải nghĩa chữ abhidhammakathaṃ trong câu này chỉ nói về sự đàm đạo về “giáo lý cao thượng liên quan đến giới-hạnh …” (sīlā- diuttama-dhammakathaṃ). Mp cũng coi chữ vedallakathaṃ là “sự nói chuyện ‘đủ thứ’ (linh tinh, này nọ) về sự hiểu-biết liên quan sự vui vẻ tùy hứng” (vedapaṭisaṃyuttaṃ ñāṇamissakakathaṃ). Kinh MN 43 và MN 44 có chữ vedalla trong tên kinh và tiếp tục lời kinh là những câu hỏi và trả lời này nọ (đủ thứ, linh tinh) giữa hai vị đệ tử. “Giáo Pháp tăm tối” hay hắc Pháp (kaṇhadhammaṃ) ở đây được nói để chỉ khi trong cuộc đàm đạo xảy ra những sự tìm lỗi, bắt lỗi, bắt bẻ này nọ lẫn nhau với một cái tâm hay phê phán về người khác (randhagavesitāya upārambhapariyesana vasena) (1086)

1087 [Về lời kinh đoạn này: mời coi lại lời kinh giống vậy (và chú thích) trong

kinh 2:47, đoạn (1).] (1087)

1088 [Mp giải thích là: “Họ sẽ dính líu mật thiết theo cách năm sự dính líu

(pañcavidhena saṃsaggena)”. Mp-ṭ thì giải thích thêm: “Năm sự dính líu chính là: dính líu bởi sự nghe, nhìn, nói chuyện với nhau, ăn với nhau, và chạm xúc thân thể” (savanasaṃsaggo, dassanasaṃsaggo, samullāpasaṃsag- go, sambhogasaṃsaggo, kāyasaṃsaggo). Mp-ṭ còn định dạng tất cả những sự đó là sự thể hiện của nhục-dục, và còn nói thêm sự ‘chạm xúc thân thể’ là thông qua sự nắm tay [hatthaggāha (nắm tay) là một tội-lớn nhì (saṅghādisesa, tội tăng tàng) khi việc đó xảy ra giữa một Tỳ kheo và một Tỳ kheo ni. Những nữ tu tập sự (sikkhamānā) là những nữ tu đã thụ giới sa-di, đang tu tập để tiến tới chính thức thụ nhận đại thọ giới (toàn bộ giới) để trở thành một Tỳ kheo ni.] (1088)

1089 [Tội ô nhiễm (saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ) ở đây có lẽ chỉ những tội-lớn nhất

(pārājika, ba-la-di) hay tội-lớn nhì (saṅghādisesa, tăng tàng).] (1089)

1090 [Dùng những thứ được cất giữ (sannidhikāraparibhoga) (tích trữ thức-

ăn, vật dụng … để dùng riêng cho mình) là bị cấm bởi điều luật Pācittiya 38, Vin IV 86–87. Còn "sự gợi ý rõ ràng" (oḷārikaṃ nimittaṃ), Mp giải nghĩa: "Ở đây, việc đào bới và ra lệnh 'Đào!' thì được gọi là gợi ý rõ ràng đối với đất đai xung quanh. Chặt và ra lệnh 'Chặt!' được gọi là gợi ý rõ ràng đối với cây trồng xung quanh." Chỗ này liên hệ tới các điều luật Pācittiya 10 và 11,

Vin IV 32–33, 33–35 (như cấm đào bới, cấm chặt phá cây cối xung quanh nơi ở … vì mục đích riêng hay vụ lợi của mình).] (1090)

1091 [Nguyên văn câu tả về loại người này là: Kuhako ca hoti, lapako ca,

nemittiko ca, nippesiko ca, lābhena ca lābhaṃ nijigīsitā. Những hành vi này tạo nên sự mưu-sinh bất chánh (tà mạng), được giảng giải đầy đủ trong Vibh 352–53 (Be 861–65); chúng cũng được nói lại trong Vism 23–30, Ppn 1.61– 82.] (1091)

1092 [Về 04 loại trí-biết mang tính phân-tích (paṭisambhidā) này, mời coi lại

kinh 4:172.] (1092)

1093 [Tôi làm theo Ce ghi là: sātthā sabyañjanā, khác với Be và Ee ghi là:

sātthaṃ sabyañjanaṃ. Sự khác nhau này giữa các phiên bản cũng có ở mọi chỗ trong Kinh Tạng có cụm chữ này. Sự khác nhau này không phải là nhỏ nhặt; nó cho thấy rằng đối với Ce: ý nghĩa và câu chữ là thuộc về những giáo lý (dhammā), trong khi đó đối với Be và Ee: thì chúng thuộc về sự thực-hành đời sống tâm linh (brahmacariyaṃ; phạm hạnh, đời sống tu hành).

- Thuật ngữ này có nghĩa tốt hơn trong liên hệ với những giáo lý (dhammā) được diễn đạt bằng miệng, hơn là trong liên hệ với sự thực hành đời sống tâm linh (brahmacariyaṃ) vốn được sống hơn là được nói.] (1093)

1094 [Be ghi chỗ này là: diṭṭhiyā appaṭividdhā (không được thâm nhập bằng

cách-nhìn), cách ghi này có vẻ là 'một sự hiệu-đính có học hiểu' đối với công thức nguyên thủy của lời kinh. Vì nếu không thì chúng ta có lẽ đã phải trông đợi phải có một sự nối kết đối-nghịch, chẳng hạn như: ca hay ca pana, để chuẩn bị cho chúng ta về sự biến tấu so với cách ghi thông thường. Ce và Ee thì ghi cụm chữ quen thuộc là diṭṭhiyā suppaṭividdhā, tôi đã dịch theo cụm chữ này.] (1094)

1095 ["Người đó không coi lại tâm mình có được giải-thoát đến mức độ nào"

là tạm dịch câu: Yathāvimuttaṃ cittaṃ na paccavekkhati. Mp còn diễn dịch thêm là: "Sau khi xem xét lại những tội-lỗi đã được trừ bỏ và những đức- hạnh đã đạt được, người đó không nỗ-lực thêm để đạt tới những đức-hạnh cao hơn nữa". Đoạn kinh này dường như dự-báo trước ý tưởng "pacca- vekkhaṇañāṇa" rất nổi bật trong các luận

giảng (thường được dịch là (HV)

Chú Thích • 305

'phản khán trí', tức trí-biết xem xét lại đạo quả mà mình mới chứng đắc được).] (1095)

1096 [Mp chú giải rằng: "Kinh này nói về những nguyên-nhân dẫn đến sự sa-

sút hay sự tăng-trưởng của 07 hạng học-nhân đối với phần giới-hạnh bậc cao (giới-hạnh của người xuất gia). Những nguyên-nhân làm sa sút một học nhân cũng xảy ra trước đối với người tu khi còn là phàm phu (chưa chứng nhập vào dòng thánh đạo, chưa là một bậc học nhân).] (1096)

1097 [Nguyên văn: Ananulomikena gihisaṃsaggena. Về 05 loại sự dính-líu

(saṃsagga), mời coi lại chú thích 1088 của kinh 5:80 ở trên.] (1097)

1098 [Aññābyākaraṇāni. Mp: "Là sự tuyên bố thánh quả A-la-hán". (Trí-biết

cuối cùng/ chung kết/ rốt ráo là chữ để chỉ quả A-la-hán).] (1098)

1099 [Akuppaṃ: sự bất lay chuyển. Có lẽ đây muốn chỉ sự giải-thoát bất lay

chuyển của tâm (akuppā cetovimutti). Mp nhận định đây chính là trạng thái hay thánh quả A-la-hán.] (1099)

1100 [Nguyên văn: Sakkaccañña deti no asakkaccaṃ. Mp giải nghĩa: "Nó

tấn công một cách không coi thường, không mạo phạm." (tức cẩn trọng, dè chừng nguy hiểm từ con mồi).] (1100)

1101 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: Annabhāranesādānaṃ. Mp thì giải thích

annabhārā là những người ăn xin (yācakā) và nesādā là những người bẫy chim (sākuṇikā).] (1101)

1102 [Phần mở đầu kinh, cùng với phần lời kinh nói về 05 loại người thầy,

cũng có trong Luật Tạng, Vin II 185–87.] (1102)

1103 [Nguyên văn câu cuối: manomayaṃ kāyaṃ upapanno. Những thiên thần

có thân được làm bằng-tâm (hay do tâm tạo nên) là những thiên thần được tái sinh trong cõi trời sắc-giới nhờ năng-lực chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới.] (1103)

1104 [Chữ "thân" ở đây là dịch gọn chữ attabhāvapaṭilābha (sự đạt thành một

'cá thể' mới), tôi coi chữ paṭilābha chỉ đơn giản là bổ sung theo kiểu thành ngữ chứ không cộng thêm nghĩa gì vào chữ đó (nên chỉ đơn giản dịch là

306 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

'thân' của vị thiên thần đó). Mp giải nghĩa nó là = sarīrapaṭilābho, điều này ủng hộ giả thuyết của tôi là chữ đó chỉ đơn giản là chỉ về một 'thân' hay 'thân thể'. Thuật ngữ attabhāvapaṭilābha (sự đạt thành một 'cá thể' mới) cũng được nói đến ở đầu Phần thứ

hai của kinh 4:171 (mời coi thêm phần chú thích ở đó), trong đó thuật ngữ này hàm chỉ toàn bộ 'sự tạo thành của một loại chúng sinh'. Theo lời bài kinh ở đó thì không thể nào quy kết theo nghĩa hẹp là nó chỉ về một 'thân' hay 'thân thể', trong kinh đó nó cũng bao gồm cả loại "thiên thần thuộc phi tưởng phi phi tưởng xứ" (không có nhận- thức cũng không phải không còn nhận-thức) là những thiên thần không có thân thể vật lý.

- Về kích cỡ thân của vị thiên thần, lời kinh ghi là dve vā tīṇi vā māgadhikāni gāmakkhettāni. Về chữ gāmakkhetta nhà sư Brahmāli có viết rằng: "Chữ này cũng có ghi trong kinh MN 10, mục 11 trong câu: ekaṃ gāmakkhettaṃ upanissāya viharāma, và có ghi trong kinh MN 167, mục 27 trong câu: am- hākaṃ gāmakkhettaṃ āgacchanti. Từ những trích dẫn mới này dường như đã rõ ràng với tôi rằng chữ gāmakkhetta chỉ về một ngôi làng cùng với tất cả ruộng đồng của nó". Những con số chiều dài được ghi trong Mp có thể suy ra thân của vị thiên thần đó là khoảng 3–4.5 dặm Anh, tức cao tới khoảng 5-7 km.] (1104)

1105 [Lời kinh ghi là tassā iddhiyā (thần-thông đó) chứ không ghi là tassa id-

dhiyā (thần thông của người đó). Ở đây có đề cập bằng một đại từ chỉ về một thần-thông, nhưng lời kinh vẫn chưa lộ rõ đó là loại thần-thông gì. Bối cảnh ở đây được truy lại trong Luật Tạng (Vin II 184,33–185,21), trong đó thầy Đề- bà-đạt-đa (Devadatta) đã dụng thần-thông biến-hóa mình để biến thành một bé trai đeo dây đai (nịt) bằng những con rắn. Thầy ấy đã dùng thần lực để gây ấn tượng với Hoàng tử À-xa-thế (Ajātasattu) để được hoàng tử ủng hộ theo những ý đồ của thầy ấy. Rồi ngay cái lúc có ý-nghĩ muốn giành được sự lãnh đạo Tăng Đoàn từ Đức Phật, thầy ấy đã mất đi loại thần-thông đó.] (1105)

1106 [Nguyên văn câu này: Yaṃ tumo karissati tumo'va tena paññāyissati.

PED giải thích ngữ căn tuma là "một dạng tắt của chữ ātuma = attā = Phạn ātman: cái 'ta', ngã." Mp cắt nghĩa là: "Người sẽ được biết bởi hành động mà người đó làm" (yaṃ esa karissati, eso'va tena kammena pākaṭo bhavis- sati).] (1106)

1107 [Nguyên văn: aparisuddhaveyyākaraṇo. Mp không luận giải về chỗ này.

Tôi cho rằng "sự giảng giải" ở đây là chỉ về sự/cách giảng-giải của người thầy về một giáo lý hay sự/cách trả-lời và giải-thích của ông đối với những câu hỏi.] (1107)

1108 [Nguyên văn câu này: Sekhavesārajjakaraṇā dhammā.] (1108)

1109 [Sārajjaṃ: tạm dịch là "ngại ngần". Mp giải nghĩa nó là domanassaṃ

(phiền bực, ưu, nhưng cách giải nghĩa này không đủ đầy đủ và rõ ràng. Sāraj- ja là trạng thái một người cảm thấy rụt rè, ngại ngần, và không an toàn (sāra- da) khi phải xuất hiện trước đám đông hoặc đứng trước những sự việc của cộng đồng. Chữ đối nghĩa của nó là vesārajja, là trạng thái một người cảm thấy thư thả và tự tin (visārada) khi đứng trước đám đông hoặc khi tương tác với những người khác.] (1109)

1110 [Ee ghi chữ kuppadhammo rõ ràng là bị sai, cho dù trong những chú giải

về những cách ghi khác nhau này Ee có nhận biết cách ghi đúng là akuppa- dhammo (trạng thái bất lay chuyển). Mp giải nghĩa chữ này = khīṇāsavo (người đã tiêu diệt ô-nhiễm, một A-la-hán). Đối với Tăng Đoàn muốn giữ được sự tôn-trọng của cộng đồng Phật tử tại gia, thì điều quan trọng không chỉ là (i) những tu sĩ phải là có giới-hạnh trong mọi hành-vi của mình mà còn (ii) phải để tránh những hành-động có thể làm phát sinh sự nghi-ngờ. Những hành vi như được nói trong kinh này không những phản ánh một cách bất lợi cho cá nhân tu sĩ đó mà còn mang lại sự làm xấu-đi và lầm mất uy-tín cho Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Đó là lý do bài giáo giới này đã được nói ra.] (1110)

1111[Mp giải nghĩa chữ vesiyāgocaro là: tāsaṃ gehaṃ abhiṇhagamano (thường xuyên đến nhà họ). Như vậy là trong câu này và ngữ cảnh này chữ gocara không được dùng theo nghĩa hẹp của nó là "một nơi để khất thực".] (1111)

1112 [Kinh này là kinh song hành của kinh 3:50 được mở rộng thêm điều (4)

và (5).] (1112)

1113 [Những vụ trộm cắp là dịch chữ gốc gahaṇāni, nghĩa gốc là "những sự

lấy, những sự lấy đi". Mp chú giải là: "Sự lấy những thứ của những khác"

(parasaṅtakānaṃ bhaṇḍānaṃ gahaṇāni).] (1113)

1114 [Guyhamantā. Ở đây chữ mantā ắt hẳn có nghĩa là "những sự mưu tính"

hay nghĩa là "những sự tư vấn" chứ không có nghĩa là những mantra (bùa, chú). Mp chỉ đưa ra một sự giải nghĩa dạng động từ là = guhitabbamantā.] (1114)

1115 [Nguyên văn là antaggāhikāya. Mp giải thích là: "Người đó nắm giữ tư

tưởng bất-diệt (thường kiến) hoặc tư tưởng tự hủy diệt (đoạn kiến)."] (1115)

1116 [Toàn bộ kinh này, sau lời mở đầu và câu kết đoạn, tức đoạn trong ngoặc

{…}, là giống toàn bộ đoạn (4) của kinh 4:87 (là kinh 4-pháp), nói về một Tỳ kheo là 'hạng sa-môn tinh tế', trong đó 05 chi đoạn đánh số từ (i) … (v) người dịch giữ nguyên cách đánh số như vậy [thay vì (1) … (5)] trong kinh này (là kinh 5-pháp). - Mời coi lại các chú thích trong kinh 4:87.] (1116)

1117[Phāsuvihārā: những phương tiện để sống thư thái (an ổn). Những phương tiện này còn có thể được gọi là "những nguyên tắc để hòa-hợp", như được ghi trong các kinh 6:11–12. Về phần nội dung: ngoài những câu mở đầu và đặt vấn đề, nội dung này hầu như y hệt kinh 6:12, chỉ khác là nó bỏ đi đoạn thứ năm trong kinh 6:12.] (1117)

1118 [Nguyên văn vế cuối là: no paraṃ adhisīle sampavattā. Tôi coi chữ

adhisīle ở đây chỉ đơn thuần chỉ có nghĩa là "về mặt/về phần/ về vấn đề giới- hạnh", chứ không hàm nghĩa chỉ 'giới-hạnh bậc cao' (tăng thượng giới, giới- hạnh của bậc xuất gia) [mặc dù, dĩ nhiên, phần giới-hạnh bậc cao cũng cùng được kiểm chế bởi Giới Bổn Tỳ Kheo (Pātimokkha)]. Mp cũng ủng hộ cách diễn dịch chữ adhisīle theo nghĩa đơn

thuần này, nên Mp đã giải nghĩa là: "Người đó không phê bình hay chỉ trích người khác về vấn đề giới-hạnh" (paraṃ sīlabhāvena na garahati na upavadati).] (1118)

1119 [Chữ gốc: cātuddiso. Mp giải nghĩa là: "Người đó đi lại mà không bị trở

ngại trong bốn phương" (catūsu disāsu appaṭihatacāro).] (1119)

1120 [Ce không có ghi tên NHÓM này ở chỗ bắt đầu, những nó có ghi tên

NHÓM trước phần kệ tóm tắt (uddāna) ở cuối nhóm.] (1120)

1121 [Nghĩa chỗ này không rõ ràng, và những phiên bản cũng ghi khác nhau.

Ce ghi là viyatthūpasevī, Ee vyatthūpasevī, Be vissaṭṭhupasevī. Mp (của Be) giải nghĩa là: "Người đó giao lưu những gia đình bị chia rẽ (bất hòa) để tạo ra sự xích mích bất hòa (giữa họ)" (vissaṭṭhāni bhinnakulāni ghaṭanatthāya upasevati). Mp (của Ce) thì chỉ giải thích gọn là: "Người đó giao lưu với những gia đình bị chia rẽ (bất hòa)" (viyatthāni bhi-nnakakulāni).] (1121)

1122 [Sammā-dassana: tầm-nhìn chánh đúng; chữ này đồng nghĩa với cách-

nhìn đúng đắn hay chánh kiến (sammā-diṭṭhi). Mp diễn dịch có tầm-nhìn chánh đúng là: "Có được năm loại chánh-kiến: về trách nhiệm của mình đối với nghiệp, về thiền định, về thiền quán, về đạo, và về quả.] (1122)

1123 [Mp giải nghĩa là: "Ni đó keo kiệt về chỗ-ở (āvāsamaccharinī): không

(thể) chịu (được) người khác ở đó. Ni đó keo kiệt về những gia-đình (ku- lamaccharinī) là những thí chủ đã trợ giúp cúng dường cho mình: không chịu không muốn những người tu khác tiếp cận những gia đình đó [để được trợ giúp, cúng dường]. Ni đó keo kiệt về những lợi-lộc (lābhamaccharinī): không chịu những người khác cũng được (cho, cúng, tặng) những lợi-lộc đó. Ni đó keo kiệt về lời-khen (guṇamaccharinī): không chịu nói lời khen (hay thích nghe ai nói lời khen) về những đức-tính tốt của người khác. Và ni đó keo kiệt về Giáo Pháp (dhammamaccharinī): không muốn chia sẻ Giáo Pháp cho những người khác (học, biết).] (1123)

1124 [Saddhādeyyaṃ vinipāteti. Mp: "Khi ni đó được cúng dường thức-ăn bởi

những thí chủ vì niềm-tin của họ (đối với tăng đoàn hay Tam Bảo), thì ni đó không sớt lấy phần trên [cho mình] và chia phần còn lại cho những ni khác." Giới luật cấm sự phung phí những thứ được cúng dường vì niềm-tin của những thí chủ có ghi trong Luật tạng Vin I 298,1–3 như vầy: "Này các Tỳ kheo, một món quà được cúng dường vì niềm-tin không nên bị phung phí. Với ai phung phí nó, thì đó là một sự phạm tội sai trái" (na ca bhikkhave sad- dhādeyyaṃ vinipātetabbaṃ; yo vinipāteyya, āpatti dukkaṭassa). Đây là một tội vì nó thể hiện sự không tôn trọng đối với lòng bố-thí của người khác. Sau khi đã sớt lấy phần trên cho mình, một người tu chia sẻ phần còn lại cho người khác. Đức Phật cũng cho phép một điều đặc biệt là một người xuất gia có thể đem cho cha mẹ những phần thức-ăn, quần-áo, và những thứ được cúng dường khác

nếu cha mẹ đang thực sự cần có!.] (1124)

1125 [Về cách đặt dấu câu, tôi làm theo như Be và Ee: nối cụm chữ dhammānaṃ udayatthagāminiyā paññāya với cụm chữ ajjhattaṃ yeva sati sūpaṭṭhitā hoti. Ce thì đặt một dấu phẩy sau chữ hoti và không có dấu câu sau chữ paññāya, như vậy là nối cụm chữ dhammānaṃ udayatthagāminiyā paññāya với cụm chữ theo sau là asubhānupassī kāye viharati. Tuy nhiên, điều này nối kết với 'sự thiền quán về sự không hấp-dẫn của thân' với 'trí- tuệ để nhận biết sự sinh và diệt', mà sự nối kết này, theo tôi hiểu biết, là không thấy có nói ở chỗ nào khác trong toàn bộ Kinh Tạng các Nikāya [ngoại trừ phần điệp khúc trong bài kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm (Satipaṭṭhāna Sutta, kinh Niệm Xứ).] (1125)

1126 [Kinh Sn 386 gợi ý chữ akālacārī ở đây là chỉ sự đi khất thực vào lúc

không phù hợp.] (1126)

1127 [Về sự biết hài-lòng (tri túc), mời coi lại chú thích số 55 trong kinh 1:65,

như vầy: [Nguyên văn: santuṭṭhitā. Mp phân biệt 03 loại sự biết hài-lòng: (1) sự biết hài-lòng với những gì mình có được (yathālābhasan-tosa): như biết hài lòng với những thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, thuốc-thang, cho dù chúng thuộc phẩm cấp tốt hay tệ; (2) sự biết hài-lòng với khả năng của mình (yathābalasantosa): biết hài lòng với những thứ mình có được nhưng biết chọn dùng thứ nào thích hợp với sức khỏe của mình nhất (ví dụ người có tiêu hóa tệ thì nên chọn ăn những thức-ăn dễ tiêu ...); (3) sự biết hài-lòng với điều phù hợp (yathāsāruppasantosa): giữ những thứ căn bản nhất cho mình và cho đi những thứ còn lại. - Coi thêm Bodhi 1989: 130–34.].] (1127)

1128 ["Vết thương" là tạm dịch chữ parikuppā. Mp chú giải đó là "sự gì có

bản chất hành hạ dày vò, giống như một vết thương cũ" (parikuppanasa- bhāvā purāṇavaṇasadisā). Thông dụng hơn thì những hành-động này được gọi là những nghiệp nghiêm trọng hay trọng tội (ānantariya kamma) dẫn tới kết quả tức thì là tái sinh trong địa ngục. Coi thêm kinh 6:93.] (1128)

1129 [Khổ nạn đối với giới-hạnh (sīlavyasana) ở đây rõ ràng chỉ những hành

vi phạm giới-luật về đạo đức, và khổ nạn về cách-nhìn (diṭṭhivyasana) là chỉ sự nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), đặc biệt là loại tà kiến chối bỏ nguyên lý 'nghiệp và nghiệp quả'.] (1129)

1130 [Dhammen'eva cakkaṃ vatteti. Mp chú giải rằng: "Chữ 'Giáo Pháp' ở

đây là chỉ mười [đường] nghiệp thiện".] (1130)

1131 [Mp diễn dịch rằng: "Người biết điều gì là tốt (atthaññū): người biết năm

phần thiện [Mp-ṭ giải nghĩa thêm năm phần thiện là: điều tốt cho (của) mình, điều tốt cho người khác, điều tốt cho cả mình và người, điều tốt thuộc kiếp này, và điều tốt thuộc kiếp sau]. Người biết Giáo Pháp (dhammaññū): người biết bốn phần Giáo Pháp [Mp-ṭ giải nghĩa thêm bốn phần Giáo Pháp là: Giáo Pháp về Bốn Diệu Đế, hay bốn loại giáo pháp (dhamma) được phân biệt thuộc cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới, và siêu thế]. Người biết sự đo lường đúng đắn (mattaññū): người biết sự đo lường đúng đắn trong việc nhận và sử dụng bốn thứ cúng dường (y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh). Người biết thời gian phù hợp (kālaññū): người biết thời gian như vầy: 'Đây là thời gian sống tách-ly; đây là thời gian chứng nhập thiền; đây là thời gian dạy Giáo Pháp; và đây là thời gian để đi du hành trong xứ sở'. Người biết hội chúng (parisaññū): người biết: 'Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ … đây là hội chúng những tu sĩ'."] (1131)

1132 [Kinh 1:187 cũng nói điều này về Ngài Xá-lợi-phất.] (1132)

1133 [Coi thêm và so sánh với kinh 3:14.] (Phần nội dung kinh bắt đầu từ câu

dưới đây cho đến '… trong hình dạng con người' là giống hệt trong kinh 3:14. Phần thứ hai của kinh này có ghi thêm các đối tượng được che chở phòng hộ là 'các Tỳ kheo … đệ tử tại gia nữ', và dĩ nhiên có thêm hai điều (4) và (5). Mời quý vị nên đọc lại cái chú thích trong kinh 3:14 không được lặp lại trong kinh song hành này.) (1133)

1134 [Khi luận giải về câu: saṃsuddhagahaṇiko yāva sattamā pitāmahayugā

akkhitto anupakkuṭṭho jātivādena, Mp đã nói rằng cụm chữ yāva sattamā pitāmahayugā có thể được hiểu cụm chữ đồng đẳng với saṃsuddhagahaṇiko hoặc đồng đẳng với akkhitto anupakkuṭṭho jātivādena. Be và Ee thì ghi dấu phẩy như thể nó nên được hiểu theo cách thứ nhất, còn Ce thì coi theo cách hiểu thứ hai. Tôi dịch theo Ce.] (1134)

1135 [Nguyên văn câu cuối: Paṭibalo atītānāgatapaccuppanne atthe cintetuṃ.

Mp chú giải là: "Thông qua nhưng ích lợi hiện tại, người đó xem xét điều xảy ra trong quá khứ và điều sẽ xảy ra trong tương lai" (so hi paccup- pannaatthavaseneva "atītepi evaṃ ahesuṃ, anāgatepi evaṃ bhavissantī" ti cinteti).] (1135)

1136 [Salākaggāhī: người lấy thẻ. Mp chú giải: "Vào lúc đếm số những con

voi, nó lấy [tốn] một thẻ đếm." Thẻ ở đây là tấm thẻ gỗ hay thẻ cây để đếm từng voi (ví dụ, mỗi con voi đi qua, người đếm lấy một thẻ hay một que gỗ bỏ vô thùng hay rỗ, sau đó đếm tổng số thẻ để biết số con voi; giống như cách dùng que hay thẻ để đếm những bao lúa bao gạo được vác vào kho hay xuống thuyền).] (1136)

1137 [Ce ghi là pīṭhamaddano; Be ghi là mañcapīṭhamaddano (người phá

giường phá ghế).]

1138 [Mp: "Vào lúc đếm số Tỳ kheo, người đó lấy một thẻ đếm.] (1138)

1139 [Chỗ này tôi ưu tiên đọc theo Ee là dhammehi, Ce và Be thì ghi là

aṅgehi. Đoạn kết của phần này, và đoạn mở đầu và đoạn kết tương ứng của phần nói về một Tỳ kheo thành tựu thì tất cả đều ghi là dhammehi.] (1139)

1140 [Mp giải thích: "Người vi phạm (ārabhati): người đó vi phạm bằng cách

phạm tội [theo giới luật Tăng đoàn], và sau đó thấy hối hận (vippaṭisārī ca hoti) vì điều đó. Sự giải-thoát của tâm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ chính là sự định-tâm ở thánh đạo A-la-hán và trí-biết của thánh quả A-la-hán. Người đó không hiểu được điều này bởi người đó chưa chứng ngộ tới nó.] (1140)

1141 [Mp giải thích: "Người đó phạm vào một tội nhưng khôi phục được bản

thân, và nhờ đó không bị hối hận"] (1141)

1142 [Mp giải thích: "Sau khi phạm vào một tội, ngườ

1147 [Lời kinh gốc là: āgamanadiṭṭhiko. Mp chú giải là: "Người đó bố thí với

niềm-tin vào nghiệp và nghiệp quả."] (1147)

1148 [Samayavimuttassa bhikkhuno: một Tỳ kheo được giải-thoát một cách

tạm thời. Mp giải nghĩa là: "Người đó được giải-thoát trong tâm thông qua một sự giải-thoát thuộc thế tục, một sự giải-thoát tạm thời có được là nhờ sự khống chế những ô-nhiễm (lậu hoặc) trong trạng thái tầng thiền định." (tức là, sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định thì những ô-nhiễm sẽ có lại, và người tu vẫn chưa được giải-thoát một cách rốt ráo.] (1148)

1149 [Tôi đặt tên kinh này như tên gọi trong phần thi kệ tóm tắt (uddāna) ở

cuối chương theo phiên bản của Be, trong đó có ghi là: tayo sammattani- yāmā; còn trong phần thi kệ tóm tắt của Ce và Ee thì ghi là: tayo sad- dhammaniyāmā.] (1149)

1150 [Nguyên văn câu này: Abhabbo niyāmaṃ okkamituṃ kusalesu dhammesu

sammattaṃ. Mp giải nghĩa là: "Người đó chưa đủ phẩm chất, không có khả năng nhập vào 'đạo lộ đã định xong', (đạo lộ đó) gồm có sự chân-chính (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành" (kusalesu dhammesu sammat- tabhūtaṃ magganiyāmaṃ okkamituṃ abhabbo abhājanaṃ). Mời coi lại thêm thuật ngữ này trong kinh 3:22 và chú thích 358 của nó.] (1150)

1151 [Giống như kinh 4:160, ngoại trừ kinh này có thêm đoạn (5) ở mỗi phần.

Mời coi lại các chú thích trong kinh 4:160. Coi thêm kinh 2:20.] (1151)

1152 [Đoạn (5) này giống đoạn (5) của kinh 5:54 ở trên.] (1152)

1153 [So sánh với kinh 5:101, (và coi thêm các chú thích trong kinh đó về sự

ngại-ngần và sự tự-tin).] (1153)

1154 [(Mp đã nhận dạng) đây là Lāḷudāyī, thường được mô tả là một Tỳ kheo

tự phụ tự cao. Do vậy, những lời kinh tiếp theo có thể được coi như sự quở trách của Phật đối với thầy ấy vì thầy ấy chưa đủ chín chắn nhưng luôn muốn làm một sư thầy hay sư ông. Một ví dụ khác về sự bốc đồng khinh suất của thầy Udāyī là ở cuối kinh 3:80 và trong kinh 5:166. Trong 6:29, và cũng có trong kinh MN 136, mục 6, thầy ấy cũng bị quở trách bởi Phật. Trong Luật Tạng (Vinaya Piṭaka) cũng có mô tả về một Udāyī là một Tỳ kheo phạm tội

tà-dâm mà vì chuyện đó nên phải đặt ra một số điều-luật [thuộc tội tăng tàng, saṅghādisesa); nhưng vẫn còn là câu hỏi liệu Udāyī đó cùng là một người với Udāyī này hay không. Thậm chí Udāyī đó có thể không có thực trong lịch sử mà chỉ được dùng làm cái 'cớ' để đưa ra những điều-luật đó.] (1154)

1155 [Nguyên văn câu này: Ānupubbīkathaṃ kathessāmi. Mp giải nghĩa là:

"Một người nên chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác sau khi đã quyết định (quyết tâm, nhất tâm): 'Trước tiên tôi sẽ nói về lòng bố-thí, kế tiếp là nói về giới-hạnh, và tiếp theo là về cõi-trời; hoặc tôi sẽ giảng giải một đoạn kinh hay thi kệ theo đúng trình tự của lời kinh.'"] (1155)

1156[Câu cuối: Pariyāyadassāvī. Mp giải nghĩa là: "Chỉ ra nguyên-nhân (kāraṇa) của điều này, của điều nọ."] (1156)

1157 [Nguyên văn: Yattha bhikkhuno uppanno āghāto sabbaso paṭivinetabbo.

Tôi dịch câu này theo cách Mp chú giải là: "Khi sự bực tức (tức tối, phẫn nộ, căm phẫn, cay ghét) đã khởi sinh trong một Tỳ kheo đối với một đối-tượng nào đó (yattha ārammaṇe), thì nó sẽ được hoàn toàn xua tan bằng năm cách này." Như vậy Mp coi chữ yattha có nghĩa là người (đối tượng, vị ngữ; vì đối tượng đó, vì người đó) mà sự bực tức đã khởi sinh, chứ không có nghĩa chỉ nơi chốn mà sự bực tức đã khởi sinh.] (1157)

1158 [Nguyên văn câu này: Labhati ca kālena kālaṃ cetaso vivaraṃ cetaso

pasādaṃ. Mp giải nghĩa là: "Dần dần người đó đạt tới sự khai mở của tâm, đó là, một cơ hội khởi sinh trong tâm người đó cho sự vắng-lặng (định) và minh-sát (tuệ), và người đó đạt được sự bình-lặng (hiền từ), trong đó có cả sự thành tựu của niềm-tin" (kāle kāle samathavipassanācittassa uppan- nokāsasaṅkhātaṃ vivarañceva saddhāsampannabhāvasaṅkhātaṃ pasādañca labhati).] (1158)

1159 [Nguyên văn câu cuối này: Samantapāsādikaṃ āvuso puggalaṃ āgamma

cittaṃ pasīdati. Câu này rõ ràng chỉ riêng về loại người thứ (5) này. Vì các hành-vi và tâm của người này đều là trong-sạch, cho nên người tu dễ dàng xua tan sự bực tức đối với người đó và lắn tâm xuống thành một trạng thái của sự tin-tưởng và sự tĩnh-lặng.] (1159)

1160 ["Những thiên thần tồn tại (sống được) nhờ vào thức-ăn

(kabaḷīkārāhārabhakkhānaṃ devānan): chính là những thiên thần thuộc cõi dục-giới. Một nhóm thiên thần được tạo bằng-tâm (aññataraṃ manomayaṃ kāyan): là một nhóm những trời brahmā (phạm thiên) trong (01 trong) 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, nơi tái sinh của những bậc Bất-lai), là những người được tái sinh bằng tâm của tầng thiền định (jhāna).”] (1160)

1161 [Nguyên văn câu trả lời này: Ye te, bhante, devā arūpino saññāmayā. Với

câu trả lời này, thầy Udāyī đã nhầm lẫn với những thiên thần cõi vô-sắc giới là những thiên thần được cho là được tạo bằng nhận-thức (saññāmaya); còn đây là thầy Xá-lợi-phất đang nói về số những thiên thần ở cõi dục-giới [bao gồm cả năm cõi trời trong sạch, tịnh cư thiên], là những thiên thần được cho là được tạo bằng-tâm (manomaya).] (1161)

1162 [Chỗ này tôi đọc theo Ce và Ee ghi là: mayaṃ te na pucchāma; còn Be

ghi là: mayaṃ tena na muccāma.] (1162)

1163 [Câu này: Yathā āyasmantaṃyev’ettha upavāṇaṃ paṭibhāseyya. Mp giải

thích chữ yathā là một chữ chỉ lý do (kāraṇavacanaṃ). Tôi coi chữ paṭibhāsati có nghĩa là “yêu cầu, kêu [ai nói về điều gì]” [coi thêm SED sv, chữ pratibhāsh]. Mp giải thích tiếp rằng (câu này của thầy Ananda như có nghĩa là): “Khi điều gì đã được nói ra bởi đức Thế Tôn đề cập về vấn đề này, thầy nên nghĩ trước những điều cần để trả lời.” [chữ paṭivacana có nghĩa là: một câu đối-đáp lại].] (1163)

1164 [Câu này tôi đọc theo Ce và Ee là: na saṃvijjeyyuṃ, kena naṃ sabrah-

macārī sakkareyyuṃ garukareyyuṃ māneyyuṃ pūjeyyuṃ. Be thì ghi: na saṃvijjeyyuṃ, taṃ sabrahmacārī na sakkareyyuṃ na garuṃ kareyyuṃ na māneyyuṃ na pūjeyyuṃ.] (1164)

1165 [Nguyên văn vế cuối là: No kālena kupitaṃ. Lạ thay chỗ này lời kinh

dùng chữ kupita để chỉ sự đang bị quở trách vào lúc thích hợp. Chữ kupita thông thường có nghĩa là “bị làm phiền, bị chọc tức, bị chọc giận”, và vào lúc thích hợp sẽ thích hợp để quở trách người đó. (Nhưng TKBĐ vẫn giữ dịch nguyên nghĩa “bị làm phiền”).] (1165)

1166[Nguyên văn cả câu này: Atthakusalo, dhammakusalo, niruttikusalo, byañjanakusalo, pubbāparakusalo. Tôi dịch theo thứ tự các cụm tính từ trong

câu này theo Ce. Be và Ee thì đặt cụm từ byañjanakusalo trước niruttikusalo. Theo thứ tự trong Ce: 03 cụm tính từ đầu rõ ràng tương ứng là 03 loại trí-biết (mang tính) phân-tích (paṭisambhidā, vô ngại giải trí). Có lẽ 02 cụm tính từ sau có thể được bao hàm dưới loại trí-biết là paṭibhāna-paṭisambhidā (trí-biết (mang tính) phân tích về sự biện-tài; biện-tài vô ngại giải trí). Mp chú giải 05 loại thứ-tự là: thứ tự về ý-nghĩa

(atthapubbāpara), thứ tự về Giáo Pháp (dhammapubbāpara), thứ tự về những âm-tiết (akkharapubbāpara), thứ tự về câu chữ (byañjanapubbāpara), và thứ tự về các phần bên trong một bài kinh (anusandhipubbāpara).] (1166)

1167 [Tôi thích đọc câu này theo Ce là: te santaññeva sukhitā sukhaṃ paṭisaṃvedenti hơn cách ghi của Be và Ee là: te santaṃyeva tusitā sukhaṃ paṭivedenti.] (1167)

1168 [Nguyên văn câu này: Sameti kho idaṃ āyasmato bhaddajissa, yadidaṃ

bahujanena. Tôi đọc theo Be và Ee, nó có ghi dấu chấm hỏi cuối câu. Mặc dù câu này không ở thể nghi vấn, nhưng cách đặt động từ lên đầu câu dường như để hàm ý câu hỏi chứ không phải câu khẳng định.] (1168)

1169 [Nguyên văn câu này: Anantarā āsavānaṃ khayo hoti. Về cái "điều-kiện

tức thì (ngay trước, kế cận) để có sự tiêu diệt ô-nhiễm": mời quý vị coi lại chú thích 851 dài và chi tiết trong kinh 4:162, đoạn (1).] (1169)

1170[Nguyên văn cả câu này: Upāsakacaṇḍālo ca hoti upāsakamalañca upāsakapatikuṭṭho ca. Caṇḍāla [chiên-đà-la, mạt chủng, bần cùng, hạ tiện] là những người bị bỏ đi, bị khinh khi, là hạng thấp mạt nhất trong tầng lớp bần cùng.] (1170)

1171 [Nguyên văn câu này: Ito ca bahiddhā dakkhineyyaṃ gavessati. Nghĩa là,

tìm kiếm bên ngoài Tăng Đoàn. Về những giá trị của việc cúng dường theo những mức độ công đức, mời quý vị coi lại kinh MN 142.] (1171)

1172 [Nguyên văn câu này: Upāsakaratanañca hoti upāsakapadumañca up-

āsakapuṇḍarīkañca.] (1172)

1173 [Cụm chữ cuối: pavivekaṃ pītiṃ. Mp diễn dịch đây là: "niềm hoan-hỷ

khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất và thứ hai."] (1173)

1174 [Ở đây tiếng Pāli ghi số nhiều: sehi dārehi santuṭṭho. (Có lẽ bối cảnh Ấn

Độ với chế độ đa thê).] (1174)

1175 [Be và Ee ghi là ārame; Ce ghi là nārame. DOP đưa ra cả 02 nghĩa của

chữ āramati là "bỏ đi, tránh, tránh xa, tránh khỏi" và "thích thú, khoái thích". Như vậy cách ghi của Be và Ee (mà tôi dịch theo) là phù hợp với nghĩa đầu, còn cách ghi của Ce là hợp với nghĩa sau.] (1175)

1176[Cụm chữ này: puññatthassa jigiṃsato. Mp giải nghĩa dòng này là: puññena atthikassa puññaṃ gavesantassa. Chữ jigiṃsati là một dục từ của jayati, ở đây có nghĩa là: "muốn đạt được, muốn đắc được".] (1176)

1177 [Từ câu này trở đi là giống phần thi kệ của kinh 3:57. Mời coi lại cách

chú thích 417, 418 ở phần thi kệ ở kinh đó.] (1177)

1178 [“Niềm chân-phúc vô thượng của sự giải-thoát”: ở đây tôi dịch theo Ce

ghi là: anuttaraṃ vimuttisukhaṃ. Be và Ee thì ghi là: anuttaraṃ vimuttiṃ.] (1178)

1179 [Nguyên văn câu này: Pāpiccho icchāpakato āraññiko hoti. Mp diễn

dịch: “Do người đó nghĩ: ‘Khi ta sống trong rừng, người ta sẽ tôn vinh ta bằng bốn thứ cúng dường, họ nghĩ ta là người sống tu trong rừng. Họ sẽ tôn kính ta vì những đức hạnh của ta, họ nghĩ ta có đầy lương tri và sống tách ly ẩn dật, và vân vân.’ Như vậy người đó là người sống trong rừng là do tham- muốn đó, người đó bị chi phối bởi tham-muốn (có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang mà những thí chủ sẽ cúng dường).” (Sự giải thích tương tự cho những loại người trong dãy kinh kế tiếp).] (1179)

1180 [Phiên bản Ce tiếp tục sau kinh này bằng 01 kinh riêng nói về “năm loại

người này sống chỉ dựa vào thức-ăn khất thực được sau một vòng đi khất thực mỗi ngày” (pañc’ ime bhikkhave piṇḍapātikā), nhưng kinh này không có trong các phiên bản Be và Ee. Chỗ này tôi làm theo Be và Ee, vì Ce đã nới NHÓM này thành “nhóm 11 kinh” bất thường lệ (đúng lệ thì mỗi nhóm (vag- ga) chỉ có 10 kinh). Tất cả những pháp tu tập (khổ hạnh, đầu-đà) này cũng được giảng giải chi tiết trong Vism, Chương 2.

- Trong những loại người tiếp theo bên dưới, loại “người luôn ngồi chứ

không nằm” là người ngủ cũng ngồi chứ không nằm ngủ; loại “người nằm bất cứ chỗ nào nằm được” là chấp nhận bất cứ chỗ ngủ nào người ta cho, không kén chọn; loại “người chỉ ngồi ăn một lần trong ngày” là ngồi ăn tất cả thức-ăn cần ăn một lần cho cả ngày, sau khi đứng dậy là không ăn bất cứ thứ gì nữa; và loại “người bắt đầu ăn thì không nhận thức-ăn nữa” cho dù có ít hay nhiều.] (1180)

1181 [Chỗ này tôi dịch theo Be ghi là: sampiyen’eva saṃvāsaṃ saṃbandhāya

sampavattenti. Ce và Ee thì ghi chữ saṃsaggatthāya thay vì saṃbandhāya. Mp (của Be) dường như ủng hộ Be bằng đoạn luận giải này: piyo piyaṃ upasaṅkamitvā paveṇiyā bandhanatthaṃ saṃvāsaṃ pavattayanti. Còn Mp (của Ce) thì ghi chữ ganthanatthaṃ thay vì bandhanatthaṃ. Chữ saṃbandhāya được giải nghĩa = paveṇiyā, nó có thể chỉ sự liên-tục của gia tộc hay dòng tộc.] (1181)

1182 [Chỗ này Be ghi là: … sampiyenapi saṃvāsaṃ saṃbandhāya saṃpavat-

tenti, có vẻ không được hoàn chỉnh về câu cú. Ee cũng giống như vậy chỗ này. Tôi làm theo Ce, đặt ở đây 02 mệnh đề tương phản nhau là: … sampiyenapi saṃvāsaṃ saṃsaggatthāya sampavattenti, asampiyenapi saṃvāsaṃ saṃsaggatthāya sampavattenti; nhưng tôi muốn thay chữ saṃsag- gatthāya trong Ce bằng chữ saṃbandhāya trong Be cho hoàn chỉnh.] (1182)

1183 [Lời trách cứ chỉ trích Phật y hệt như vầy bởi một số bà-la-môn Phật

cũng thấy có trong một số kinh khác. Coi thêm các kinh 4:22 (những bà-la- môn già) và 8:11 (bà-la-môn tên Verañjā) cũng trách cứ Phật về điều y hệt này, nhưng lúc đó Phật

đã là một Vị Thầy thành công từ lâu.] (1183)

1184 [Nguyên văn chữ này: komārabrahmacariyaṃ. Đây là chỉ một người

sống độc thân từ nhỏ, từ lúc còn trinh trai.] (1184)

1185 [Đoạn này hàm ý rằng, trái với những giả định phổ biến, thực ra vào thời

Đức Phật còn tại thế những bà-la-môn không bị bắt buộc phải 'kết hôn và sống đời sống của một gia chủ'. Thời sau đó việc lập gia đình là điều thông thường đối với những bà-la-môn trong thời gian còn trẻ, nhưng dường như trong giai đoạn này có một số bà-la-môn, sau khi hoàn thành việc tu-tập, đã chọn con đường từ bỏ đời sống thế tục ngay cả khi còn trẻ, và xuất gia suốt

phần đời còn lại. Về những tu sĩ bà-la-môn độc thân, mời coi thêm học giả Samuel 2008: trang 122–123, 154–165.] (1185)

1186 [Nguyên văn cụm chữ cuối: cattāro brahmavihāre bhāvetvā. Đây là một

trong vài chỗ ít ỏi trong toàn Kinh Tạng các Nikāya có ghi chữ brahmavihāra đã được dùng để chỉ chung về bốn trạng thái thiền quán này. Nhưng hễ khi nào chữ này được dùng trong các Nikāya, thì lập tức sau nó là câu nói về sự tái sinh của người tu là trong cõi trời brahmā (phạm thiên).] (1186)

1187 [Tôi đọc theo Ce và Ee là asucipaṭipīto, khác với Be ghi là asuci- paṭipīḷito: "bị lấn áp bởi chất ô uế.] (1187)

1188 [Câu này Ce và Ee ghi là: Sace doṇa brāhmaṇo anutuniṃ gacchati, tassa

sā hoti brāhmaṇī n'eva kāmatthā na davatthā na ratatthā, pajatthāva brāhmaṇassa brāhmaṇī hoti. Cách ghi này, như nó có vẻ, là kết nối tiên đề của giả thiết (mục đích sinh đẻ để tiếp nối dòng tộc) với hệ quả của sự lựa chọn (đó là, bà-la-môn chỉ quan hệ với vợ trong mùa người vợ có thể thụ thai). Tôi làm theo gợi ý của nhà sư Brahmāli xóa bỏ cụm chữ sace doṇa brāhmaṇo anutuniṃ gacchati, để phần lời kinh còn lại có nghĩa rõ hơn. Be không có câu hỏi về lý do tại sao bà-la-môn chỉ quan hệ với một phụ nữ vào thời gian người đó thụ thai, nhưng ông ta không quan hệ với phụ nữ trong thời gian cho con bú sữa, với lời kinh là: tassa sā hoti brāhmaṇī n'eva kāmat- thā na davatthā na ratatthā, pajatthāva brāhmaṇassa brāhmaṇī hoti. Có vẻ như trong cách ghi này cách ghi này có một mệnh đề đã bị bỏ mất trong khi biên tập.] (1188)

1189 [Chữ này tôi đọc theo Be và Ee là: pajatthāpi, khác với Ce ghi là: na pa-

jatthāva.] (1189)

1190 [Ngay chỗ này [trong cả 03 phiên bản] tôi nghĩ nên chỉnh lại lại để đọc

cho đúng là "na kevalaṃ bhikkhācariyāya", thay vì "kevalam pi bhikkhācari- yāya".] (1190)

1191 [Kinh này giống kinh SN 46:55 (Quyển 5), ngoại trừ kinh SN có thêm

phần (III) nói về “bảy chi giác-ngộ”.] (1191)

1192 (Về 05 chướng-ngại (ngũ cái) và những cách thoát-khỏi chúng, để tìm

Chú Thích • 321

hiểu và so sánh, mời quý vị đọc lại chú thích bởi Spk trong kinh SN 46:55 (Quyển 5). Còn trong kinh này, luận giảng Mp giải thích như sau:)

- [Mp diễn dịch về sự thoát-khỏi đối với chướng ngại tham-dục bằng 03 cách thoát-khỏi và sự thoát-khỏi đối với khỏi 04 chướng-ngại còn lại bằng 02 cách). (1) Đối với chướng ngại tham-dục: (a) sự thoát-khỏi bằng cách khống chế (vikkhambhana-nissaraṇa) xảy ra thông qua tầng thiền định thứ nhất dựa trên (chủ đề, bản chất) sự không hấp-dẫn của thân; (b) sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (tadaṅganis-saraṇa) thông qua sự minh-sát (thiền quán); và (c) sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch (samuc- chedanissaraṇa) thông qua thánh đạo A-la-hán [diễn dịch theo nghĩa rộng: chữ kāmacchanda là tham-dục đối với bất cứ thứ gì chứ không chỉ riêng tham-dục giác quan (nhục dục)]. (2) Đối với chướng ngại sự ác-ý: (a) sự thoát-khỏi bằng cách khống chế xảy ra thông qua tầng thiền định thứ hai dựa trên tâm-từ, và (b) sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch thông qua thánh đạo Bất-lai. (3) Đối với chướng ngại sự buồn-ngủ và đờ-đẫn: (a) sự thoát-khỏi bằng cách khống chế xảy ra nhờ sự nhận-thức về ánh-sáng [quán tưởng sự sáng, ánh sáng], và (b) sự thoát-khỏi bằng cách tẩy-sạch thông qua thánh đạo A-la-hán. (4) Đối với chướng ngại sự bất-an và hối-tiếc thì: (a) sự hối-tiếc được loại bỏ thông qua thánh đạo Bất-lai; (b) còn sự bất-an được loại bỏ thông qua thánh đâọ A-la-hán. Và (5) đối với sự nghi-ngờ: (a) sự thoát-khỏi bằng cách khống chế thông qua sự tìm hiểu được và định nghĩa được những hiện-tượng (dhammavavatthāna; trạch pháp; coi thêm Vism 587–93, Ppn 18.3–24), (sau khi đã hiểu được thì không còn sự nghi-ngờ), và (b) sự thoát- khỏi bằng cách tẩy-sạch thông qua thánh đạo Nhập-lưu

Lưu ý: Mp không áp dụng “sự thoát-khỏi bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (tadaṅganis-saraṇa) thông qua sự minh-sát” (tadaṅganissaraṇa) đối với 04 chướng-ngại sau, nhưng Mp-ṭ thì nói rằng: điều đó sẽ xảy ra trong đó 04 chướng-ngại có thể bị xua tan nhờ sự quán-chiếu (paṭisaṅkhānavasena tassa vinodetabbatāya tadaṅganissa-raṇampi labbhat’eva).] (1192)

1193 [Mp diễn dịch ý những thuật ngữ này theo chủ thể là Tăng Đoàn. Sự tốt

lành của mình (attattha) là thánh quả A-la-hán, và sự tốt lành của người khác (parattha) là phúc-lợi của những thí chủ tại gia cúng dường giúp đỡ cho Tăng Đoàn [vì sự cúng dường đó tạo ra phước-đức cho họ].] (1193)

322 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

1194 [Mp giải thích những công việc đó là: sau khi thức dậy sớm, ông ta cần

phải xây xong mấy cổng mới, một tháp canh mới, và mấy chỗ thành lũy bị hư cần được tu sửa.] (1194)

1195 [Mp nhận diện ‘Thầy Piṅgiyāni’ trước kia là một bà-la-môn giờ là một

thánh đệ tử đã được thiết lập trong thánh quả Bất-lai (anāgāmiphale patiṭṭhitaṃ ariyasāvakaṃ brāhmaṇaṃ). Việc thường tình ông làm là đến thăm Đức Phật để cúng dường dầu hương và những vòng hoa. Lúc này là lúc ông trở về từ chỗ Đức Phật.] (1195)

1196 [Không rõ vì lý do nào đó ông chỉ đọc ra 04 trong 09 thể loại kinh kệ mà

Phật đã giảng dạy về Giáo Pháp. Có lẽ do ông chỉ được nghe hoặc thông thuộc về 04 thể loại kinh này, hoặc có thể 04 thể loại này thể hiện là những thể loại “gốc” có trước trong số 09 thể loại kinh kệ. (Có 09 thể loại kinh là: kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện thần diệu (thần diệu), và kinh vấn đáp.).] (1196)

1197 [Nguyên văn câu này: Paṭibhātu taṃ piṅgiyānī. Nghĩa đen là: “Hãy chiếu

sáng mình đi, này Piṅgiyānī.”] (1197)

1198 [Trong kinh SN 3:12 (Quyển 1), bài thi kệ này được nói bởi đệ tử tại gia

tên là Candanaṅgalika, người này cũng thốt ra lời như vậy sau khi niềm cảm- hứng dâng trào. Trong bài thi kệ, Aṅgīrasa là một tên gọi thân mật hay tên biệt hiệu của Đức Phật.] (1198)

1199 [Từ chỗ này tới cuối kinh là giống đoạn cuối của kinh 5:143 ở trên.]

(1199)

1200 [Tôi đã thêm vào chữ trong ngoặc [Đây là điềm báo] dựa theo như cách

dùng chữ pubbanimitta của luận giảng Mp để đặc tả ý nghĩa của những giấc mộng. Nhà sư Brahmāli thì gợi ý như vầy: “[giấc mộng] … thể hiện/đại diện cho sự tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng”, với cấu trúc song hành cho những phần tương ứng bên dưới.] (1200)

[Nguyên văn cả câu cuối là: Tassa abhisambodhāya ayaṃ paṭhamo 1201

mahāsupino pāturahosi. Nhà sư Brahmāli cũng lại gợi ý chỗ này là: “Đây là

Chú Thích • 323

mộng lớn thứ nhất vốn hữu ích cho sự giác-ngộ của vị bồ-tát” với cấu trúc song hành cho những phần tương ứng bên dưới. Câu này nghe có vẻ làm nghi ngờ; nhưng Mp không giảng luận chỗ này và cũng không có bản tương đương trong Hán Tạng. Ce và Be ghi chữ tassā thay vì tassa như Ee ghi. Tassā chắc hẳn thể hiện cho chữ “sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng” (sammā sambodhi, chánh đẳng chánh giác) trong câu trước, nhưng sẽ phát sinh câu hỏi là như vậy chữ abhisambodhāya (sự đạt đến sự giác-ngộ; diệu ngộ) trong đoạn các đoạn (2)-(4) là nói về cái gì, trong khi chữ sammā sambodhi không được ghi ra. Tôi nhận thấy câu này sẽ dễ hiểu hơn nếu chúng ta đọc chữ đó là

tassa [trong các đoạn (2)-(4)], coi như nó có nghĩa là "với/ đối với vị ấy", đó là đối với vị Phật sắp thành. Rồi chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ câu đó là sự khẳng định rằng giấc mộng là ám chỉ sự giác-ngộ sắp xảy ra của vị bố-tát.] (1201)

1202 [Trong Ce và Be là: yattha nemittānaṃ cakkhu na kamati [Ee ghi chữ

cuối là na kkhamati]. Bản thân chữ Pāli ở đây đã pha nghĩa ẩn dụ. (Mắt bước tới hay bước qua có lẽ nghĩa là mắt hay tầm nhìn của họ không thể biết tới những cản trở đó).] (1202)

1203 ["Tu sĩ đức hạnh" là tạm dịch chữ pabbajitā. Trong những kinh khác, tôi

thường dịch nghĩa chữ pabbajita là "người đã xuất gia" và có khi dịch luôn là "tu sĩ, nhà sư". Nhưng ở đây, để tránh sự nặng nề của cụm danh từ "những tu sĩ đức hạnh là những người đã xuất gia" (nếu dịch cho hết nghĩa) và để có được nghĩa trung dung về giới-tính, tôi dịch chung bằng danh từ chung ngắn gọn là "những tu sĩ đức hạnh". Chữ "nhà" ở đây dịch chữ kula, vốn có nghĩa là "gia đình", nhưng trong ngữ cảnh này dịch là "nhà" cho dễ truyền tải ý nghĩa của lời kinh.] (1203)

1204 ["Năm yếu tố của (làm nên) sự thoát-khỏi" là dịch chữ "nissāraṇīyā

dhātuyo". Mp giải thích nghĩa chữ nissāraṇīya là = visaṃyutta (tách ly, tách rời) và chữ dhātuyo là = attasuññasabhāvā (bản chất không có cái 'ta', một bản chất vô ngã, một sự hiện-hữu không có ngã).] (1204)

1205 [Mp chú giải rằng: "Sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định (dựa trên chủ

đề) về một đối-tượng không hấp dẫn, người đó gửi tâm theo hướng những dục-lạc với mục đích điều tra để biết chúng, giống như một người có thể

dùng thuốc giải độc với mục đích điều tra một chất độc." Mp-ṭ thì nói rằng: "Một Tỳ kheo như vậy không phải là chú-tâm (tác ý) tới những dục-lạc theo cái nghĩa [người đó bị dính] bởi ô-nhiễm đó. Thay vì vậy, người đó chú-tâm để điều tra để biết lý do: 'Tâm của ta giờ đã được cố định trong sự từ-bỏ (ly dục). Vậy tại sao những ý nghĩ nhục-dục còn khởi sinh?'"] (1205)

1206 [Mặc dù trong cả 3 phiên bản đều ghi chữ vimuccati, nhưng Mp giải

thích chữ này là đồng nghĩa adhimuccati. Chữ adhimuccati có nghĩa rõ hơn đối với tôi. Những phiên bản chép tay, cũng như những phiên bản in giấy sau này, cho thấy những sự biến tấu bất thường này giữa 02 cách ghi trong các bộ kinh Nikāya.] (1206)

1207 [Tôi đọc theo Ce và Be là sugataṃ, khác với Ee ghi là sukataṃ. Chữ đầu

được sự ủng hộ của luận giảng Mp, Mp chú giải rằng: "được khéo bỏ-đi bởi vì nó đã đi vào đối-tượng" (gocare gatattā suṭṭhu gataṃ). Tuy nhiên, tôi vẫn tin rằng nghĩa của chữ sugataṃ ở đây là cái tâm đã (bỏ) đi khỏi ô-nhiễm đó, nó gắn chặt (chú hướng, chú định, tập trung vào) hơn vào ý niệm (tác ý) thoát-ly (nissaraṇa).] (1207)

1208 [Nguyên văn câu này: Na so taṃ vedanaṃ vediyati. Mp giải nghĩa là:

“Người đó không cảm nhận cảm-giác nhục dục hay cảm-giác khổ sở và sốt não đó.”] (1208)

1209 [Be và Ee ghi là veḷuvane; Ce ghi là niceluvane. Mp (của Be) có chữ

niculavane trong bổ đề, và được giải thích là đồng nghĩa mucalindavane. Cả PED và SED đều ghi nicula là một loại cây (giống như cây nước mặn mà ở nước ngọt?) và được nhận dạng tên khoa học là Barringtonia acutangula: cây lộc vừng.] (1209)

1210 [Ở đây từ các chữ của lời kinh khó định rõ được phần vấn-đáp của Kim-

bila và Đức Phật là nói chung về những điều-kiện làm cho giáo lý của những vị Phật biến mất hay là nói riêng về những điều-kiện làm cho giáo lý của Đức Phật (Thích-Ca) sẽ biến mất (sau khi Phật Thích-Ca qua đời). Mp dường như ủng hộ nghĩa đầu. Mp luận giải rằng Kimbila đã từng là một Tỳ kheo trong của Đức Phật Kassapa (Ca-diếp) trong Phật kiếp trước, và ở vào cái thời mà giáo lý của vị Phật đó đang bị sa sút (thời mạt pháp). Giờ trong kinh

này thầy ấy đã hồi tưởng lại thời kiếp quá khứ đó và muốn tìm hiểu từ Đức Phật hiện tại (Thích-Ca) về nguyên nhân gây ra sự sa sút của Giáo Pháp trong thời kiếp trước. Nhà sư Brahmāli đã không đồng tình với tôi về điều này, và thầy ấy viết rằng: “[Bản dịch] này có vẻ như cho rằng Kimbila chỉ đang suy nghĩ những điều thuộc thế gian vũ trụ, về những Như Lai như một loại chúng-sinh. Nhưng đối với tôi có lẽ thầy ấy chỉ đang đặc biệt quan tâm đến điều gì sẽ xảy ra sau khi Đức Phật Thích-Ca qua đời mà thôi.”] (1210)

1211 [Đây chính là kinh 4:112 được mở rộng thêm “sự thanh thoát”.] (1211)

1212 [Giống kinh MN 16, mục 2–7.] (1212)

1213 [Cetokhila: sự cằn-cỗi của tâm. Trong bộ kinh MN, chữ cetokhila được

dịch là “sự hoang-dại trong tâm” nghe không thỏa đáng. Theo DOP, khila có nghĩa là “đất cằn cỗi; đất cứng, khô cằn”, và “[chỉ tính chất của tội lỗi trong suy nghĩ của một người] sự cằn cỗi, sự không trồng trọt được; sự cứng trơ, thô bạo, hung tính, cương ngạnh”. Mp giải thích là: “sự cứng trơ, thứ vứt bỏ, phần chết trơ của cái tâm” (cittassa thaddhabhāvā kacavarabhāvā khāṇukabhāvā).] (1213)

1214 [Giống kinh MN 16, mục 8–12.] (1214)

1215 [Cetaso vinibandhā: sự trói-buộc của cái tâm; (trong kinh MN 16, mục

8–12 dịch là cái-còng trong tâm). Mp giải nghĩa là: “Chúng nắm chặt cái tâm sau khi đã xiết chặt nó như trong nắm tay, do vậy chúng được gọi là ‘những sự trói-buộc của cái tâm’ (cittaṃ vinibandhitvā muṭṭhiyaṃ katvā viya gaṇhantī ti cetaso vinibandhā).] (1215)

1216 [Nguyên văn là: dantakaṭṭhassa akhādane, nghĩa đúng là: “nếu không

nhai gỗ chà răng”. Thời Đức Phật, người ta làm sạch răng bằng cách lấy những cây tăm gỗ chà răng; tăm gỗ là loại làm từ gỗ mềm cây dược liệu như cây neem ở Ấn Độ (tức cây sầu đâu ở Việt Nam), làm nhọn và tua tủa một đầu giống như lông bàn chải. Cách này hiện nay vẫn còn được dùng ở vùng thôn quê Ấn Độ cũng như trong những tu viện ở những xứ Nam Á.] (1216)

1217 [Nguyên văn câu này: Āyatakena gītassarena dhammaṃ bhaṇantassa.

Vin II 108,5–25 có kể về câu chuyện gốc dẫn tới việc Phật đã đưa ra điều

luật cấm tụng giảng thuyết pháp bằng ngữ điệu kéo dài ê a như kiểu đang ca điệu một bài hát.] (1217)

1218 [Nguyên văn câu này: Muṭṭhassatissa asampajānassa niddaṃ okkamaya-

to. Cũng có ghi ở Vin I 295,14–24.] (1218)

1219 [“Bị cắt khỏi đường ra” là tạm dịch tắt chữ chinnaparipantho. Mp giải

nghĩa là người đó bị cắt khỏi đường hướng thoát khỏi thế gian (siêu thế) (lokuttaraparipanthassa chinnattā chinnaparipantho); nhưng cũng có thể câu này có nghĩa là: sau khi phạm một trọng tội pārājika, tội bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn, thì người đó không còn đường nào để duy trì danh phận một Tỳ kheo nữa.] (1219)

1220 [Nguyên văn câu này: Aññataraṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpajjati. Câu này

nghĩa có thể người đó phạm loại tội nặng nhất (pārājika) hay tội nặng nhì (saṅghādisesa, tăng tàn), nhưng tội nặng nhất mới được nói ở (1) rồi, nên câu này chắc nói đến tội nặng nhì (saṅghādisesa, tăng tàng).] (1220)

1221 [Verabahulo: có nhiều sự thù ghét, nhiều thù hận. Mp: “Người có nhiều

thù hận, theo cả hai nghĩa: vừa có nhiều kẻ thù và vừa có nhiều sự thù ghét bất thiện [trong tâm mình]” (puggalaverenapi akusalaverenapi bahuvero).] (1221)

1222 [Không dễ gì ‘bắt được’ và chuyển dịch cho trọn vẹn chính xác nghĩa của

chữ pasīdati [qua ngôn ngữ dịch]. Chữ “tin tưởng, có niềm tin” thông thường có nghĩa là “bình tĩnh và tự tin”, nhưng đây không phải nghĩa lời kinh muốn nói. SED đưa ra những nghĩa trong tiếng Phạn là pra-sad, pra-sīdati: “lắng xuống, được rõ và sáng, trở nên bình lặng hay tĩnh lặng; … được thỏa ý, hay được vừa ý, hay vui mừng”. SED diễn dịch động từ tác nhân pra-sādayati là: “làm rõ, làm trong sạch; làm tĩnh lặng, làm vui lòng; làm tĩnh tại, làm dịu, xoa dịu, làm an lòng”. Trong những nghĩa này, nghĩa “làm vui lòng, làm vừa ý” có phần nào ‘bắt được’ sự tác động của cách hành-xử khích lệ niềm-tin [pāsādika] của một người đối với những người khác; sự “được làm vui lòng” hay “được vừa ý” là cách người ta phản ứng lại với cách hành-xử đó của mình. Nhưng cách hành-xử như vậy cũng đánh thức sự tin-tưởng của người khác về mình, (họ sẽ coi

mình) như một người được thanh lọc về tâm linh và

Chú Thích • 327

nó cũng khích lệ niềm-tin vào giáo pháp mà họ đang theo. Như vậy, cách hành-xử như vậy sẽ "khích lệ niềm-tin" bên trong người khác. Khi hành vi hay thái độ của một người thể hiện một cách phản ánh về bản thân mình, thì người đó "trở nên tĩnh lặng [hay bình lặng]", đây có thể là cách tốt nhất để diễn dịch nghĩa của động từ pasīdati.] (1222)

1223 [Madhurā là thủ đô của bang Surasena, nằm bên bờ sông Yamunā ở miền

bắc Ấn Độ. Sau đó nó trở thành một trung tâm quan trọng của những người theo nhánh phái Nhất Thuyết Hữu Bộ (Mūlasarvāstivāda/ Mūlasarvāstivādin). Lời kinh thể hiện như Đức Phật không thích nơi này, do vậy người ta có thể thắc mắc liệu có thể bài kinh này đã được 'chêm' vô bởi những người theo phái Phân Tích Bộ (Vibhajjavāda/ Vibhajjavādin) để bôi bác những trung tâm của nhánh phái đối thủ của họ.] (1223)

1224 [Nguyên văn: dīghacārikaṃ anavatthacārikaṃ. Mp giải nghĩa chữ anavatthacārikaṃ là avavatthitacārikaṃ: có lẽ nghĩa là "sự du hành không định đích, vô định, không mục đích". Ngược là chữ samavatthacāre trong đoạn dưới, nghĩa là "sự du hành có định đích, được phân thành những chặng đều nhau".] (1224)

1225 [Bốn tội đầu là thuộc hạng những tội nặng nhất: tội Pācittiya 46, 45, 44,

và 7. (Về tội thứ năm, việc cấm các Tỳ kheo chỉ dạy riêng cho một phụ nữ quá năm sáu câu có lẽ cũng vì mục đích phòng ngừa sự tiếp xúc riêng tư có thể làm khởi sinh nhục dục giới tính trong mộ Tỳ kheo).] (1225)

1226 [Về những tội ô-nhiễm, mời coi thêm chú thích thứ sáu ở kinh 8:51, chú

thích (1089). (Tội ô-nhiễm là từ chung để chỉ những tội nặng nhất (ba-la-di) và tội nặng nhì (tăng tàn)).] (1226)

1227 [Nguyên văn là: ussūrabhatte kule. Chữ ussūra có gốc từ chữ Phạn là

utsūra [SED dịch nghĩa là: "thời gian lúc mặt trời lặn, buổi cuối chiều"). Mp giải nghĩa là: "một bữa cơm nấu trễ trong ngày" (atidivāpacanabhatte).] (1227)

1228 [Nguyên văn là: samayabhatte kule. Để có thể cúng dường thức-ăn cho

những tu sĩ và bà-la-môn thì bữa ăn nên được nấu xong và có sẵn trước giữa trưa (giờ ngọ), vì những người tu "kiêng cữ ăn ngoài thời gian quy định" (tức

328 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 5

không ăn phi thời, không ăn sau giờ ngọ).] (1228)

1229 [Để ý lời kinh chỗ này mang đậm tính trọng nam khinh nữ trong bối cảnh

lịch sử Ấn Độ cổ. Người đọc có thể phân phân không biết những lời kinh này có thể do người kết tập đưa vào hay không. Thầy TKBĐ có phân tích và nhận định về tư tưởng 'khinh nữ' trong một số kinh thuộc bộ kinh AN này; ở phần giới thiệu bản dịch tiếng

Anh của AN, trang 60-61.] (1229)

1230 [Vì 02 sự nguy-hại đầu thì đã rõ nghĩa nên đoạn cuối không cần giải

thích.] (1230)

1231 [Nguyên văn câu cuối: Dhammadassane niveseti. Mp diễn dịch: "Người

đó thiết lập họ trong sự nhìn-thấy Giáo Pháp là Bốn Diệu Đế.] (1231)

1232 [Câu này: Arahaggataṃ āyasmanto satiṃ upaṭṭhāpetha. Mp giải nghĩa

là: "Thiết lập sự tôn trọng đối với ba cơ-sở [niềm tin], chỉ quy y [nương tựa] theo Tam Bảo, đó là nơi xứng đáng nhất trong tất cả những nơi đáng tôn vinh." Trong các kinh có khi dùng thêm chữ āyasmanto (các vị đáng kính, đáng tôn) là chữ một Tỳ kheo dùng để gọi những người tại gia. Rõ ràng chữ này có thể được dùng để gọi bất kỳ ai đáng tôn trọng, chứ không chỉ dùng để xưng hô với các Tỳ kheo, nhà sư.] (1232)

1233 [Đây là một trong những hình phạt cho những Tỳ kheo phạm một tội

nặng nhì (tội tăng tàng, saṅghādisesa).] (1233)

1234 [Những dấu chấm lửng trong nguyên bản tiếng Pāli có thể tạo cho chúng

ta ấn tượng rằng: ở điều (3) và (4) người thành tín đó cũng mất lòng tin vào những Tỳ kheo khác. Người đó không chỉ mất lòng tin vào những Tỳ kheo phạm tội và bị phạt, mà người đó cũng mất lòng tin vào những Tỳ kheo bỏ đi phương khác (có lý do hoặc không rõ lý do, ví như: không chịu được điều- kiện sống ở xứ đang lưu trú, hoặc do mích lòng với sư thầy, sư huynh, hay sư đệ; hoặc có thể bỏ đi theo các giáo phái khác …) và những Tỳ kheo bỏ tu hoàn tục. Nhưng điều thứ (5) nếu hồi xét thì cũng thuộc dạng điều (3) và (4), tức cũng không phải do phạm tội và bị phạt. Nhưng ở đây có khác là người đó chỉ có lòng-tin đối với một thầy tu duy nhất trong Tăng đoàn ở đó, nên sau khi vị thầy đó bỏ đi hay qua đời, người đó cũng không muốn gặp gỡ những Tỳ kheo nào khác.] (1234)

Chú Thích • 329

1235 [Từ NHÓM này trở về sau không còn có những phần thi kệ tóm tắt

(uddāna) các tên các bài kinh (thông thường các tên của các kinh được tóm tắt ghi trong một bài thi kệ ở cuối nhóm, mục đích để cho người đọc tụng truyền nhớ được các tên kinh dễ dàng hơn). Do vậy tôi dịch tên các kinh dựa theo câu đầu tiên của mỗi kinh trong phiên bản Ce.] (1235)

1236 [Có nhiều công thức "năm phẩm-chất" cho phép một Tỳ kheo có thể cấp

đại thọ giới (cụ túc giới), cấp sự nương-dựa (sở y chỉ), hay được có sa-di làm hầu cận (thị giả); mời coi trong Luật Tạng, Vin I 62–65.] (1236)

1237 (Như chú thích ở đoạn (2), kinh 5:79 ở trên:) ["Sự nương-dựa" là tạm

dịch chữ nissaya. Ở đây, một thủ tục theo Luật Tạng, là một Tỳ kheo nhỏ tuổi (tuổi hạ) cần tập sự bản thân dựa theo một Tỳ kheo trưởng lão thiện thạo, thông thường vị đó là vị thầy hướng dẫn (sư phụ, sư huynh; y chỉ sư) của người đó. Thủ tục tương tự đối với những Tỳ kheo ni. Giai đoạn nissaya (nương-dựa vào vị y chỉ sư) thường là 05 năm sau khi vị Tỳ kheo trẻ đã thụ đại thọ giới (toàn-bộ giới Tỳ kheo; cụ túc giới), nhưng thời gian cũng có thể nhiều hơn trong trường hợp Tỳ kheo tập sự đó (y chỉ đệ) cần có thêm nhiều thời gian mới đạt tới sự thiện giỏi. Về chi tiết, đọc thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007a: 29–40.] (1085)] (1237)

1238 [Chữ này Ce và Ee ghi là patikiṭṭhaṃ. Be ghi là paṭikuṭṭham, là quá khứ

phân từ của chữ paṭikkosati.] (1238)

1239 [Ở đây tôi làm theo cách sắp xếp của Be và Ee. Còn Ce thì đặt tất cả hai

mẫu (không dẹp bỏ và sau khi dẹp bỏ) nói về bốn tầng thiền định trước, sau đó mới tiếp tục dồn hai mẫu nói về bốn thánh quả.] (1239)

1240 [Tựa đề nguyên văn là: Vaggātirekasuttāni. Đây là tựa đề mà Ce đã đặt

cho toàn bộ phần kết cuối này. Be không đặt tên tựa đề chung cho phần cuối này mà chỉ xếp những kinh thêm này thành ba NHÓM “Tóm Lược & Lặp Lại” và đánh số các nhóm là 1,2, và 3. Trong đó, NHÓM 1 nói về bài kinh đầu tiên trong mỗi dãy kinh, được gọi là được gọi là Nhóm Sammutipeyyālaṃ (Dãy kinh tương đồng tóm lược & lặp lại). Tôi dùng cả hai tựa đề của Ce và cả những tựa đề của từng NHÓM kinh trong Be. Ee thì không đặt tựa đề riêng nào cho cả phần này, cũng không có tựa đề riêng cho mỗi NHÓM

kinh.] (1240)

1241 [“Người phân những phần ăn” là dịch chữ bhattuddesaka (thấy thầy

Minh Châu dịch là “tri phạn”). Coi thêm Luật Tạng Vin II 175,36–76. Những thủ tục bổ nhiệm những tăng chức trong Tăng Đoàn và những phận sự cụ thể của họ cũng được giảng giải chi tiết bởi nhà sư Ṭhānissaro, trong Ṭhānissaro 2007b: 323–57.] (1241)

1242 [Tôi dịch chỗ này theo Be và Ee. Bản dịch từ Ce thì ghi là: “Này các Tỳ

kheo, người có năm phẩm-chất không nên được cử làm một người phân những phần ăn. Nếu người đó được cử, thì người đó không nên được gửi đến (được triệu tập).”] (1242)

1243 [“Người phân (cấp) những chỗ-ở” là dịch chữ senāsana-paññāpaka. Về

những phẩm-chất (cần có) của người này, coi Luật tạng Vin II 176,9–14. Những phận sự của [Tỳ kheo Dabba Mallaputta là] một senāsana- paññāpaka cũng được mô tả trong Luật tạng Vin III 158–60.

- Những phẩm-chất của những tăng chức khác trong Tăng Đoàn cũng được giải thích trong những chú thích tiếp theo bên dưới [trừ chú thích kế tiếp], và cũng được mô tả lần lượt trong Luật tạng Vin II 176–77.] (1243)

1244 ["Người chỉ định (giao) những chỗ-ở" là dịch chữ senāsana-ggāhāpaka.

Chức danh này không thấy có (hay đã bị lược bỏ) trong phiên bản Ee. Đối với tôi cũng không rõ sự khác nhau giữa chức danh này và chức danh kế trên. Theo nhà sư Ṭhānissaro cũng quan sát và nói rằng [trong Ṭhānissaro 2007b: 340]: "Các Rỗ Kinh có đưa ra 02 loại tăng chức phụ trách về những chỗ-ở: người phân (cấp) những chỗ-ở (senāsana-paññapanaka) và người chỉ định (giao) những chỗ-ở (senāsana-gāhāpaka). Trong các Rỗ Kinh cũng như những luận giảng đều không có phân biệt rõ về sự khác nhau về phận sự của 02 chức danh này."] (1244)

1245 [Nguyên văn điều thứ ba này: abrahmacārī hoti. Mặc dù các giới này dựa

trên khuôn mẫu "năm-giới" của đệ tử tại gia, những điều thứ ba [không tà- dâm tà dục] đã được sửa lại theo nghĩa rộng hơn và nhấn mạnh hơn về giới- hạnh "sống độc-thân" của tăng và ni; (tức cấm cả tà dâm và chính dâm).] (1245)

1246 [Nguyên văn điều thứ ba này: abrahmacariyā paṭivirato hoti.] (1246)

1247 [Kāmesu micchācārinī: tà-dâm, sự quan hệ tính dục bất chính; kāmesu

micchācāra: kiêng cữ tà-dâm tà dục, còn chánh-dâm vợ chồng thì được phép. Còn đối với người xuất gia thì giới thứ ba này được mở rộng thành cấm tất cả mọi sự dâm-dục, đó là nghiêm giữ sự (hạnh) sống độc-thân.] (1247)

1248 [Ājīvaka là một giáo phái là có cùng thời Đức Phật. Đạo sư Makkhali

Gosāla được coi là người sáng lập giáo phái, hoặc nếu không, ông là một trong những vị sư thầy nổi bật ảnh hưởng nhất của giáo phái đó. Những bài kinh này chỉ đưa ra những điều-kiện khiến những tu sĩ ngoại đạo bị đọa địa ngục, chứ không nói về những điều giúp họ được tái sinh trên cõi trời.] (1248)

1249 [Đối với những danh từ māgandika … tedaṇḍika … āruddhaka … gota-

maka … devadhammika, Mp chỉ nói đó là những loại tu sĩ các giáo phái khác, những người ngoại đạo (titthiyā). Tôi không chắc chữ nào trong các danh từ này chỉ rõ giáo phái nào và chữ nào chỉ về một cách thực hành nào. Do vậy, tôi viết hoa chữ cái đầu của các danh từ (như Ājīvaka, Nigaṇṭha) để chỉ rõ những giáo phái đã có vào đương thời Đức Phật.] (1249)

1250 [Be đánh số kinh cuối cùng là 1151, nhưng đúng ra thì tổng số các bài

kinh trong NHÓM "Tóm Lược & Lặp Lại" này là 850, bao gồm: 05 phần nhân với "05-điều" = 25 điều [nhận-thức về sự không hấp-dẫn … năng lực trí-tuệ] rồi nhân cho 10 loại sự chứng-ngộ [sự trực-tiếp biết, sự hoàn-toàn hiểu … sự từ-bỏ] đối với từng mỗi loại ô-nhiễm [17 ô-nhiễm: tham, sân, si … sự lơ-tâm phóng dật]. Do vậy, tính bắt đầu từ

kinh 5:303 thì kinh cuối cùng sẽ có số là 1152 (NHÓM 3 có tổng số 850 bài kinh).] (1250)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.